

# SÁCH



Tác giả:  
**Trù Mê Tín**

**TỦ SÁCH TỬ VI LÝ SỐ**  
<http://www.tuvilyso.com>

## MỤC LỤC

Hình thức lá số tử vi.....	2
Nguyên Tắc Lập Lá Số Tử Vi .....	7
Giải thích cục số.....	47
Nguyên tắc an sao lưu .....	49
Vài Nhận Định Về Cung Vô Chính Diệu .....	52
Chính Tinh Phú Giải .....	58
Phụ Tinh Phú Giải .....	150
Ân Quang và Thiên Quý.....	253
Cô Thần và Quả Tú.....	259
Đào Hoa, Hồng Loan, Thiên Hỉ (Đào Hồng Hỉ).....	264
Kình Dương và Đà La.....	293
Long Trì và Phượng Các.....	308
Lộc Tồn (Thiên Lộc).....	318
Tả Phụ và Hữu Bật .....	336
Tam Thai và Bát Tọa .....	340
Thai Phụ và Phong Cáo .....	347
Thái Âm và Thái Dương.....	352
Thiên Khôi và Thiên Việt .....	355
Thiên Không.....	357
Thiên Mã.....	365
Thiên Quan và Thiên Phúc.....	384
Tiểu Hao và Đại Hao (Song Hao) .....	391
Tứ Đức (Nguyệt Đức, Thiên Đức, Phúc Đức, Long Đức).....	405
Tuần và Triệt .....	409
Văn Xương và Văn Khúc.....	417
Vòng Bác Sĩ.....	446
Vòng Lộc Tồn.....	473
Vòng Thái Tuế.....	476
Vòng Tràng Sinh .....	483

## Phần 1 – LÁ SỐ TỬ VI

### Hình thức lá số tử vi

Lá số Tử Vi được chia làm 12 cung, mỗi cung mang tên gọi theo địa chi, được phân âm dương, ngũ hành, phương hướng, màu sắc, thời tiết và mang tên các quẻ khác nhau. Như vậy sự phân định trên từ đâu mà có? Sau đây là vài giả thuyết giải thích:

Phân định âm dương cung: tên của cung thì được đặt tên bằng 12 địa chi thành ra âm dương cung cũng có thể xác định bằng cách mang tính âm dương của địa chi

Phân định ngũ hành của cung, phương hướng và màu sắc: ngũ hành và phương hướng của cung và màu sắc trên lá số thì phù hợp với Hà Đồ. Trong Hà Đồ ta có:

Thủy (số 1, 6) ở phương Bắc mang hành Thủy, màu đen

Hỏa (số 2, 7) ở phương Nam mang hành Hỏa, màu đỏ

Mộc (Số 3, 8) ở phương Đông mang hành Mộc, màu xanh

Kim (Số 4, 9) ở phương Tây mang hành Kim, màu trắng

Thổ (số 5, 10) ở Trung Ương mang hành Thổ, màu vàng

Điểm khác biệt là trên Thiên Bàn thì Thổ tại Trung Ương của Hà Đồ được đưa ra bốn góc đặt xen kẽ với các hành Thủy Hỏa Mộc Kim.

Ta không cho rằng ngũ hành cung xuất phát từ Lạc Thư vì theo Lạc Thư thì:

Số 1 - 6 thuộc Thủy ở hướng Bắc

Số 3 - 8 thuộc Mộc ở Đông

Số 5 thuộc Thổ ở giữa

Số 2 - 7 thuộc Hỏa ở Nam của Hà Đồ chuyển qua Tây

Số 4 - 9 thuộc Kim ở Tây của Hà Đồ được chuyển qua Nam nghĩa là không có sự phù hợp ngũ hành: hành Hỏa tại hướng Tây và Kim tại hướng Nam

Vì có 12 cung nên có lẽ để cho phù hợp với 12 cung ta gán ghép âm dương số trên Hà Đồ với âm dương của chi, thành ra:

Thủy (1, 6) tại phương Bắc gán cho chi Tí (1) Hợi (6)

Hỏa (2, 7) tại phương Nam gán cho chi Tỵ (2) Ngọ (7)

Mộc (3, 8) tại phương Nam gán cho chi Dần (3) Mão (8)

Kim (4, 9) tại phương Tây gán cho chi Thân (9) Dậu (4)

Thổ (5, 10) tại Trung Ương gán cho chi Thìn Tuất (5), Sửu Mùi (10)

Như vậy trên lá số ta có:

2	7	10	9
5			4
8			5
3	10	1	6

Đương nhiên đây chỉ là một cách giải thích trong nhiều cách giải thích. Với cách giải thích này thì chúng ta có thể giải thích thêm tại sao cung Dần là Dương Mộc mà không là Âm Mộc hay Âm Hỏa.

Phân định vị trí các đơn quẻ trên Thiên Bàn: nhìn vào vị trí các đơn quẻ sắp xếp trên Thiên Bàn thì ta thấy các đơn quẻ này xuất phát từ Hậu Thiên Bát Quái. Theo thứ tự sắp xếp thì:

Càn 1 Khảm 2 Cấn 3 Chấn 4 Tốn 5 Li 6 Khôn 7 Đoài 8

Khảm là Nước, hành Thủy, đặt ở chính Bắc (cung Tí), mùa Đông, nửa đêm, khí hậu lạnh

Chấn là Sấm, đặt ở chính Đông (cung Mão), Tốn là Gió, đặt ở Đông Nam. Chấn và Tốn ở Phương Đông, vùng giáp biển cả, cây cỏ xanh tốt nên thuộc Mộc

Li là Lửa, hành Hỏa, đặt ở chính Nam (cung Ngọ), mùa Hạ, giữa trưa, khí hậu nóng

Càn và Đoài ở Phương Tây, có nhiều núi non hàm mỏ kim khí nên thuộc Kim.

Cấn là Núi đặt ở Đông Bắc và Khôn ở Tây Nam là hai nơi có nhiều cao nguyên và núi lớn, đều là đất nên thuộc Thổ

Nhìn vào ngũ hành của Hậu Thiên Bát Quái ta có thể giải thích ngũ hành cung theo sự kết hợp của Hậu Thiên Bát Quái và Lạc Thư trong một đồ hình như sau:

Khảm Thủy, đặt ở chính Bắc (1)

Cấn Thổ, đặt ở Đông Bắc

Chấn Mộc, đặt ở chính Đông (cung Mão) (3)

Tốn Mộc, đặt ở Đông Nam

Li Hỏa, đặt ở chính Nam (cung Ngọ) (9)

Khôn Thổ, đặt ở Tây Nam

Đoài Kim, đặt ở chính Tây (cung Dậu) (7)

Cần Kim, đặt ở Tây Bắc

Về phương hướng thì trong Lạc Thư:

Số 1 - 6 ở hướng Bắc

Số 3 - 8 ở Đông

Số 5 ở giữa

Số 2 - 7 thuộc ở Tây

Số 4 - 9 thuộc ở Nam

Kết hợp âm dương chi với âm dương số của Lạc Thư và ngũ hành của Hậu Thiên Bát Quái thì:

Tí (1) Hợi (6) hành Thủy

Dần (3) Mão (8) hành Mộc

Tỵ (4) Ngọ (9) hành Hỏa

Thân (2) Dậu (7) hành Kim

Thìn Tuất Sửu Mùi là do số 5 Thổ ra ngoài vận hành nên hành Thổ. Sửu thuộc Cần Thổ, Mùi thuộc Khôn Thổ.

Như vật trên lá số ta có

4 9 5 7

5 2

8 5

3 5 1 6

Đương nhiên đây cũng là một cách giải thích dựa vào phỏng đoán với quan điểm Hà Đồ thuộc về lí Thái Cực, vô hình, Lạc Thư thuộc về Khí Vũ Trụ, hữu hình. Hà Đồ là Thể, Lạc Thư là Dụng, Tiên Thiên Bát quái thì nói về vũ trụ tạo hóa, còn Hậu Thiên Bát Quái thì nói về vận vật con người

Phân định vị trí của trùng quái trên Thiên Bàn: sử dụng trùng quái của Tiên Thiên Bát Quái

Trong 64 trùng quái thì có 12 trùng quái chính biểu thị cho qui luật Doanh Hư Tiêu Trưởng, Thành Thịnh Suy Hủy, Dương Thăng Âm Giáng, Tiêu Trưởng, Thuận Nghịch, Tiến Thoái trong sự chuyển hóa của Âm Dương. Mười Hai quẻ này được đặt trong Thiên Bàn, hòa hợp với 12 năm, 12 tháng, 12 giờ, 12 Địa Chi, và bốn Phương tám Hướng, Tứ Thời (Xuân Hạ Thu Đông), Thập Nhị Tiết:

Quẻ Phục (Địa Lôi Phục) ở Tí, một vạch Dương ở dưới, là thời kỳ Dương bắt đầu sinh (Nhất Dương sinh. Cực Âm thì Dương sinh). Phục có nghĩa là trở lại, là Dương đã bắt đầu trở lại. Đặt ở giờ Tí, tháng 11, phương Bắc rất lạnh, tiết Đông Chí giữa Mùa Đông.

Quẻ Lâm (Địa Trạch Lâm) ở Sửu, hai vạch Dương ở dưới, là thời kỳ Dương bắt đầu thịnh, Âm bắt đầu suy. Lâm có nghĩa là đến, đã tới, ra mặt, Dương đã đủ góp mặt rồi, đó là Dương tiến Âm thoái, Dương thịnh Âm suy, Dương trưởng Âm giáng. Đặt ở giờ Sửu lúc mặt trời bắt đầu đang lên (Dương tiến), tháng 12, phương Đông Bắc (thiên Bắc), tiết Tiểu Đại Hàn, cuối mùa Đông đã bớt lạnh (Âm thoái)

Quẻ Thái (Địa Thiên Thái) ở Dần, ba vạch Dương ở dưới và ba vạch Âm ở trên, là thời kỳ Âm Dương quân bình. Thái có nghĩa là hanh thông. Dương thì nhẹ lại ở dưới nên bốc lên trên, Âm thì nặng ở trên hạ xuống dưới nên Âm Dương tiếp xúc, Âm Dương quân bình. Đặt ở giờ Dần lúc mặt trời đang lên, tháng 1, phương Đông Bắc (thiên Đông), tiết Lập Xuân, đầu mùa Xuân tiết trời bắt đầu ấm áp, cây cỏ tốt tươi

Quẻ Đại Tráng (Lôi Thiên Đại Tráng) ở Mão, bốn vạch Dương ở dưới, hai gạch Âm ở trên, là thời kỳ Dương thịnh, Âm suy. Đại Tráng là lớn mạnh, rất lớn, Dương đã lớn mạnh hơn Âm. Đặt ở giờ Mão, phương Đông, tháng 2, ứng với tiết Xuân Phân, giữa mùa Xuân, tiết trời âm áp trong sáng

Quẻ Quải (Trạch Thiên Quải) ở Thìn, năm vạch Dương ở dưới, một gạch Âm ở trên, là thời kỳ Dương thịnh, Âm cực suy, sắp biến. Quải là quả quyết, dứt bỏ, Dương đã quyết dứt bỏ một Âm nằm một mình ở trên. Đặt ở giờ Thìn, tháng 3, phương Đông Nam (thiên Đông), tiết Thanh Minh, cuối mùa Xuân, tiết giao mùa, sắp sang mùa Hạ, tiết trời bắt đầu trở nên nóng nực, khí hậu bước sang mùa nắng nóng

Quẻ Càn (Càn Vi Thiên, Bát Thuần Càn) ở Tỵ, sáu vạch Dương, Toàn Dương, là thời kỳ Dương cực thịnh, Âm đã biến mất. Càn là Trời, tính cương kiện. Khí Dương cực thịnh. Đặt ở giờ Tỵ, tháng 4, phương Đông Nam (thiên Nam), tiết lập Hạ, đầu Mùa Hạ, tiết trời bắt đầu sang Hạ, nóng bức

Quẻ Cấu (Thiên Phong Cấu) ở Ngọ, một vạch Âm ở dưới, là thời kỳ Dương đã cực nên Âm bắt đầu sinh ở dưới. (Nhất Âm Sinh. Dương cực thì Âm sinh), năm gạch Dương ở trên. Cấu là gặp gỡ. Âm đã bắt đầu tới gặp Dương. Đặt ở giờ Ngọ, tháng 5, phương Nam, ứng với tiết Hạ Chí

Quẻ Độn (Thiên Sơn Độn) ở Mùi, hai vạch Âm ở dưới, bốn gạch Dương ở trên, là thời kỳ Âm bắt đầu thịnh, Dương bắt đầu suy, Âm trưởng, Dương giáng.

Độn là lần trốn, trốn tránh, Dương đã lần trốn, bót đi rồi. Đặt ở giờ Mùi, tháng 6, phương Tây Nam (thiên Nam), tiết Tiểu Đại Thử, cuối Mùa Hạ

Quẻ Bĩ (Thiên Địa Bĩ) ở Thân, 3 vạch Âm ở dưới và 3 vạch Dương ở trên, tuy Âm Dương quân bình nhưng Dương ở trên cứ bốc lên, Âm ở dưới lại hạ xuống nên Âm Dương không gặp nhau nên bế tắc. Bĩ là bế tắc. Đặt ở giờ Thân, tháng 7, phương Tây Nam (thiên Tây) tiết Lập Thu, đầu Mùa Thu, tiết trời trở nên mát mẻ với sự ủa vàng của cây cỏ

Quẻ Quán (Phong Địa Quán) ở Dậu, bốn vạch Âm ở dưới, hai gạch Dương ở trên, là thời kỳ Âm trưởng Dương tiêu, khí Âm thịnh lấn át khí Dương. Quán là xem xét, Dương phải xem xét hoàn cảnh không hay (đang suy giảm) của mình mà lo liệu. Đặt ở giờ Dậu, tháng 8, phương Tây, ứng với tiết Thu phân, tiết trời khô mát, sáng sủa

Quẻ Bác (Sơn Địa Bác) ở Tuất, năm vạch Âm ở dưới, một vạch Dương cheo leo ở trên, là thời kỳ Âm thịnh, Dương sắp suy biến. Bác là rơi rụng, Dương nằm ở thế cheo leo (một vạch Dương) sắp sửa rơi rụng hết rồi. Đặt ở giờ Tuất, tháng 9, phương Tây Bắc (thiên Tây), tiết Hàn Lộ Sương Giáng, cuối Mùa Thu, giao mùa, trời bắt đầu trở lạnh, sắp bước sang mùa Đông

Quẻ Khôn (Khôn Vi Địa, Bát Thuần Khôn) ở Hợi, sáu vạch Âm, toàn Âm, Âm khí cực độ, Dương khí đã biến mất. Khôn là đất, tính nhu thuận. Đặt vào giờ Hợi, tháng 10, phương Tây Bắc (thiên Bắc), tiết Lập Đông, đầu mùa Đông, tiết trời trở sang lạnh giá.

Từ Phục đến Càn là sáu quẻ với quá trình Dương bắt đầu sinh đến trưởng, Âm bắt đầu suy đến tiêu dần. Từ Cầu đến Khôn là sáu quẻ với quá trình Âm bắt đầu sinh đến trưởng, Dương bắt đầu suy đến tiêu dần

Trên Thiên Bàn, các Quẻ đối nhau qua trục Âm Dương thì tính chất cũng đối nhau như Càn và Khôn, Phục và Cầu, Thái và Bĩ. Tốt nhất là quẻ Thái vì Âm Dương quân bình và vào lúc sớm mai. Xấu nhất là quẻ Bác vì Dương bị rơi rụng và vào lúc đêm tối. Từ quẻ Phục đến quẻ Càn thì Dương trưởng Âm tiêu. Từ Quẻ Cầu đến Quẻ Khôn thì Âm trưởng Dương tiêu. Âm Dương tiêu trưởng, tiến thoái nhưng luôn luôn trở về thế quân bình tại Quẻ Thái và Bĩ. Hai quẻ này nằm trên trục Dàn Thần là trục đẹp nhất, là đường đi của Mộc Tinh, tức Thái Tuế.

## Nguyên Tắc Lập Lá Số Tử Vi

### Hình thức lá số

Lá số được chia thành hai phần:

Phần gọi là **Thiên Bàn** nằm ngay trung tâm lá số, dùng để ghi các chi tiết về cá nhân như tên họ, ngày tháng năm và giờ sinh, hành của bản mệnh và hành của cục.

Phần gọi là **Địa bàn** được chia làm mười hai cung, mỗi cung được đặt tên bằng một địa chi. Bắt đầu từ cung Tí, theo chiều thuận (chiều kim đồng hồ) các cung khác mang tên các địa chi như sau: Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi

Mười hai cung trên có mối quan hệ như sau:

Cung xung chiếu :

Tí Ngọ, Sửu Mùi, Dần Thân, Mão Dậu, Thìn Tuất, Tỵ Hợi là các cung xung chiếu với nhau, ví dụ cung Tí có cung xung chiếu là cung Ngọ và ngược lại

Cung tam hợp chiếu:

Thân Tí Thìn, Tỵ Dậu Sửu, Dần Ngọ Tuất, Hợi Mão Mùi được gọi là cung tam hợp chiếu, ví dụ cung tam hợp chiếu của cung Tí là Thân và Thìn

Cung nhị hợp :

Tí Sửu, Dần Hợi, Mão Tuất, Thìn Dậu, Tỵ Thân, Ngọ Mùi là hai cung nhị hợp với nhau, ví dụ cung nhị hợp của Tí là Sửu và ngược lại

Cung giáp:

Hai cung đứng sát một cung gọi là cung giáp, ví dụ cung Tí thì có hai cung giáp là Sửu và Hợi.

Bốn cung Thìn Tuất Sửu Mùi được gọi là Tứ Mộ

Bốn cung Dần Thân Tỵ Hợi được gọi là Tứ Sinh hay Tứ Tuyệt

Bốn cung Tí Ngọ Mão Dậu được gọi là Tứ Chính

Chuyển dương lịch sang âm lịch:



Lá số Tử Vi được lập thành trên cơ sở ngày tháng năm và giờ sinh âm lịch. Nếu có ngày tháng năm và giờ dương lịch thì ta phải chuyển sang âm lịch trước rồi mới lập lá số.

Để chuyển ngày tháng năm dương lịch sang âm lịch thì ta cần cuốn lịch để chuyển đổi.

Để chuyển giờ sinh dương lịch sang giờ âm lịch thì ta căn cứ vào qui định sau:

Giờ Tí: từ 11 PM đến trước 1 AM (bắt đầu từ 11 giờ đêm ngày hôm trước đến trước 1 giờ sáng hôm sau)

Giờ Sửu: từ 1 AM đến trước 3 AM

Giờ Dần: 3 AM đến trước 5 AM

Giờ Mão: 5 AM đến trước 7 AM

Giờ Thìn: 7 AM đến trước 9 AM

Giờ Ty: 9 AM đến trước 11 AM

Giờ Ngọ: 11 AM đến trước 1 PM

Giờ Mùi: 1 PM đến trước 3 PM

Giờ Thân: 3 PM đến trước 5 PM

Giờ Dậu: 5 PM đến trước 7 PM

Giờ Tuất: 7 PM đến trước 9 PM

Giờ Hợi: 9 PM đến trước 11 PM

Như vậy mỗi giờ âm lịch có thời gian bằng hai giờ dương lịch và nếu sinh từ 11 giờ đêm trở đi thì ngày sinh coi như là sinh vào ngày hôm sau. Chú ý cần phải điều chỉnh lại giờ sinh cho chính xác trước khi chuyển đổi giờ vì giờ dương lịch của Việt Nam có thay đổi tăng lên so với thực tế:

Từ 1/1/1943 đến 31/3/1945 thì giờ sinh cần giảm một giờ

Từ 1/4/1945 đến 31/3/1947 thì giờ sinh cần giảm hai giờ

Từ 1/4/1947 đến 30/6/1955 thì giờ sinh cần giảm một giờ

Từ 1/1/1960 đến khoảng 1977 thì giờ sinh cần giảm một giờ (chỉ áp dụng cho miền Nam)

Ước lượng giờ sinh căn cứ vào xoáy đầu:

Xoáy đầu trông như trung tâm mà tóc từ đó mọc ra. Người bình thường có một xoáy đầu nhưng cũng có người có hai hay ba xoáy

Đường giữa đầu là đường chạy từ sống mũi tới chính giữa hai lông mày rồi chạy lên trên đầu

Nếu xoáy đầu nằm ngay đường giữa đầu thì sinh vào giờ Tí Ngọ Mão Dậu  
Nếu xoáy đầu hơi lệch một chút so với đường giữa đầu thì sinh vào giờ Dần Thân  
Ty Hợi

Nếu xoáy đầu nằm xa đường giữa đầu hoặc có nhiều hơn một xoáy đầu thì sinh  
vào giờ Thìn Tuất Sửu Mùi

Một số người cho rằng:

Xoáy lệch sang bên trái thì sinh giờ Tí Ngọ Mão Dậu

Xoáy lệch sang bên phải thì sinh giờ Dần Thân Ty Hợi

Hai xoáy thì sinh giờ Thìn Tuất Sửu Mùi

Phân Âm Dương

Căn cứ vào Can hoặc Chi

Can dương: Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm

Can âm: Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý

Chi dương: Tí, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất

Chi âm: Sửu, Mão, Ty, Mùi, Dậu, Hợi

Nếu năm sinh là can dương hoặc chi dương thì Nam gọi là Dương Nam, Nữ gọi là  
Dương Nữ

Nếu năm sinh là can âm hoặc chi âm thì Nam gọi là Âm Nam, Nữ gọi là Âm Nữ  
Ghi thông tin này vào Thiên Bàn

Xác định năm sinh thuộc về con giáp nào và an sao Tuần Không Trung vong, gọi  
tắt là Tuần (cần can và chi của năm sinh) .

Có mười Can đọc theo thứ tự như sau:

Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Mười Can này được đọc theo ngược như sau:

Quý, Nhâm, Tân, Canh, Kỷ, Mậu, Đinh, Bính, Ất, Giáp

Trước hết cần xác định năm sinh thuộc vào con giáp nào bằng cách bắt đầu từ  
cung mang tên Chi của năm sinh ta đếm ngược hàng Can năm sinh và đi theo  
chiều nghịch của cung cho khi đến can Giáp thì ngừng tại cung nào thì ta có giáp  
mang tên đó và an Tuần vào hai cung đứng trước chi của con giáp ta mới xác định  
Ví dụ sinh năm Canh Tí thì bắt đầu từ cung Tí, ta đọc Canh rồi đọc ngược hàng  
Can ta sẽ có:

Kỷ tại cung Hợi

Mậu tại cung Tuất

Đinh tại cung Dậu

Bính tại cung Thân

Ất tại cung Mùi

Giáp tại cung Ngọ

Như vậy năm sinh thuộc về Giáp Ngọ và an Tuần vào hai cung đứng trước chi Ngọ là Thìn và Ty

Đọc ngược nếu thấy khó thì ta đọc xuôi bằng cách đếm thuận hàng Can năm sinh và đi theo chiều thuận của cung cho đến khi đến Can Quý thì ta dừng lại và ta an Tuần tại hai cung kế tiếp, đồng thời biết năm sinh ta thuộc về giáp có chi mang tên của chi kế tiếp cung bị Tuần .

Ví dụ như trên thì ta đọc :

Canh tại Tí

Tân tại Sửu

Nhâm tại Dần

Quý tại Mão

An Tuần tại Thìn Ty

Năm sinh thuộc Giáp Ngọ (chi kế chi Ty là Ngọ)

Chú ý: an Tuần theo phương pháp trên là rút ra từ nguyên tắc an Tuần theo bảng dưới đây:

Năm sinh từ Giáp Tí đến Quý Dậu an Tuần tại Tuất Hợi

Năm sinh từ Giáp Tuất đến Quý an Tuần tại Thân Dậu

Năm sinh từ Giáp Thân đến Quý an Tuần tại Ngọ Mùi

Năm sinh từ Giáp Ngọ đến Quý an Tuần tại Thìn Ty

Năm sinh từ Giáp Thìn đến Quý an Tuần tại Dần Mão

Năm sinh từ Giáp Dần đến Quý an Tuần tại Tí Sửu

Xác định ngũ hành bản Mệnh (cần can chi năm sinh hoặc căn cứ vào con Giáp mà năm sinh thuộc về và chi năm sinh)

Ngũ hành ở đây là ngũ hành nạp âm của bảng Lục Thập Hoa Giáp. Bảng Lục Thập Hoa Giáp được thành lập bao gồm 60 sự phối hợp có thể có được của 10 can và 12 địa chi, có 30 ngũ hành nạp âm khác nhau vì cứ hai can hoặc chi khác về Âm Dương đứng sát nhau thì có cùng một hành nạp âm. Sáu mươi sự phối hợp

này được chia thành 6 Giáp, mỗi con Giáp bao gồm 10 sự phối hợp và có năm ngũ hành nạp âm tương ứng với 10 sự phối hợp này :

GIÁP TÍ     Hải Trung Kim  
 ẤT SỬU    Hải Trung Kim  
 BÍNH DẦN   Lư Trung Hỏa  
 ĐINH MÃO   Lư Trung Hỏa  
 MẬU THÌN   Đại Lâm Mộc  
 KỶ TỶ       Đại Lâm Mộc  
 CANH NGỌ   Lộ Bàng Thổ  
 TÂN MÙI    Lộ Bàng Thổ  
 NHÂM THÂN   Kiếm Phong Kim  
 QUÍ DẬU    Kiếm Phong Kim  
 GIÁP TUẤT   Sơn Đầu Hỏa  
 ẤT HỢI     Sơn Đầu Hỏa  
 BÍNH TÍ     Giang Hà Thủy  
 ĐINH SỬU   Giang Hà Thủy  
 MẬU DẦN   Thành Đầu Thổ  
 KỶ MÃO    Thành Đầu Thổ  
 CANH THÌN   Bạch Lạp Kim  
 TÂN TỶ     Bạch Lạp Kim  
 NHÂM NGỌ   Dương Liễu Mộc  
 QUÍ MÙI     Dương Liễu Mộc  
 GIÁP THÂN   Tuyền Trung Thủy  
 ẤT DẬU     Tuyền Trung Thủy  
 BÍNH TUẤT   Ốc Thượng Thổ  
 ĐINH HỢI    Ốc Thượng Thổ  
 MẬU TÍ     Tích Lịch Hỏa  
 KỶ SỬU     Tích Lịch Hỏa  
 CANH DẦN   Tùng Bách Mộc  
 TÂN MÃO    Tùng Bách Mộc

GIÁP NGỌ   Sa Trung Kim  
 ẤT MÙI       Sa Trung Kim  
 BÍNH THÂN   Sơn Hạ Hỏa  
 ĐINH DẬU   Sơn Hạ Hỏa  
 MẬU TUẤT   Bình Địa Mộc  
 KỶ HỢI       Bình Địa Mộc  
 CANH TÍ     Bích Thượng Thổ  
 TÂN SỬU    Bích Thượng Thổ  
 NHÂM DẦN   Kim Bạch Kim  
 QUÍ MÃO    Kim Bạch Kim  
 GIÁP THÌN   Phú Đăng Hỏa  
 ẤT TỶ       Phú Đăng Hỏa  
 BÍNH NGỌ   Thiên Hà Thủy  
 ĐINH MÙI    Thiên Hà Thủy  
 MẬU THÂN   Đại Dịch Thổ  
 KỶ DẬU     Đại Dịch Thổ  
 CANH TUẤT   Thoa Xuyến Kim  
 TÂN HỢI     Thoa Xuyến Kim  
 NHÂM TÍ     Tang Đố Mộc  
 QUÍ SỬU     Tang Đố Mộc  
 GIÁP DẦN   Đại Khê Thủy  
 ẤT MÃO       Đại Khê Thủy  
 BÍNH THÌN   Sa Trung Thổ  
 ĐINH TỶ     Sa Trung Thổ  
 MẬU NGỌ   Thiên Thượng Hỏa  
 KỶ MÙI       Thiên Thượng Hỏa  
 CANH THÂN   Thạch Lựu Mộc  
 TÂN DẬU    Thạch Lựu Mộc

NHÂM THÌN Trường Lưu Thủy  
QUÍ TỶ Trường Lưu Thủy

NHÂM TUẤT Đại Khê Thủy  
QUÍ HỢI Đại Khê Thủy

Bản ngũ hành nạp âm này khó nhớ nên người ta đã sáng tạo ra bài ca để tìm ngũ hành nạp âm cho từng tuổi, nhưng không thể đi vào chi tiết nghĩa là nếu tìm ra hành Thổ thì chỉ biết là Thổ, chứ không thể biết rõ ràng là Thổ nào vì có tới 6 loại thổ khác nhau trên bảng Lục Thập Hoa Giáp. Cần áp dụng bài ca sau:

Giáp Tí và Giáp Ngọ dùng Ngân (Kim) Đẳng (Hỏa) Giá (Mộc) Bích (Thổ) Câu (Kim) hoặc tương đương với dãy số 4 6 3 5 4

Giáp Thìn và Giáp Tuất dùng Yên (Hỏa) Mãn (Thủy) Tự (Thổ) Chung (Kim) Lâu (Mộc) hoặc tương đương với dãy số 6 2 5 4 3

Giáp Dần và Giáp Thân dùng Hán (Thủy) Địa (Thổ) Thiêu (Hỏa) Sài (Mộc) Thấp (Thủy) hoặc tương đương với dãy số 2 5 6 3 2

Tương đương của số ở trên với ngũ hành là : 2 Thủy, 3 Mộc, 4 Kim, 5 Thổ, 6 Hỏa  
Bắt đầu từ chi của con Giáp mà năm sinh thuộc vào, ta đọc thuận hai cung cho một chữ hay một số (vì hai tuổi đứng gần nhau thì cùng mang cùng một hành) và dừng lại cho tới chi năm sinh, ta có chữ hay số nào thì bản Mệnh mang hàng đó  
Ví dụ Canh Tí thuộc về Giáp Ngọ thì bắt đầu từ cung Ngọ ta đọc thuận:

Ngân hoặc 4 cho hai cung Ngọ và Mùi

Đẳng hoặc 6 cho hai cung Thân và Dậu

Giá hoặc 3 cho hai cung Tuất và Hợi

Bích hoặc 5 cho hai cung Tí và Sửu

Câu hoặc 6 cho hai cung Dần và Mão

Vì sinh năm Tí, ta dừng lại đây và biết Bích thuộc về Thổ hoặc 5 là Thổ nên Canh Tí có ngũ hành là Thổ. Ghi hành này vào Thiên Bàn

Chú ý Tuần được sử dụng rất là đặc biệt, vì có Tuần nên ví dụ tuy tuổi sinh cùng hành Thổ nhưng lại khác biệt nhau vì Mệnh Bích Thượng Thổ thì Tuần tại Thìn Tị (vì thuộc Giáp Ngọ) nhưng Mệnh Lộ Bàng Thổ thì Tuần lại tại Tuất Hợi (vì thuộc Giáp Tí)

## CÁC SAO AN THEO CAN NĂM SINH

An Triệt Lộ Không Vong, gọi tắt là Triệt, được an tại hai cung liên tiếp:

Tuổi Giáp, Kỷ an tại Thân Dậu

Ất, Canh an tại Ngọ Mùi

Bính, Tân an tại Thìn Ty  
 Đinh, Nhâm an tại Dần Mão  
 Mậu, Quý an tại Tí Sửu

An Lộc Tồn :

Tuổi Giáp an Lộc Tồn tại Dần  
 Ất an Lộc Tồn tại Mão  
 Bính an Lộc Tồn tại Ty  
 Đinh an Lộc Tồn tại Ngọ  
 Mậu an Lộc Tồn tại Ty  
 Kỷ an Lộc Tồn tại Ngọ  
 Canh an Lộc Tồn tại Thân  
 Tân an Lộc Tồn tại Dậu  
 Nhâm an Lộc Tồn tại Hợi  
 Quý an Lộc Tồn tại Tí

Chú ý: Lộc Tồn không an ở Tứ Mộ nghĩa là cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi. Nhiều người cho rằng Lộc Tồn chính là vị trí của Lâm Quan trong vòng Tràng Sinh của Can năm sinh. Trong phương pháp an vòng Tràng Sinh này thì năm Dương vòng Tràng Sinh đi thuận, năm Âm thì vòng Tràng Sinh đi nghịch, cung khởi Tràng Sinh thì căn cứ vào tính âm dương và ngũ hành của can, nếu là dương thì khởi tại Dần Thân Ty Hợi, nếu là âm thì khởi tại Tí Ngọ Mão Dậu, và với cách an này thì Mộ sẽ nằm tại cung Thìn Tuất Sửu Mùi. Giáp dương Mộc Tràng Sinh tại Hợi, Ất âm Mộc tại Ngọ, Bính dương Hỏa tại Dần, Đinh âm Hỏa tại Dậu, Canh dương Kim tại Ty, Tân âm Kim tại Tí, Nhâm dương Thủy tại Thân, Quý âm Thủy tại Mão. Còn Mậu dương Thổ và Kỷ âm Thổ thì vì cho Thổ là con của Hỏa nên con Thổ tùy theo mẫu Hỏa vượng mà sinh, do đó Mậu dương Thổ tùy Bính dương Hỏa vượng tại Ty mà sinh nên cũng sinh trưởng như năm Bính, Kỷ âm Thổ tùy Đinh âm Hỏa vượng tại Ngọ mà sinh nên cũng sinh trưởng như năm Đinh, nghĩa là Mậu Tràng Sinh khởi tại Dần, Kỷ tại Dậu.

An vòng sao Bắc Sĩ (căn Can năm sinh và giới tính Nam hay Nữ):

Vòng sao Bắc Sĩ bao gồm: Bắc Sĩ, Lực Sĩ, Thanh Long, Tiểu Hao, Tướng Quân, Tấu Thư, Phi Liêm, Hỉ Thân, Bệnh Phù, Đại Hao, Phục Binh, Quan Phủ.

Dương Nam, Âm Nữ thì an theo chiều thuận

Âm Nam, Dương Nữ thì an theo chiều nghịch  
An Bắc Sĩ đồng cung với Lộc Tồn rồi an mỗi cung một sao các sao còn lại.

An Kinh Dương, Đà La:

Căn cứ vào vị trí của Lộc Tồn, ta an Kinh Dương tại cung đứng trước Lộc Tồn và Đà La tại cung đứng sau Lộc Tồn (tiền Kinh hậu Đà)  
Ví dụ: Lộc Tồn tại Mão thì Kinh Dương tại Thìn, Đà La tại Dần.

An Lưu Niên Văn Tinh, Quốc Ấn, Đường Phù :

Ta an tất như sau: từ cung của Lộc Tồn đếm theo chiều thuận, bỏ trống hai cung rồi an Lưu Niên Văn Tinh rồi bỏ bốn cung thì an Quốc Ấn  
Theo sách vở Lưu Niên Văn Tinh được an theo Can của năm sinh như sau:

Giáp an tại Ty

Ất an tại Ngọ

Bính, Mậu an ở Thân

Đinh, Kỷ an ở Dậu

Canh an ở Hợi

Tân an ở Tí

Nhâm an ở Dần

Quý an ở Mão

Chú ý: Lưu niên Văn Tinh không bao giờ Tứ Mộ và luôn luôn đồng cung với Đại Hao hay Tiểu Hao. Nếu là Dương Nam, Âm Nữ thì đồng cung với Tiểu Hao, còn Âm Nam Dương Nữ thì đồng cung với Đại Hao.

Quốc Ấn: từ cung an Lộc Tồn là cung thứ nhất, ta đếm theo chiều thuận đến cung thứ chín thì an Quốc Ấn.

Đường Phù: từ cung an Lộc Tồn là cung thứ nhất, ta đếm theo chiều nghịch đến cung thứ tám thì an Đường Phù.

Chú ý: như vậy Quốc Ấn và Lộc Tồn thì tam hợp chiếu với nhau, theo chiều thuận thì Quốc Ấn rồi cách ba cung là Lộc Tồn

An Thiên Trù

Theo Can của năm sinh

Ngọ trừ Tân, Ất, Mậu



Ty ghét cực Giáp, Đinh  
 Tí tâm Bính, Dậu: Nhâm, Tuất: Quý  
 Dần hồi Canh, Thân: Kỷ quí hương  
 Ví dụ tuổi Tân, Ất, Mậu thì an Thiên Trù tại Ngọ,  
 Chú ý: Thiên Trù không an ở Sửu Mùi, Mão, Thìn, Hợi.  
 An Thiên Khôi, Thiên Việt  
 An Khôi trước, Việt sau  
 Giáp, Mậu tại Sửu, Mùi  
 Ất, Kỷ tại Tí, Thân  
 Canh, Tân tại Ngọ, Dần  
 Nhâm, Quý tại Mão, Ty  
 Bính Đinh tại Hợi, Dậu  
 Ví dụ tuổi Giáp hay Mậu thì an Thiên Khôi tại Sửu, Thiên Việt tại Mùi  
 Chú ý: Khôi Việt không an tại Thìn Tuất. Với cách an trên thì Khôi Việt đối xứng  
 qua trục Thìn Tuất  
 An Thiên Quan, Thiên Phúc  
 An Thiên Quan trước, Thiên Phúc sau  
 Thiên Quan, Thiên Phúc Giáp thì Mùi, Kê (Dậu)  
 Ất: Thìn, Thân; Bính tại Ty, Tí  
 Đinh: Dần cung, Hợi vị tương xâm  
 Mậu tại Mão, Mão; Kỷ: Dậu, Dần  
 Canh thì Hợi, Ngọ còn Tân: Dậu, Xà (Ty)  
 Nhâm: Tuất, Ngọ; Quý: Ngọ, Xà (Ty)  
 Thiên Nguyệt Đức thuận Kê (Dậu) Xà (Ty) hồi hương (câu này liên quan đến  
 cách an sao Thiên Đức, Nguyệt Đức)  
 Ví dụ: tuổi Đinh an Thiên Quan tại Dần, Thiên Phúc tại Hợi .

Toàn bộ sách vở về Tử Vi đều an Quan Phúc như nhau. Gần đây có một quan  
 niệm an Thiên Quan căn cứ vào sách Thần Sát Khởi Lệ và an như vậy có khác  
 biệt cho cách an cũ: Kỷ an tại Tuất, Tân an tại Thân, Nhâm an tại Dậu.  
 Giải thích cách an Thiên Phúc theo Thần Sát Khởi Lệ:



Theo Thần Sát Khởi Lệ thì nơi Chính Quan của Chi là Thiên Phúc Quý Nhân. Cổ nhân đặt Thiên Phúc ở cung Thiên Can bị khắc vì ở trong cung an Thiên Phúc chủ có Lộc (Lộc Tồn) khắc ta. Cụ thể:

Giáp (Mộc) Phúc ở Dậu vì Tân (Kim) (Lộc Tồn ở Dậu) khắc Giáp (Mộc)

Ất (Mộc) Phúc ở Thân vì Canh (Kim) (Lộc Tồn ở Thân) khắc Ất (Mộc)

Bính (Hỏa) ở Tí (Quý) vì Quý (Thủy) (Lộc Tồn ở Tí) khắc Bính (Hỏa)

Đinh (Hỏa) ở Hợi (Nhâm) vì Nhâm (Thủy) (Lộc Tồn ở Hợi) khắc Đinh (Hỏa)

Mậu (Thổ) ở Mão (Ất) vì Ất (Mộc) (Lộc Tồn ở Mão) khắc Mậu (Thổ)

Kỷ (Thổ) ở Dần (Giáp) vì Giáp (Mộc) (Lộc Tồn ở Dần) khắc Kỷ (Thổ)

Canh (Kim) ở Ngọ (Đinh) vì Đinh (Hỏa) (Lộc Tồn ở Ngọ) khắc Canh (Kim)

Tân (Kim) ở Ty (Bính) vì Bính (Hỏa) (Lộc Tồn ở Ty) khắc Tân (Kim)

Nhâm (Thủy) ở Ngọ (Kỷ) vì Kỷ (Lộc Tồn ở Ngọ) khắc Lộc ở Ngọ

Quý (Thủy) ở Ty (Mậu) lộc ở Ty vì (Lộc Tồn ở Ty) khắc Nhâm (Thủy)

Chú ý rằng khắc theo trên luôn luôn có Âm Dương trái ngược nhau, thường được gọi là chính quan (trong Tử Bình khi khắc ta được gọi là Quan, nếu rơi vào dương khắc âm hoặc âm khắc dương thì gọi là Chính Quan, nếu rơi vào âm khắc âm, dương khắc dương thì gọi là Thiên Quan hay Thất Sát). Như vậy ta có thể an Thiên Phúc bằng cách tìm ngũ hành Can khắc (trên cơ sở trái âm dương) với hành của Can năm rồi căn cứ vào Can này xem Lộc Tồn an tại đâu thì Thiên Phúc an tại đó.

Ví dụ năm Tân (- Kim) bị + Hỏa khắc, + Hỏa là can Bính nên vị trí Lộc Tồn tại Ty, an Thiên Phúc tại Ty

An Lưu Hà :

Giáp: Dậu, Ất: Tuất Mệnh Lưu Hà,

Bính: Mùi, Đinh: Thìn, Mậu tại Xà (Ty)

Kỷ: Ngọ; Canh: Thân; Tân: Mão vị

Nhâm: Hợi; Dần Quý thị Can gia

Ví dụ tuổi Quý thì Lưu Hà tại Dần, tuổi Canh tại Thân

Chú ý: an Lưu Hà thì đối với tuổi Đinh và Canh có sự khác biệt, có người an Đinh tại Thân, còn Canh tại Thìn

## CÁC SAO AN THEO ĐỊA CHI CỦA NĂM SINH

An vòng sao Thái Tuế ;

Tuổi sinh có chi nào thì an Thái Tuế vào cung đó, ví dụ sinh năm Ty thì an Thái Tuế vào cung Ty.

Từ Thái Tuế, an theo chiều thuận mỗi cung một sao: Thiếu Dương (có Thiên Không đồng cung), Tang Môn, Thiếu Âm, Quan Phù (có Long Trì đồng cung), Tử Phù (có Nguyệt Đức đồng cung), Tuế Phá (có Thiên Hư đồng cung), Long Đức, Bạch Hổ, Phúc Đức (có Thiên Đức đồng cung), Điều Khách, Trục Phù.

An sao Thiên Không (đã an rồi) :

Thiên Không luôn luôn an đồng cung với Thiếu Dương

An sao Long Trì, Phượng Cát, Giải Thần

Long Trì: từ cung Thìn gọi là năm Tí, thuận mỗi cung là một năm đến năm sinh thì dừng lại an Long Trì

Phượng Cát: từ cung Tuất gọi là năm Tí, nghịch khởi mỗi cung là một năm đến năm sinh thì dừng lại an Phượng Cát

Giải Thần: luôn luôn đồng cung với Phượng Cát

An Nguyệt Đức, Thiên Đức (đã an rồi):

Nguyệt Đức: từ cung Ty gọi là năm Tí thuận mỗi cung là một năm đến năm sinh

Thiên Đức: từ cung Dậu gọi là năm Tí thuận mỗi cung là một năm đến năm sinh

Chú ý: Nguyệt Đức và Thiên Đức luôn luôn tam hợp chiếu với nhau.

An Thiên Khốc, Thiên Hư :

Thiên Khốc: từ cung Ngọ gọi là năm Tí nghịch mỗi cung là một năm đến năm sinh

Thiên Hư: từ cung Ngọ gọi là năm Tí thuận mỗi cung là một năm đến năm sinh

Chú ý: Thiên Khốc và Phượng Cát thì tam hợp chiếu vì cung khởi tam hợp với nhau, Thiên Hư và Phượng Cát đối xứng với nhau qua trục Dần Thân.

Chú ý: Quan Phù (Long Trì đồng cung) và Thiên Khốc đối xứng với nhau qua trục Ty Hợi, Thiên Khốc và Thiên Hư đối xứng với nhau qua trục Tí Ngọ.

An Hồng Loan và Thiên Hỉ:

Hồng Loan: từ cung Mão gọi là năm Tí nghịch mỗi cung là một năm đến năm sinh

Thiên Hỉ: xung chiếu với Hồng Loan

Phải chăng Thiên Hỉ được khởi tại cung Dậu gọi là năm Tí nghịch mỗi cung là một năm đến năm sinh?

Chú ý: Thiếu Dương và Hồng Loan, Long Đức và Thiên Hỉ đối xứng với nhau qua trục Dần Thân (giống như Tử Vi và Thiên Phủ, Thiên Hư và Phượng Các)

An Đào Hoa, Thiên Mã, Hoa Cái, Kiếp Sát :

Căn cứ vào tam hợp tuổi. Mỗi tuổi đều thuộc về một tam hợp tuổi. Có bốn tam hợp tuổi:

Thân Tí Thìn (hành Thủy)

Dần Ngọ Tuất (hành Hỏa)

Tỵ Dậu Sửu (hành Kim)

Hợi Mão Mùi (hành Mộc)

An Đào Hoa: cung kế tiếp của chi đứng đầu tam hợp

An Hoa Cái: tại chi đứng cuối cùng của tam hợp

An Kiếp Sát: tại cung kế tiếp của cung Hoa Cái

An Thiên Mã: tại cung xung chiếu (cung đối xứng qua tâm của lá số) với chi đứng đầu tam hợp

Ví dụ tuổi Tí thì thuộc vào tam hợp Thân Tí Thìn nên Đào Hoa an tại Dậu, Hoa Cái tại Thìn, Kiếp Sát tại cung kế Thìn là Tỵ, Thiên Mã tại Dần vì Dần và Thân xung nhau.

Chú ý: Đào Hoa chỉ an tại Tí Ngọ Mão Dậu, Hoa Cái chỉ an tại Thìn Tuất Sửu Mùi, Thiên Mã tại Dần Thân Tỵ Hợi và Hoa Cái luôn luôn đứng trước Thiên Mã hai cung theo chiều thuận, ví dụ như Thiên Mã tại Tỵ thì cách một cung đến cung Mùi là Hoa Cái và Mệnh an giữa Thiên Mã và Hoa Cái gọi là cách tiền Cái hậu Mã. Nếu ta căn cứ vào ngũ hành của Tam Hợp tuổi để thuận an vòng Tràng Sinh của tam hợp tuổi (Thủy khởi Tràng Sinh tại Thân, Mộc khởi tại Hợi, Hỏa khởi tại Dần, Kim khởi tại Tỵ) thì Đào Hoa luôn luôn nằm tại vị trí Mộc Dục, Thiên Mã luôn luôn nằm tại vị trí Bệnh, Hoa Cái tại vị trí Mộ và Kiếp Sát tại vị trí Tuyệt của vòng Tràng Sinh này.

An Cô Thần và Quả Tú :

Tuổi Hợi Tí Sửu (thuộc phương Bắc) an Cô Thần tại Dần, Quả Tú tại Tuất

Tuổi Dần Mão Thìn (thuộc phương Đông) an Cô Thần tại Tỵ, Quả Tú tại Sửu

Tuổi Tỵ Ngọ Mùi (thuộc phương Nam) an Cô Thần tại Thân, Quả Tú tại Thìn

Tuổi Thân Dậu Tuất (thuộc phương Tây) an Cô Thần tại Hợi, Quả Tú tại Mùi

Chú ý: Cô Thần luôn luôn an tại Tứ Sinh (Dần Thân Tỵ Hợi), Quả Tú tại Tứ Mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) và hai sao này luôn tam hợp chiếu với nhau.

An Phá Toái :

Tuổi Tí Ngọ Mão Dậu an Phá Toái tại Tỵ

Tuổi Dần Thân Tỵ Hợi an Phá Toái tại Dậu

Tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi an Phá Toái tại Sửu

### **CÁC SAO AN THEO THÁNG, NGÀY HOẶC GIỜ SINH**

An Địa Giải, Thiên Giải, Thiên Hình, Thiên Riêu, Thiên Y (theo tháng) :

Địa Giải: từ cung Mùi gọi là tháng giêng, đếm thuận đến tháng sinh an Địa Giải, rồi ta an tắt: cung kế an Thiên Giải, cung kế an Thiên Hình, sau đó an Thiên Riêu, Thiên Y xung chiếu với Địa Giải.

Thực chất các sao an tắt có cách an như sau:

Thiên Giải: từ cung Thân gọi là tháng giêng, đếm thuận đến tháng sinh an Thiên Giải

Thiên Hình: từ cung Dậu gọi là tháng giêng, đếm thuận đến tháng sinh an Thiên Hình

Thiên Riêu, Thiên Y: từ cung Sửu gọi là tháng giêng, đếm thuận đến tháng sinh an Thiên Riêu, Thiên Y.

Chú ý: Thiên Hình và Thiên Riêu thì tam hợp chiếu với nhau

An Tả Phù, Tam Thai (thuận tháng, thuận ngày):

Từ cung Thìn gọi là tháng giêng, thuận theo tháng sinh an Tả Phù, rồi từ cung này kể là ngày mùng 1, tính theo chiều thuận đến ngày sinh an Tam Thai  
Chú ý: Tả Phù và Thiên Giải thì tam hợp chiếu với nhau.

An Hữu Bật, Bát Tọa (nghịch tháng, nghịch ngày):

Từ cung Tuất gọi là tháng giêng, nghịch theo tháng sinh an Hữu Bát, rồi từ cung này kể là ngày mừng 1, tính theo chiều nghịch đến ngày sinh an Bát Tọa.

An sao Văn Khúc, Thiên Quý (thuận giờ, nghịch ngày):

Từ cung Thìn gọi là giờ Tí, tính theo chiều thuận đến giờ sinh an sao Văn Khúc, rồi từ cung này gọi là ngày mừng 1, tính theo chiều nghịch đến ngày sinh rồi lùi trở lại một cung an Thiên Quý.

An sao Văn Xương, Ân Quang (nghịch giờ, thuận ngày):

Từ cung Tuất gọi là giờ Tí, tính theo chiều nghịch đến giờ sinh an sao Văn Khúc, rồi từ cung này gọi là ngày mừng 1, tính theo chiều thuận đến ngày sinh rồi lùi trở lại một cung an Thiên Quý.

An sao Thai Phụ, Phong Cáo (theo chỉ giờ):

Thai Phụ: từ cung Ngọ gọi là giờ Tí, thuận đến giờ sinh an Thai Phụ  
Phong Cáo: từ cung Dần gọi là giờ Tí, thuận đến giờ sinh an Phong Cáo  
Chú ý: Từ cung có sao Văn Khúc, nếu đi nghịch bỏ một cung thì an Phong Cáo, nếu đi thuận bỏ một cung thì an Thai Phụ. Thai Phụ và Phong Cáo luôn luôn tam hợp chiếu với nhau.

An Địa Không, Địa Kiếp (theo chỉ giờ):

Địa Không: từ cung Hợi gọi là giờ Tí, đếm nghịch đến giờ sinh an Địa Không  
Địa Kiếp: từ cung Hợi gọi là giờ Tí, đếm thuận đến giờ sinh an Địa Kiếp  
Chú ý: Địa Không và Địa Kiếp đối xứng với nhau qua trục Tý Hợi.

An Hỏa Tinh, Linh Tinh (theo chỉ năm, chỉ giờ):

Hỏa Linh được an căn cứ vào chỉ của năm sinh và giờ sinh  
Cần xác định cung khởi trước theo bài ca sau, chỉ đầu là cung khởi của Hỏa Tinh, chỉ sau là cung khởi của Linh Tinh:

Thân Tí Thìn nhân: Dần, Tuất tường

Dần Ngọ Tuất nhân: Sửu, Mão vị

Tý Dậu Sửu nhân: Mão, Tuất phương

Hợi Mão Mùi nhân: Dậu, Tuất phương

Tiên thì khởi Hỏa, hậu thì khởi Linh

Từ cung khởi bên trên gọi là giờ Tí, căn cứ vào:

Dương Nam, Âm Nữ: an Hỏa thuận đến giờ sinh, Linh nghịch đến giờ sinh ,  
 Âm Nam, Dương Nữ: an Hỏa nghịch đến giờ sinh, Linh thuận đến giờ sinh

An Đầu Quân (nghịch tháng, thuận giờ):

Từ cung có Thái Tuế gọi là tháng giêng, đếm theo chiều nghịch mỗi tháng một cung đến tháng sinh, rồi tại cung này gọi là giờ Tí, tính thuận đến giờ sinh an Đầu Quân

An Thiên Thương, Thiên Sứ, Thiên La, Địa Võng (sao an cố định):

Thiên Thương: an tại cung Nô

Thiên Sứ: an tại cung Tật Ách

Thiên La: an tại cung Thìn

Địa Võng: an tại cung Tuất

An Mệnh và Thân (Mệnh thì thuận tháng nghịch giờ, Thân thì thuận tháng thuận giờ):

Từ cung Dần gọi là tháng giêng, đếm theo chiều thuận mỗi tháng một cung đến tháng sinh thì ngừng lại. Từ cung ngừng lại này ta gọi là giờ Tí, nếu đếm theo chiều nghịch đến giờ sinh thì an Mệnh tại cung đó, và nếu đếm theo chiều thuận đến giờ sinh thì ta an cung Thân tại cung đó. Bắt đầu từ cung Mệnh, lần lượt theo chiều thuận, ta ghi mỗi cung một tên theo thứ tự sau:

Phụ Mẫu, Phúc Đức, Điền Trạch, Quan Lộc, Nô Bộc, Thiên Di, Tật Ách, Tài Bạch, Tử Tức, Phối (Phu Quân hay Thê Thiếp), Bào (Huynh Đệ).  
 Chú ý cung Thân chỉ rơi vào sáu cung sau: cung Mệnh (nếu sinh giờ Tí Ngọ), Phúc Đức (sinh giờ Sửu Mùi), Quan Lộc (sinh giờ Dần Thân), Thiên Di (sinh giờ Mão Dậu), Tài Bạch (sinh giờ Thìn Tuất), Phối (sinh giờ Tỵ Hợi) và nếu Thân an vào cung nào thì ta nói cư cung ấy, ví dụ Thân cư Tài Bạch.

Xác định Cục (căn cứ vào Can năm sinh và vị trí cung Mệnh, nghĩa là cần có năm tháng giờ) :

Cần thuộc bảng sau đây:

Sinh năm Giáp, Kỷ: 2 6 3 5 4 hay Giang Đẳng Giá Bích Ngân

Ất, Canh: 6 5 4 3 2 hay Yên Cảnh Tích Mai Tân

Bính, Tân: 5 3 2 4 6 hay Đề Liễu Ba Ngân Trúc

Đinh, Nhâm: 3 4 6 2 5 hay Mai Tiễn Chước Hải Trần

Mậu, Quý: 4 2 5 6 3 hay Ngân Ba Đôi Chước Liễu

trong đó 2 là Thủy nhị cục, 3 là Mộc tam cục, 4 là Kim tứ cục, 5 là Thổ ngũ cục, 6 là Hỏa lục cục và mỗi số ứng với hai chi lần lượt là Tí Sửu, Dần Mão, Thìn Ty, Ngọ Mùi, Thân Dậu. Còn chi Tuất Hợi thì có cùng số với chi Dần Mão. Căn cứ vào vị trí của cung Mệnh và Can của Năm sinh, ta biết được cục Ví dụ tuổi Kỷ Hợi, Mệnh an tại cung Dậu. Theo bảng trên thì tuổi KỶ, số 4 ứng với chi Thân Dậu nên tuổi Kỷ có Mệnh an tại Thân Dậu thì là Kim tứ Cục Ví dụ tuổi Canh Tuất Mệnh an tại cung Tuất. Theo bảng trên thì chi Tuất Hợi cùng số với chi Dần Mão nên tuổi Canh có Mệnh an tại Tuất Hợi thì mang số 5 nghĩa là Thổ ngũ cục.

Chú ý nếu sắp xếp lại như sau:

Sinh năm	Giáp, Kỷ:	2 6 3 5 4
	Ất, Canh:	6 5 4 3 2
	Đinh, Nhâm:	3 4 6 2 5
	Bính, Tân:	5 3 2 4 6
	Mậu, Quý:	4 2 5 6 3

thì ta được một ma trận dễ nhớ hơn .

Hành của cục thực chất là ngũ hành nạp âm của tháng mà cung Mệnh đứng trên địa bàn, ví dụ tuổi Kỷ, Mệnh tại cung Dậu nghĩa là tháng Dậu. Đối với năm Kỷ tháng Dậu thì ta tìm được tháng đó chính là tháng Quý Dậu, ngũ hành nạp âm của Quý Dậu là Kim nên ta có Kim tứ cục.

An vòng Trường Sinh (căn cứ vào số cục, nghĩa là Can năm sinh, tháng, giờ kết hợp với giới tính Nam hay Nữ) :

Thủy nhị cục và Thổ ngũ cục thì Tràng Sinh an tại cung Thân

Mộc tam cục thì Tràng Sinh an tại cung Hợi

Kim tứ cục thì Tràng Sinh an tại cung Ty

Hỏa lục cục thì Tràng Sinh an tại cung Dần

Đối với Dương Nam Âm Nữ thì an vòng Tràng Sinh theo chiều thuận

Đối với Âm Nam Dương Nữ thì an vòng Tràng Sinh theo chiều nghịch

Vòng Tràng Sinh theo thứ tự là:



Tràng Sinh, Mộc Dục, Quan Đới, Lâm Quan, Đê Vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dưỡng.

Chú ý: có quan điểm an Tràng Sinh theo cách khác nhưng không nên sử dụng vì vòng Tràng Sinh của Tử Vi được an một cách đặc biệt theo Dương Nam Âm Nữ hoặc Âm Nam Dương Nữ mà không có một cách an Trường Sinh của các khoa bói toán nào sử dụng cả.

An vòng sao Tử Vi (căn cứ vào Cục và ngày sinh, nghĩa là cần có đủ ngày, tháng, can năm, giờ sinh) :

Dem ngày sinh chia cho số cục, tìm thương số và dư số. Dư số dùng để xác định vị trí cung khởi và thương số dùng để xác định vị trí của sao Tử Vi tính từ cung khởi.

Để xác định vị trí cung khởi, sử dụng câu Kê (Dậu) Mã (Ngọ) Trư (Hợi) Long (Thìn) Ngu (Sử) Hồ (Dần).

Hỏa Lục Cục thì sử dụng Kê 1, Mã 2, Trư 3, Long 4, Ngu 5, Hồ 6

Thổ Ngũ Cục thì sử dụng Mã 1, Trư 2, Long 3, Ngu 4, Hồ 5

Kim tứ cục sử dụng Trư 1, Long 2, Ngu 3, Hồ 4

Mộc tam cục sử dụng Long 1, Ngu 2, Hồ 3

Thủy nhị cục sử dụng Ngu 1, Hồ 2

Tùy theo cục mà xác định cung khởi, ví dụ Hỏa lục cục áp dụng câu Kê 1, Mã 2, Trư 3, Long 4, Ngu 5, Hồ 6 nên nếu dư số là 1 thì cung khởi tại Dậu, là 2 thì cung khởi tại Ngọ v.v. Mộc tam cục áp dụng câu Long 1 Ngu 2, Hồ 3 nên nếu dư số là 1 thì cung khởi tại Long, là 2 thì cung khởi tại Ngu, là 3 thì cung khởi tại Hồ. Chú ý nếu số dư là số 0 thì cung khởi luôn luôn tại Hồ (Dần) cho mọi cục số.

Từ cung khởi gọi là cung thứ nhất, đếm theo chiều thuận đến thương số, nếu số dư khác 0 thì an Tử vi tại cung này, nếu số dư là 0 thì an sao Tử Vi tại cung kế tiếp.

Ví dụ Hỏa lục cục, sinh ngày 26. Số dư là 2, thương số là 4, như vậy cung khởi là Ngọ 2, từ đó thuận 4 cung đến cung Dậu, vì số dư là 2 khác 0 nên an sao Tử Vi tại cung Tuất.

Ví dụ Kim tứ cục ngày 20. Số dư là 0, thương số là 5, như vậy cung khởi là Hồ 4, tính thuận đến 5 cung đến cung Ngọ, vì số dư là 0 nên dừng lại cung này an sao Tử Vi .



Chú ý: câu Kê Mã Trư Long Ngưu Hồ dùng để xác định các ngày khởi đầu của tháng để tính cách an Tử Vi cho các ngày kế tiếp bằng cách cứ theo chiều thuận đến cung kế thì Tử Vi an tại đó cho ngày trước cộng với cục số. Câu trên cho thấy ngày bằng giá trị của cục số bao giờ cũng an Tử Vi tại cung Dần. Ví dụ Kim tứ cục thì ngày mùng 4 Tử Vi an tại cung Dần, mùng 8 (cộng 4) Tử Vi an tại cung Mão, mùng 12 (cộng 4) Tử Vi an tại cung Thìn. Theo câu Trư Long Ngưu Hồ trên thì mùng 1 Tử Vi an tại Hợi (Trư) thành ra mùng 5 (cộng 4) Tử Vi an tại Tí, mùng 9 (cộng 4) Tử Vi an tại Sửu... Mùng 2 Tử Vi an tại Thìn (Long) thành ra mùng 6 (cộng 4) Tử Vi an tại Ty, mùng 10 (cộng 4) Tử Vi an tại Ngọ... Mùng 3 Tử Vi an tại Sửu (Ngưu) thành ra mùng 7 (cộng 4) Tử Vi an tại Dần. Nguyên tắc sử dụng thương số và dư số chỉ là tóm tắt lại phương pháp trên.

Khi số ngày bằng cục số thì Tử Vi an tại cung Dần. Các ngày nhỏ hơn cục số thì áp dụng câu Kê Mã Trư Long Ngưu Hồ như đã nêu. Câu này có đặc tính là đối với các ngày nhỏ hơn cục số thì ta có thể tìm cung an Tử Vi bằng cách lấy cục số trừ đi số ngày, nếu được số dương thì cung an Tử Vi cách cung Dần bấy nhiêu cung theo chiều thuận (tính từ cung an sao Tử Vi), nếu là số âm thì cung an Tử Vi cách cung Dần bấy nhiêu cung theo chiều nghịch (tính từ cung an sao Tử Vi).

Ví dụ Hỏa lục cục sinh ngày 1 thì  $6 - 1 = 5$  (số dương) nên an Tử Vi tại cung Dậu cách cung Dần 5 cung theo chiều thuận (chiều dương, hướng lên) (từ cung Dậu, theo chiều thuận 5 cung thì đến cung Dần)

Hỏa lục cục sinh ngày 2 thì  $6 - 2 = 4$  (số âm) nên an Tử Vi tại cung Ngọ cách cung Dần 4 cung theo chiều nghịch (chiều âm, hướng xuống)

Hỏa lục cục sinh ngày 3 thì  $6 - 3 = 3$  (số dương) nên an Tử Vi tại cung Hợi cách cung Dần 3 cung theo chiều thuận (chiều dương, hướng lên)

Hỏa lục cục sinh ngày 4 thì  $6 - 4 = 2$  (số âm) nên an Tử Vi tại cung Thìn cách cung Dần 2 cung theo chiều nghịch (chiều âm, hướng xuống)

Hỏa lục cục sinh ngày 5 thì  $6 - 5 = 1$  (số dương) nên an Tử Vi tại cung Sửu cách cung Dần 1 cung theo chiều thuận (chiều dương, hướng lên)

Đây là chu kỳ thứ nhất (bao gồm ngày 1 đến 6) của Hỏa lục cục, ngày cuối cùng của chu kỳ an Tử Vi tại cung Dần. Kế tiếp là chu kỳ thứ hai (bao gồm ngày 7 đến 12) thì ngày cuối cùng của chu kỳ an Tử Vi tại cung Mão, ví dụ sinh ngày 7 thì  $12 - 7 = 5$  nên an Tử Vi tại cung Tuất cách cung Mão 5 cung theo chiều thuận, sinh ngày 8 thì  $12 - 8 = 4$  nên an Tử Vi tại cung Mùi cách cung Mão 4 cung theo chiều nghịch ... Hết ngày 12 thì qua chu kỳ thứ ba (bao gồm ngày 13 đến 18) nên ngày cuối cùng của chu kỳ an Tử Vi tại cung Thìn, nếu sinh ngày 14 thì  $18 - 14 = 4$  nên an Tử Vi tại cung Thân cách cung Thìn 4 cung theo chiều nghịch...

Tóm lại chu kỳ thứ nhất thì dùng cung Dần làm cung chuẩn để tính cung an Tử Vi cho các ngày trong chu kỳ, chu kỳ thứ hai thì tăng lên một cung lấy cung Mão làm cung chuẩn để tìm an Tử Vi cho các ngày thuộc chu kỳ thứ hai... Chú ý số ngày trong mỗi chu kỳ luôn luôn bằng số cục. Ví dụ chu kỳ của Thổ ngũ cục thì có 5 ngày

Tương tự như vậy ta có thể tính được toàn bộ các ngày cho Hỏa lục cục và cho các cục khác theo cách trên

Ví dụ Kim tứ cục sinh ngày 22 thì thuộc chu kỳ 6 (chu kỳ 1: 1 - 4, chu kỳ 2: 5 - 8, chu kỳ 3: 9 - 12, chu kỳ 4: 13 - 16, chu kỳ 5: 17 - 20, chu kỳ 6: 21 - 24. Tính nhanh thì lấy 22 chia cho số cục 4 được thương số 5 nên thuộc chu kỳ 6 ( $= 5 + 1$ ), chu kỳ 6 bắt đầu từ ngày 21 ( $= 5 \times 4 + 1$ ) và bao gồm 4 ngày từ 21 đến 24) nên cung kết thúc chu kỳ 6 là cung Mùi,  $24 - 22 = 2$  (số âm) nên Tử Vi an tại cung Dậu cách cung Mùi hai cung theo chiều nghịch.

Tóm lại:

Chu kỳ của cục số: khi biết vị trí an sao Tử Vi cho một ngày, ta có thể tính toán vị trí Tử Vi cho các ngày sau đó bằng cách sử dụng chu kỳ. Chu kỳ là số ngày mà ta phải cộng vào ngày an Tử Vi để có thể an Tử Vi vào cung kế tiếp theo chiều thuận. Số ngày trong chu kỳ luôn luôn bằng cục số.

Ví dụ: Hỏa lục cục thì mỗi chu kỳ có 6 ngày. Nếu ngày 1 ta an Tử Vi vào cung Dậu thì ngày 7 ( $= 1 + 6$ ) an Tử Vi vào cung Tuất, ngày 13 ( $= 7 + 6$ ) thì an Tử Vi vào cung Hợi... Ngày 2 ta an Tử Vi vào cung Ngọ thì ngày 8 ( $= 2 + 6$ ) an Tử Vi vào cung Mùi, ngày 14 ( $= 8 + 6$ ) thì an Tử Vi vào cung Thân...

Đối với từng cục, một ngày bất kỳ trong tháng đều rơi vào một chu kỳ nào đó. Ví dụ Thổ ngũ cục thì mỗi chu kỳ là 5 ngày, từ ngày 1 đến 5 thuộc vào chu kỳ thứ nhất, ngày 6 đến 10 thì thuộc về chu kỳ thứ hai. Như vậy ngày 26 rơi vào chu kỳ 5 ( $26 : 6$  được 4 là thương số, cộng 1) bao gồm ngày 25 đến 30. Ngày cuối cùng của một chu kỳ bao giờ cũng bằng số thứ tự của chu kỳ nhân với số cục ( $30 = 5 \times 6$ ).

Cung chuẩn: an Tử Vi cho ngày cuối cùng của một chu kỳ vào cung nào thì cung đó được gọi là cung chuẩn. Cung chuẩn được sử dụng để tính toán vị trí sao Tử Vi cho toàn bộ các ngày trong một chu kỳ. Đối với ngày cuối cùng của một chu kỳ thì Tử Vi an tại cung chuẩn.

Ví dụ cung Dần là cung chuẩn cho chu kỳ đầu tiên của toàn bộ các cục. Mỗi chu kỳ đều có một cung chuẩn riêng. Vị trí cung chuẩn được xác định bằng cách cung Dần là cung chuẩn cho chu kỳ thứ nhất, rồi theo chiều thuận cứ tăng lên một cung

thì cung đó là cung chuẩn cho chu kỳ kế tiếp. Như vậy cung Mão là cung chuẩn cho chu kỳ thứ hai, cung Thìn là cung chuẩn cho chu kỳ thứ ba...

Ví dụ Thủy nhị cục, chu kỳ 9 (bao gồm ngày 17 và 18) thì cung chuẩn tại Tuất (từ cung Dần đếm 1, theo chiều thuận đếm đến 9 thì ngừng lại)

Nguyên tắc xác định vị trí sao Tử Vi cho ngày thuộc một chu kỳ nào đó

Xác định vị trí cung chuẩn

Lấy ngày cuối cùng của chu kỳ trừ đi ngày ta muốn tìm vị trí sao Tử Vi để tìm khoảng cách giữa cung an sao Tử Vi và cung chuẩn: nếu là số âm thì vị trí của sao Tử Vi được an tại cung cách cung chuẩn bấy nhiêu cung theo chiều nghịch, nếu là số dương thì vị trí của sao Tử Vi được an tại cung cách cung chuẩn bấy nhiêu cung theo chiều thuận. Chiều được tính là chiều từ cung an sao Tử Vi đến cung chuẩn

Ví dụ Mộc tam cục ngày 26. Mỗi chu kỳ gồm 3 ngày. Ngày 26 thuộc chu kỳ 9 bao gồm từ ngày 25 đến 27. Cung chuẩn tại Tuất. 27 trừ 26 được 1 nên Tử Vi an cách cung chuẩn Tuất 1 cung theo chiều thuận, nghĩa là an tại cung Dậu vì từ cung Dậu theo chiều thuận một cung thì đến cung chuẩn. Ngày 27 thì là ngày cuối cùng của chu kỳ nên an Tử Vi tại cung chuẩn Tuất. Ngày 25 thì Tử Vi an cách cung chuẩn 2 cung ( $= 27 - 25$ ) theo chiều nghịch (2 là số âm), từ cung này đi nghịch hai cung thì đến cung chuẩn Tuất, như vậy Tử Vi an tại cung Tí. Nếu cách tính toán vị trí sao Tử Vi của cổ nhân là như vậy thì trên phương diện âm dương ta nhận thấy rằng cung chuẩn đi theo chiều thuận khi số thứ tự của chu kỳ tăng lên, các ngày thuộc chu kỳ đều được sử dụng tính âm dương để xác định vị trí sao Tử Vi

An sao Thiên Phủ

Sao Thiên Phủ nằm ở cung đối xứng với sao Tử Vi qua trục Dần Thân

Ví dụ: Tử Vi tại Tí thì Thiên Phủ tại Thìn và ngược lại, Tử Vi tại Sửu thì Thiên Phủ tại Mão và ngược lại

Chú ý ta có thể dùng cách an sao Tử Vi sửa đổi một chút để an sao Thiên Phủ như sau: xác định ngày sinh thuộc chu kỳ nào để tìm cung chuẩn, rồi ta có thể tìm cung an Thiên Phủ bằng cách lấy tích số của số chu kỳ với số cục trừ đi ngày sinh, nếu được số dương thì cung an Thiên Phủ cách cung chuẩn bấy nhiêu cung theo chiều nghịch, nếu là số âm thì cung an Thiên Phủ cách cung chuẩn bấy nhiêu cung theo chiều thuận. Chú ý cung chuẩn của Thiên Phủ thì đi theo chiều nghịch, chu kỳ 1 ở cung Dần, chu kỳ hai ở cung Sửu...

Ví dụ Kim tứ cục sinh ngày 22 thì thuộc chu kỳ 6 (chu kỳ 1: 1 - 4, chu kỳ 2: 5 - 8, chu kỳ 3: 9 - 12, chu kỳ 4: 13 - 16, chu kỳ 5: 17 - 20, chu kỳ 6: 21 - 24) nên cung kết thúc chu kỳ 6 là cung Dậu,  $24 - 22 = 2$  (số âm) nên an Thiên Phủ Tử Vi tại

cung Mùi cách cung Dậu hai cung theo chiều thuận

Ta nhận thấy ngày cuối cùng của mỗi chu kỳ thì Tử Vi hoặc Thiên Phủ luôn an tại cung chuẩn. Một cách an Tử Vi hoặc Thiên Phủ khác là căn cứ vào cục lẻ (cục dương) hoặc chẵn (cục âm). Thủy nhị cục, Kim tứ cục, Hỏa lục cục là cục chẵn thì an Tử Vi trước, Mộc tam cục, Thổ ngũ cục là cục lẻ thì an Thiên Phủ trước. Vị trí Tử Vi hoặc Thiên Phủ cho ngày đầu chu kỳ thì đứng cách cung chuẩn một số cung bằng số cục rồi theo chiều thuận cứ luân phiên xác định vị trí của Tử Vi hoặc Thiên Phủ cho các ngày kế tiếp: Tử Vi rồi đến Thiên Phủ rồi Tử Vi... Sau đó an Tử Vi hoặc Thiên Phủ bằng cách đối xứng qua trục Dần Thân

Ví dụ Hỏa lục cục ngày 1 thì an Tử Vi trước tại cung Dậu (cách cung chuẩn Dần 6 cung tính từ cung Dần), ngày 2 thì an Thiên Phủ tại cung Tuất, ngày 3 thì an Tử Vi tại cung Hợi, ngày 4 thì an Thiên Phủ tại cung Tí, ngày 5 Tử Vi tại cung Sửu, ngày 6 an Thiên Phủ tại cung Dần là cung chuẩn cho chu kỳ thứ 1 (từ ngày 1 đến 6).

Ví dụ Thổ ngũ cục thì an Thiên Phủ trước, ngày 1 an Thiên Phủ tại cung Tuất, ngày 2 an Tử Vi tại cung Hợi, ngày 3 an Thiên Phủ tại cung Tí, ngày 4 an Tử Vi tại cung Sửu, ngày 5 an Thiên Phủ tại cung Dần là cung chuẩn cho chu kỳ thứ 1  
 Ví dụ Mộc tam cục ngày 23, thuộc chu kỳ 8 (từ 22 đến 24) nên cung chuẩn tại Dậu, do đó ngày 22, ngày đầu tiên của chu kỳ, thì an Thiên Phủ tại Mùi, ngày 23 thì an Tử Vi tại Thân và ngày 24 thì an Thiên Phủ tại Dậu

Cùng một cách phân biệt âm cục và dương cục nhưng ta có thể có cách an Tử Vi trước (rồi an Thiên Phủ sau) như sau:

Đối với dương cục thì ngày đầu chu kỳ, Tử Vi được an tại cung dương cách cung chuẩn theo chiều thuận một số cung, đối với âm cục thì ngày đầu chu kỳ Tử Vi được an tại cung âm cách cung chuẩn theo chiều nghịch một số cung. Vị trí Tử Vi cho ngày các ngày trong chu kỳ thì đứng cách cung chuẩn một số cung bằng số ngày cuối của chu kỳ trừ đi số ngày cần tính để an sao Tử Vi

Ví dụ Hỏa lục cục (âm cục) ngày 1 thì an Tử Vi trước tại cung Dậu (cách cung chuẩn Dần 5 cung theo chiều nghịch tính từ cung Dần), ngày 2 thì an Tử Vi tại cung Ngọ cách cung Dần 4 ( $= 6 - 2$ ) cung, ngày 3 thì an Tử Vi tại cung Hợi cách cung Dần 3 ( $= 6 - 3$ ) cung, ngày 4 thì an Tử Vi tại cung Hợi cách cung Dần 2 ( $= 6 - 4$ ) cung, ngày 5 Tử Vi tại cung Sửu cách cung Dần 1 cung ( $= 6 - 5$ ), ngày 6 an Tử Vi tại cung Dần là cung chuẩn cho chu kỳ thứ 1 (từ ngày 1 đến 6)

Có người giải thích Hỏa lục cục là âm cục nên đếm nghịch trước, ngày 1 thì đếm nghịch từ cung Dần là 1 đến cung Dậu là 6 thì an Tử Vi, ngày 2 đếm thuận từ cung Dần là 1 đến cung thứ 5 thì an Tử Vi tại Tỵ, ngày 3 đếm nghịch từ cung Dần

là 1 đến cung thứ 4 thì an Tử Vi tại cung Hợi, ngày 4 thì từ cung Dần là 1 đếm thuận đến cung thứ 3 thì an Tử Vi tại cung Thìn, ngày 5 thì đếm nghịch từ cung Dần là 1 đến cung thứ 2 thì an Tử Vi tại cung Sửu, ngày 6 là ngày an Tử Vi tại cung chuẩn của chu kỳ, nghĩa là tại cung Dần

An vòng sao Tử Vi

Từ sao Tử Vi, an theo chiều nghịch lần lượt mỗi cung một sao: Thiên Cơ, cách nhất (bỏ một cung không an sao nào cả), Thái Dương, Vũ Khúc, Thiên Đồng, cách nhị (bỏ trống hai cung), Liêm Trinh

An vòng sao Thiên Phủ

Từ sao Thiên Phủ, an theo chiều thuận, mỗi cung một sao: Thái Âm, Tham Lang, Cự Môn, Thiên Tướng, Thiên Lương, Thất Sát, cách ba (bỏ trống ba cung), Phá Quân

An Hóa Lộc, Hóa Quyền, Hóa Khoa, Hóa Kỵ (Tứ Hóa)

Tứ Hóa an căn cứ vào Can năm sinh, an theo thứ tự Hóa Lộc, Hóa Quyền, Hóa Khoa, Hóa Kỵ đồng cung với các sao của bài phú sau:

Giáp: Liêm Phá Vũ Dương vi bạn,

Ất: Cơ Lương Tử (Tử Vi) Nguyệt (Âm) giao xuân

Bính: Đồng Cơ Xương Liêm Trinh vi,

Đinh: Nguyệt (Âm) Đồng Cơ Cự Môn tâm

Mậu: Tham Nguyệt (Âm) Bát (Hữu Bát) Cơ vi chủ,

Kỷ: Vũ Tham Lương Khúc tối bình

Canh: Nhật (Dương) Vũ Âm Đồng vi thủ,

Tân: Cự Dương Khúc Xương chí lâm

Nhâm: Lương Tử (Tử Vi, Vi) Phụ (Tả Phụ) Vũ tú thi

Quý: Phá Cự Âm Tham Lang đình

Chú ý có người an tuổi Canh theo Dương Vũ Đồng Âm

Ví dụ tuổi Ất: Cơ Lương Tử (Tử Vi) Âm thì Hóa Lộc đồng cung với Thiên Cơ, Hóa Quyền đồng cung với Thiên Lương, Hóa Khoa đồng cung với Tử Vi và Hóa Kỵ đồng cung với Thái Âm

An Thiên Tài, Thiên Thọ

Thiên Tài: từ cung Mệnh gọi là năm Tí, tính thuận đến năm sinh an Thiên Tài

Thiên Thọ: từ cung Thân gọi là năm Tí, tính thuận đến năm sinh an Thiên Thọ

Chú ý: như vậy hai sao trên an căn cứ vào ngày, tháng và chi năm



## NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CUNG ĐẠI HẠN

Xác định cung đại hạn:

Đại hạn là thời gian bao gồm 10 năm

Ghi cục số tại cung Mệnh

Nếu là Dương Nam, Âm Nữ thì ghi theo chiều thuận

Nếu là Âm Nam, Dương Nữ thì ghi theo chiều nghịch

Ghi tiếp các cung, mỗi cung ta tăng thêm 10 năm

Ví dụ Dương Nam Hỏa lục cục thì ta ghi số 6 tại cung Mệnh rồi ghi theo chiều thuận mỗi cung một số như sau: 16, 26, 36, 46, 56, 66, 76, 86...

Ý nghĩa: tại một cung, ví dụ ta thấy số 14 có nghĩa là cung này dùng để coi cho đại hạn 10 năm từ 14 đến 23 tuổi

Chú ý: theo quan điểm an sao của Trung Hoa thì nếu Dương Nam Âm Nữ thì đại hạn khởi tại cung Bào và Âm Nam Dương Nữ thì đại hạn khởi tại cung Phụ Mẫu

Xác định cung tiểu hạn

Căn cứ vào chi năm sinh và giới tính. Cần xác định cung khởi

Tuổi Thân Tí Thìn thì cung khởi là Tuất

Tuổi Dần Ngọ Tuất thì cung khởi là Thìn

Tuổi Tỵ Dậu Sửu thì cung khởi là Mùi

Tuổi Hợi Mão Mùi thì cung khởi là Sửu

Ghi chi của năm sinh ngay tại cung khởi

Nam thì ghi theo chiều thuận, nữ thì ghi theo chiều nghịch lần lượt ghi các chi kế tiếp cho đầy đủ 12 chi.

Ví dụ tuổi Dậu thì ghi Dậu bên cung Mùi (có nghĩa là coi tiểu hạn năm Dậu thì ta coi cung Mùi) rồi nếu là Nam thì lần lượt ghi thuận bên các cung kế tiếp các chi tiểu hạn: Tuất, Hợi, Tí, Sửu..., Ngọ. Nếu là nữ thì cũng ghi như trên nhưng theo chiều nghịch

Xác định cung nguyệt hạn (hạn tháng)

Từ cung tiểu hạn gọi là tháng giêng, tính nghịch đến tháng sinh, rồi tại cung này gọi là giờ Tí, tính thuận đến giờ sinh thì ngừng lại. Cung này là cung hạn tháng giêng. Theo chiều thuận mỗi cung là một tháng, lần lượt ta có hạn tháng 2, 3,..., 12

Xác định cung nhật hạn (hạn ngày)

Từ cung an nguyệt hạn là hạn ngày mùng một, theo chiều thuận mỗi cung là một

ngày, ta sẽ có hạn ngày mừng hai, mừng ba...

Xác định cung thời hạn (hạn giờ)

Từ cung nhật hạn, gọi là hạn giờ Tí, tính thuận mỗi cung một giờ, ta có cung hạn của giờ Sửu, giờ Dần...

Xác định cung hạn 10 phút (hạn 10 phút)

Từ cung thời hạn đi theo chiều thuận, mỗi cung ta tăng lên 10 phút

Vài điểm lưu ý

Trường hợp sinh tháng nhuận

Nếu sinh tháng nhuận thì vẫn sử dụng tháng đó.

Nguyên tắc tìm tháng nhuận

Tháng âm lịch được tính theo vận hành của mặt trăng và phải bao gồm trung khí.

Muốn biết tháng nào là tháng nhuận thì lấy số năm dương lịch chia cho 19 (vì người ta tính được rằng cứ 19 năm dương lịch thì có bảy lần có tháng nhuận cho năm âm lịch), nếu dư số là 0, 3, 6, 9, 11, 14, 17 thì năm đó có tháng nhuận

Muốn biết tháng nào có tháng nhuận thì căn cứ vào trung khí: tháng nào không có trung khí thì tháng đó là tháng nhuận ngoại trừ tháng 11 (vì không có ngày đông chí), tháng chạp và tháng giêng

Tuy nhiên cũng có khi dư số là 8 thì cũng có tháng nhuận, ví dụ năm 1984. Tuy nhiên nếu ngày mừng một của mỗi tuần trăng rơi vào đúng ngày trung khí thì cần phải xét lại đó là tháng nhuận nào bằng cách so sánh thời gian bắt đầu trung khí và thời gian bắt đầu tuần trăng non, nếu thời gian bắt đầu tuần trăng xảy ra trước thời gian bắt đầu trung khí thì tháng đó là tháng nhuận, ngược lại xảy ra sau thì không thể tính là tháng nhuận

Trường hợp song sanh, sinh ba cùng một giới tính

Nếu song sanh thì người sinh ra đầu tiên lập như bình thường, người sinh thứ hai thì lấy cung Huynh của người sinh đầu là cung Mệnh, người sinh thứ ba thì lấy cung Huynh của người sinh thứ hai làm cung Mệnh

Cách coi hạn con nít dưới 13 tuổi

Nhất (1) Mạnh, nhị (2) Tài, tam (3) Giải, tứ (4) Phối, ngũ (5) Phúc, lục (6) Quan, thất (7) Di, bát (8) Nô, cửu (9) Tử, thập (10) Điền, thập nhất (11) Huynh, thập nhị (12) Phụ

Có người sử dụng thất (7) Nô, bát (8) Di và thập (10) Huynh, thập nhất (11) Phụ ,

thập nhị (12) Điền

Ví dụ hai tuổi thì coi tiểu hạn tại cung Tài

Phương pháp xác định số tuổi căn cứ vào can chi năm sinh

Trên bảng Lục Thập Hoa Giáp ta nhận thấy rằng khi can giống nhau mà chi giảm đi hai thì tăng mười tuổi

Ví dụ từ Bính Thìn đến Bính Dần là 10 tuổi, từ Bính Thìn đến Bính Tí là 20 tuổi

Như vậy để tìm năm hiện hành là bao nhiêu tuổi thì trước hết ta tìm số tuổi từ can năm sinh đến can năm hiện hành là bao nhiêu bằng cách đọc can tại cung mang chi năm sinh rồi, đọc thuận can cho đến can năm sinh thì dừng lại, rồi từ cung này đi theo chiều nghịch cứ bỏ trống một cung thì ta cộng thêm 10 tuổi và dừng lại tại cung mang chi năm hiện hành

Ví dụ sinh năm Kỷ Hợi đến năm Giáp Thân bao nhiêu tuổi ta?

Tại cung Hợi đọc Kỷ 1 rồi theo chiều thuận đọc Canh 2 tại cung Tí, Tân 3 tại cung Sửu, Nhâm 4 tại cung Dần, Quý 5 tại cung Mão, Giáp 6 tại cung Thìn (như vậy từ năm Kỷ Hợi đến năm Giáp Thìn là 6 tuổi). Bây giờ tìm từ Giáp Thìn đến Giáp Thân là bao nhiêu bằng cách đọc 6 tại cung Thìn, 16 tại cung Dần, 26 tại cung Tí, 36 tại cung Tuất, 46 tại cung Thân thì dừng tại cung này vì mang chi năm hiện hành. Như vậy 46 tuổi ta

Phương pháp tìm can chi năm sinh căn cứ vào số tuổi ta (đọc nghịch can, rồi đọc thuận chi)

Ví dụ năm hiện hành Quý Mùi thì 36 tuổi ta, tìm can chi của năm sinh

Trước hết tìm can năm sinh bằng cách căn cứ vào hàng đơn vị của số tuổi. Tại cung Mùi đọc Quý 1 rồi đi theo chiều nghịch đọc Nhâm 2 tại cung Ngọ, Tân 3 tại cung Ty, Canh 4 tại cung Thìn, Kỷ 5 tại cung Mão, Mậu 6 tại cung Dần. Như vậy từ Mậu Dần đến Quý Mùi là 6 tuổi.

Sau đó tìm chi năm sinh bằng cách đọc thuận bỏ một cung thì tăng lên 10 cho đến tuổi sinh dừng tại cung nào thì năm sinh mang chi đó. Như vậy đọc Dần 6, Thìn 16, Ngọ 26, Thân 36. Như vậy năm sinh là Mậu Thân. Chú ý từ Mậu Thân đến Mậu Dần là 30 tuổi

Nguyên tắc xác định Can Chi của năm, tháng, ngày, giờ

Sau khi đã phát minh ra Can Chi, cổ nhân đã đem Thiên Can phối hợp với 12 Địa Chi, Can Dương với Chi Dương, Can Âm với Chi Âm để làm lịch theo dõi thời gian tháng năm ngày giờ.

Với sự gán ghép 10 Can với 12 chi thì như vậy cứ một chu kỳ là 60 (năm, tháng, ngày, giờ) thì ta sẽ trở về Can Chi như cũ (60 năm là một hoa giáp, 60 tháng là 5



năm, 60 ngày là 2 tháng, 60 giờ là 5 ngày)

Năm khởi đầu của lịch Can Chi

Đó là năm Giáp Tý. Năm đó bắt đầu bằng tháng Giáp Tý, ngày Giáp Tý, giờ Giáp Tý đầu tiên của kỷ nguyên Can Chi. Theo sự tính toán của các học giả thời đó thì năm Giáp Tý đầu tiên đó là năm mà mặt trời, mặt trăng, trái đất và năm hành tinh Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ cùng ở trên một đường thẳng.

Can chi của năm, tháng, ngày, giờ

Can chi của năm kế tiếp, tháng kế tiếp, ngày kế tiếp hoặc giờ kế tiếp được căn cứ và năm, tháng, ngày hay giờ đứng trước theo nguyên tắc tuần hoàn kín nghĩa là nếu ta có Giáp Tý thì kế đến là Ất Sửu, rồi Bính Dần...

Từ nguyên lý trên, ta có thể suy ra nguyên tắc tính toán Can tháng dựa trên Can năm, can giờ dựa trên Can ngày như sau:

Cách tính Can Chi của tháng trên cơ sở Can của năm theo lịch kiến dân (nguyên tắc ngũ dân)

Trước hết tháng giêng là tháng Dần, tháng Hai là tháng Mão..., mỗi tháng đi với một Chi nhất định

Muốn biết Can của tháng thì áp dụng phương pháp sau gọi là phương pháp Ngũ Dân:

Năm Giáp và Kỷ tháng giêng là tháng Bính Dần

Năm Ất và Canh tháng giêng là tháng Mậu Dần

Năm Bính và Tân tháng giêng là tháng Canh Dần

Năm Đinh và Nhâm tháng giêng là tháng Nhâm Dần

Năm Mậu và Quý tháng giêng là tháng Giáp Dần

Giải thích

Vòng Lục Thập Hoa Giáp là sự kết hợp giữa Can và Chi để quyết định ngũ hành nạp âm. Mỗi năm, tháng, ngày, và giờ đều có Can Chi đầy đủ. Phải có đủ Can Chi ta mới biết được ngũ hành nạp âm tương ứng

Đối với năm, khởi đầu là năm Giáp Tý thì tháng giêng phải là Giáp Tý, tháng hai Ất Sửu, tháng ba Đinh Dần cứ thế tính lên cho đến tháng mười hai là tháng Ất Hợi. Năm sau là năm Ất Sửu (vì năm trước là năm Giáp Tý) thì tháng giêng là tháng Bính Tý (vì tháng 12 năm trước là tháng Ất Hợi). Quý tắc tính Can Chi cho tháng đến đời nhà Chu thì sửa lại tháng giêng là tháng Dần (gọi là lịch Kiến Dân). Như vậy năm Giáp Tý thì tháng giêng là tháng Bính Dần, tháng hai Đinh Mão... cho đến tháng mười hai là tháng Đinh Sửu. Năm kế tới là năm Ất Sửu thì tháng

giêng là tháng Mậu Dần (vì Đinh Sửu thì đến Mậu Dần) cứ thế tính ta sẽ có tháng mười hai là tháng Kỷ Hợi. Năm tới là năm Bình Dần, tháng giêng sẽ là tháng Canh Tí (vì tháng mười hai năm trước là tháng Kỷ Hợi). Cứ thế tiếp tục tính toán ta sẽ có qui luật tính Can cho tháng dựa trên Can của Năm.

Với qui luật này thì cứ 60 tháng tức là 5 năm ta sẽ có tháng có cùng Can Chi với Can Chi cũ. Như vậy cứ 10 năm ta sẽ trở về với Can Chi cũ. Để ý rằng đại hạn của Tử Vi lúc nào cũng kéo dài 10 năm, Bắc Đẩu tinh ứng mệnh với 5 năm đầu, Nam Đẩu tinh ứng mệnh với 5 năm sau...

### Áp dụng trong tử vi

Tử vi lấy hành nạp âm của năm làm hành của Mệnh, và lấy hành nạp âm của tháng mà cung Mệnh rơi vào trong địa bàn làm hành của Cục và tính sinh khắc giữa hành của Mệnh và hành của Cục cũng như tính sinh khắc giữa hành Mệnh với hành cung hoặc hành sao

Cách tính Can Chi của ngày dựa trên Can Chi của tháng

Theo nguyên tắc tháng giêng là tháng Giáp Tí thì ngày mùng một sẽ là ngày Giáp Tí, mùng hai sẽ là Ất Sửu... Vì số ngày trong năm không chia hẳn cho 60, nên ta không thể có qui tắc tính Can Chi của ngày dựa trên Can Chi tháng được mà phải tra lịch.

Cách tính Can Chi của giờ căn cứ vào Can Chi của ngày theo nguyên tắc ngũ Tí

Ngày Giáp và Kỷ giờ Tí là Giáp Tí

Ngày Ất và Canh giờ Tí là Bính Tí

Ngày Bính và Tân giờ Tí là Mậu Tí

Ngày Đinh và Nhâm giờ Tí là Canh Tí

Ngày Mậu và Quý giờ Tí là Nhâm Tí

### Giải thích:

Ngày Giáp Tí giờ Tí là giờ Giáp Tí, giờ Sửu là giờ Ất Sửu, cứ thế tính lên ta sẽ được giờ Hợi là giờ Ất Hợi. Ngày kế đến là Ất Sửu thì giờ Tí là giờ Bính Tí vì giờ trước là giờ Ất Hợi, giờ Sửu là giờ Đinh Sửu... cứ như thế tính toán ta được qui tắc trên. Cứ 60 giờ tức là năm ngày ta lại trở về Can Chi cũ

### Tổng kết

Tóm tắt vị trí cung khởi

Khởi tại cung Thìn Tuất hoặc gián tiếp tại cung Thìn Tuất: Long Phụng (năm), Tả Hữu (tháng), Thai Tọa (ngày, gián tiếp), Khúc Xương (giờ), Quý Quang (ngày,

gián tiếp)

Khởi tại cung Mão: Hồng Loan (năm)

Khởi tại cung Tỵ: Nguyệt Đức (năm)

Khởi tại cung Ngọ: Khốc, Hư (năm)

Khởi tại cung Mùi: Địa Giải (tháng)

Khởi tại cung Thân: Thiên Giải (tháng)

Khởi tại cung Dậu: Thiên Hình (tháng)

Khởi tại cung Sửu: Riêu - Y (tháng), Thiên Đức (năm)

Khởi tại cung Hợi: Kiếp Không (giờ)

Khởi tại Tứ Sinh (Dần Thân Tỵ Hợi): vòng Tràng Sinh của cục

Khởi tại Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi): tiểu hạn năm

Các sao khởi tại cung Thìn Tuất có đặc điểm đều là sao đôi, sao khởi tại cung Thìn thì đi theo chiều thuận, sao tại cung Tuất thì đi theo chiều nghịch. Sao khởi tại cung Thìn Tuất hoặc gián tiếp tại cung Thìn Tuất có đặc điểm là bộ sao thì xung chiếu nhau ở Thìn Tuất, đồng cung ở Sửu Mùi, tam hợp tại cung Tỵ Dậu, Mão Hợi, đứng một mình tại cung Tí Dân Ngọ Thân và chỉ có hai cung là Sửu Mùi mới có cách giáp của bộ sao này. Như vậy các sao bộ trên thì luôn luôn đối xứng qua trục Sửu Mùi là trục mà sao bộ đồng cung nhau.

Bộ sao đôi Không Kiếp thì khởi tại cung Hợi và có đặc tính đối xứng với nhau qua trục Tỵ Hợi

Bộ sao đôi Khốc Hư thì khởi tại cung Ngọ và có đặc tính là đối xứng nhau qua trục Tí Ngọ

An theo năm sinh

Theo chi năm sinh: vòng Thái Tuế, Thiên Không, Nguyệt Đức, Long Trì, Phượng Cát, Giải Thần, Thiên Khốc, Thiên Hư, Thiên Mã, Hoa Cái, Kiếp Sát, Cô Thần, Quả Tú, Phá Toái, Đào Hoa, Hồng Loan, Thiên Hỷ

Theo can năm sinh : Lộc Tồn, Kinh, Đà, Lưu Niên Văn Tinh, Quốc Ấn, Đường Phù, Khôi Việt, Quan Phúc, Lưu Hà, Thiên Trù, Triệt

Theo can chi kết hợp: hành bản mệnh, Tuần

An theo chi tháng: Tả Hữu, Địa Giải, Thiên Giải, Thiên Hình, Riêu - Y

An theo chi tháng và ngày: Tam Thai, Bát Tọa

An theo chi tháng và chi giờ: cung Mệnh, Thân

An theo chi giờ: Không Kiếp, Thai Cáo, Xương Khúc

An theo chi giờ và ngày: Ân Quang, Thiên Quý

An theo can năm, tháng, ngày, giờ: các chính tinh bao gồm vòng Tử Vi và Thiên Phủ, Tứ Hóa (Lộc, Quyền, Khoa, Kỵ)

An theo can năm và giới tính: vòng Bác Sĩ

An theo can năm, tháng, giờ: cục

An theo can năm, tháng, giờ, giới tính: vòng Tràng Sinh

An theo chi năm, giờ, giới tính: Hỏa, Linh

An theo chi năm, tháng, giờ: Đẩu Quân, Thiên Tài, Thiên Thọ

An cố định: La, Vong, Thương, Sứ

Chú ý: cần yếu tố giới tính khi an vòng Bác Sĩ, vòng Tràng Sinh, Hỏa Linh, tìm đại hạn, tiểu hạn

Phụ lục về tiếng anh

Zi Wei chart: bảng lá số Tử Vi

Jia: Giáp

Yi: Ất

Bing: Bính

Ding: Đinh

Wu: Mậu

Ji: Kỷ

Geng: Canh?

Xin: Tân

Rem: Nhâm?

Gui: Quý

Zi (Rat): Tí

Chou (Ox): Sửu

Yin (Tiger): Dần

Mao (Rabbit): Mão

Chen (Dragon): Thìn

Si (Snake): Tỵ

Wu (Horse): Ngọ

Wei (Sheep): Mùi

Shen (Monkey): Thân

You (Rooster): Dậu

Shu (Dog): Tuất

Hai (Pig): Hợi

The Four Horses (Four Corners) (Shen, Si, Yin, Hai) : Tứ Sinh (Thân, Ty, Dần, Hợi)

The Four Directions (Zi, Mao, Wu, You) : Tứ Chính (Tí, Mão, Ngọ, Dậu)

The Four Earths (Chen, Chou, Shu, Wei) : Tứ Mộ (Thìn, Sửu, Tuất, Mùi)

Zi Wei Dou Shu: Tử Vi đẩu số

Yang: Dương

Yin: Âm

Stem: Can

Branch: Chi

Di: Địa

Kong: Không

Tian: Thiên

Wen: Văn

Hua: Hóa

Lu: Lộc

Guan: Quan

Long: Long

Po: Phá

Jun: Quân

Xiang: Tướng

Tai: Thái

Yang: Dương

Yin: Âm

Tian: Thiên

De: Đức

Sui: Tuế

Jie: Kiếp

Sha: Sát

Major Stars: chính tinh

Zi (Tzi) Wei: Tử Vi

Tian Ji: Thiên Cơ

Tai Yang: Thái Dương

Wu Qu: Vũ Khúc  
Tian Tong: Thiên Đồng  
Lian Zhen: Liêm Trinh  
Tian Fu: Thiên Phủ  
Tai Yin: Thái Âm  
Tan Lang: Tham Lang  
Ju Men: Cự Môn  
Tian Xiang (Tian Shang): Thiên Tướng  
Tian Liang: Thiên Lương  
Qi Sha: Thất Sát  
Po Jun: Phá Quân

Ming: Mệnh  
Seng: Thân  
Ming Gong: cung Mệnh  
Seng Gong: cung Thân

Hua Lu: Hóa Lộc  
Hua Quan: Hóa Quyền  
Hua Ke: Hóa Khoa  
Hua Ji: Hóa Kỵ  
Lu Cun: Lộc Tồn

Tian Kong: Thiên Không  
Tian Fu: Thiên Phúc  
Tian Guan: Thiên Quan  
Tian Xing: Thiên Hình  
Tian Wu: Thiên Mã ?  
Tian Ma: Thiên Mã  
Tian Kui: Thiên Khôi  
Tian Yue: Thiên Việt  
Tian Shang: Thiên Thương  
Tian Gui: Thiên Quý  
Tian Shi: Thiên Sứ  
Tian Kong: Thiên Không  
Tian Ku: Thiên Khốc  
Tian Xu: Thiên Hư  
Tian Chu: Thiên Trù

Tian Do?: Thiên Thọ?  
Tian Shou: Thiên Tài?  
Tian Yao: Thiên Tài ?  
Tian Cai?: Thiên Giải

Guan Fu: Quan Phủ  
Guan Dai: Quan Đới  
Long Chi: Long Trì  
Long De: Long Đức  
Qing Long: Thanh Long

Qing Yang: Kinh Dương  
Tuo Luo: Đà La  
Ling: Linh  
Ling Xing: Linh Tinh  
Huo: Hỏa  
Huo Xing: Hỏa Tinh  
Di Kong: Địa Không  
Di Jie: Địa Kiếp

Zuo Fu: Tả Phù  
You Bi: Hữu Bật  
Wen Chang : Văn Xương  
Wen Qu: Văn Khúc

Yue De: Nguyệt Đức  
Tian De: Thiên Đức

Hua Gai: Hoa Cái  
En Guang: Ân Quang  
Tai Fu: Thai Phụ  
Feng Gao: Phong Cáo  
Hong Luan: Hồng Loan  
Tian Shi (Tian Xi): Thiên Hỉ  
Xian Chi: Đào Hoa  
Qing Long: Thanh Long  
Da Hao: Đại Hao

Xiao Hao: Tiểu Hào  
Long Chi: Long Trì  
Feng Ge: Phụng Các  
San Tai: Tam Thái  
Ba Zuo: Bát Tọa  
Po Sui: Phá Toái  
Po Jun: Phá Quân  
Dou: Đầu  
Dou Jun: Đầu Quân

Tai Sui: Thái Tuế  
Sang Men: Tang Môn  
Guan Fu: Quan Phủ  
Sui Po: Tuế Phá  
Bai Hu: Bạch Hổ  
Diao Ke: Điều Khách  
Jie Sha: Kiếp Sát  
Gu Chen (Gu Chan): Cô Thân  
Gua Xiu (Gua Su): Quả Tú

Chang Sheng: Trường Sinh  
Mu Yu: Mộc Dục  
Guan Dai: Quan Đới  
Lin Guan: Lâm Quan  
Di Wang: Đế Vương  
Shuai: Suy  
Bing: Bệnh  
Si: Tử  
Mu: Mộ  
Jue: Tuyệt  
Tai: Thái  
Yang: Dương

Bo Shi: Bác Sĩ  
Li Shi: Lực Sĩ  
Qing Long: Thanh Long  
Xiao Hao: Tiểu Hào  
Jiang Jun: Tướng Quân



Zou Shu: Tấu Thư  
 Fei Lian: Phi Liêm  
 Xi Shen: Hỷ Thần  
 Bing Fu: Bệnh Phù  
 Da Hao: Đại Hao  
 Fu Bing: Phục Bình  
 Guan Fu (Guan Fu^): Quan Phủ

Nhận định về sự khác biệt về cách an sao  
 Một số cách an sao khác biệt  
 Thiên Khôi và Thiên Việt  
 Một số người an tuổi Canh giống như tuổi Giáp Mậu nghĩa là an Khôi tại Sửu và Việt tại Mùi căn cứ vào câu Giáp Mậu Canh Ngưu (Sửu) Dương (Mùi)  
 Hoàng Qui Sơn thì sưu tập một cách an sao Khôi Việt như sau:  
 Giáp Khôi Sửu, Việt Mùi  
 Ất Khôi Tí Việt Thân  
 Bính Khôi Hợi Việt Dậu  
 Đinh Khôi Dậu Việt Hợi  
 Mậu, Canh Mùi Việt Sửu  
 Kỷ Khôi Thân Việt Tí  
 Tân Khôi Ngọ Việt Dần  
 Nhâm Khôi Tỵ Việt Mão  
 Quý Khôi Mão Việt Tỵ

#### Thiên Quan

Hoàng Qui Sơn đã an lại Thiên Quan căn cứ vào Thần Sát khởi lệ. Theo Thần Sát Sát Khởi Lệ thì tùy theo Can của Chính Quan Tinh gọi là Thiên Quan Quý Nhân (trong Tử Bình khi khắc ta được gọi là Quan, nếu rơi vào dương khắc âm hoặc âm khắc dương thì gọi là Chính Quan, nếu rơi vào âm khắc âm, dương khắc dương thì gọi là Thiên Quan hay Thất Sát). Thuật Tinh Mệnh lấy Can của năm gặp tháng, Can của ngày gặp giờ ngũ hành Chính Quan tương khắc là Quan Tinh. Thật ra, Cổ Nhân đã dùng cách khắc ta (gọi là Quan Lộc) để đặt Thiên Quan, nghĩa là tính Thiên Can của tháng Dần khởi đi đến tháng nào có Can tháng khắc Can năm thì đặt Thiên Quan ở đó, nên Thiên Quan phải an như sau:

Giáp: Thiên Quan ở Mùi vì Giáp khởi tháng Dần là Bính Dần, tháng hai là Đinh Mão,..., đến tháng Tân Mùi, Tân là Quan của Giáp (vì Tân Kim khắc Giáp Mộc) nên đặt Thiên Quan ở Mùi

Ất: Thiên Quan ở Thìn vì Ất khởi tháng Dần là Mậu Dần, đến tháng Canh Thìn, Canh là Quan Lộc của Ất (vì Canh Kim khắc Ất Mộc) nên đặt Thiên Quan ở Thìn  
 Bính: ở Tỵ vì khởi tháng Dần là Canh, ... đến tháng Quý Tỵ, Quý là Quan Lộc của Đinh (vì Quý Thủy khắc Bính Hỏa), nên đặt Thiên Quan ở đó.

Đinh: ở Dần vì khởi tháng Dần là Nhâm, Nhâm là Quan Lộc của Đinh nên đặt Thiên Quan ở đó.

Mậu: ở Mão vì Mậu khởi tháng Dần là Giáp, tháng hai Ất Mão, Ất là Quan Lộc của Mậu nên đặt Thiên Quan ở đó.

Kỷ: ở Tuất vì Kỷ khởi tháng Dần là Bính, tháng Dậu là Quý, tháng Giáp Tuất, Giáp là Quan Lộc của Kỷ nên đặt Thiên Quan ở đó

Canh: ở Hợi vì Canh khởi tháng Dần là Mậu, tháng 2 là Kỷ Mão,... tháng Đinh Hợi, Đinh là Quan của Canh

Tân: ở Thân vì Tân khởi tháng Dần là Canh, tháng 2 là Tân, ... tháng 7 Bính Thân, Bính là Quan của Tân nên đặt Thiên Quan ở đó

Nhâm: ở Dậu vì Nhâm khởi tháng Dần là Nhâm đến tháng Kỷ Dậu, Kỷ là Quan của Nhâm nên đặt Thiên Quan ở đó

Quý: ở Ngọ vì Quý khởi tháng Dần là Giáp đến tháng Mậu Ngọ, Mậu là Quan của Quý nên an Thiên Quan ở đó"

Như vậy theo cách an này thì có khác biệt là tuổi Kỷ an tại Tuất thay vì Dậu, Tân an tại Thân thay vì Dậu, Nhâm an tại Dậu thay vì Tuất

Chú ý với cách khắc như vậy thì khắc trên cơ sở trái ngược âm dương. Theo Hoàng Qui Sơn thì Thiên Phúc được an theo Can ở thế Âm Dương hạ hợp như: Giáp lấy Tân ở Dậu làm Quan để được Phúc. Tại sao phải đặt ở Dậu mà không đặt ở Thân? Đó là vì Giáp là ta, Tân là chính Quan, còn Canh của Thân là Sát của Giáp. Chính Quan là làm quan chính đĩnh ắt được phúc lộc, Sát ví như kẻ cướp ắt sinh họa Nên nhớ sao Phúc Tinh và Quý Tinh thuộc Thiên Can thường là do cái lí hạ hợp Âm Dương mà dựng lên.

Ta có thể tóm tắt cách an Thiên Quan theo kiểu này như sau: kiểm Can (tháng) khắc với Can năm (khắc trên cơ sở trái ngược âm dương) rồi dùng nguyên tắc Ngũ Dần để tìm chỉ của tháng mang Can tháng đó để an Thiên Quan tại chỉ đó  
 Ví dụ năm Canh (+ Kim) bị (- Hỏa) khắc, Đinh là (- Hỏa), như vậy năm Canh thì theo Ngũ Dần, tháng giêng là Mậu Dần, tính đến tháng Đinh Hợi thì an Thiên Quan tại Hợi

Tứ Hóa (Lộc, Quyền, Khoa, Ky)

Tuổi Canh an theo Dương Vũ Đồng Âm (Việt Viêm Tử, Nguyễn Mạnh Long, Thiên Lương, Huyền Cơ, Đỗ Văn Lưu) nghĩa là thay đổi vị trí của Hóa Khoa và Hóa Ky cho nhau

Tuổi Tân an theo Cự Lương Khúc Xương (Thái Thứ Lang, Nguyễn Mạnh Long, Điện Tử) nghĩa là an Hóa Quyền theo cách khác

Tuổi Nhâm an theo Lương Vi Phủ (Thiên Phủ) Vũ (Việt Viêm Tử, Nguyễn Mạnh Long, Túy Lang, Huyền Cơ, Đắc Lộc) nghĩa là an Hóa Khoa một cách khác

Nhật Nguyệt Khoa Lộc Sửu cung trung, đình thị công khanh (20, 23, TTL)

Giải: Nhật Nguyệt Khoa Lộc tại Sửu thì vinh hiển, quyền cao chức trọng. Chú ý chỉ có tuổi Canh an theo Dương Vũ Âm Đồng thì mới có Khoa Lộc đủ cặp (và tuổi Nhâm có Tả Phủ mới xảy ra trường hợp này). Chú ý rằng trong câu phú này không đề cập đến cung Mùi bởi vì trong trường hợp này đối với tuổi Canh thì Nhật Nguyệt đồng cung với cả Khoa Lộc Đà và bị Triệt án ngữ. Điều này cho thấy gặp Triệt thì dở hơn gặp Tuần

Nhật Nguyệt phản bối (Nguyệt tại Thìn có Nhật tại Tuất xung chiếu, hay Nhật tại Tuất có Nguyệt tại Thìn xung chiếu) hà vọng thanh quang (không có ánh sáng) tối hỉ ngoại triều Khôi Việt (3)

Giải: Nhật Nguyệt phản bối (Nguyệt tại Thìn có Nhật tại Tuất xung chiếu, hay Nhật tại Tuất có Nguyệt tại Thìn xung chiếu) được Khôi Việt hội hợp thì rất tốt. Chú ý Nguyệt tại Thìn chỉ có tuổi Kỷ thì mới có Khôi Việt Thiên Trù Khoa tam hợp chiếu trong đó Việt Thiên Trù Hóa Khoa đồng cung với Đồng Lương bị Triệt. Thái Dương tại Tuất chỉ có tuổi Canh với cách an Tứ Hóa tại Dương Vũ Âm Đồng thì Nhật đồng cung với Hóa Lộc có Việt Khôi tam hợp, Khoa Quốc Ấn Lưu Hà xung trong đó Cự Khôi Thiên Phúc bị Triệt, cả tuổi Tân thì có Kinh đắc, Hóa Quyền đồng cung với Nhật và có Việt Khôi Hóa Lộc Thiên Trù Hao Đường Phù tam chiếu trong đó Thái Âm đắc Triệt và Cự tại Ngọ gặp Song Hao

Vũ Khúc Dân Thân nhi ngộ Lộc Quyền, phú gia Vương Khải (7, TTL)

Giải: Vũ Khúc tại Dân Thân gặp Lộc Quyền thì giàu có như Vương Khải ngày xưa. Chú ý chỉ có hai tuổi rơi vào trường hợp này. Tuổi Giáp tại cung Dân thì Vũ Tướng đồng cung với Khoa Lộc Tồn, Hóa Lộc Quốc Ấn Thiên Trù tam hợp và Quyền đồng cung với Phá Quân hãm gặp Triệt xung chiếu. Còn tại cung Thân thì Vũ Tướng đồng cung với Khoa gặp Triệt có Lộc Quyền Lộc Tồn chiếu. Tuổi Canh an Tứ Hóa theo Dương Vũ Âm Đồng thì tại Dân có Quyền Việt Thiên Trù, có Khôi Thiên Phúc đồng cung với Tử Vi gặp Triệt tam hợp, Lộc Tồn xung, tại cung Thân thì có Lộc Tồn Hóa Quyền đồng cung, Quốc Ấn Việt Thiên Trù Lưu Hà chiếu, nếu an Tứ Hóa theo Dương Vũ Âm Đồng thì tại cung Dân Thân có thêm tam hóa liên châu

Thiên Đồng Tuất cung Hóa Kỵ, Đinh nhân Mệnh ngũ phản vi giai (13, TTL)  
Giải: TTL giải rằng Thiên Đồng Hóa Kỵ đồng cung tại Tuất thì rất xấu, nhưng tuổi Đinh thì lại rất tốt đẹp, giàu sang vinh hiển. Thực ra thì Hóa Kỵ đồng cung với Thiên Đồng chỉ có tuổi Canh an Tứ Hóa theo Dương Vũ Âm Đồng hoặc tuổi Kỷ có Văn Khúc đồng cung với Thiên Đồng và tuổi Tân có Văn Xương đồng cung với Thiên Đồng. Do đó cần xét lại câu phú này. Nên biết tuổi Ất, Đinh, Mậu, Canh đều bị Hóa Kỵ chiếu và tuổi Quý thì Hóa Kỵ nhị hợp, tuổi Kỷ và Tân thì còn tùy vào Khúc hay Xương

### Hỏa Linh

Đắc Lộc thì cách an Hỏa Linh như trên nhưng chỉ khác là tuổi Tỵ Dậu Sửu thì cung khởi là Tuất Mão thay vì Mão Tuất  
Việt Viêm Tử thì từ cung khởi, tính thuận theo giờ sinh, Nam khởi Hỏa trước, Nữ khởi Linh trước chứ không phân biệt Dương Nam Âm Nữ hoặc Âm Nam Dương Nữ để tính thuận hay nghịch theo giờ sinh  
Nguyễn Mạnh Long thì an Hỏa Linh căn cứ vào năm sinh mà thôi: tuổi Thân Tí Thìn thì an Hỏa tại Dần, Linh tại Tuất, tuổi Dần Ngọ Tuất thì an Hỏa tại Sửu, Linh tại Mão, tuổi Tỵ Dậu Sửu thì an Hỏa tại Tuất, Linh tại Mão và tuổi Hợi Mão Mùi thì an Hỏa tại Dậu, Linh tại Tuất

### Lưu Hà

Thiên Lương và Nguyễn Phát Lộc thì tuổi Canh an Lưu Hà tại Mão và Tân tại Thìn nghĩa là Lưu Hà luôn luôn an tại cung có âm dương trái ngược với âm dương của Can năm sinh  
Việt Viêm Tử, Đắc Lộc an tuổi Canh Lưu Hà tại Thìn, Đinh tại Thân nghĩa là thay đổi vị trí Lưu Hà thay vì Canh an tại Thân, Đinh tại Thìn

### Kình Đà

Chỉ có Thiên Lương và Việt Viêm Tử thì an Kình Dương luôn luôn đồng cung với Lực Sĩ

### Thiên Thương

Chỉ có Nguyễn Mạnh Bảo an Thiên Thương một cách khác như sau: từ cung Thìn gọi là tháng giêng, tính thuận đến tháng sinh an Thiên Thương

### Cách an sao Trùng Sinh

Hầu hết các tác giả về Tử Vi đều khởi Trùng Sinh tại Dần Thân Tỵ Hợi căn cứ theo Cục, Dương Nam Âm Nữ thì theo chiều thuận, Âm Nam Dương Nữ thì theo

chiều nghịch. Chỉ có cụ Thiên Lương và Hà Lạc Dã Phu Việt Viêm Tử đối với trường hợp Âm Nam Dương Nữ thì khởi Tràng sinh tại Tí Ngọ Mão Dậu để cho sao Mộ cư tại Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi). Đặc biệt cụ Thiên Lương còn khởi vòng Tràng sinh cho cục Thổ tại Dần và Ngọ.

Với cách an vòng Tràng Sinh như vậy thì Việt Viêm Tử đã vận dụng phong thủy vào Tử Vi (đã chứng minh trong Tử Vi Áo Bí), còn cụ Thiên Lương thì căn cứ vào nghiệm lý.

Theo thiên ý, các môn bói toán khác thì an Trường Sinh căn cứ vào THIÊN CAN của năm, còn Tử Vi thì Trần Đoàn an Trường Sinh theo Cục nên phải có sự khác biệt (ngũ hành của Cục là Ngũ hành Nạp Âm, còn Ngũ Hành của Thiên Can là ngũ hành chính), chúng ta không thể an Tràng Sinh theo kiểu các môn bói toán khác như Tứ Trụ được vì các môn này đã an Trường Sinh căn cứ vào Thiên Can. Tử Vi lấy năm sanh làm hành bản Mệnh, lấy hành của tháng cung Mệnh rơi vào làm hành của Cục. Ví dụ cung Mệnh rơi vào tháng 6, trên địa bàn là tháng Mùi (Địa Chi). Biết căn cứ năm sanh (Thiên Can) ta suy ra căn cứ tháng rất dễ dàng, từ đó biết được hành của tháng căn cứ vào bảng Lục Thập Hoa Giáp. Các phương pháp hiện hành (Ngũ Hổ độn) dùng để xác định ngũ hành của cục chẳng qua xuất phát từ nguyên tắc chính bên trên và tóm tắt lại để tính toán hành Cục cho nhanh. Trần Đoàn đã lấy hành của tháng cung Mệnh rơi vào để tính cách an Tràng Sinh thì không thể tùy tiện mà áp dụng các phương pháp khác vào vì khi an theo Cục (xác định bởi cung an Mệnh) thì Trần Đoàn đã gắn chặt Thiên Địa với vận mệnh của con người, chứ không phải chỉ có Thiên Can đơn thuần. Bởi vì hành cục là hành nạp âm của tháng cung mệnh rơi vào trong lá số nên sinh khắc giữa Mệnh và Cục rất quan trọng trong lá số tử vi, và cục đại diện cho môi trường là như vậy. Có người còn cho rằng nếu lập luận rằng Mộ phải cư ở Tứ Mộ thì trong quy luật sinh vượng mộ tuyệt của ngũ hành, ví dụ như Nhâm Dương Thủy thì Tràng Sinh ở Thân, Vượng ở Tí, Mộ ở Thìn, nhưng Quý Âm Thủy thì đi nghịch, Tràng Sinh lại ở Mão, Vượng ở Hợi, Mộ ở Mùi (Mùi lại là mộ khổ của Mộc, chứ không phải của Thủy, đâu có phải bắt buộc Mộ ở Thìn (Thìn là mộ khổ của Thủy)). Như vậy luận điểm Mộ phải cư tại Mộ địa không hợp lý.

Một điểm rất quan trọng cần lưu ý là vòng Tràng Sinh của Tử Vi được an một cách đặc biệt theo Dương Nam Âm Nữ hoặc Âm Nam Dương Nữ mà không có một cách an Trường Sinh của các khoa bói toán nào sử dụng cả

Cách an nguyệt hạn

Có bốn cách an nguyệt hạn:

Cách thứ nhất: từ cung tiểu hạn gọi là tháng giêng, tính nghịch mỗi cung là một tháng đến tháng sinh rồi từ cung này gọi là giờ Tí tính thuận mỗi cung là một giờ



đến giờ sinh, ngừng lại tại cung nào thì đó là hạn tháng giêng. Đây là cách an của Thái Thứ Lang, Việt Viêm Tử, Nguyễn Mạnh Bảo, Nguyễn Phúc Âm  
 Cách thứ hai: từ cung tiểu hạn gọi là tháng giêng, tính thuận mỗi cung là một tháng đến tháng sinh rồi từ cung này gọi là giờ Tí tính nghịch mỗi cung là một giờ đến giờ sinh, ngừng lại tại cung nào thì đó là hạn tháng giêng.

Cách thứ ba: hạn tháng giêng tại cung tiểu hạn. Đây là cách an của Thái Thứ Lang  
 Cách thứ tư: lấy cung Dần là hạn tháng giêng (Thiên Lương, Huyền Cơ, Trần Đại Sĩ)

Sau khi tìm được hạn tháng giêng rồi thì theo chiều thuận mỗi cung là một tháng an hạn của các tháng kế tiếp như tháng hai, tháng ba...

Đại đa số mọi người sử dụng cách thứ nhất. Theo kinh nghiệm thì cách thứ nhất là chính xác nhất không thể nghi ngờ được vì trên thực tế khi dùng cách này để an nhật hạn thì mức độ kiểm nghiệm đúng đến thời hạn. Tại sao cách thứ nhất dẫn đến mức độ chính xác. Ta biết rằng Mệnh được an bằng cách từ cung Dần gọi là tháng giêng, tính thuận mỗi cung là một tháng đến tháng sinh rồi từ cung đó gọi là giờ Tí, tính nghịch mỗi cung là một giờ đến giờ sinh. Cách an nguyệt hạn theo cách thứ nhất đã làm ngược lại với cách an Mệnh, tức là ta đã xoay lá số cho cung Mệnh đến cung tiểu hạn, và tháng giêng của tiểu hạn sẽ đứng trước hay sau cung tiểu hạn một số cung, đúng như trong lá số tháng Dần (tháng giêng) đã đứng trước hay sau cung Mệnh một số cung. Thiết tưởng điều này là hợp lý nhất. Ta có thể an nguyệt hạn của tháng giêng theo cách thứ nhất bằng cách đếm thuận từ cung Dần đến cung Mệnh là bao nhiêu cung thì từ cung tiểu hạn ta đếm ngược bấy nhiêu cung, dừng lại cung nào thì là hạn tháng giêng.

Ví dụ Mệnh an tại Dậu cách cung Dần 8 cung thì nếu tiểu hạn tại cung Mùi thì ta đếm ngược tám cung được cung Tí thì cung Tí là cung hạn tháng giêng

Nhận định về tháng nhuận

Tháng nhuận là năm có hai tháng giống nhau, tháng đầu tiên gọi là tháng chính, tháng kế tiếp thì gọi là tháng nhuận

Quan điểm về cách lập lá số khi rơi vào tháng nhuận là một vấn đề tranh cãi trong tử vi. Dưới đây là các quan điểm được nêu ra:

Sinh tháng nhuận thì vẫn kể là sinh tháng đó, ví dụ sinh tháng 8 nhuận kể như sinh tháng 8

Sinh vào tháng nhuận thì kể là sinh tháng đó nhưng an sao tử vi khác nhau:

Lấy ngày sinh cộng với ngày của tháng chính để biết ngày an sao tử vi. Ví dụ sinh ngày 6 tháng 8 nhuận, tháng 8 chính có 30 ngày thì ngày an sao tử vi là 38 (= 30 + 8)

Lấy ngày sinh cộng với ngày của tháng chính rồi trừ đi 1 để biết ngày an sao tử vi. Ví dụ sinh ngày 6 tháng 8 nhuận, tháng 8 chính có 30 ngày thì ngày an sao tử vi là 37 ( $= 30 + 8 - 1$ )

Sinh từ ngày mùng 1 đến 15 thì coi như sinh tháng đó, sinh từ 16 đến cuối tháng thì tính là sinh vào tháng kế tiếp, ví dụ sinh ngày 23 tháng 8 nhuận thì coi như sinh ngày 23 tháng 9

Sinh tháng nhuận thì coi như là sinh tháng sau, như khi an sao theo tháng (Tả, Hữu, Địa Giải, Thiên Giải, Thiên Hình, Riêu, Y) thì lại căn cứ vào tháng chính

Phương pháp xét đoán tháng nhuận còn được sử dụng cho cách coi nguyệt hạn tại các năm có tháng nhuận

Theo kinh nghiệm thì sinh tháng nhuận vẫn coi là tháng chính. Độc giả thử sử dụng tất cả các cách trên cho nhiều lá số sẽ thấy được điều này



## Giải thích cục số

Cục số được sử dụng trong vấn đề an hai vòng chính tinh là Tử Phủ và an đại hạn. Cổ nhân đã tính toán như thế nào để xác định cục số? Sau đây là một số lời giải thích:

Để giải thích số cục trong Tử Vi thì phải phân tích số trong Hà Đồ và Lạc Thư, Hậu Thiên hay Tiên Thiên Bát Quái để tìm ra sự phối hợp có thể có được

Trong Hà Đồ thì tương quan giữa số và ngũ hành là: Thủy (1, 6), Mộc (3, 8), Hỏa (2, 7), Kim (4, 9), Thổ (5, 10), và có đặc điểm là cộng số sinh với số 5 thì được số thành như  $1 + 5 = 6$ . Như vậy ta không thể tìm được một khả năng nào lý giải được cục số của Tử Vi, vì khi lấy số sinh 3, 4, 5 để giải thích cho Mộc tam cục, Kim Tứ Cục, Thổ Ngũ Cục thì ta bị kẹt vào Thủy nhất cục hoặc Hỏa nhị cục. Cộng hay trừ các số trên với một số nào đó cũng không đưa đến lý giải có thể có được. Trong Hậu Thiên Bát Quái thì Khảm 2, Ly 6 nên có thể cho rằng đây là nguyên nhân gán số cho Thủy nhị cục và Hỏa lục cục vì trục Thủy Hỏa là trục lên quan đến cuộc sống. Có điều giải thích như vậy thì kẹt cho các cục khác phải sử dụng số của Hà Đồ hay Lạc Thư để giải thích thành ra không hợp lý lắm

Về Lạc Thư thì tương quan giữa số và hành thì cũng giống như Hà Đồ, chỉ khác về phương hướng và Thổ (5) mà thôi

Ta có thể diễn tả dưới dạng ma phương như sau:

4 9 2

3 5 7

8 1 6

Do đó ta cũng không thể dùng để giải thích số cục. Khi kết hợp số của Lạc Thư với hành của Hậu Thiên thì ta có: Thủy (1, 6), Mộc (3, 8), Hỏa (4, 9), Kim (2, 7), Thổ (5). Nhìn trong bảng phối hợp giữa Hậu Thiên Bát Quái với Lạc Thư thì số cục có thể bắt nguồn là do con số dương căn là 3, khi đem con số dương 3 mà so sánh với các con số dương khác (1, 3, 5, 7, 9) của Lạc Thư phối hợp với ngũ hành của Hậu Thiên Bát Quái thì ta có:

$3 - 1 = 2$  tại Khảm hành Thủy nên hình thành Thủy nhị cục

Số 3 dương căn tại Cấn hành Mộc nên hình thành Mộc tam cục

$7 - 3 = 4$  tại Khôn hành Kim nên hình thành Kim tứ cục

$9 - 3 = 6$  tại Ly hành Hỏa nên hình thành Hỏa lục cục

Số  $5 = 2 + 3$  ở Trung Ương thuộc hành Thổ nên thành Thổ ngũ cục

Giải thích như vậy tương đối hợp lý vì số 5 trong Hà Đồ được coi là số Thái Cực, số 3 là số Căn của Dương và số 2 là số căn của Âm. Việc xác định cục là việc áp dụng nên sử dụng Lạc Thư và Hậu Thiên Bát Quái cũng hợp lý

Theo Hoàng Qui Sơn thì con số của Trời đất là số 5, là Thổ trung cung của Hà Đồ. Trên Hà Đồ thì 5 và 10 là Thổ, nhưng 5 là số sinh, 10 là số thành, do đó ta chỉ dùng số 5 mà không dùng số 10. Trong số 5 lại ẩn chứa số 3 (Thiên) và số 2 (Địa). Cổ nhân đã dùng con số 3 này để định số cục của ngũ hành. Cục số được xác định bằng cách lấy con số 3 (Trời) phối với các số ngũ hành của Lạc Thư vì Hà Đồ là Thê, còn Lạc Thư là dụng nên đem Lạc Thư dùng vào việc. Cụ thể lấy các số dương (1, 3, 5, 7, 9) đem phối với số căn 3 (Trời) như sau:

Lấy số 1 Thủy phối với số 3 (Trời),  $3 - 1 = 2$  nên có Thủy nhị cục

Lấy số 3 Mộc là số căn của Trời nên có Mộc tam cục

Lấy số 5 Thổ phối với số 3,  $5 - 3 = 2$  nên đem Thủy Thổ để chung vì cùng số 2

Lấy số 7 Kim của Lạc Thư,  $7 - 3 = 4$  nên có Kim tứ cục

Lấy số 9 Hỏa của Lạc Thư,  $9 - 3 = 6$  nên có Hỏa lục cục

Lời giải thích này chưa rõ ràng lắm, mong bạn làm sáng tỏ hơn

## Nguyên tắc an sao lưu

Theo sách vở để lại thì sao lưu gồm có Lưu Thái Tuế, Tang Môn, Bạch Hổ, Thiên Khốc, Thiên Hư, Lộc Tồn, Kinh, Đà, Mã và chỉ lưu theo năm mà thôi. Việt Viêm Tử thì lưu sao theo năm đã thêm vào: lưu Vòng Thái Tuế, Thiên Không, Quán Sách, Vòng Lộc Tồn, Vòng Tràng Sinh, Khôi Việt

Ngoài hai cách an sao lưu trên, nhiều người đã an thêm nhiều sao khác, và không những an sao lưu theo năm mà còn an sao lưu theo tháng, ngày hoặc giờ nữa. Vấn đề an sao lưu được thực hiện để chi tiết hóa sự giải đoán vì ví dụ nếu không an sao lưu theo ngày thì làm sao ta có thể tìm ra sự khác biệt giữa các ngày 1, 13, 25 của một tháng nào đó?

Ta có thể an sao lưu căn cứ vào Can và Chi của năm (nếu an sao lưu theo năm), tháng (nếu an sao lưu theo tháng), ngày (nếu an sao lưu theo ngày) và giờ. Nguyên tắc chung thì ta vẫn sử dụng cách an sao như an sao cố định. Cần phân loại cách an sao cố định căn cứ vào Can Chi:

An theo chi: vòng Thái Tuế, Thiên Không, Nguyệt Đức, Long Trì, Phượng Cát, Giải Thần, Thiên Khốc, Thiên Hư, Thiên Mã, Hoa Cái, Kiếp Sát, Cô Thần, Quả Tú, Phá Toái, Đào Hoa, Hồng Loan, Thiên Hi

An theo can: Lộc Tồn, Kinh, Đà, Lưu Niên Văn Tinh, Quốc Ấn, Đường Phù, Khôi Việt, Quan Phúc, Lưu Hà, Thiên Trù, Triệt

An theo can chi kết hợp: hành nạp âm, Tuần

An theo chi tháng: Tả Hữu, Địa Giải, Thiên Giải, Thiên Hình, Riêu - Y

An theo chi tháng và ngày: Tam Thai, Bát Tọa

An theo chi giờ: Không Kiếp, Thai Cáo, Xương Khúc

An theo chi giờ và ngày: Ân Quang, Thiên Quý

An theo can năm, tháng, ngày, giờ: các chính tinh bao gồm vòng Tử Vi và Thiên Phủ, Tứ Hóa (Lộc, Quyền, Khoa, Kỵ)

An theo can năm và giới tính: vòng Bác Sĩ

An theo can năm, tháng, giờ: cục

An theo can năm, tháng, giờ, giới tính: vòng Tràng Sinh

An theo chi năm, giờ, giới tính: Hỏa, Linh

An theo chi năm, tháng, giờ: Đầu Quân, Thiên Tài, Thiên Thọ

An cố định: La, Vong, Thương, Sứ

Sau đây là một số khác biệt khi an sao lưu

An sao lưu thuộc vòng Bác Sĩ

Lưu Bác Sĩ luôn luôn đồng cung với lưu Lộc Tồn. An vòng sao lưu Bác Sĩ thì cần

xác định tính thuận nghịch của vòng sao này. Có hai cách có thể áp dụng:  
 Cách một: căn cứ vào tính Âm Dương của Can và phân biệt đối tượng là nam hay nữ : Dương Nam Âm Nữ thì an theo chiều thuận, Âm Nam Dương Nữ thì theo chiều nghịch. Ví dụ như gặp lá số của Nam nhân và Can của thời gian coi là Dương thì đây là trường hợp Dương Nam an theo chiều thuận, nếu là Nữ thì là Dương Nữ lại an theo chiều nghịch. Nguyên tắc an sao lưu như vậy phù hợp với cách an sao cố định

Cách hai: căn cứ Âm Dương của Can: can dương thì an thuận, can âm thì an nghịch. Nguyên tắc an sao như vậy thì mâu thuẫn với cách an sao cố định vì không có sự phân biệt giới tính Nam Nữ khi an. Việt Viêm Tử sử dụng cách này

### An sao lưu Trường Sinh

Trường Sinh trong Tử Vi được an luôn luôn căn cứ vào hành nạp âm. Có hai cách an:

Cách một: căn cứ vào hành nạp âm để xác định cung khởi Tràn Sinh rồi từ đó an vòng Lưu Tràn Sinh theo chiều thuận. Cung khởi được xác định như sau:

Hành Mộc khởi tại Hợi, Kim tại Ty, Hỏa tại Dần, Thủy Thổ tại Thân. Cách an này giống như cách xác định vòng Tràn Sinh căn cứ vào ngũ hành bản Mệnh

Cách hai: căn cứ vào hành nạp âm và âm dương của can hay chi để xác định cung khởi của sao Tràn Sinh sao cho Mộ luôn tại tứ mộ và dương thì an thuận, âm thì an nghịch cho các sao thuộc vòng này. Như vậy

Dương Mộc khởi tại Hợi, an thuận

Âm Mộc khởi tại Mão, an nghịch

Dương Hỏa khởi tại Dần, an thuận

Âm Hỏa khởi tại Ngọ, an nghịch

Dương Kim khởi tại Ty, an thuận

Âm Kim khởi tại Dậu, an nghịch

Dương Thủy hoặc Thổ thì khởi tại Thân, an thuận

Âm Thủy hoặc Âm Thổ thì khởi tại Tí, an nghịch

Việt Viêm Tử sử dụng cách này

### An Tứ Hóa

Tứ Hóa cố định được an căn cứ vào Can và chính tinh hoặc Tả Hữu, Xương Khúc trong đó Tả Hữu được an theo tháng, Xương Khúc được an theo giờ. Có nhiều quan điểm về lưu Tứ Hóa:

Quan điểm 1: không an lưu Tứ Hóa vì Tứ Hóa được an theo chính tinh hoặc Tả Hữu, mà chính tinh thì không có sao lưu tương ứng, còn Tả Hữu thì phải biết tháng mới xác định vị trí và Xương Khúc thì cần biết giờ mới an được thành ra

không thể an Lưu Tứ Hóa theo năm hoặc tháng, ngày

Quan điểm 2: không an lưu Tứ Hóa theo năm, tháng hoặc ngày, chỉ lưu Tứ Hóa theo giờ bằng cách căn cứ vào năm tháng ngày giờ coi để an sao lưu 14 chính tinh và Lưu Tả Hữu, Lưu Xương Khúc rồi an Lưu Tứ Hóa giống như các an Tứ Hóa cố định. Nếu chấp nhận quan điểm này thì cần phải chấp nhận lưu Mệnh và lưu Thân

Quan điểm 3: an lưu Tứ Hóa căn cứ vào can và chính tinh cố định hoặc Tả Hữu, Xương Khúc cố định. Cách an sao lưu thì giống như cách an sao Tứ Hóa cố định. Cách an này có điểm vô lý là khi coi lưu tháng thì có lưu Tả Hữu nhưng mà Lưu Tứ Hóa lại không được an theo Lưu Tả Hữu mà lại an theo Tả Hữu cố định

Vận dụng trong giải đoán

Sao Lưu chỉ có giá trị tạm thời trong thời gian ta an sao nên chỉ có ảnh hưởng gia giảm tốt xấu trong hạn đó mà thôi. Khi sao Lưu trùng với sao cố định hoặc kết hợp với sao cố định thành bộ thì ảnh hưởng gia tăng, ví dụ như Lưu Kinh Dương gặp Kinh Dương hoặc Đà La. Sao Lưu xuất hiện trong cung nào thì ảnh hưởng lên cung đó, ví dụ như xuất hiện tại Phụ Mẫu thì ta có thể coi như là sao lưu đó được an trong lá số trong thời gian đó, phương pháp giải đoán thì sử dụng cách phối hợp như là sao cố định. Số lượng sao lưu sử dụng tùy theo kinh nghiệm của mỗi người nhưng qua kinh nghiệm có những sao lưu cần phải thêm không thể bỏ qua như Lưu Triệt, Lưu Song Hào

## Vài Nhận Định Về Cung Vô Chính Diệu

Toàn bộ các cung đều có khả năng VCD. Đặc biệt là khi một cung đã VCD thì cung xung chiếu luôn luôn có chính tinh, trong khi cung tam hợp với cung VCD thì có trường hợp không có chính tinh. Cụ thể:

Cung Tí Ngọ, Thìn Tuất, Tỵ Hợi có một trường hợp VCD

Cung Tí Ngọ VCD có Đồng Âm xung chiếu, Cự Dương tam hợp

Cung Thìn Tuất VCD có Cơ Lương xung chiếu, Cự Dương tam hợp

Cung Tỵ Hợi VCD có Liêm Tham xung chiếu, Phủ và Tướng tam hợp

Cung Sửu Mùi, Dần Thân, Mão Dậu có ba trường hợp VCD

Cung Sửu Mùi VCD có Đồng Cự xung chiếu, Thái Âm và Dương Lương tam hợp

Cung Sửu Mùi VCD có Nhật Nguyệt xung chiếu, Cự Cơ và Thiên Đồng tam hợp

Cung Sửu Mùi VCD có Vũ Tham xung chiếu, Phủ và Tướng tam hợp

Cung Dần Thân VCD có Đồng Lương xung chiếu, Cự Dương tam hợp

Cung Dần Thân VCD có Cơ Âm xung chiếu, Cự và Dương tam hợp

Cung Dần Thân có Cự Dương xung chiếu, Đồng Âm tam hợp

Cung Mão Dậu VCD có Dương Lương xung chiếu, Đồng Cự và Thiên Cơ tam hợp

Cung Mão Dậu VCD có Tử Tham xung chiếu, Phủ và Tướng tam hợp

Cung Mão Dậu VCD có Cự Cơ xung chiếu, Âm Dương và Thiên Lương tam hợp

### Nguyên tắc luận giải về cung VCD

Một số sách vở bàn rằng khi gặp cung VCD thì ta lấy chính tinh xung chiếu làm tọa thủ để luận đoán, có nghĩa là nếu chính tinh này đắc hay hãm thì đặc tính đặc hãm của nó sẽ được tạm sử dụng để luận giải tại cung VCD. Quan điểm này thiết tưởng cũng hợp lý vì các sao xung chiếu vừa là trực chiếu, vừa có ảnh hưởng sâu rộng đến các cung khác hơn các sao tam chiếu.

Ví dụ:

Mệnh VCD thì lấy chính tinh tại cung Di vì chính tinh tại Di còn có tác động đến cung Phôi và cung Phúc, toàn bộ đều là cường cung đối với Mệnh (Ảnh hưởng đến Mệnh bao gồm Tài Quan Di Phôi Phúc).

Phụ Mẫu VCD thì lấy chính tinh tại cung Tật vì chính tinh tại cung Tật còn ảnh hưởng đến cung Huynh và cung Điền (ảnh hưởng đến Phụ bao gồm Nô Tử Tật Điền Huynh).

Phúc Đức VCD thì lấy chính tinh tại cung Tài vì chính tinh tại cung Tài còn ảnh hưởng đến cung Quan và cung Mệnh (ảnh hưởng đến Phúc bao gồm Di Phối Tài Quan Mệnh).

Điền Trạch VCD thì lấy chính tinh tại cung Tử vì chính tinh tại cung Tử còn ảnh hưởng đến cung Nô và cung Phụ Mẫu (ảnh hưởng đến Điền thì bao gồm Tật Huynh Tử Nô Phụ).

Quan Lộc VCD thì lấy chính tinh tại cung Phối vì chính tinh tại cung Phối còn ảnh hưởng đến cung Di và cung Phúc (ảnh hưởng đến Quan bao gồm Mệnh Tài Phối Di Phúc).

Nô Bộc VCD thì lấy chính tinh tại cung Huynh vì chính tinh tại cung Huynh còn ảnh hưởng đến cung Tật và cung Điền).

Thiên Di VCD thì lấy chính tinh tại cung Mệnh vì chính tinh tại cung Mệnh còn ảnh hưởng đến cung Quan và cung Tài.

Tài Bạch VCD thì lấy chính tinh tại cung Phúc vì chính tinh tại cung Phúc còn ảnh hưởng đến cung Phối và cung Di.

Tử Tức VCD thì lấy chính tinh tại cung Điền vì chính tinh tại cung Điền còn ảnh hưởng đến cung Tật và cung Huynh.

Huynh Đệ VCD thì lấy chính tinh tại cung Nô vì chính tinh tại cung Nô còn ảnh hưởng đến cung Tử Tức và cung Phụ Mẫu.

Nguyên tắc lấy chính tinh xung chiếu làm tọa thủ không áp dụng cho ba trường hợp sẽ nêu dưới đây (VCD có hung tinh đắc địa độc thủ, VCD có Nhật Nguyệt xung chiếu hoặc Nhật Nguyệt sáng sửa tam hợp chiếu (Nhật Mão, Nguyệt Mùi) và VCD đắc tam không).

### Ngũ hành bản mệnh và cung VCD

Thông thường thì Mệnh Hỏa và Kim thì tốt hơn các Mệnh có hành khác, bởi cung VCD ví như là nhà không có nóc, cần có hành khí mạnh mẽ là Hỏa và Kim làm nòng cốt.

### Cung VCD và Tuần Triệt án ngữ

Ngoại trừ trường hợp cung VCD có hung tinh đắc địa độc thủ thì không nên có Tuần Triệt án ngữ, còn tất cả các trường hợp cung VCD đều rất cần có Tuần hoặc



Triệt án ngữ tại bản cung để câu hút được chính tinh về, để ngăn chặn các ảnh hưởng xấu xa do hung tinh lạc hãm đóng tại cung VCD hoặc chiếu về cung VCD.

Nếu gặp Triệt tại Thân Dậu, Tuần tại Thìn Tí hoặc Dần Mão thì càng hay (Triệt đáo Kim cung, Tuần lâm Hỏa địa hoặc Mộc vị thì bất kỵ Sát Tinh bại điều tai ương sở tác).

Chú ý rằng cung VCD gặp Tuần án ngữ tốt đẹp hơn cung VCD gặp Triệt, gặp Triệt cũng chỉ đưa đến sự tốt đẹp của cung VCD ở mức độ khá khá trong trường hợp có chính tinh sáng sửa xung chiếu và nhiều trung tinh sáng sửa hội chiếu.

Nếu không có Tuần hoặc Triệt đóng tại cung VCD thì hiệu quả ảnh hưởng của chính tinh xung chiếu yếu đi, và cho dù cung VCD có nhiều sao sáng sửa hội chiếu cũng không thể coi là rục rở được, tốt lắm thì sự tốt đẹp cũng chỉ ở mức độ trung bình khá mà thôi.

Khi có Tuần hoặc Triệt tại cung VCD thì mặc dầu ban đầu tuy gặp khó khăn trở ngại nhưng về sau lại thuận lợi hơn, tốt đẹp hơn. Tuần Triệt ở đây còn có tác dụng ngăn trở các sao xấu, nếu có, chiếu về cung VCD, và giải cứu được trường hợp phi yếu tác bần nếu VCD tại cung Mệnh.

Trường hợp Tuần Triệt án ngữ đồng cung thì thông thường ta có thể giải đoán là cung VCD này không tốt cũng không xấu, tốt xấu chỉ nằm khoảng ở mức độ trung bình mà thôi. Trong trường hợp này ta gần như không cần quá chú trọng lắm đến các sao hội chiếu vì ảnh hưởng gia giảm của các sao này tuy vẫn có nhưng hầu như không nhiều vì Tuần ngăn các sao tốt chiếu tới là chủ yếu, còn Triệt thì ngăn cản các hung tinh chiếu tới trong khi các sao tại bản cung thì bị cả Tuần lẫn Triệt vây trảm. Cần chú ý có một số sao kỵ gặp Tuần Triệt như Tướng Quân nếu đóng tại cung VCD mà gặp Tuần Triệt thì dễ đưa đến tai họa bất ngờ nếu rơi vào trường hợp bị đương đầu. Đặc biệt nếu VCD tại Tứ Mộ thì lại rất cần Tuần Triệt án ngữ.

Trường hợp đặc biệt Mệnh VCD có Tuần hoặc Triệt thủ, có hai trong ba sao là Tuần, Triệt, Thiên Không chiếu thì gọi là VCD đắc tam không, nếu mệnh Hỏa hoặc Kim thì phú quý khả kỳ (được hưởng phú quý trong một giai đoạn, bởi vì tính chất của các sao Không trong trường hợp này tuy đưa đến tốt đẹp nhưng không

toàn vẹn, chỉ hưởng tốt đẹp trong một giai đoạn mà thôi). Đắc Tam Không là Tuần Không, Triệt Không và Thiên Không. Không tính sao Địa Không. Cần một thủ, hai sao chiếu. Trong trường hợp đắc tam không này ta không lấy chính tinh xung chiếu làm tọa thủ. VCD đắc tam không mà không có Tuần Triệt án ngữ thì là cách Kiến Không. Mệnh VCD đắc tam không thì mệnh Hỏa đẹp hơn Mệnh Kim, còn các Mệnh khác thì không hưởng mấy (không giàu có nhưng nhìn chung thì cuộc sống không đến nỗi xấu, cuộc sống cũng được tạm đủ hoặc kha khá). Phú có câu:

Mệnh VCD đắc Tam Không phú quý khả kỳ

Mệnh VCD hoán ngộ Tam Không hữu Song Lộc, phú quý khả kỳ

Trường hợp VCD đắc tam không, nếu có hung tinh lạc hãm hay đắc địa tọa thủ tại cung VCD thì cũng chỉ làm xấu một chút mà thôi, ta không đáng lo ngại lắm về họa của các sao này gây ra

Trường hợp vô chính diệu mà không có Tuần Triệt án ngữ, lại có sao Thiên Không thủ là cách ngộ Không, là người quyền biến khôn ngoan nhưng cuộc đời thăng trầm cực khổ. Nếu lại gặp thêm các sao Không khác ở các cung hội chiếu thì lại thông thường càng xấu hơn, cuộc đời sẽ thăng trầm cực khổ nếu không bị chết yểu.

Nhìn chung trường hợp VCD mà lấy chính tinh xung chiếu làm tọa thủ thì cho dù có được chính tinh sáng sủa xung chiếu, được Tuần Triệt án ngữ cũng chỉ đưa đến sự tốt đẹp của cung đó cũng chỉ là mức độ khá là tối đa mà thôi, chứ không thể nào rực rỡ như có chính tinh sáng sủa tọa thủ được. Còn nếu gặp chính tinh lạc hãm xung chiếu hoặc có nhiều sao xấu hội tụ mà lại không có Tuần Triệt án ngữ cứu nguy thì rơi vào cách phi yếu tác bản. Nếu có hung tinh lạc hãm khác hành bản Mệnh tọa thủ thì càng nguy hiểm hơn. Cung VCD mà có sát tinh hãm địa thủ thì rất xấu, dễ lâm vào trường hợp phi yếu tác bản (rõ nét nhất cho những người có hành bản Mệnh bị hành của hung tinh khắc) Ngoại trừ có Tuần Triệt án ngữ cứu nguy hoặc có nhiều cát tinh cứu giải như Quan Phúc, Quang Quý tọa thủ tại bản cung là tốt nhất....

VCD có hung tinh đắc địa độc thủ

Hung tinh đắc địa này phải là hành Hỏa hoặc hành Kim mới được coi là rơi vào trường hợp này. Trong trường hợp này thì ta chọn hung tinh này làm nòng cốt cho cung VCD, không lấy chính tinh xung chiếu để giải đoán. Một số tác giả cho rằng hao bại tinh đắc địa có thể làm nòng cốt cho cung VCD như Tang Môn (Mộc), Song Hao (Thủy), Khốc Hư (Thủy) nhưng theo thiên ý thì không chính xác.

Thứ tự mức độ tốt có thể sắp xếp như sau:

Bạch Hổ đắc địa tốt nhất, tại Thân Dậu tốt đẹp hơn tại Dần Mão

Kình Đà đắc địa, Kình đẹp hơn Đà

Không Kiếp đắc (Ty Hợi đẹp hơn Dần Thân), Hỏa Linh đắc

Đặc biệt Thái Tuế (hành Hỏa) cũng được dự phần vào trong cách này với điều kiện không gặp Tuần hoặc Triệt và phải rơi vào cung Mệnh hoặc Thân VCD

Một vài ghi nhận về vị trí của hung tinh đắc địa

Không Kiếp hành Hỏa miếu địa tại Ty Hợi, đắc tại Dần Thân

Hỏa Linh hành Hỏa đắc địa tại cung ban ngày từ Dần tới Ngọ

Kình Đà hành Kim đới Hỏa, đắc địa tại Thìn Tuất Sửu Mùi

Bạch Hổ hành Kim đắc địa tại Dần Mão, Thân Dậu

Hung Tinh đắc địa phải là hành Kim và Hỏa mới có tác dụng mạnh và bản Mệnh phải đồng hành với hung tinh này thì mới hưởng tốt đẹp trọn vẹn. Các Mệnh khác thì hưởng yếu hơn, ta có thể tạm đánh giá thì chỉ nằm trong mức độ trung bình. Trong tất cả các trường hợp trên thì ngoại trừ Bạch Hổ và Thái Tuế còn có tác dụng tốt lâu dài về sau, còn lại các trường hợp khác thì tuy làm cho cung VCD được sáng sửa rực rỡ nhưng chỉ là một giai đoạn mà thôi, không có tác dụng tốt lâu dài. Mọi sự xấu tốt đều đến nhanh. Không Kiếp phát huy tính chất lên bất ngờ nhanh chóng nhất nhưng cũng đưa đến suy bại nhanh nhất trong toàn bộ các hung tinh vừa kể.

Nếu Mệnh VCD có hung tinh đắc địa độc thủ nhưng bị Tuần Triệt án ngữ thì không đúng cách đã nói ở trên, trong trường hợp này ta luận giải như trường hợp lấy chính tinh xung chiếu làm tọa thủ, với Tuần Triệt án ngữ tại cung.

Cung VCD có Nhật Nguyệt xung chiếu hoặc Nhật Nguyệt sáng sửa tam hợp chiếu (Nhật Mão, Nguyệt Mùi) :

Trường hợp nếu có đủ bộ Âm Dương sáng sửa tại Mão và Mùi Hợi chiếu hoặc Âm Dương đồng cung xung chiếu đến cung VCD thì ta lại chọn bộ Âm Dương này làm nòng cốt cho cung VCD, chứ không lấy các chính tinh xung chiếu bởi vì qui luật của Nhật Nguyệt là chiếu đẹp hơn tọa thủ.

Trong trường hợp này ta có thể đoán rằng cung VCD này trước tuy có gặp trục trặc trắc trở nhưng về sau thì khá tốt. Tốt xấu hơn thì phải căn cứ vào sự tụ tập của các sao khác.

Nếu có Tuần hoặc Triệt án ngữ tại cung VCD thì cung VCD này càng trở nên tốt đẹp bội phần, gặp Tuần tốt hơn gặp Triệt. Gặp Triệt thì chỉ kha khá thêm một chút mà thôi.

Trường hợp Nhật Mão Nguyệt Mùi thì cần phải không bị sao nào làm giảm sức sáng, ví dụ như cần phải không có Tuần Triệt án ngữ Nhật Nguyệt, hoặc Hóa Kỵ đóng đồng cung làm giảm sức sáng của Nhật hoặc Nguyệt. Nếu một sao bị Tuần hoặc Triệt án ngữ hoặc bị Hóa Kỵ đồng cung, nghĩa là bị giảm sức sáng thì sẽ đưa đến mức độ tốt giảm đi rất nhiều, cung VCD trong trường hợp này chỉ tốt ở mức độ trên trung bình một chút mà thôi.

Nếu Nhật Nguyệt được các phụ tinh làm tăng sức sáng như Xương Khúc Đào Hồng thì lại càng tốt đẹp bội phần. Trường hợp có Nhật Nguyệt Sửu Mùi chiếu thì nếu Nhật Nguyệt bị Tuần hoặc Triệt tại cung thì càng tốt, có Hóa Kỵ đồng cung với Nhật Nguyệt thì càng tốt hơn.

Chú ý rằng chỉ rơi vào hai trường hợp này thì ta mới sử dụng bộ Nhật Nguyệt, còn tất cả các trường hợp khác thì nếu có Âm Dương chiếu ta cũng lấy chính tinh xung chiếu làm tọa thủ.

## Chính Tinh Phú Giải

### Chú ý:

Trích dẫn từ Tử Vi Đầu Số của Vân Đằng Thái Thứ Lang, thì ghi TTL, không ghi số trang kèm theo (TTL)

Toàn bộ phần trích dẫn từ Tử Vi Phú Giải của Thái Vân Trình thì chỉ ghi số trang (16)

Trích dẫn từ Tử Vi của Nguyễn Mạnh Bảo thì ghi B kèm theo số trang (B61)

Tất cả câu Phú có sự trùng lặp giữa các tác giả thì đều ghi đầy đủ nguồn trích dẫn (30, TTL, B56)

Sao Dương: Tử Vi, Thái Dương, Thiên Đồng, Thiên Tướng, Thất Sát

Sao Âm: các chính tinh còn lại

### TỬ VI

Tử Vi trung hậu (1, TTL)

Tử, Vũ tài năng (cần phải đắc, vượng, miếu) (TTL)

Tử Phủ bất khả cư hãm địa (NMB giải rằng Tử Phủ không nên ở Tật Ách. Chú ý Tử Phủ không có vị trí hãm địa) (37, B61)

Mệnh viên bằng ngộ (gặp) Tử Vi, dầu phùng nhược địa hạn suy chẳng sờn (16)

Giải: Mệnh có Tử Vi cho dù ở nhược địa gặp hạn suy cũng không đáng lo ngại

Vận (đại vận) suy, hạn (tiểu hạn) suy hỉ (mùng gặp) Tử Vi chi giải hung ác (16)

Giải: Vận hạn xấu thì cần gặp Tử Vi để giải hung nguy

Tử Phủ Nhật Nguyệt cư vượng địa, đoán định Công Hầu khí (29)

Giải: (Tử Vi, Thiên Phủ, Thái Dương, Thái Âm ở vượng địa thì làm đến Công Hầu, ý nói phú quý)

Tử Phủ giáp Mệnh vi quý cách (39)

Giải: Cơ Âm Dần Thân thì có Tử Tham và Thiên Phủ giáp, và Mệnh VCD tại Dần Thân có Đồng Lương chiếu thì có Tử Phá và Thiên Phủ giáp

Tử, Phá, Tham Lang (ba sao này hội hợp) nam nữ tà dâm vi chí dâm (57)

Giải: Tử, Phá, Tham Lang hội hợp thì là người rất dâm dật

### TỬ VI TẠI VI TRÍ 12 CUNG

#### Tử Vi Tí Ngọ

Tử Vi cư Tí Ngọ, Khoa Quyền Lộc chiếu tới vi kỳ (6, TTL, VTL)

Giải: Tử Vi tại cung Tí Ngọ, có Khoa Quyền Lộc chiếu rất tốt đẹp, ám chỉ phú quý

Tử Vi cư Ngọ vô Hình Kỵ, Giáp Đinh Kỵ vi chí công khanh (5, TTL, VTL)

Giải: Tử Vi cư Ngọ không có Thiên Hình Hóa Kỵ hay Kinh Đà, người tuổi Giáp, Đinh, Kỵ thì chức vụ địa vị làm tới công khanh, ý nói phú quý, quý hiển

Đế tọa Ly cung (Tử Vi tại cung Ngọ) kỵ phùng Hao (kỵ gặp Đại Hao, Tiểu Hao), sát (sát tinh), hạnh ngộ Khôi Khoa (mừng gặp Khôi Khoa) hữu tài phụ chính (có tài phò tá nguyên thủ, kinh bang tế thế) (9)

Giải: Tử Vi tại cung Ngọ thì kỵ gặp Đại Hao, Tiểu Hao và sát tinh (như Không Kiếp, Kinh Đà, Hình Kỵ), rất tốt khi gặp Khôi Khoa thì có tài phò tá nguyên thủ, kinh bang tế thế

Đế tọa Ly cung (Tử Vi tại cung Ngọ) Tam Kỳ (Khoa Quyền Lộc) Hình (Thiên Hình) Ấn (Quốc Ấn) Khôi Xương Hồng (Hồng Loan) Bát (Hữu Bát), mỹ mạo (mặt đẹp) tài hùng (có tài và anh hùng), hạn hữu (hạn có) Cự (Cự Môn), sát (sát tinh) Đà (Đà La) Linh (Linh Tinh), Chu Du cam hạn Mệnh vong (7)

Giải: Tử Vi tại cung Ngọ gặp Khoa Quyền Lộc, Thiên Hình, Quốc Ấn, Khôi Xương, Hồng Loan, Hữu Bát thì người đẹp trai, có tài và anh hùng nhưng gặp hạn có

Cự Môn gặp sát tinh, Đà La, Linh Tinh hội hợp thì bị chết như Chu Du

Tử Vi Dần Ngọ Thân cung, Nữ Mệnh chủ vượng phu ích tử (11)

Giải: Nữ Mệnh có Tử Vi tại Ngọ, Dần Thân làm lợi cho chồng con vì Tử Vi miếu địa ở đó

Tham, Tử Thủy cung (cung Tí Hợi) giáp biên Tứ Sát bản khổ chung thân (70)

Giải: Tham Lang hoặc Tử Vi tại cung Tí Hợi mà giáp Tứ Sát (giáp Không Kiếp, Kinh Đà) thì bản khổ chung thân. Cần chú ý câu này của TVT chưa đúng hẳn cần nghiên cứu lại vì giáp Kinh Đà thì có Lộc Tồn thủ

Tử Vi đáo thủ nhàn cung (ý nói cung Tí Hợi, Mão Dậu), hựu vọng khô miêu khả cứu (13)

Giải: Tử Vi tại Mão Dậu, Hợi Tí thì như nằm khô khó cứu giải

Ngôi Tử Vi đóng vào chốn hãm (tại Hợi, Tí, Mão Dậu), quyền cứu tha thiếu giảm vô uy (14)

Giải: Tử Vi tại Mão Dậu, Hợi Tí thì không uy lực nên sức cứu giải không mạnh mẽ

Tử Vi lạc nhàn cung gia Khúc Xương, đa ngôn giáo hoạt (18)

Giải: Tử Vi tại Mão Dậu, Hợi Tí thì lắm lời và miệng lưỡi gian xảo

Nữ Mệnh Tử Vi cư Tí Dậu Tỵ Hợi gia Tứ Sát (Không Kiếp Kinh Đà) mỹ ngọc hà diễm, nhật hậu bất mỹ (12)

Giải: Nữ Mệnh Tử Vi cư Tí Dậu Tỵ Hợi gặp Tứ Sát (Không Kiếp Kinh Đà) thì như ngọc đẹp nhưng có tì vết, hậu vận không tốt

Đế Tinh tại Thủy (Tử Vi tại cung Hợi, Tí) nan giải tai ương (khó giải tai họa), hạn hữu Sát tinh La Vọng (hạn gặp sát tinh La Vọng) hình lao khôn vị thoát (khó tránh tù tội), Mệnh nãi Dương Đà gia Kiếp (Mệnh lại có thêm Kinh Đà gặp Địa Kiếp) vi thành thọ giảm (tuổi thọ bị chiết giảm, ý nói chết sớm) (8)

Giải: Tử Vi tại cung Hợi, Tí thì khó giải tai họa, nếu hạn gặp sát tinh La Vọng thì khó tránh tù tội, Mệnh lại có thêm Kinh Đà gặp Địa Kiếp thì tuổi thọ bị chiết giảm, ý nói chết sớm



Tử Phá đồng cung (Sử Mùi)

Tử, Phá Mộ cung (Tử Phá tại cung Thìn Tuất Sửu Mùi), bất trung bất hiếu (53, TTL)

Giải: Tử Vi Thiên Tướng tại Thìn Tuất, Tử Vi Phá Quân tại Sửu Mùi hoặc Phá Quân tại Thìn Tuất thì là người phản phúc, làm thần thì bất trung với vua, làm con thì bất hiếu với cha mẹ. Điều này do Phá Quân gây ra

Tử, Phá Mệnh lâm ư Thìn Tuất Sửu Mùi tại gia cát diệu phú quý thâm kỳ (54, TTL)

Giải: Tử Vi Thiên Tướng tại Thìn Tuất, Tử Vi Phá Quân tại Sửu Mùi hoặc Phá Quân tại Thìn Tuất gặp nhiều cát tinh hội hợp thì phú quý hiển hách

Tử Vi, Phá Quân vô Tả Hữu, vô cát diệu, hung ác hôn lại chi đồ (55, TTL)

Giải: Tử Vi Thiên Tướng tại Thìn Tuất, Tử Vi Phá Quân tại Sửu Mùi hoặc Phá Quân tại Thìn Tuất nếu không có Tả Hữu hay cát tinh thì là quan chức nhỏ (do thiếu Tả hữu) hung ác dốt nát tham nhũng (do có Phá Quân đồng cung hay xung chiếu). Điều này cho thấy Tả Hữu cùng với cát tinh thì giải được phá cách của Tử Vi mà gặp Phá Quân đồng cung hay xung chiếu

Tử Phá Mộ cung vô ưu họa ách, vận lai Phụ Bật Thổ cung, nguyện vọng đắc như cầu thần, kiêm Hồng Lộc, Hóa Khoa: Khánh Hội Long Vân (58)

Giải: Tử Vi Thiên Tướng tại Thìn Tuất, Tử Vi Phá Quân tại Sửu Mùi hoặc Phá Quân tại Thìn Tuất thì không sợ tai họa xảy ra, nếu hạn gặp Tả Hữu tại cung Thìn Tuất Sửu Mùi thì mọi nguyện vọng được thành đạt, gặp thêm Hồng Lộc, Hóa Khoa thì như rồng gặp mây, ý nói gặp thời cơ thuận lợi mà hiển hách

Tử Vi Thiên Phủ đồng cung (Dần Thân)

Vật khai ư Dần, vụ thành ư Thân, Tử Phủ đồng cung vi đắc địa (30, B73)

Giải: Vạn vật bắt đầu từ Dần, sự việc thì thành ở Thân, Tử Phủ tại Dần Thân thì đắc địa, ý nói tốt lắm

Tử Phủ đồng cung cư miếu địa, tất định xuất giai công khanh khí (42)

Giải: Tử Phủ tại Dần Thân thì phú quý vào bậc công khanh

Càn (cung Dần) Cấn (cung Thân) Tử Phủ vi Phật nhi (34)

Giải: Tử Phủ tại Dần Thân thì là con của Phật, ý nói là người phúc hậu được hưởng phúc

Tử Vi Dần Ngọ Thân cung, Nữ Mệnh chủ vượng phu ích tử (11)

Giải: Nữ Mệnh có Tử Vi tại Ngọ, Dần Thân làm lợi cho chồng con vì Tử Vi miếu địa ở đó

Tử Phủ đồng cung tới vi phúc hậu , thiết hiem nội trở Triệt Tuần (33, B66)

Giải: Tử Phủ tại Dần Thân là người rất phúc hậu, nhưng sợ gặp Triệt Tuần thì giảm tốt đi nhiều)

Tử Phủ đồng cung, Tuần Không xâm nhập, Đế vô quyền sở, nan giải hung tinh hạn ngộ (44)

Giải: Tử Phủ tại Dần Thân gặp Tuần Không thì như vua mất hết quyền hành, khó giải hạn xấu có hung tinh xâm nhập tại hạn

Tử Phủ đồng cung vô sát (sát tinh) tấu, Giáp nhân hưởng phúc chung thân (31, 43, TTL, VTL)

Giải: Tử Phủ đồng cung tại Dần Thân không có sát tinh (như Không Kiếp Kinh Đà) hội hợp, người tuổi Giáp hưởng phúc trọn đời, ý nói hưởng phú quý song toàn

Trương Tử Phòng thao lược đa mưu giai do Tử Phủ phùng Quyền Ky (46, TTL)

Giải: Trương Lương có tài và đa mưu túc trí do bởi có Tử Phủ đồng cung tại Dần gặp Quyền Ky

Tử Vi Nam Hợi Nữ Dần cung, Nhâm Giáp sinh nhân phú quý đồng (10,TTL)

Giải: Nam nhân Tử Vi tại Hợi, Nữ nhân Tử Vi tại Dần mà tuổi Nhâm Giáp thì có cả phú lẫn quý. Chú ý Nam tuổi Giáp thì có Khoa Quyền Lộc Khôi Thiên Quan Kinh hãm chiếu, nhị hợp có Lộc Tồn Hóa Ky, còn tuổi Nhâm có Lộc Tồn Hóa Quyền Lưu Hà thủ, Khôi Việt Ky Quốc Ấn chiếu trong đó Liêm Phá Khôi đồng cung bị Triệt. Nữ nhân tuổi Giáp có Lộc Tồn thủ, Khoa Lộc Quốc Ấn Thiên Trù chiếu và tuổi Nhâm có Tử Phủ đồng cung với Hao LNVH Hóa Quyền bị Triệt, có Quan Phúc Đà Ky chiếu nên câu phú này không đúng cho tuổi Nhâm Nữ Mệnh

Dần Mộc, Phủ Vi (Tử Phủ tại Dần, Vi là Tử Vi) hữu hội Tam Kỳ (gặp được Khoa Quyền Lộc), Kinh Bất, cư lai Thân Mệnh xuất võ đồ văn (ở Thân Mệnh thì là người có văn chức nhưng do thời thế kiêm cả võ nghiệp), quyền hành cư phục chúng nhân (có quyền hành khiến người nể phục), mạc phùng Không Kiếp hư vô (nếu gặp Không Kiếp thì trở thành không, sẽ không kể đến nữa, nghĩa là xấu) (chú ý TVT cho rằng cư lai Thân Mệnh có lẽ ghi sai) (47, TTL)

Giải: Mệnh Thân có Tử Phủ tại Dần gặp được Khoa Quyền Lộc Kinh Bất thì là người có văn chức nhưng do thời thế kiêm cả võ nghiệp, có quyền hành khiến người nể phục nhưng nếu gặp Không Kiếp thì trở thành không, sẽ không kể đến nữa, nghĩa là xấu. Điều này cho ta thấy rằng Không Kiếp phá hoại Tử Phủ rất mạnh

#### Tử Vi Tham Lang đồng cung (Mão Dậu)

Tử Tham đồng cung cư Đoài (cung Dậu) Chấn (cung Mão) bất trung, bất nghĩa, cận gian nhân (69)

Giải: Tử Tham đồng cung cư Mão Dậu thì bất trung, bất nghĩa, gần gũi, chơi bời giao du với phường gian ác. Cần xét lại câu phú này của TVT vì trên thực tế không chính xác

Tử Vi cư Mão Dậu gia Kiếp Không đa vi thoát tục chi tăng (TTL)

Giải: Tử Vi cư Mão Dậu gặp Kiếp Không Kinh Đà Hỏa Linh thì đa số là người tu hành, hoặc người có tâm tu hành thoát tục

Tử Vi cư Mão Dậu gia Kiếp Không Tứ Sát (Kinh Đà Hỏa Linh), đa vi thoát tục chi tăng (3)

Giải: Tử Vi cư Mão Dậu gặp Kiếp Không Kinh Đà Hỏa Linh thì đa số là người tu hành, hoặc người có tâm tu hành thoát tục. TVT ghi thêm Tứ Sát nhưng thực ra Tử Tham gặp Hỏa Linh thì lại tốt thành ra cần xét lại câu phú này

Tử Vi cư Dậu toàn vô uy lực chi công (2, B72)

Giải: Tử Vi cư Dậu thì không có uy lực, nghĩa là không đưa đến quý hiển và không có khả năng giải họa vì chỉ bình hòa. Khả năng giải họa là một đặc tính của Tử Vi sáng sủa

Tử Vi đáo thủ nhàn cung (ý nói cung Tí Hợi, Mão Dậu), hựu vọng khô miêu khả cứu (13)

Giải: Tử Vi tại Mão Dậu, Hợi Tí thì như nằm khô khó cứu giải

Ngôi Tử Vi đóng vào chốn hãm (tại Hợi, Tí, Mão Dậu), quyền cứu tha thiếu giảm vô uy (14)

Giải: Tử Vi tại Mão Dậu, Hợi Tí thì không uy lực nên sức cứu giải không mạnh mẽ

Tử Tham Khôi Việt phương Đoài (cung Dậu), Long thần Kỳ đảo ai ai cúng dường (67)

Giải: Tử Tham Khôi Việt tại Dậu làm thầy tu thì có nhiều người đến cúng dường

Nữ Mệnh Tử Vi cư Tí Dậu Ty Hợi gia Tứ Sát (Không Kiếp Kinh Đà) mỹ ngọc hà điểm, nhật hậu bất mỹ (12)

Giải: Nữ Mệnh Tử Vi cư Tí Dậu Ty Hợi gặp Tứ Sát (Không Kiếp Kinh Đà) thì như ngọc đẹp nhưng có tì vết, hậu vận không tốt

Tử Vi lạc nhàn cung gia Khúc Xương, đa ngôn giáo hoạt (18)

Giải: Tử Vi tại Mão Dậu, Hợi Tí thì lắm lời và miệng lưỡi gian xảo

Tử Tham Tả Hữu ngộ trung (Tử Tham gặp Tả Hữu), Có người con gái trốn chồng ra đi (68)

#### Tử Vi Thiên Tướng đồng cung (Thìn Tuất)

Đế tọa La Vọng (Tử Vi tại Thìn Tuất), hoàn vi phi nghĩa chi nhân (50, TTL)

Giải: Tử Vi tại Thìn Tuất thì trước sau chỉ là hạng phi nghĩa, có thủ đoạn, nhiều mưu cơ

Tử Vi Thìn Tuất ngộ Phá Quân, lương thương quân tử (51, B71)

Giải: Tử Vi tại Thìn Tuất thì là hạng quân tử giả hiệu, bất lương do có Phá Quân xung chiếu. Câu phú này cho ta thấy ảnh hưởng của sao xung chiếu rất mạnh đến

cung toa thủ. Chú ý rằng Tử Vi có Phá Quân tam hợp thì lại không sao, điều này càng nhấn mạnh cho ta thấy ảnh hưởng của vị thế xung chiếu

Tử Phá Thìn Tuất, quân thần bất nghĩa (56)

Giải: Tử Vi hay Phá Quân tại Thìn Tuất thì làm vua hay làm tôi đều là hạng bất nghĩa

Tử, Phá Mộ cung (Tử Phá tại cung Thìn Tuất Sửu Mùi), bất trung bất hiếu (53, TTL)

Giải: Tử Vi Thiên Tướng tại Thìn Tuất, Tử Vi Phá Quân tại Sửu Mùi hoặc Phá Quân tại Thìn Tuất thì là người phản phúc, làm thần thì bất trung với vua, làm con thì bất hiếu với cha mẹ. Điều này do Phá Quân gây ra

Tử Vi Thìn Tuất ngộ Phá Quân, phú nhi bất quý hữu hư danh (61)

Giải: Tử Vi tại Thìn Tuất thì nếu giàu có sẽ không quý hiển, nếu có danh tiếng thì chỉ có danh tiếng xấu xa mà thôi

Tử, Phá Mệnh lâm ư Thìn Tuất Sửu Mùi tại gia cát diệu phú quý thâm kỳ (54, TTL)

Giải: Tử Vi Thiên Tướng tại Thìn Tuất, Tử Vi Phá Quân tại Sửu Mùi hoặc Phá Quân tại Thìn Tuất gặp nhiều cát tinh hội hợp thì phú quý hiển hách

Tử Vi, Phá Quân vô Tả Hữu, vô cát diệu, hung ác hôn lại chi đồ (55, TTL)

Giải: Tử Vi Thiên Tướng tại Thìn Tuất, Tử Vi Phá Quân tại Sửu Mùi hoặc Phá Quân tại Thìn Tuất nếu không có Tả Hữu hay cát tinh thì là quan chức nhỏ (do thiếu Tả hữu) hung ác dốt nát tham nhũng (do có Phá Quân đồng cung hay xung chiếu). Điều này cho thấy Tả Hữu cùng với cát tinh thì giải được phá cách của Tử Vi mà gặp Phá Quân đồng cung hay xung chiếu

Tử Phá Mộ cung vô ưu họa ách, vận lai Phụ Bát Thổ cung, nguyện vọng đặc như cầu thần, kiêm Hồng Lộc, Hóa Khoa: Khánh Hội Long Vân (58)

Giải: Tử Vi Thiên Tướng tại Thìn Tuất, Tử Vi Phá Quân tại Sửu Mùi hoặc Phá Quân tại Thìn Tuất thì không sợ tai họa xảy ra, nếu hạn gặp Tả Hữu tại cung Thìn

Tuất Sửu Mùi thì mọi nguyện vọng được thành đạt, gặp thêm Hồng Lộc, Hóa Khoa thì như rồng gặp mây, ý nói gặp thời cơ thuận lợi mà hiển hách

Tử Vi Thiên Tướng, Thân phùng Phá (cung Thân, đối lại là cung Mệnh, có Phá Quân), kiêm ngộ Vượng (Đế Vượng) Kinh đa mưu yếm trá (52, TTL)

Giải: Mệnh có Tử Tướng tại Thìn Tuất, Thân có Phá Quân gặp Đế Vượng Kinh Dương thì có nhiều mưu mẹo, gian hùng và xảo quyệt

Đế tọa Thiên La, Thân cư Triệt xứ, ư Giáp Kỷ nhân chung niên nan toại chí, đa trái thê nhi (60)

Giải: Tử Vi tại Thìn mà cung Thân bị Triệt thì người tuổi Giáp Kỷ thì cả đời khó toại chí, chuyện vợ con đều lận đận oan trái. Chú ý tuổi Giáp Kỷ thì Triệt tại Thân Dậu nghĩa là Thân cư Quan có Liêm Trinh bị Triệt và đối cung Quan là cung Thê có Tham Lang

Tuất địa hạ hành Tử Tướng, Tân Ất Âm Nam: thê vinh phú hoạnh; Giáp Canh Dương Nữ thương phu khắc tử, hoạnh đạt tự thân (59)

Giải: Có Tử Tướng tại Tuất, người Âm Nam tuổi Tân và Ất thì có vợ vinh hiển, phát giàu có. Người Dương Nữ tuổi Giáp Canh thì khóc chồng khắc con, tự mình lập thân mà phát đạt chứ không nhờ chồng con

#### Tử Vi Thất Sát đồng cung (Ty Hợi)

Tử Sát đồng lâm Ty Hợi, nhất triều phú quý song toàn (62, TTL)

Giải: Tử Vi Thất Sát tại Ty Hợi thì phú quý song toàn

Tử Vi Thất Sát (tại Ty Hợi) gia Không Vong (Tuần Triệt), hư danh thụ ẩm (63, TTL)

Giải: Tử Vi Thất Sát tại Ty Hợi gặp Tuần Triệt thì là người chỉ có tiếng tăm bề ngoài, nhờ cha mẹ mới có hư danh. Điều này cho thấy Tử Sát kỵ gặp Tuần Triệt bị giảm tốt nhiều

Tử Vi Thất Sát Hóa Quyền, phản tác trình tường (64)

Giải: Tử Vi Thất Sát gặp Hóa Quyền thì trái lại trở nên quý hiển

Tử Vi Nam Hợi Nữ Dần cung, Nhâm Giáp sinh nhân phú quý đồng (10,TTL)

Giải: Nam nhân Tử Vi tại Hợi, Nữ nhân Tử Vi tại Dần mà tuổi Nhâm Giáp thì có cả phú lẫn quý. Chú ý Nam tuổi Giáp thì có Khoa Quyền Lộc Khôi Thiên Quan Kinh hãm chiếu, nhị hợp có Lộc Tồn Hóa Ky, còn tuổi Nhâm có Lộc Tồn Hóa Quyền Lưu Hà thủ, Khôi Việt Ky Quốc Ấn chiếu trong đó Liêm Phá Khôi đồng cung bị Triệt. Nữ nhân tuổi Giáp có Lộc Tồn thủ, Khoa Lộc Quốc Ấn Thiên Trù chiếu và tuổi Nhâm có Tử Phủ đồng cung với Hao LNVN Hóa Quyền bị Triệt, có Quan Phúc Đà Ky chiếu nên câu phú này không đúng cho tuổi Nhâm Nữ Mệnh

Tử Sát Tồn cung (cung Tỵ), đề huề bảo kiếm (vua đeo kiếm báu), Hỏa Tuyệt nhập xâm đa sát chi nhân, hạnh hội (mừng gặp) Hồng Khoa, Ấn (Quốc Ấn), Mã, Bát (Bát Tọa), Sinh (Tràng Sinh), dị lập chiến công vi Đại Tướng (66)

Giải: Tử Vi Thất Sát tại cung Tỵ như vua đeo kiếm báu, gặp Hỏa Tinh và Tuyệt xâm nhập thì là người đa sát. Tử Vi Thất Sát tại cung Tỵ mà gặp Hồng Khoa, Quốc Ấn, Mã, Bát Tọa, Tràng Sinh thì rất tốt, là bậc Đại Tướng lập chiến công kỳ dị

Hợi cung Tử Sát (Tử Vi Thất Sát) gia kiêm Hình Ấn Khôi Khoa lai nhập Quan cung cư văn hoàn vũ xuất xử kỳ công đa đạt, duy hãm Triệt cư, phước cách (65)

Giải: Chú ý rằng Triệt không cư tại Tuất Hợi. Do đó câu này được giải như sau: mệnh tại Hợi có Tử Vi Thất Sát, cung Quan tại Mùi có Vũ Tham đồng cung lại có thêm Hình Ấn Khôi Khoa thì làm văn nhưng kiêm về võ, lập nhiều kỳ công, nếu cung Quan lại gặp Triệt thì trở nên không xài được

Tham, Tử Thủy cung (cung Tí Hợi) giáp biên Tứ Sát bản khổ chung thân (70)

Giải: Tham Lang hoặc Tử Vi tại cung Tí Hợi mà giáp Tứ Sát (giáp Không Kiếp, Kinh Đà) thì bản khổ chung thân. Cần chú ý câu này của TVT chưa đúng hẳn cần nghiên cứu lại vì giáp Kinh Đà thì có Lộc Tồn thủ

Tử Vi đáo thủ nhàn cung (ý nói cung Tí Hợi, Mão Dậu), hựu vọng khô miêu khả cứu (13)

Giải: Tử Vi tại Mão Dậu, Hợi Tí thì như năm khô khó cứu giải

Ngôi Tử Vi đóng vào chốn hãm (tại Hợi, Tí, Mão Dậu), quyền cứu tha thiếu giảm vô uy (14)



Giải: Tử Vi tại Mão Dậu, Hợi Tí thì không uy lực nên sức cứu giải không mạnh mẽ

Tử Vi lạc nhàn cung gia Khúc Xương, đa ngôn giáo hoạt (18)

Giải: Tử Vi tại Mão Dậu, Hợi Tí thì lắm lời và miệng lưỡi gian xảo

Đế Tinh tại Thủy (Tử Vi tại cung Hợi, Tí) nan giải tai ương (khó giải tai họa), hạn hữu Sát tinh La Vọng (hạn gặp sát tinh La Vọng) hình lao khôn vị thoát (khó tránh tù tội), Mệnh nãi Dương Đà gia Kiếp (Mệnh lại có thêm Kinh Đà gặp Địa Kiếp) vi thành thọ giảm (tuổi thọ bị chiết giảm, ý nói chết sớm) (8)

Giải: Tử Vi tại cung Hợi, Tí thì khó giải tai họa, nếu hạn gặp sát tinh La Vọng thì khó tránh tù tội, Mệnh lại có thêm Kinh Đà gặp Địa Kiếp thì tuổi thọ bị chiết giảm, ý nói chết sớm

Nữ Mệnh Tử Vi cư Tí Dậu Ty Hợi gia Tứ Sát (Không Kiếp Kinh Đà) mỹ ngọc hà diễm, nhật hậu bất mỹ (12)

Giải: Nữ Mệnh Tử Vi cư Tí Dậu Ty Hợi gặp Tứ Sát (Không Kiếp Kinh Đà) thì như ngọc đẹp nhưng có tì vết, hậu vận không tốt

### TỬ VI VỚI CÁC TRUNG TINH

Đế tọa Mệnh khổ, tiền hậu cát tinh (giáp được cát tinh), tắc viết Kim Dư Phù Giá (25)

Giải: cung Mệnh có Tử Vi tọa thủ miếu vượng, giáp được cát tinh thì như xe vàng rước vua, ý nói có danh chức quyền quý

Tử, Phủ tại viên (tọa thủ) gia cát diệu, Hầu Bá chí tài, lạc nhàn cung hào gia chi trưởng (38)

Giải: Có Tử Phủ miếu vượng tọa thủ gặp cát tinh thì làm đến Hầu Bá, ý nói phú quý, nếu Tử Phủ tại nhàn cung (nhàn cung của Tử Vi là cung Hợi Tí, Mão Dậu) thì cũng là hào trưởng trong làng. Câu phú này rất chung chung nhưng nhấn mạnh được tính chất tốt đẹp của Tử Phủ

Lưu Huyền Đức đạt thừa Hán nghiệp thị ư Tử Phủ Khoa Quyền Hình Ấn Hồng Khôi Mệnh, Thân (45, TTL)

Giải: Lưu Bị kế nghiệp nhà Hán nhờ cả Mệnh và Thân đều có Khoa Quyền Hình Ấn Hồng Khôi

Tử Vi dữ chư sát đồng cung, chư cát hợp chiếu, quân tử tại gia, tiểu nhân tại vị, chủ nhân gian trá cách thiện (17)

Giải: Tử Vi có sát tinh tọa thủ đồng cung, có cát tinh chiếu, nếu là hạng người quân tử thì ở nhà, ý nói không có địa vị, nếu là tiểu nhân thì lại nắm quyền, ý nói có địa vị, nếu là chủ nhân thì gian trá, không làm điều thiện

Tử Vi, Thái Âm sát diệu phùng, nhất sinh tao sự sính anh hùng (75)

Giải: Tử Vi hoặc Thái Âm gặp sát tinh thì là bậc anh hùng. Cần xét lại câu phú này

Tử Vi, Vũ Khúc sát diệu phùng, nhất sinh tăng lại sính anh hùng (49, TTL)

Giải: Tử Vi hay Vũ Khúc gặp sát tinh thì là thầy tu hay quan lại cấp nhỏ nhưng cũng thích làm anh hùng

Hung tinh đắc địa phát dã như lôi, nhược phùng Đế Tượng (Tử Vi) danh đăng tứ hải (91)

Giải: Hung tinh đắc địa thì phát như sấm sét, nếu gặp Tử Vi thì tiếng tăm lừng lẫy khắp bốn bề

Tử Vi Xương Khúc, phú quý khả kỳ (19, TTL)

Giải: Tử Vi gặp Xương Khúc thì phú quý đều có

Tử Vi Phụ Bát đồng cung nhất hô bách nặc (một tiếng hô trăm người dạ thừa) cư Thuợng Phẩm (phẩm hàm cao, ý nói có uy quyền) (20, 28, TTL)

Giải: Tử Vi đồng cung với Tả Hữu thì hô một tiếng trăm người dạ thừa, ý nói có uy quyền hiển hách, có phẩm hàm cao

Tử Vi, Thiên Phủ toàn y Phụ Bát chí công (32, TTL)

Giải: Tử Vi, Thiên Phủ gặp cả Tả Hữu thì phú quý

Tử Vi vô Phụ Bát đồng hành, vi cô quân, mỹ trung bất túc (26)

Giải: Tử Vi không gặp Phụ Bát như là vua không có người hầu, bầy tôi, tuy đẹp nhưng không làm được gì cả, ý nói vô dụng. Như vậy Tử Vi gặp Tả Hữu rất quan trọng, nếu không có thì giảm tốt nhiều

Tử Vi tu cần Tam Hóa, nhược phùng Tứ Sát (nếu gặp Không Kiếp Kinh Đà) phong bãi hà hoa (21, TTL)

Giải: Tử Vi rất cần gặp Khoa, Quyền, Lộc, không nên gặp Tứ Sát (Không Kiếp Kinh Đà) ví như cách hoa bị gió vùi dập, ý nói trở nên xấu xa

Tử Vi Quyền Lộc (Hóa Lộc) ngộ Dương Đà tuy mỹ cát nhi vô đạo, tâm thuật bất chính (22, TTL)

Giải: Tử Vi Quyền Lộc nếu gặp Kinh Đà thì vẫn còn đẹp tốt nhưng là người vô đạo và bất chính. Điều này cho thấy Kinh Đà không gây ảnh hưởng xấu đến phú quý nhiều nhưng ảnh hưởng đến tính cách là chính

Tử Lộc (Tử Vi Lộc Tồn) đồng cung, Phụ Bát (Tả Hữu) chiếu, quý bất khả ngôn (23, TTL)

Giải: Tử Vi Lộc Tồn đồng cung, có Tả Hữu chiếu thì quý hiển tốt bậc không thể dùng lời mà nói.

Tử Lộc đồng cung, Nhật Nguyệt chiếu, quý bất khả ngôn (24)

Giải: cần xét lại câu phú này, câu này không có nghĩa bởi vì Tử Vi không bao giờ có Nhật Nguyệt chiếu. Nếu hiểu rằng Tử Vi gặp Lộc Tồn đồng cung hoặc một cung có Nhật Nguyệt chiếu thì quý hiển cũng không ổn vì không đề cập đến đặc hãm của Nhật Nguyệt

Tử Vi mạc phùng Kiếp Không Hồng Đào nhập Mệnh giảm thọ (27, TTL)

Tử, Phủ Kinh Dương (Kinh đồng cung) tại cự thương (35, TTL)

Giải: Tử Vi hoặc Thiên Phủ có Kinh đồng cung thì là nhà buôn lớn rất giàu có

Tử Phủ triều viên (hội chiếu), thực lộc vạn chung (40, TTL)

Giải: Mệnh sáng sủa tốt đẹp có Tử Phủ chiếu thì sung túc no ấm cả đời

Tử Phủ triều viên hoặc Lộc phùng, chung thân phúc hậu chí Tam Công (41)

Giải: Mệnh sáng sủa tốt đẹp có Tử Phủ chiếu hoặc gặp Lộc thì cả đời phúc hậu và vinh hiển. Theo TVT thì gặp Hóa Lộc đồng cung

Chu Thái Hậu hiệu hạnh sắc tài do hữu Tử Phủ Khoa Quyền Hình Sát (48)

Giải: Thất Sát luôn luôn xung chiếu Thiên Phủ thành ra đây là trường hợp Tử Phủ tại Dần Thân gặp Thiên Hình. Thiên hình gặp Tử Phủ thì là người đoan chính, cho dù gặp Đào Hoa

Tử Vi, Vũ Khúc, Phá Quân hội Dương Đà (Kình Đà) khi công danh, chỉ nghị kinh thương (71, TTL)

Giải: Tử Vi, Vũ Khúc hay Phá Quân gặp Kình Đà thì không màng đến công danh vì sẽ gặp lận đận trên quan trường, chỉ nên bàn luận đến buôn bán, nhờ buôn bán mà khá giả. Như vậy Kình, Đà trong trường hợp này khiến cho quan trường không xuôi xẻ

Tử Phủ Vũ Tướng, Tả Hữu, Long Phượng, Khoa Quyền Lộc, Ấn (Quốc Ấn) quân thần khánh hội chi cách, gia Kiếp Kình loạn thế nan thành đại sự (72, TTL)

Giải: Tử Phủ Vũ Tướng gặp được Tả Hữu, Long Phượng, Khoa Quyền Lộc, Quốc Ấn thì là cách vua gặp bày tôi hiền, ý nói phú quý cực độ, nhưng nếu gặp Kiếp Kình khó lòng thành sự nghiệp lớn trong thời loạn. Điều này cho thấy sự phối hợp của Kiếp Kình là phá cách lớn của cách Tử Phủ Vũ Tướng. Vì không đề cập đến Địa Không nên chỉ tại vị trí Dần Thân mới gặp Địa Kiếp tại Ngọ Tí Thìn Tuất mà không gặp Địa Không và Lộc ở đây phải là Hóa Lộc vì nếu có Lộc Tồn thì không gặp Kình được. Sự xuất hiện của Quốc Ấn khiến cho câu phú trên trở nên vô nghĩa không thể có sự phối hợp được. Câu phú này cần xét lại.

Hạn phùng (hạn có) Tử Phủ Vũ Tướng, hạnh đắc (mừng gặp) Hồng Quyền, Khương Công hỉ ngộ Văn Vương (73)

Giải: Hạn có Tử Phủ Vũ Tướng lại gặp Hồng Quyền thì như Khương Tử Nha mừng gặp Văn Vương, ý nói gặp thời cơ tốt cho sự nghiệp

Mệnh đặc Tử Phủ Vũ Tướng hạn đáo Thiên La Tử Tuyệt Cự (Cự Môn) Đồng (Thiên Đồng) Sát diệu (Sát tinh) lai xâm, ngộ địa sa trường, Quan Hầu táng Mệnh (74)

Giải: Mệnh Tử Phủ Vũ Tướng, hạn gặp Thiên La Tử Tuyệt Cự Môn Thiên Đồng lại có sát tinh thì như Quan Hầu, tức Quan Vân Trường chết thảm nơi trận mạc. Chú ý Tử Vi Tí Ngọ mới có Cự Đồng hãm đồng cung tại Sửu Mùi, và Tử Phủ Dần mới có Cự Đồng hãm tam chiếu với nhau tại Tỵ Dậu

Nữ Mệnh Tử Vi, Thái Âm tinh, tảo ngộ hiền phu tín khả phùng (76)

Giải: Nữ Mệnh có Tử Vi hoặc Thái Âm sáng sủa thì lấy được chồng hiền

Giáp Kỷ Nhân Đế cách hoan phùng kiêm hữu Đồng, Xương, Thụ (Tấu Thụ), Nhận (Kình Dương) hạn phùng (hạn gặp) tài tăng phúc tiến (90)

Giải: tuổi Giáp Kỷ Mệnh có cách Tử Phủ Vũ Tướng, hạn gặp Đồng, Xương, Tấu Thụ, Kình Dương hội hợp thì tiền bạc hưng vượng, phúc thọ dồi dào

### TỬ VI TẠI CÁC CUNG

Tử Vi cư Huynh Đệ diệc hữu trưởng huynh ngộ Hóa Lộc vi trưởng (77)

Giải: Tử Vi cư Huynh Đệ thì có anh trai, ý nói là con thứ, nhưng nếu gặp Hóa Lộc là con trưởng

Cung Thao (cung Huynh Đệ) Đế Ấn (Tử Vi Quốc Ấn) đoạt trưởng tranh quyền (4)

Giải: cung Huynh Đệ có Tử Vi Quốc Ấn thì là con thứ nhưng sau là con trưởng

Bật Vi cư Tí Huynh hương, phản phụ lâm kẻ họ hàng chẳng không (78)

Giải: cung Huynh tại Tí có Hữu Bật Tử Vi thì trong họ hàng anh chị em có người phản chồng

Tử Vi, Vũ Khúc lâm Tài Trạch cánh khiêm Quyền Lộc, phú đồ ông (79)

Giải: Tử Vi hay Vũ Khúc tại cung Tài, Điền lại có Quyền Lộc thì là người giàu có

Thân cư Tài cung hỷ thành Đế tượng (Thân cư Tài có cách Tử Phủ Vũ Tướng), võ cách (cách Sát Phá Liêm Tham) văn đoàn (cách Cơ Nguyệt Đồng Lương) hậu phú tiền vinh, mạc vi giang hải ngư gia (nếu làm nghề sông nước đánh cá), nan đề thủy ách lai kiến Kiếp Hà hạn đao (92)

Giải: Thân cư Tài có cách Tử Phủ Vũ Tướng, cách Sát Phá Liêm Tham, cách Cơ Nguyệt Đồng Lương thì trước quý hiển sau giàu có, nếu làm nghề sông nước đánh cá thì khó đề phòng chết vì nước khi hạn gặp Địa Kiếp Lưu Hà

Tử Phủ Vũ Tướng Phu cung, gia hợp Riêu Đào (Đào Hoa) ư Giáp Mậu nhân, giang hồ chi nữ (80)

Giải: Phu cung có Tử Phủ Vũ Tướng gặp Riêu, Đào Hoa người tuổi Giáp, Mậu thì là gái giang hồ lưu lạc nay đây mai đó nhưng lên làm bà lớn vì được chồng quý hiển

Tử Phủ Vũ Tướng Phu vị (Tử Phủ Vũ Tướng tại cung Phu) kiêm Tam Kỳ (Khoa Quyền Lộc) gia hội thao lược chi nữ, kị Tân Kỷ ưu ngộ Kinh Đà chung thân cô quả (81)

Giải: Phu cung có Tử Phủ Vũ Tướng gặp Khoa Quyền Lộc hội hợp thì là nữ nhân có tài thao lược, đảm đang. Phu cung có Tử Phủ Vũ Tướng nếu là người tuổi Tân và Kỷ thì kị gặp Kinh Đà trở nên cô độc cả đời. Chú ý tuổi Kỷ thì chỉ có Tử Phá Sửu Mùi gặp Kinh Đà và tuổi Tân thì hầu như các vị trí tốt đẹp đều có Kinh hoặc Đà chiếu thành ra cần xét lại câu phú của TVT này

Phúc tại Thủy cung Đế (Tử Vi) cư, Kiếp Kinh Suy Triệt giá lâm, ác nhân, đặng tử, mẫn kiếp nan toàn (82)

Giải: cung Phúc tại Tí, Hợi có Tử Vi tọa thủ gặp Kiếp Kinh Suy Triệt thì là người gian ác, con du đặng, cả đời khó tránh tai họa

Phúc cư Ly (cung Ngọ), Đế cách Tử phùng (gặp Tử Vi), nhược gia Sát diệu, Bại tinh, Tuần Triệt, chung thân hỷ bất cập thời (cả đời không gặp thời) hoan giao Tam Hóa điền viên (nếu gặp một sao của Tam Hóa) tức hưởng vô tai (thụ hưởng sung túc, không gặp tai nạn) (83)

Giải: Phúc cư cung Ngọ, có Tử Vi gặp sát bại tinh và Tuần Triệt thì cả đời không gặp thời, nhưng nếu gặp một sao của Tam Hóa thì thụ hưởng sung túc, không gặp tai nạn

Phúc thọ Chấn cung, Đế (Tử Vi) Tham Tướng Phủ hạnh phúc cát tú, Tam Hóa giá lâm (mừng gặp Cát tinh, Tam Hóa) phúc tăng bất tuyệt (hưởng phúc bền bỉ), hựu kiến Triệt Tuần, Tứ Sát (sợ gặp Triệt Tuần Không Kiếp Kinh Đà) Mộ tinh (sao Mộ), tất hữu đao thương chi ách (thì gặp tai nạn về gươm giáo), dương mộ lạc di (mộ của đàn ông bị thất lạc) (84)

Giải: Phúc tại cung Mão có Tử Vi Tham Lang hoặc Tướng Thiên Phủ nếu gặp cát tinh, Tam Hóa thì hưởng phúc bền bỉ, nhưng nếu gặp Triệt Tuần Không Kiếp Kinh Đà thì gặp tai nạn về gươm giáo, mộ của đàn ông bị thất lạc

Khôn cung (cung Thân) Phúc tọa (cung Phúc Đức tại Thân), nhi phùng Tử Phủ Đồng Lương Cơ Nguyệt tu kiến (cần gặp) Hổ (Bạch Hổ) Hình Tam Hóa phùng thời loạn thế (gặp thời loạn mà làm nên), thanh bình khanh hiển (gặp thời bình thì vinh hiển), nhược kiến (sợ gặp) Không tinh sát diệu (Tuần Triệt sát tinh) phù trầm ảo ảnh (công danh như phù du không bền), nhân sự nhân lai chi phúc hạnh (nếu không đua chen danh lợi thì hưởng phúc) (85)

Giải: cung Phúc Đức tại Thân có Tử Phủ, Đồng Lương hay Cơ Nguyệt nếu gặp Bạch Hổ, Thiên Hình, Tam Hóa gặp thời loạn mà làm nên, gặp thời bình thì vinh hiển nhưng nếu gặp Tuần Triệt sát tinh thì công danh như phù du không bền, nếu không đua chen danh lợi thì hưởng phúc

Cần địa (cung Dần) Phúc cư tối hỉ Tam Kỳ (Phúc tại Dần mừng gặp Khoa Quyền Lộc) đế cách (Tử Vi), Phượng Long, Phụ Bát thị phát võ công Hầu tước (phát về võ nghiệp, làm đến tước Hầu), mạc phùng (nếu gặp) Triệt, Ky, Mã Hình Xương Khúc hiển thân ngoại xứ (hiển đạt nơi xứ người), ưu hiềm đình tử (lo lắng vì hiềm con) (86)

Giải: Phúc tại Dần mừng gặp Khoa Quyền Lộc, Tử Vi, Phượng Long, Phụ Bát sẽ phát về võ nghiệp, làm đến tước Hầu, nhưng nếu gặp Triệt, Ky, Mã Hình Xương Khúc thì tuy hiển đạt nơi xứ người nhưng lại lo lắng vì hiềm con

Phúc tại Ngọ cung Tử Đồng (Phúc tại Ngọ có Tử Vi hay Thiên Đồng) Hình Phượng kiêm ngộ Tang Hình Mã Khốc Lộc Quyền: tiền đồ hệ vi thành sự (tiền vận long đong không thành công) hỷ ngộ Bát Khoa hậu tuệ di thành nghiệp chủ (mừng gặp Bát Khoa thì hậu vận làm nên sự nghiệp) (87)



Giải: Phúc tại Ngọ có Tử Vi hay Thiên Đồng gặp Hình Phượng, Tang Mã Khốc Lộc Quyền thì tiền vận long đong không thành công, mừng gặp Bát Khoa thì hậu vận làm nên sự nghiệp

Phúc tọa Đỉnh Sơn (cung Mùi) Tứ sát (Không Kiếp Kinh Đà) đồng cư Mộ diệu (sao Mộ), lại Kỷ nhân sinh Mộ (lại là tuổi Kỷ mạng Thổ), đa cư triều sát diệu (gặp sát tinh cư chiếu), Kỵ (Hóa Kỵ), Lưu (Lưu Hà) giang đồ ngộ sát (chết vì sông nước), hạnh kiêm Sinh Vượng, Long Khoa hiển tài ngư phủ (là người đánh cá có tài) Quyền Hình tọa củng thừa hành án pháp (quan tòa coi về phát luật) (88)

Giải: Phúc tại cung Mùi có Tứ sát (Không Kiếp Kinh Đà) Mộ, lại là tuổi Kỷ mạng Thổ, lại gặp sát tinh cư chiếu, Hóa Kỵ, Lưu Hà thì chết vì sông nước nhưng nếu gặp Sinh Vượng, Long Khoa thì là người đánh cá có tài, gặp Quyền Hình thì là quan tòa coi về phát luật

Phúc cư Địa Vọng (cư Tuất), hạnh phùng Phù Bát, Hồng Quyền Tử Phủ (Tử Vi Thiên Phủ) mờ tinh vi tối hảo (mờ mà rất đẹp), âm công hoành phát (mờ mà kết phát) kiến công lập nghiệp dị thành (tạo nên những sự nghiệp kỳ dị), khủng kiến (sợ gặp) Cự Đồng, Kiếp Tuyệt Xương Linh mộ phần đa phát tật nguyên (mộ phần đưa đến nhiều người tàn tật), bần cách (nghèo hèn) vô môn khả đáo (không có cửa nào mà tránh được) (89)

Giải: Phúc cư Tuất gặp Phù Bát, Hồng Quyền Tử Vi Thiên Phủ thì mờ mà rất đẹp, kết phát, tạo nên những sự nghiệp kỳ dị, sợ gặp Cự Đồng, Kiếp Tuyệt Xương Linh thì mộ phần đưa đến nhiều người tàn tật, nghèo hèn, không có cửa nào mà tránh được (89)

## THIÊN CƠ

Cơ Nguyệt Đồng Lương tác lại nhân (26)

Giải: Cơ Nguyệt Đồng Lương thì làm lại tức là công chức

Cơ viên phú tính từ tâm (1, TTL)

Giải: Thiên Cơ đắc, vượng, miếu thủ thì tính tình phúc hậu từ thiện

Thiên Cơ Nữ Mệnh thiện trung (4)

Giải: Thiên Cơ tại Nữ Mệnh thì hiền lành nhưng nếu Cơ hãm địa thì vất vả

Thiên Cơ tại viên sao tài xuất chúng (2, B57)

Giải: Thiên Cơ đắc vượng miếu thủ thì có tài năng khéo léo hơn người

Mệnh phùng Thiên Cơ miếu vượng đa năng (3, B58)

Giải: Thiên Cơ vượng miếu thì có nhiều tài năng

Cơ Lương đồng chiếu, Mệnh Thân Không, vi tăng đạo (TTL)

Giải: Mệnh Thân có Tuần Triệt án ngữ, có Cơ Lương đồng cung chiếu thì là thầy tu

### THIÊN CƠ TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

#### Thiên Cơ Tí Ngọ

#### Thiên Cơ Sửu Mùi

Thiên Cơ cư Sửu, Kinh văn: hài, đắc Thủy diệu cánh nại tài bồi (5, B74)

Giải: Thiên Cơ cư Sửu sách vở nói rằng: tốt, gặp thêm sao Thủy thì tài năng tiền bạc được bồi thêm vì Thiên Cơ hành Mộc được Thủy sinh

#### Cơ Âm Dần Thân

Cơ Thư (Tấu Thư) Hồng cư Dần địa, nhi phùng Lộc Ấn loan cận cửu trùng (6)

Giải: Thiên Cơ Tấu Thư Hồng Loan cư cung Dần gặp Lộc Tồn, Quốc Ấn thì kẻ cận nguyên thủ. Tuy nhiên chúng ta biết rằng Tấu Thư là một sao của vòng Bác Sĩ có đặc điểm không bao giờ tam hợp xung chiếu với Lộc Tồn, chỉ có một trường hợp duy nhất là tuổi Đinh hay Kỷ có Lộc Tồn tại Ngọ và nếu là Dương Nam Âm Nữ thì có Tấu Thư tại cung Hợi nhị hợp với cung Dần thì mới giải thích được câu phú trên

Cơ Nguyệt Cấn (Dần) Khôn (Thân) nhi hội Riêu Xương, thi tứ dâm tàng (31, TTL)

Giải: Cơ Nguyệt tại Dần Thân gặp Thiên Riêu Văn Xương thì văn chương dâm đẳng

### Cơ Cự Mão Dậu

#### Cơ Lương Thìn Tuất

Cơ Lương hội hợp thiện đàm binh, cư Tuất diệc vi mỹ luận (16, TTL)

Giải: Thiên Cơ Thiên Lương đồng cung tại Thìn Tuất thì hay bàn luận về chính trị, sách lược, TTL cho rằng cư Tuất thì mưu trí hơn cư Thìn

Thiện (Thiên Cơ) Âm (Thiên Lương) lâm tả (đồng cung) thiện đàm binh, Tuất cung nhi văn chương quán thế (13)

Giải: Thiên Cơ Thiên Lương đồng cung tại Thìn Tuất thì hay bàn luận về chính trị sách lược, tại Tuất lại có tài về văn chương

Thiện (Thiên Cơ) Âm (Thiên Lương) triều cương (đồng cung), nhân từ chi trưởng (24, TTL)

Giải: Thiên Cơ Thiên Lương đồng cung tại Thìn Tuất thì phúc hậu từ thiện, nhưng nếu gặp Tuần Triệt hay Sát tinh hội hợp thì chỉ có đi tu mới hưởng phúc thọ

Cơ Lương thủ Mệnh (tọa thủ đồng cung) gia Cát diệu, phú quý song toàn (17, TTL)

Giải: Cơ Lương đồng cung thủ Mệnh gặp cát tinh (ví dụ gặp Khoa Quyền Lộc), thì phú quý

Cơ Lương (đồng cung) Tứ Sát (Kình Đà Hỏa Linh), Tướng Quân xung (gặp Tướng Quân xung chiếu), vũ khách tăng lưu Mệnh sở phùng (21, TTL)

Giải: Mệnh Cơ Lương đồng cung gặp Tứ Sát (Kình Đà Hỏa Linh), có Tướng Quân xung chiếu thì là võ sĩ giang hồ hay thầy tu khát thực. Câu này cần xét lại vì Tướng Quân tam hợp với Lộc Tồn, mà Kình Đà thì giáp Lộc Tồn thành ra khi có Tướng Quân xung thì làm sao gặp được Kình hay Đà?

Thìn cung thượng khởi Cơ Lương (Cơ Lương tại Thìn), Giáp Nhâm Dương Nữ lợi tử thương phu, Ất Quý Âm Nam đồ phú thanh vinh duy thê khắc hại (22)

Giải: Cơ Lương tại Thìn, Nữ tuổi Giáp Nhâm thì có nhiều con, làm lợi ích cho con cái nhưng góa chồng, Nam nhân tuổi Ất Quý thì giàu có vinh hiển nhưng khắc thê, góa vợ. Chú ý Nữ nhân tuổi Giáp thì cung Phu có Cự Dương gặp Hóa Kỵ Lộc Tồn đồng cung tại Dần và cung Tử có Vũ Tham Khoa Khôi Đà đồng cung với Lộc Quyền Thiên Phúc Hao Lưu Hà chiếu, tuổi Nhâm thì cung Phu Cự Dương đồng cung tại Dần với Hao LNVN bị Triệt và có Đà cùng Quan Phúc chiếu, cung Tử có Vũ Tham đồng cung với Kỵ có Quyền Khôi chiếu. Nam giới tuổi Ất thì Mệnh có Hóa Lộc Hóa Quyền thủ, Khôi Việt Thiên Phúc Đường Phù Hóa Kỵ chiếu và cung Thê có Cự Nhật gặp Đà La đồng cung với Thái Âm đồng cung Hóa Kỵ. Nam giới tuổi Quý thì có Khoa Lộc Tồn đồng cung với Thái Âm bị Triệt và cung Thê có Cự Dương đồng cung với Hóa Quyền Lưu Hà với Thiên Trù Thiên Quan tam hợp. Như vậy cần xét lại câu phú này của TVT

### Thiên Cơ Ty Hối

Thiên Cơ Ty cung Dậu phùng ly tông gian xảo (20)

Giải: người tuổi Dậu có Cơ ở cung Ty thì ly hương và gian xảo. Cần xét lại câu phú này

### THIÊN CƠ TẠI CÁC CUNG

Thiên Di Cơ Mã cùng ngôi (đồng cung), Đông trì, Tây vụ pha phối cỗi ngoài (8)

Giải: Thiên Di có Cơ Mã đồng cung thì là người làm công vụ ở nước ngoài, ở phương xa, hay xa nhà

Thiên Cơ chiếu ư Điền Trạch, mộc xâm tổ mộ họa hành tai ương (34)

Giải: Thiên Cơ hành Mộc chiếu Điền là do cây (Mộc) xới đâm vào mộ của tổ tiên sinh ra tai họa

Thiên Cơ Dậu thượng (tại cung Dậu) họa cát gia trung ngộ Tài cung dã bất vinh (36)

Giải: Cung Tài có Cự Cơ tại Dậu, nghĩa là Mệnh VCD có Nhật Nguyệt đồng cung xung chiếu) thì nên buôn bán thì tốt hơn mưu cầu danh lợi

### THIÊN CƠ VỚI PHỤ TINH

Thiên Cơ gia ác sát (gặp sát tinh) đồng cung cầu thủ thiết (19, TTL)

Giải: nếu Cơ đắc vượng miếu gặp sát tinh thì là người gian xảo quỷ quyệt tham lam, nếu hãm địa gặp sát tinh thì là hàng trộm cắp vặt

Cơ Nguyệt Đồng Lương tối kỵ Hỏa Linh xâm phá (giảm tốt rất nhiều) (25)

Yến Anh phùng Ngọc Nữ (Yến Anh gặp Ngọc Nữ) giai do Cơ ngộ Kinh Dương (7)

Cơ Lương phùng Lộc Mã, phú kham địch quốc (rất giàu có) (14) (TVT cho rằng ở Điền hay Tài cung vậy)

Cơ Lương Thái Tuế Tang Môn (gặp Thái Tuế hay Tang Môn), lâm vào chốn hãm vợ con biếng chiều (vợ con ruồng rẫy) (15)

Cơ, Lương sao biến đa tài (cơ mưu quyền biến có nhiều tài năng) ngộ Xương Khúc đa tài miễn tiện (nhiều tài năng, khôn khéo, nhanh nhẹn) (12, TVT cho rằng Cơ Lương cần miếu vượng hay đồng cung)

### THIÊN CƠ TẠI HẠN

Cơ hội Phục (Phục Binh) gia cư Ngọ vị (ở cung Ngọ), vận (hạn) gặp thời chức vụ quan binh (9)

Giải: Hạn có Cơ ở cung Ngọ gặp Phục Binh thì gặp thời nên quan chức về quân đội rất hiển hách

Vận hội Cơ Thư (Tấu Thư) giá lâm Kiếp Tuế (Thái Tuế) bái tướng đăng đàn đốc quân sủng ái (10)

Giải: vận hạn có Thiên Cơ Tấu Thư gặp Kiếp, Thái Tuế thì được lên được phong tướng quân, vua yêu thích

Đặng Thông Cơ tử vận phùng Đại Hao chi hưởng

Giải: Đặng Thông chết do bởi vì Mệnh Cơ Tử hạn gặp Đại Hao. Cần xét lại câu này

Vận hội Cơ Lương, Xương Khúc, Tam Hóa Phụ Bát Song Hao Hán Đế nhập Tần phá Sở (23)

Giải: Vận gặp Cơ Lương, Xương Khúc, Tam Hóa Phụ Bát Song Hao thì vua Hán vào đất Tần diệt Hạng Võ của nước Sở

Kỷ tuế (tuổi Kỷ) Cơ Nguyệt Đồng Lương, hạn đảo Trúc La (hạn gặp bộ Sát Phá Tham) gia lâm Phụ Bát (Tả Phù Hữu Bát) đăng vân nhất bộ (27)

Giải: Mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương, tuổi Kỷ, hạn gặp bộ Sát Phá Tham, Tả Phù, Hữu Bát nên hoạch phát công danh tài lộc, chỉ một bước thì trở nên giàu sang

Cơ Thục Ái giang hồ chi nữ , hạn phùng Cơ Nguyệt Đồng Hồng Khôi Xương Khúc Thư (Tấu Thư) Phúc (Phúc Đức) Hỷ (Thiên Hỷ): huê mong Thục Đế chi cung (được vua Thục mời vào cung) (28)

Giải: Cơ Thục Ái là gái sông nay đây mai đó, hạn gặp Cơ Nguyệt Đồng Hồng Khôi Xương Khúc Tấu Thư, Phúc Đức, Thiên Hỷ nên được vua Thục mời vào cung

Ất Tân tuế (tuổi Ất Tân) Văn đoàn (Cơ Nguyệt Đồng Lương) hỷ ngộ gia (hạn mừng gặp) Hữu (Hữu Bát) Hư (Thiên Hư) Kinh (Kinh Dương) Tuế (Thái Tuế) Khách (Điếu Khách) lâm hoạch đạt võ công (đạt được công trận hiển hách) (29)

Giải: tuổi Ất Tân Mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương gặp hạn có Hữu Bát, Thiên Hư, Kinh Dương, Thái Tuế, Khách, Điếu Khách nên đạt được công trận hiển hách. Chú ý cần coi lại câu phú này, hơn nữa Tuế là Tuế Phá thì hợp lý hơn vì Điếu Khách không kết hợp với Thái Tuế

Cơ Âm Thân xú (Mệnh Cơ Âm tại Thân), vận phùng (hạn gặp) Liêm Hồ Linh Riêu nan bào thai nhi (xảy thai) gia Kiếp Hình xâm lao tù ưu khốn (khó tránh khỏi tù tội), hạn phùng Khoa Phượng nạn tiêu (gặp Khoa Phượng thì giải nạn được) (30)

Giải: Mệnh Cơ Âm tại Thân mà hạn gặp Liêm Hồ Linh Riêu thì dễ bị xảy thai, gặp Địa Kiếp Thiên Hình thì khó tránh khỏi tù tội nhưng nếu gặp Khoa, Phượng thì giải nạn được

Hạn ngộ Cơ Nguyệt Đồng Lương kiêm hữu Sát tinh, Hiên Đế ưu phòng Đồng Thi (phải đề phòng kẻ phản trắc) (33)

Giải: Hạn ngộ Cơ Nguyệt Đồng Lương gặp sát tinh thì phải đề phòng kẻ phản trắc

Mệnh viên Cơ Nguyệt Đồng Lương tối kỵ Sát Phá Liêm Tham chi hạn (nếu có Khoa thì giải được) (33)

Giải: Mệnh có Cơ Nguyệt Đồng Lương thì tối kỵ gặp hạn Sát Phá Liêm Tham

### NHẬT NGUYỆT

#### Thái Dương sáng sủa

Nhị Diệu (Thái Dương, Thái Âm) quang huy (có ánh sáng, ý nói vượng miếu) công danh tảo đạt (1, B60)

Giải: Thái Dương, Thái Âm vượng miếu thì sớm có công danh

Phì Mãn Kim Ô (ý nói sao Thái Dương miếu vượng đắc địa), tuy gia sát (sát tinh) nhi chi phú (tuy gặp sát tinh cũng vẫn giàu có). Thanh Kỳ Ngọc Thổ (ý nói Thái Âm), tuy lạc hãm nhi bất bần (tuy lạc hãm nhưng cũng được phong lưu không sợ nghèo hèn bần tiện) (B76)

Giải: Thái Dương miếu vượng đắc địa tuy gặp sát tinh cũng vẫn giàu có. Thái Âm tuy lạc hãm nhưng cũng được phong lưu không sợ nghèo hèn bần tiện

Đơn Trì (Nhật tại Mão, Thìn, Tỵ) Quế Trì (Nguyệt tại Dậu, Tuất, Hợi) tạo toại thành ảm chi chí (72)

Giải: Nhật tại Mão, Thìn, Tỵ hay Nguyệt tại Dậu, Tuất, Hợi gặp Xương Khúc Khôi Việt tất công danh sớm đạt

Nhật xuất lôi môn (Nhật tại Mão), Thìn, Tỵ hoạch sinh phú quý thanh dương (8)

Giải: Nhật tại Mão, Thìn, Tỵ thì được vinh hiển, giàu sang hơn người

Giáp Nhật giáp Nguyệt (Nhật Nguyệt phải miếu vượng) cận đắc quý nhân (31)

Giải: Giáp Nhật giáp Nguyệt miếu vượng thì gần được quý nhân. Thiên Phủ tại Mùi, Vũ Tham tại Sửu thì có cách giáp Nhật Nguyệt sáng sủa



Giáp Nhật giáp Nguyệt, bắt quyền tắc phú (33, TTL)

Giải: Giáp Nhật giáp Nguyệt miếu vượng nếu không có quyền hành thì cũng là người giàu có. Thiên Phủ tại Mùi, Vũ Tham tại Sửu thì có cách giáp Nhật Nguyệt sáng sủa

Giáp Nhật Nguyệt (sáng sủa) thùy năng ngộ (32)

Giải: Giáp Nhật giáp Nguyệt miếu vượng chủ sự quý hiển

### Thái Dương mờ ám

Nhật lạc nhàn cung sắc thiếu xuân dung (35)

Giải: Nhật hãm địa tại Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tí thì vẻ mặt buồn tẻ, âu sầu

Nhật Nguyệt bất khả chiếu nhàn cung (B61, 2)

Giải: NMB giải thích rằng Nhật Nguyệt không nên ở cung Nô Bộc. TVT giải thích rằng Nhật Nguyệt không nên cư nơi hãm địa rất xấu. Có lẽ nên hiểu là khi Nhật Nguyệt hãm địa thì không có ích lợi gì cho cung được chiếu

Nam tử tối hiềm Nhật hãm (7)

Giải: đàn ông tối kỵ Thái Dương hãm địa thủ Mệnh vì Thái Dương tượng đàn ông và là sao chủ về quan lộc

Nhật Nguyệt tối hiềm phản bối (mặt trời và mặt trăng quay lưng vào nhau) (13)

Giải: Nhật Nguyệt phản bối nghĩa là Nhật tại Tuất và Nguyệt tại Thìn thì rất xấu xa, không thể quý hiển được

### Thái Âm sáng sủa

Thái Âm (miếu, vượng, đắc) chủ nhất thân chi khoái lạc (1)

Giải: Thái Âm miếu, vượng, đắc thì suốt đời sung sướng cả tiền tài lẫn vật chất, nữ mệnh có sự ứng hợp nên rất tốt đẹp nhưng cần không bị sao khắc kỵ xâm nhập

Nữ Mệnh dung nhan mỹ từ ái ngộ Nguyệt Lương (2)

Giải: TVT giải rằng nữ mệnh có Thái Âm sáng sủa gặp Thiên Lương chiếu thì nét mặt xinh đẹp, có nhan sắc, ăn nói dễ thương. Thật ra Thái Âm và Thiên Lương lúc nào cũng tam hợp chiếu

### Thái Âm mờ ám

Nguyệt diệu Thiên Lương nữ dâm bản (4, TTL)

Giải: nữ mệnh có Nguyệt hãm địa tọa thủ gặp Thiên Lương chiếu thì dâm đẳng, nghèo hèn

### Các cách chiếu tốt đẹp của Nhật Nguyệt

Nhật Nguyệt (miếu, vượng, đắc) thủ Mệnh, bất như chiếu hợp tịnh minh (TTL)

Giải: Nhật Nguyệt (miếu, vượng, đắc) thủ Mệnh không toàn mỹ như hội chiếu vào cung Mệnh

Nhật Nguyệt thủ bất như chiếu Mệnh (6, B87)

Giải: Nhật Nguyệt tọa thủ không bằng chiếu Mệnh. Chú ý rằng tuy không nói nhưng khi chiếu thì cần đắc vượng miếu mới tốt đẹp

Tam hợp minh châu sinh vượng địa, ẩn bộ thiềm cung (29, TTL)

Giải: Mệnh có Nhật Nguyệt sáng sủa hợp chiếu ví như hòn ngọc sáng ngời. Có cách này thì quý hiển, nhẹ bước công danh như đi dạo trên mặt trăng

Nhật Nguyệt nhi chiếu hư không (Nhật Nguyệt sáng sủa chiếu Mệnh), học nhất nhi thập (26, TTL)

Giải: Nhật Nguyệt sáng sủa chiếu Mệnh thì học một biết mười, rất thông minh

Xuất thế vinh hoa, Nhật Nguyệt chiếu hư không chi địa (24, B64)

Giải: Có Nhật Nguyệt sáng sủa hội chiếu thì vinh hiển. TVT thì cho rằng Mệnh VCD có Tuần Triệt án ngữ hay có Thiên Không Địa không hội hợp và có Nhật Nguyệt đắc địa (Nhật Nguyệt Sửu Mùi) chiếu tất vinh hiển giàu sang. NMB ghi Nhật Nguyệt đắc địa chiếu Mệnh VCD lại được tam không thì vinh hiển

Nhật Nguyệt (miếu, vượng, đắc) chiếu trong ngoài đồng vị, công danh mỹ hỷ cao quan (quyền cao chức trọng) (34)

Nhật Nguyệt đồng lâm, quan cư hầu bá (20)

Giải: TVT cho rằng Mệnh tại Sửu có Nhật Nguyệt tại Mùi chiếu hay Mệnh tại Mùi có Nhật Nguyệt tại Sửu chiếu, người Bính Tân là thượng cách, các tuổi khác cũng được quyền cao chức trọng. Cần coi lại câu phú này của TVT vì không đề cập đến chiếu

Nhật Nguyệt đồng Mùi, Mệnh an Sửu, hầu bá chi tài (21, TTL)

Giải: Mệnh tại Sửu có Nhật Nguyệt tại Mùi chiếu thì tài giỏi, có quyền cao chức trọng

Nhật Mão, Nguyệt Hợi, Mùi cung Mệnh, đa triết (chiết) quế (11, TTL)

Giải: Mệnh an tại Mùi có Nhật tại Mão, Nguyệt tại Hợi chiếu thì đỗ cao, ví như bề cảnh quế

Nhật Nguyệt tinh minh (Mệnh an tại Sửu có Nhật tại Ty, Nguyệt tại Dậu chiếu hoặc Mệnh an tại Mùi có Nhật tại Mão, Nguyệt tại Hợi chiếu), tá cửu trùng ư kim điện (9, TTL)

Giải: Mệnh an tại Sửu có Nhật tại Ty, Nguyệt tại Dậu chiếu hoặc Mệnh an tại Mùi có Nhật tại Mão, Nguyệt tại Hợi chiếu thì phò tá vị nguyên thủ hay là cận thần của vua, có tài kinh bằng tế thế, được hưởng giàu sang. Theo TVT thì tuổi Tân Ất là thượng cách, tuổi Đinh thứ cách, tuổi Bính quý cách

Nhật Nguyệt tinh minh tối kỵ tam không, tu cần Khoa Lộc (27)

Giải: Mệnh an tại Sửu Mùi có Nhật Nguyệt hợp chiếu rất kỵ gặp Địa Không, Tuần Triệt xâm phạm, và rất cần Khoa Lộc hội hợp mới được hoàn toàn tốt đẹp. Cần xét lại câu phú này

Nhật Ty, Nguyệt Dậu, Sửu cung Mệnh (Mệnh tại Sửu) bộ thiêm cung (Mệnh an tại Sửu có Nhật tại Ty, Nguyệt tại Dậu chiếu thì công danh nhẹ bước thang mây như bước trên mặt trăng, quý hiển) (45, TTL)

Chú ý trong tất cả các cách chiếu thì không đề cập đến cung Ngọ và Thân có Nhật Dần Nguyệt Tí chiếu. Phải chăng các cung tại cung Thổ (đất) mới hưởng cách Nhật Nguyệt chiếu?

### THÁI DƯƠNG TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Nhật Nguyệt cư Mộ cung (Thìn Tuất Sửu Mùi) mục thống thiên miên (gặp sát tinh thì hay bị đau mắt) (28)

Giải: TVT giải rằng Nhật Nguyệt cư tại Thìn Tuất Sửu Mùi gặp sát tinh thì hay bị đau mắt. Cần coi lại câu phú này.

### Thái Dương Tí Ngọ

Thái Dương cư Tí, Bính Đinh phú quý trung lương (46, TTL)

Giải: Thái Dương cư Tí, người tuổi Bính Đinh thì trung tín, lương thiện, phú quý, các tuổi khác thì tuy tài giỏi nhưng không suốt đời bất đắc chí. Chú ý tuổi Bính thì Thái Dương đồng cung với Thiên Phúc và có Kinh Đà hãm cùng Hao LNVT chiếu, tuổi Đinh thì có Lộc Tồn Thiên Trù xung chiếu, Hóa Kỵ và Lưu Hà tam chiếu, do đó về sao thì không được tốt. Như vậy phải chăng do Bính Đinh hành Hỏa thì hợp với Thái Dương Hỏa tại cung tại cung Tí là cung nhất dương sinh. Cần nghiên cứu tại sao như vậy và nên kiểm tra trên thực tế có đúng hay không

Xét xem đến chỗ Thủy cung, Kỵ tinh (Hóa Kỵ) yểm Nhật úy đồng Kinh Dương

Giải: Mệnh Thân an tại Hợi, Tí có Thái Dương Hỏa Kỵ thì kỵ gặp Kinh Dương đồng cung thì sẽ bị mù lòa hay đau mắt nặng

Thái Dương cư Ngọ, nhật lệ trung thiên (mặt trời rực rỡ giữa trời cao), hữu chuyên quyền chi vị, địch quốc chi phú (43, TTL)

Giải: Mệnh an tại Ngọ có Thái Dương thủ thì như mặt trời rực rỡ giữa trời cao, hay lấn lướt cấp trên, giàu có tột bậc

Thái Dương cư Ngọ, Canh, Tân, Đinh, Kỷ nhân phú quý song toàn (12, TTL)

Giải: Mệnh an tại Ngọ có Thái Dương thủ thì như mặt trời rực rỡ giữa trời cao, hay lấn lướt cấp trên, giàu có tột bậc. Tuổi Canh, Tân, Đinh, Kỷ thì tốt nhất, các tuổi khác cũng tốt, vinh hiển nhưng không bằng. Tuổi Đinh thì Nhật đồng cung với Lộc Tồn Thiên Trù có Hóa Kỵ đồng cung với Cự Môn tam hợp chiếu, tuổi Kỷ

thì Nhật đồng cung với Lộc Tồn Lưu Hà và có Khoa Khôi xung chiếu, Thiên Phúc Quốc Ân tam hợp, tuổi Canh thì có Nhật đồng cung với Khôi, Thiên Phúc Hóa Lộc gặp Triệt, có Việt Thiên Trù tam chiếu, nếu an tứ Hóa theo Dương Vũ Đồng Âm thì lại có tam hóa liên châu tại Thìn Ty Ngọ, tuổi Tân thì có Nhật đồng cung với Quyền Khôi Hao Thiên Trù và có Hóa Lộc, Việt, Kinh đắc, Đường Phù tam chiếu. Cần chú ý tuổi Canh vì Thái Dương cư Ngọ bị Triệt vẫn tốt, lý do tại sao?

### Âm Dương Sửu Mùi

Nhật tại Mùi cung, vi nhân tiên cần hậu lãng (4, B86)

Giải: Mệnh có Nhật tại Mùi cung thì chỉ siêng năng buổi đầu, sau thì biếng nhác bỏ dờ

Nhật tại Mùi, Thân, Mệnh vi, vi nhân tiên cần hậu lãng (TTL)

Giải: Mệnh tại cung Mùi và Thân có Nhật thủ thì chỉ siêng năng buổi đầu, sau thì biếng nhác bỏ dờ

Nhật Nguyệt Mệnh Thân cư Sửu Mùi, tam phương vô cát phản vi hung (22, TTL)

Giải: Mệnh Thân cư Sửu Mùi có Nhật Nguyệt thủ không có cát tinh thì không thể quý hiển được, nhưng cũng được cơm no áo ấm

Mấy người bất hiển công danh, bởi vì Nhật Nguyệt đồng tranh Sửu Mùi (16)

Giải: Mệnh, Thân, Quan gặp Nhật Nguyệt tại Sửu Mùi thì công danh khó hiển đạt

Nhật Nguyệt Sửu Mùi ái ngộ Tuần không (cần được Tuần án ngữ) Quý Ân (Ân Quang, Thiên Quý) Xương, Khúc ngoại triều (hội chiếu), văn tất thượng cách, đường quan xuất chính (17, TTL)

Giải: Nhật Nguyệt Sửu Mùi cần được Tuần án ngữ có Ân Quang, Thiên Quý, Xương, Khúc hội chiếu thì văn tài lỗi lạc, có quyền cao chức trọng (chú ý rằng không đề cập đến Triệt)

Nhật Nguyệt Sửu Mùi, Âm Dương hỗn hợp tự giảm quang huy (giảm mất ánh sáng) kị phùng (kị gặp) sát tinh, nhược lai văn diệu (nếu gặp văn tinh là Xương, Khúc), diệc kiến Quý, Ân (Ân Quang, Thiên Quý) Thai, Tọa, Khôi, Hồng (Hồng

Loan) văn tài nguy lý, xuất sử thành công (văn tài lỗi lạc, lý luận sắc bén, biết tiến thoái xử sự đúng lúc nên công thành danh toại, vinh hiển) (TTL)

Giải: Nhật Nguyệt Sửu Mùi thì giảm mất ánh sáng nên kị gặp sát tinh, nếu gặp Xương Khúc, Ân Quang, Thiên Quý, Thai Tọa, Khôi, Hồng Loan thì văn tài lỗi lạc, lý luận sắc bén, biết tiến thoái xử sự đúng lúc nên công thành danh toại, vinh hiển

Nhật Nguyệt Sửu Mùi, Âm Dương hỗn hợp tự giảm quang huy (giảm mất ánh sáng) kị phùng (kị gặp) Kiếp, Triệt (Địa Kiếp và Triệt án ngữ), nhược lai văn diệu (nếu gặp Xương Khúc), diệc kiến Quý Ân (Ân Quang, Thiên Quý), Không Linh Thai Tọa Khôi Hồng (Hồng Loan) văn tài nguy lý, xuất sử thành công (18)

Giải: Nhật Nguyệt Sửu Mùi thì giảm mất ánh sáng nên kị gặp Địa Kiếp và Triệt án ngữ, nếu gặp Xương Khúc, Ân Quang, Thiên Quý, Không Linh Thai Tọa Khôi Hồng văn tài lỗi lạc, lý luận sắc bén, biết tiến thoái xử sự đúng lúc nên công thành danh toại, vinh hiển. Câu này hơi khác câu trước một chút và nên cẩn thận xét lại

Nhật Nguyệt Khoa Lộc Sửu cung trung, đình thị công khanh (20, 23, TTL)

Giải: Nhật Nguyệt Khoa Lộc tại Sửu thì vinh hiển, quyền cao chức trọng. Chú ý chỉ có tuổi Canh an theo Dương Vũ Âm Đồng thì mới có Khoa Lộc đủ cặp (và tuổi Nhâm có Tả Phù mới xảy ra trường hợp này). Chú ý rằng trong câu phú này không đề cập đến cung Mùi bởi vì trong trường hợp này đối với tuổi Canh thì Nhật Nguyệt đồng cung với cả Khoa Lộc Đà và bị Triệt án ngữ. Điều này cho thấy gặp Triệt thì dở hơn gặp Tuần

### Cự Dương Dần Thân

Nhật tại Mùi, Thân, Mệnh vị, vi nhân tiên cần hậu lãng (TTL)

Giải: Mệnh tại cung Mùi và Thân có Nhật thủ thì chỉ siêng năng buổi đầu, sau thì biếng nhác bỏ dỡ

Cát diệu đồng tại Hợi, Dần, văn Nhật tuyết hoa đa trác lạc (B73, 47)

Giải: Mệnh ở cung Hợi và Dần có Thái Dương gặp sao tốt thì về già được phong hoa tuyết nguyệt chi thời, ý nói cuộc sống phong lưu

### Dương Lương Mão Dậu

Nhật xuất lôi môn (cư Mão vì cung Mão thuộc quẻ Chấn, tức là sấm sét, nên gọi là lôi môn) phú quý vinh hoa (10, TTL)

Giải: Nhật tại Mão thì vinh hiển phú quý

### Thái Dương Thìn Tuất

Nhật Thìn Nguyệt Tuất tịnh tranh quang (mặt trời, mặt trăng đua nhau chiếu sáng), quyền lộc phi tàn (quyền thế và tiền tài được bền vững) (12, TTL)

Giải: Mệnh an tại Thìn có Nhật tọa thủ gặp Nguyệt tại Tuất xung chiếu hay Mệnh an tại Tuất có Nguyệt tọa thủ Nhật tại Thìn xung chiếu ví như cả hai mặt trời và mặt trăng cùng sáng sủa đua nhau chiếu sáng nên được hưởng giàu sang, quyền thế và tiền tài được bền vững. Đây là cách Nhật Nguyệt tịnh tranh quang

Bần tiện mạc ngôn Thìn Tuất, tra dương thu ảnh cánh phú vinh (11, B72)

Giải: Mệnh an tại Thìn Tuất thì không nói đến bần tiện nếu có Thái Dương cư Thìn, Thái Âm cư Tuất thì cũng vinh hiển phú quý

Dương (Thái Dương), Âm (Thái Âm) Thìn Tuất, Nhật Nguyệt bích cung (Nhật tại Tuất, Nguyệt tại Thìn) nhược vô minh (không có ánh sáng), Không diêu tu cần, song đặc giao huy (nhưng nếu Nhật Nguyệt giao huy, nghĩa là Nhật Thìn, Nguyệt Tuất cùng tỏa ánh sáng giao hội với nhau) nhi phùng Xương, Tuế, Lộc, Quyền, Thai (Thai Phụ), Cáo (Phong Cáo) Tả Hữu nhất cử thành danh chúng nhân tôn phục (15, TTL)

Giải: Nhật tại Tuất, Nguyệt tại Thìn thì không có ánh sáng nên cần sao Không (là Tuần và Triệt, TTL còn ghi là Thiên Không) thì mới giàu sang và sống lâu. Nếu Nhật Nguyệt giao huy, nghĩa là Nhật Thìn, Nguyệt Tuất cùng tỏa ánh sáng giao hội với nhau, nếu gặp Xương, Tuế, Lộc, Quyền, Thai Phụ, Phong Cáo, Tả Hữu thì chỉ một lần đã công thành danh toại được mọi người tôn phục

Nhật Nguyệt phản bối (Nguyệt tại Thìn có Nhật tại Tuất xung chiếu, hay Nhật tại Tuất có Nguyệt tại Thìn xung chiếu) hà vọng thanh quang (không có ánh sáng) tối hỉ ngoại triều Khôi Việt (3)

Giải: Nhật Nguyệt phản bối (Nguyệt tại Thìn có Nhật tại Tuất xung chiếu, hay Nhật tại Tuất có Nguyệt tại Thìn xung chiếu) được Khôi Việt hội hợp thì rất tốt. Chú ý Nguyệt tại Thìn chỉ có tuổi Kỷ thì mới có Khôi Việt Thiên Trù Khoa tam



hợp chiếu trong đó Việt Thiên Trù Hóa Khoa đồng cung với Đồng Lương bị Triệt. Thái Dương tại Tuất chỉ có tuổi Kỷ với cách an Tứ Hóa tại Dương Vũ Âm Đồng thì Nhật đồng cung với Hóa Lộc có Việt Khôi tam hợp, Khoa Quốc Ấn Lưu Hà xung trong đó Cự Khôi Thiên Phúc bị Triệt, càn tuổi Tân thì có Kinh đắc, Hóa Quyền đồng cung với Nhật và có Việt Khôi Hóa Lộc Thiên Trù Hao Đường Phù tam chiếu trong đó Thái Âm đắc Triệt và Cự tại Ngọ gặp Song Hao

Nhật Nguyệt tối hiềm nghị (phản) bồi vi thất huy (14)

Giải: Nhật tại Tuất, Nguyệt tại Thìn thì hãm không có ánh sáng nên xấu.

### Thái Dương Ty Hợi

Nhật tại Ty cung, Nhật mỹ huy thiên (Nhật tại cung Ty thì rất sáng sủa tốt đẹp ví như mặt trời ở trên cao tỏa ánh sáng xuống), kiêm lai Lộc Mã Tràng (Tràng Sinh) Tồn (Lộc Tồn) Phụ Bát thế sự thanh bình vì đại phú (thời bình thì rất giàu có), nhược kiêm Tướng Ấn Bình Hình vô lai Tuần Triệt (không bị Tuần Triệt xâm phạm) loạn thế công thành (lập chiến công trong thời loạn) (39, TTL) (chú ý TTL không ghi Lộc, Tồn)

Giải: Nhật tại cung Ty thì rất sáng sủa tốt đẹp ví như mặt trời ở trên cao tỏa ánh sáng xuống, gặp được Lộc Mã Tràng Sinh, Lộc Tồn (chú ý TTL không đề cập đến Lộc Tồn), Tả Hữu thì rất giàu có trong thời bình, nếu gặp Tướng Ấn Bình Hình và không bị Tuần Triệt xâm phạm thì lập chiến công trong thời loạn

Cự (Cự Môn) tại Hợi cung, Nhật Mệnh Ty (Mệnh có Nhật tại Ty, Cự Môn tại Hợi xung chiếu) thực lộc tri danh (59, TTL)

Giải: Mệnh có Nhật tại Ty thì dư ăn dư dè, tài lộc dồi dào, công danh bền vững

Cự (Cự Môn) tại Ty cung, Nhật Mệnh Hợi (Mệnh Thái Dương tại Hợi có Cự Môn xung chiếu) phản vi bất giai (60, TTL)

Giải: Mệnh Thái Dương tại Hợi rất xấu, công danh tiền tài tụ tán thất thường, khó kiếm, về già mới có chút ít

Nhật cư Hợi địa, Nhật trầm hải nội (mặt trời chìm xuống đáy bể không tỏa được ánh sáng nên rất mờ ám. TTL dùng từ Nhật trầm thủy đế, tức mặt trời chìm đáy nước), ngoại cung (ngoại hữu, bên ngoài có, ý nói được chiếu) Tam Kỳ (Khoa Quyền Lộc) Tả Hữu Hồng Khôi kỳ công quốc loạn dĩ viên thành (lập được kỳ

công, có sự nghiệp lớn lao trong thời loạn), hoan ngộ Phụng Long Cái Hồ bất kiến Sát tinh thể thịnh phát danh tài (trong thời bình thì có công danh tài lộc) (40. TTL)

Giải: Thái Dương cư Hợi là cách Nhật trầm hải nội hay Nhật trầm thủy đề nên không được tốt đẹp, nhưng nếu được Khoa Quyền Lộc chiếu, Tả Hữu Hồng Khôi hội hợp nên lập được kỳ công, có sự nghiệp lớn lao trong thời loạn, và nếu Nhật gặp Phụng Long Cái Hồ mà không có sát tinh thì sẽ có công danh tài lộc trong thời bình. Chú ý Thái Dương tại Hợi không bao giờ có đủ Tam Hóa hội hợp, mà chỉ có hai sao là tối đa. Cụ thể:

Tuổi Ất có Quyền Lộc Tồn Hóa Kỵ tam hợp chiếu

Tuổi Mậu có Quyền Quan Phúc Việt tam hợp chiếu, Lộc Tồn Lưu Hà xung chiếu

Tuổi Canh khi an Tứ Hóa theo Dương Vũ Âm Đồng thì có Hóa Lộc Thiên Quan Hao LNVN thủ, Khoa Đà chiếu trong đó Đà La tại Mùi bị Triệt.

Tuổi Tân có Quyền thủ Hóa Lộc Thiên Phúc Quốc Ấn chiếu và nếu có Khúc thì sẽ có Khoa

Tuổi Nhâm thì có Lộc Tồn Lưu Hà thủ và có Hóa Lộc Quốc Ấn tam hợp Khôi Việt chiếu trong đó Khôi bị Triệt. Nếu có Tả Phù thì sẽ có Hóa Khoa

Tuổi Quý thì có Đà la thủ, Khôi Việt Quyền Khoa Thiên Phúc Đường Phù Hao LNVN chiếu

Như vậy câu phú trên có thể liên quan đến tuổi Canh, Tân, Nhâm, Quý

Dương tại Thủy (Hợi), Nhật trầm thủy đề, loạn thể phùng quân (loạn thể gặp thời), mạc ngộ sát tinh tu phòng đao nghiệp (41)

Giải: Nhật tại Hợi thì như mặt trời dưới đáy biển, gặp thời loạn thì gặp đúng vua đề phò tá, ý nói gặp thời nhưng nếu gặp sát tinh thì đề phòng tai nạn về đao súng

Cát diệu đồng tại Hợi, Dần, văn Nhật tuyết hoa đa trác lạc (B73, 47)

Giải: Mệnh ở cung Hợi và Dần có Thái Dương gặp sao tốt thì về già được phong hoa tuyết nguyệt chi thời, ý nói cuộc sống phong lưu)

Xét xem đến chỗ Thủy cung, Kỵ tinh (Hóa Kỵ) yểm Nhật úy đồng Kinh Dương

Giải: TVT giải rằng Mệnh Thân an tại Hợi, Tí có Thái Dương Hóa Kỵ thì kỵ gặp Kinh Dương đồng cung thì sẽ bị mù lòa hay đau mắt nặng. Chú ý khi Thái Dương cư Hợi thì chỉ có tuổi Giáp thì có Hóa Kỵ đồng cung với Thái Dương tại Hợi và

có Kinh cư Mão chiếu. Khi Thái Dương cư Tí thì tuổi Giáp có Kỵ đồng cung với Thái Dương, tuổi Đinh thì có Hóa Kỵ đồng cung với Cự Môn tam hợp chiếu, tuổi Mậu có Kinh Đà chiếu nhưng Triệt tại Thái Dương, tuổi Kỷ nếu có Văn Khúc thì có Hóa Kỵ nhưng lại không có Kinh Đà, tuổi Nhâm thì có Kinh thủ. Tóm lại không có trường hợp nào có thể xảy ra như lời giải. Cần xét lại câu phú

### THÁI ÂM TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

#### Đồng Âm Tí Ngọ

Thái Âm cư Tí, hựu viết thủy đăng quế ngạc (giọt nước đọng trên cành quế rất quý), đắc thanh yếu chí chức (có chức vị quan trọng), trung gián chi tài (có tài can gián người trên) (10, TTL)

Giải: Thái Âm cư Tí thì ví như giọt nước đọng trên cành quế rất quý, là người có chức vị quan trọng, có tài can gián người trên

Thái Âm cư Tí, Bính Đinh phú quý trung lương (3, TTL)

Giải: tuổi Bính Đinh Mệnh có Thái Âm cư Tí thì giàu sang phú quý và là người trung lương. Chú ý tuổi Bính thì có Hóa Lộc Thiên Phúc đồng cung Thái Âm và có Quyền Đà đồng cung với Cơ Lương bị Triệt cùng với Kinh cư Ngọ chiếu, tuổi Đinh thì có Lộc Quyền Khoa Lộc Tồn Thiên Trù nên tốt đẹp hơn tuổi Bính

#### Cơ Âm Dần Thân

Nguyệt tận Dần vị (cung Dần), tác sự hữu thủy vô chung (5, B86)

Giải: Nguyệt tại Dần thì làm việc có đầu mà không có đuôi, bỏ dở nửa chừng

#### Thái Âm Mão Dậu

#### Thái Âm Thìn Tuất

Nhật Thìn Nguyệt Tuất tịnh tranh quang (mặt trời, mặt trăng đua nhau chiếu sáng), quyền lộc phi tàn (quyền thế và tiền tài được bền vững) (12, TTL)

Giải: Mệnh an tại Thìn có Nhật tọa thủ gặp Nguyệt tại Tuất xung chiếu hay Mệnh an tại Tuất có Nguyệt tọa thủ Nhật tại Thìn xung chiếu ví như cả hai mặt trời và mặt trăng cùng sáng sủa đua nhau chiếu sáng nên được hưởng giàu sang, quyền thế và tiền tài được bền vững. Đây là cách Nhật Nguyệt tịnh tranh quang

Dương (Thái Dương), Âm (Thái Âm) Thìn Tuất, Nhật Nguyệt bích cung (Nhật tại Tuất, Nguyệt tại Thìn) nhược vô minh (không có ánh sáng), Không điều tu cần, song đắc giao huy (nhưng nếu Nhật Nguyệt giao huy, nghĩa là Nhật Thìn, Nguyệt Tuất cùng tỏa ánh sáng giao hội với nhau) nhi phùng Xương, Tuế, Lộc, Quyền, Thai (Thai Phụ), Cáo (Phong Cáo) Tả Hữu nhất cử thành danh chúng nhân tôn phục (15, TTL)

Giải: Nhật tại Tuất, Nguyệt tại Thìn thì không có ánh sáng nên cần sao Không (là Tuần và Triệt, TTL còn ghi là Thiên Không) thì mới giàu sang và sống lâu. Nếu Nhật Nguyệt giao huy, nghĩa là Nhật Thìn, Nguyệt Tuất cùng tỏa ánh sáng giao hội với nhau, nếu gặp Xương, Tuế, Lộc, Quyền, Thai Phụ, Phong Cáo, Tả Hữu thì chỉ một lần đã công thành danh toại được mọi người tôn phục. Chú ý rằng khi Nhật tại Thìn thì chỉ có một trường hợp gặp cả Hóa Lộc Hóa Quyền là tuổi Tân có Hóa Quyền thủ đồng cung với Thái Dương nhưng bị Triệt án ngữ, có Hóa Lộc Kinh Đà đắc cùng Hao, LNVN chiếu, còn nếu cho rằng Lộc là Lộc Tồn thì tuổi Quý có Lộc Tồn Hóa Quyền đồng cung với Cự Môn bị Triệt và Hóa Khoa Thiên Trù chiếu. Câu phú này cần phải xét lại

Bản tiện mặc ngôn Thìn Tuất, tra dương thu ảnh cánh phú vinh (11, B72)

Giải: Mệnh an tại Thìn Tuất thì không nói đến bản tiện nếu được Thái Dương cư Thìn, Thái Âm cư Tuất thì cũng được vinh hiển phú quý

Đạo Trích thọ tăng (sống thọ) do ư Nhật Nguyệt Cơ Lương miếu nhập Mệnh Thân (56)

Giải : chỉ có Thái Âm cư Tuất thì mới xảy ra trường hợp này

Nhật Nguyệt phản bối (Nguyệt tại Thìn có Nhật tại Tuất xung chiếu, hay Nhật tại Tuất có Nguyệt tại Thìn xung chiếu) hà vọng thanh quang (không có ánh sáng) tối hỉ ngoại triều Khôi Việt (3)

Giải: Nhật Nguyệt phản bối (Nguyệt tại Thìn có Nhật tại Tuất xung chiếu, hay Nhật tại Tuất có Nguyệt tại Thìn xung chiếu) được Khôi Việt hội hợp thì rất tốt. Chú ý Nguyệt tại Thìn chỉ có tuổi Kỷ thì mới có Khôi Việt Thiên Trù Khoa tam hợp chiếu trong đó Việt Thiên Trù Hóa Khoa đồng cung với Đồng Lương bị Triệt. Thái Dương tại Tuất chỉ có tuổi Canh với cách an Tứ Hóa tại Dương Vũ Âm Đồng thì Nhật đồng cung với Hóa Lộc có Việt Khôi tam hợp, Khoa Quốc Ân Lưu Hà xung trong đó Cự Khôi Thiên Phúc bị Triệt, cả tuổi Tân thì có Kinh đắc,

Hóa Quyền đồng cung với Nhật và có Việt Khôi Hóa Lộc Thiên Trù Hao Đường Phù tam chiếu trong đó Thái Âm đắc Triệt và Cự tại Ngọ gặp Song Hao

Nhật Nguyệt tối hiềm nghị (phản) bối vi thất huy (14)

Giải: Nhật tại Tuất, Nguyệt tại Thìn thì hãm không có ánh sáng nên xấu. Có Tuần Triệt án ngữ thì trở nên tốt

### Thái Âm Ty Hợi

Nguyệt lãng thiên môn ư Hợi địa, đăng vân chấp chương đại quyền (5, TTL)

Giải: Mệnh tại Hợi có Nguyệt thủ nên rất rực rỡ tốt đẹp như mặt trăng treo vằng vặc giữa cửa trời, nên được hưởng phú quý tốt bậc, nắm quyền hành rất lớn. Cung Hợi thuộc quẻ Càn là biểu tượng của trời nên gọi là thiên môn. Theo TVT thì người tuổi Tí sinh về đêm là thượng cách

Nguyệt lãng thiên môn, tiến tước phong hầu (7)

Giải: Mệnh tại Hợi có Nguyệt tọa thủ gặp nhiều quý tinh hội hợp, người tuổi Bính Đinh là quý cách, tuổi Nhâm Quý là phú cách, các tuổi khác gặp cách này cũng làm nên vinh hiển có quan chức. Chú ý rằng tuổi Bính thì Khôi thủ, Lộc Tồn Hóa Quyền Thiên Quan Thiên Trù bị Triệt xung chiếu, Lưu Hà tam hợp. Tuổi Đinh thì có Hóa Lộc Khôi Thiên Phúc Đường Phù thủ, Đà Khoa xung chiếu, Kinh Hao tam hợp trong đó Hao đồng cung với Nhật Lương bị Triệt. Tuổi Nhâm thì có Lộc Tồn Lưu Hà thủ, Hóa Lộc Khôi Việt Quốc Ấn chiếu và đặc biệt nếu có Tả Phù thì có thêm Hóa Khoa. Tuổi Quý thì có Khoa Đà đồng cung, Khôi Việt Thiên Phúc Đường Phù Hao LNVT chiếu. Bốn tuổi trên thì tuổi Nhâm và Quý thì đẹp hơn

### THÁI DƯƠNG

Nữ Mệnh đoan chính Thái Dương tinh, tảo phối hiền phu tín khả phùng (36, TTL)

Giải: Nữ Mệnh có Thái Dương thì đoan chính, lấy được chồng tài giỏi vì Thái Dương tượng trưng cho chồng. Theo TTL thì Nhật cần miếu vượng đắc. Theo TVT thì Thái Dương tại Mão, Thìn, Tỵ Ngọ nếu không gặp Sát tinh. Thiết tưởng Thái Dương khi miếu vượng thì đúng hơn

Nhất Dương sinh ư Tí. Nhất Âm sinh ư Ngọ. Nhật Nguyệt trùng chiếu lưỡng tương nghị (B73)

Giải: Thiếu Dương sinh ở cung Tí. Thiếu Âm sinh ở cung Ngọ. Có Nhật Nguyệt chiếu ở đó thì tốt lắm (Nhật Ngọ, Nguyệt Tí). Cần coi lại câu phú này

Nhất Âm sinh ư Tí, Nhất Dương sinh ư Ngọ. Nhật Nguyệt trùng chiếu lưỡng tương nghi (38)

Giải: Mệnh tại Tí có Nguyệt hay Mệnh tại Ngọ có Nhật thủ thì rất tốt đẹp. Cần coi lại câu Nhất Âm sinh ư Tí, Nhất Dương sinh ư Ngọ. Cần coi lại câu phú này

### THÁI DƯƠNG, THÁI ÂM TẠI CÁC CUNG

#### THÁI DƯƠNG TẠI CÁC CUNG

Âm Dương Tuần Triệt tại tiền, mẹ cha định đã qui tiên thuở nào (17)

Giải: Phụ Mẫu có Nhật hay Nguyệt tọa thủ gặp Tuần Triệt án ngữ thì cha mẹ mất sớm

Phúc cư quý hướng (cung Sửu) nhược lai Nhật Nguyệt tu kiến Không tinh, Long, Kiếp, Kinh xâm, Nam Nhân sát bại, ngược Việt, Khoa, Hổ, Khốc, Hư, Nữ Nhân toại hưởng phúc tương vinh phú (68)

Giải: Phúc tại Sửu có Nhật Nguyệt tọa thủ đồng cung gặp sao Không (Thiên Không, Địa Không), Long, Kiếp, Kinh hội hợp tất trong họ đàn ông thì yếu vong càng ngày càng lụn bại, nếu gặp Việt, Khoa, Hổ, Khốc, Hư thì đàn bà được hưởng phúc sống lâu và giàu sang vinh hiển

Âm Dương sánh với Hi Tinh (Thiên Hi), âm cung với Phúc cũng sinh dị bào (23)

Giải: Phúc Đức tại âm cung có Nhật Nguyệt gặp Thiên Hi thì có anh em cùng cha khác mẹ hay cùng mẹ khác cha

Phúc tọa Hợi cung tối hỉ Âm Dương, Tử Phủ, Đồng Lương Cơ Cự kiêm hữu Khúc Xương Long Phượng Bát Quyền tứ đại hiển vinh, văn khoa di dật (bốn đời được vinh hiển, có người đỗ đạt cao) nhược cư (nhưng nếu gặp) Sát Phá Liêm Tham tu đắc (lại có) Khoa Hình Không Kiếp Tràng (Tràng Sinh) Tồn (Lộc Tồn) bách thủ thanh danh, võ cách, duy hiềm chiêu phát mộ suy (tay trắng làm nên sự nghiệp, phát về võ nghiệp nhưng không bền vững) (24)

Giải: cung Phúc cư Hợi rất cần gặp Âm, Dương, Tử Phủ, Đồng, Lương, Cơ, Cự có Khúc, Xương, Long, Phượng, Hữu Bát, Quyền hội hợp thì bốn đời được vinh hiển, có người đỗ đạt cao, nhưng nếu gặp Sát, Phá, Liêm, Tham lại gặp Khoa,



Hình, Không Kiếp, Tràng Sinh, Lộc Tồn thì tay trắng làm nên sự nghiệp, phát về võ nghiệp nhưng không bền vững

Phúc cư Mùi địa (cư tại Mùi) Âm Dương hỗn hợp Không tinh nhược nhân sinh tu thu thời kiêm hội Văn tinh Quyền Lộc đa phát bằng khoa, nhược hội Kinh Đà Hình Ấn hiển đạt võ công, Hồng Kiếp lai xâm tuế thọ nan trường (25)

Giải: Phúc tại Mùi có Âm Dương tọa thủ đồng cung gặp Tuần Triệt án ngữ hay Thiên Không, Địa Không hội hợp nếu là người sinh ban ngày gặp Xương Khúc Khôi Việt Khoa Quyền Lộc hội chiếu tất thi đỗ đạt cao, gặp Kinh Đà Hình Ấn hội hợp thì có võ chức, nếu bị Hồng Kiếp xâm phạm tất tuổi thọ không dài

Đan Quế, Đan Trì chiếu u Điền Trạch phú tử Thạch Sùng (63, B84)

Giải: cung Điền có Thái Dương thủ từ cung Mão đến cung Ngọ, Thái Âm thủ từ cung Dậu đến cung Tí hội chiếu thì giàu có như Thạch Sùng

Mấy người phú quý nan toàn, bởi vàng ô thỏ đồng miền sát tinh (66)

Giải: Mệnh, Thân hay Điền, Tài có Nhật Nguyệt tọa thủ gặp sát tinh thì phú quý khó lòng trọn vẹn

Nhật Nguyệt giáp tài, bất phú tắc quý (B76)

Giải: Nhật Nguyệt sáng sủa giáp không giàu thì sang. Có thể hiểu rằng Thiên Phủ (tài tinh) tại Mùi thì có cách giáp này. Có thể giải thích rằng Nhật Nguyệt giáp cung Tài Bạch, như vậy thì hoặc là Mệnh Tử Sát cư Tỵ (cung Tài có Vũ Tham cư Sửu) hoặc Thiên Tướng cư Hợi (cung Tài có Phủ cư Mùi)

Âm Dương hội chiếu Mệnh Quan, quyền cao chức trọng mọi đường hanh thông (22)

Giải: thiết tướng cần phải đắc vượng miếu

Thái Dương Văn Xương cư Quan, hoàng điện triều ban (52)

Giải: cung Quan có Thái Dương gặp Văn Xương thì được nhà vua ban thưởng ở cung vua. Cần có Thái Dương sáng sủa thì hợp lý hơn

Nhật Nguyệt cư Quan lộc phú quý nan danh (61, B62)



Giải: cung Quan lộc có Nhật Nguyệt thủ thì khó có công danh phú quý. Có thể hiểu câu phú này đề cập đến Nhật Nguyệt đồng cung Sửu Mùi hoặc Nhật Nguyệt hãm địa. TVT và NMB giải rằng cung Quan tại Mão Thìn Tỵ Ngọ có Nhật thủ, tại Dậu Tuất Hợi Tị có Nguyệt thủ thì giàu sang phú quý không hợp lý vì nan danh thì có nghĩa là khó có công danh

Con em xa khứ xa hoàn, bởi vì Nhật diệu chiếu miền Nô cung (67)

Giải: cung Nô có Thái Dương chiếu thì nô bộc khi bỏ đi, khi trở về

Nhật Nguyệt Tật Ách Mệnh cung Không, yêu đà mục cơ (69)

Giải: Tật Ách có Tuần Triệt án ngữ hay Thiên, Địa Không tọa thủ thì hay bị đau mắt, mắt bị quáng gà. Cần coi lại lời giải của TVT

Phì mãn kim ô tuy gia sát (sát tinh) nhi chi phú (62)

Giải: TVT giải thích rằng cung Tài có Thái Dương đắc tọa thủ tuy gặp sát tinh cũng hưởng giàu sang nhưng không hợp lý lắm. Có lẽ nên hiểu là Thái Dương sáng sủa thì hợp hơn

Sở hỷ gia Thiên Hỉ nhị minh (Nhật Nguyệt) phù Tử Tức chi cung (68)

Giải: cung Tử Tức có Nhật Nguyệt sáng sủa chiếu gặp Thiên Hỉ tọa thủ thì vui mừng, hàm ý tất sinh quý tử. TVT giải rằng cung Tử Tức có Nhật Nguyệt chiếu gặp Thiên Hỉ tọa thủ tất sinh quý tử. Hỏi Nhật Nguyệt sáng thì hợp lý vì minh có nghĩa là sáng

Nữ Mệnh Nhật Nguyệt Tử cung, nhất bào song sản (một bào thai hai lần sinh, ý nói đẻ con sinh đôi) (65)

Giải: Nữ Mệnh có Nhật Nguyệt tại cung Tử thì sinh con sinh đôi

Âm Dương lạc hãm gia Kinh Kỵ, Phu Thê ly biệt (19)

Giải: cung Phu Thê có Âm Dương lạc hãm gặp Hình, Kỵ thì vợ chồng li dị, xa nhau hay có người chết sớm

## THÁI ÂM TẠI CÁC CUNG

Tử tức Thái Âm tuy hãm hạ tôn, Thái Âm kỵ hãm địch vô phùng Tham tắc, Thiên Đồng ngộ Âm tắc chúng đa (15)

Giải: Nữ Mệnh cung Tử có Thái Âm hãm địa thì không có con nổi giỏi, gặp Tham Lang thì có con mà không nuôi được, nhưng nếu gặp Thiên Đồng thì lại là người có nhiều con. Câu phú này cần xét lại vì Thái Âm không thể gặp Tham Lang trừ Thái Âm Tí Ngọ thì có Vũ Tham nhị hợp. Phải chăng ý nói Đồng Âm cư Ngọ thì không con, cư Tí thì nhiều con?

Thanh Kỳ Ngọc Thổ tuy lạc hãm nhi bất bản (16)

Giải: TVT giải thích rằng Tài Bạch có Thái Âm hãm địa tọa thủ cũng được phong lưu không sợ nghèo

Vợ giàu của cải vô ngần, Thái Âm phùng Khúc Lộc Ân Mã Đồng (Thiên Đồng) (18)

Giải: cung Thê có Thái Âm phùng Khúc Lộc Ân Mã Đồng thì lấy vợ giàu có. Thiết tưởng Thái Âm cần sáng sửa nghĩa là rơi vào trường hợp Thái Âm tại Thân, Dậu, Tuất, Tí

Duyên lành phò mã ngôi cao (lấy vợ danh giá), Thái Âm đắc địa đóng vào Thê cung

Giải: chú ý đối với Nam giới thì Thái Âm là biểu tượng cho người vợ

Thái Âm đồng Văn Khúc ư Thê cung, thêm cung triết quế (21)

Giải: cung Thê có Thái Âm đồng cung với Văn Khúc thì lấy vợ xinh đẹp và danh giá vì như bề cảnh quế trên mặt trăng. Thiết tưởng Thái Âm cần đắc địa trở lên

### THÁI DƯƠNG, THÁI ÂM VỚI PHU TINH

#### THÁI DƯƠNG VỚI PHU TINH

Âm Dương lạc hãm tu cần Không diệu, tối kỵ Sát tinh

Giải: Nhật Nguyệt hãm địa cần sao Không (Tuần Triệt án ngữ hay Thiên Không, Địa Không hội hợp), rất sợ gặp sát tinh

Âm Dương (sáng sửa) hội Xương Khúc, xuất thế vinh hoa (8)

Giải: Âm Dương (sáng sủa) hội Xương Khúc thì ra đời được thi đỗ cao, giàu sang vinh hiển

Nhật Nguyệt Sát (Sát tinh) hội, Nam đa gian đạo, nữ đa dâm (dâm dăng) (57, TTL)

Giải: Nhật Nguyệt gặp sát tinh thì nam giới là hàng trộm cắp bắt lương, nữ giới thì dâm dăng. Nên hiểu rằng Nhật Nguyệt hãm địa

Nhật Nguyệt ngộ Đà Linh chốn hãm, Hóa Kỵ gia mục ám thông manh (49)

Giải: Nhật Nguyệt hãm địa gặp Đà La, Linh Tinh, Hóa Kỵ thì bị mù mắt, mắt mờ

Nhật Nguyệt Tả Hữu hợp vi giai (37)

Giải: Nhật Nguyệt rất cần có Tả Hữu hợp chiếu hay giáp. Chú ý tuổi Tân rất cần Tả Phù vì Hóa Khoa an với Tả Phù

Âm Dương Tả Hữu hợp vi giai (13)

Giải: Nhật Nguyệt gặp Tả Hữu thì rất hợp (càng sáng thêm nên tốt cho công danh tài lộc)

Thiên Tài ngộ Nhật bất minh, nét na lều lảo những khinh Phật trời.

Giải: Nhật hãm gặp Thiên Tài thì khinh miệt Phật Trời

Thái Dương, Hóa Kỵ (đồng cung), hữu mục hoàn thương (27, TTL)

Giải: Thái Dương Hóa Kỵ đồng cung thì hay đau mắt, hoặc mắt có tật. Phải chăng cần Thái Dương hãm địa?

Nhật Nguyệt nhi phùng Hình Hỏa, thân thiếu hắc hình (71)

Giải: Nhật Nguyệt gặp Hình, Hỏa thì thân hình gầy gò, ốm yếu, mình hạc sương mai

Nhật Nguyệt Dương Đà, đa khắc thân (53)

Giải: Nhật Nguyệt gặp Dương Đà thì khắc cha mẹ

Nhật, Nguyệt hãm xung phùng ác sát lao碌 bốn ba (26, 58, TTL)

Giải: Nhật, Nguyệt hãm gặp sát tinh hội hợp thì vất vả, thường nay đây mai đó

Nhật Nguyệt vô minh (hãm địa) nhi phùng Riêu, Ky, Kiếp, Kinh ư Mệnh, Giải (tại cung Mệnh hay Tật Ách) tật nguyên lương mục (bị mù lòa) (55, TTL)

Giải: cung Mệnh hay Tật Ách có Nhật Nguyệt hãm địa gặp Riêu, Ky, Kiếp, Kinh thì hai mắt bị mù lòa

### THÁI ÂM VỚI PHU TINH

Nữ Mệnh ky Nguyệt ngộ Đà (4)

Giải: Nữ Mệnh có Thái Âm Đà La đồng cung thì tối ky, rất dâm dăng. Thái Âm là tượng người nữ, trong khi Thái Dương tượng người Nam

Thái Âm, Vũ Khúc, Lộc Tồn đồng (đồng cung), Tả Hữu tương phùng phú quý ông (giàu có) (11, TTL)

Giải: Mệnh có Thái Âm hay Vũ Khúc (miếu vượng đắc) gặp Lộc Tồn đồng cung, Tả Hữu hội hợp thì giàu có

Thái Âm Dương (Kinh), Đà chủ nhân ly, tài tán (12, TTL)

Giải: Mệnh có Thái Âm miếu vượng đắc gặp Kinh Đà hội hợp tất phải ly tổ, tiền tài hay bị hao tán. Nếu Thái Âm hãm lại gặp Kinh Đà thì suốt đời cùng khó, phải lang thang phiêu bạt và rất nghèo túng

Âm tăng (Thái Âm miếu vượng đắc) Hồng (Hồng Loan) Nhận (Kinh Dương) Ky (Hóa Ky) Riêu (Thiên Riêu) tán liên hàm tiểu (hoa sen hé mở, rất quyến rũ) tiểu hạn phùng Xương Vũ dâm tự xuân tình liên xuất phát (động lòng xuân, tưởng đến chuyện trăng hoa nên rất dễ xa ngã) (15)

Giải: Thái Âm miếu vượng đắc gặp Hồng Loan, Kinh Dương, Hóa Ky, Thiên Riêu thì ví như hoa sen hé mở, rất quyến rũ, tiểu hạn gặp Xương, Vũ thì động lòng xuân, tưởng đến chuyện trăng hoa nên rất dễ xa ngã (cần coi lại câu này)

### THÁI DƯƠNG, THÁI ÂM TẠI CUNG HẠN

THÁI DƯƠNG TẠI CUNG HẠN

Nhật cư Ly (cư Ngọ), nhật lệ trung thiên (mặt trời giữa bầu trời cao), ái ngọ Hình Tang Hổ Khốc vận lâm (45)

Giải: hạn gặp Nhật tại cung Ngọ có Hình, Tang, Hổ Khốc thì rất tốt, công thành danh toại

Nhật ngọ Kiếp Hồng Binh (Phục Binh) Khốc thân phụ tận niên thọ hưởng ai thương (70)

Giải: Hạn có Nhật gặp Kiếp, Hồng Loan, Binh, Khốc tất cha già đau bệnh mà chết vì Nhật tượng trưng cho cha hoặc chồng

THÁI ÂM TẠI CUNG HẠN

Nguyệt tại Hợi cung, minh châu xuất hải (ngọc sáng ngoài biển cả, nên rất quý hiển), tu cần Quyền Ky Khúc Xương hạn đáo (hạn rất cần Quyền Ky Khúc Xương công danh như rồng mây gặp hội) (6)

Giải: Nguyệt tại Hợi cung thì như ngọc sáng ngoài biển cả nên rất quý hiển, hạn rất cần Quyền, Ky, Khúc Xương thì công danh phát như rồng mây gặp hội

Thái Âm lạc hãm phải lo, Ky (Hóa Ky) lâm thường thấy tay vò đầu chiếu (26)

Giải: Hạn có Thái Âm gặp Hóa Ky thì bị đau mắt nặng hoặc mẹ mất vì Thái Âm tượng mẹ

Nguyệt phùng Đà, Ky, Hổ, Tang, thân mẫu trần trời nan toàn thọ mệnh (27)

Giải: hạn có Nguyệt gặp Đà Ky Hổ Tang thì mẹ chết

Lưu Bang (Hán Cao Tổ) cam nhập Bao Trung do hữu Âm Dương giao huy La Vông Kiếp Không Dương nhận hạn đáo (28)

Giải: Lưu Bang bị ép vào ở đất Trung vì hạn đến cung Thìn Tuất gặp Âm Dương Kiếp Không Kinh hội hợp

VŨ KHÚC

Vũ Khúc chi tinh vi Quả Tú (1, TTL)

Giải: Vũ Khúc có tính chất giống như sao Quả Tú, nghĩa là hay cách biệt người thân, nếu không khắc cha mẹ, anh em cũng khắc vợ chồng, con cái hoặc hiềm con

Vũ Khúc, Liêm Trinh, Tham, Sát canh tác kinh thương (19)

Giải: Vũ Khúc, Liêm Trinh, Tham, Sát thì nên chuyên về canh tác hay buôn bán

Thân (cung Thân) cư Vũ Khúc, hắc tử trung tàng (3, B58)

Giải: cung Thân có Vũ Khúc thì có nhiều nốt ruồi màu đen trong mình. NMB ghi rằng ở tại Mệnh cũng vậy

### VŨ KHÚC TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

#### Vũ Phủ Tí Ngo

#### Vũ Tham Sửu Mùi

Vũ Khúc miếu viên (miếu địa tại Thìn Tuất Sửu Mùi, ở Thìn Tuất là thượng cách, Sửu Mùi là thứ cách), uy danh bách biến (2, TTL)

Giải: Vũ Khúc tại Thìn Tuất Sửu Mùi thì uy quyền và danh tiếng lừng lẫy. TVT còn cho rằng tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi thì rất hợp

Tiền bản hậu phú Vũ Tham đồng Thân, Mệnh chi cung, tiền phú hậu bản chỉ vi phùng Kiếp (Địa Kiếp) Sát (sát tinh) (11, TTL)

Giải: Mệnh Thân an tại Sửu Mùi có Vũ Tham đồng cung thì trước nghèo sau giàu, nhưng nếu gặp Địa Kiếp và sát tinh hội hợp thì trước giàu sau nghèo. TVT giải thích là gặp Kiếp Sát, Địa Kiếp, Thiên Không Hao Tuyệt không hợp lý

Phúc Vũ củng triều ư Sửu vị, kim bách mãn tương sương (B72)

Giải: NMB giải rằng Thiên Cơ, Thiên Lương hay Vũ Khúc ở cung Sửu thì giàu có vàng bạc đầy đường. Ông cho rằng Phúc là Cơ hay Lương. Câu phú này cần xét lại

#### Vũ Tướng Dần Tướng

Vũ Khúc Dần Thân nhi ngộ Lộc Quyền, phú gia Vương Khải (7, TTL)

Giải: Vũ Khúc tại Dần Thân gặp Lộc Quyền thì giàu có như Vương Khải ngày xưa. Chú ý chỉ có hai tuổi rơi vào trường hợp này. Tuổi Giáp tại cung Dần thì Vũ

Tướng đồng cung với Khoa Lộc Tồn, Hóa Lộc Quốc Ấn Thiên Trù tam hợp và Quyền đồng cung với Phá Quân hãm gặp Triệt xung chiếu. Còn tại cung Thân thì Vũ Tướng đồng cung với Khoa gặp Triệt có Lộc Quyền Lộc Tồn chiếu. Tuổi Canh an Tứ Hóa theo Dương Vũ Âm Đồng thì tại Dần có Quyền Việt Thiên Trù, có Khôi Thiên Phúc đồng cung với Tử Vi gặp Triệt tam hợp, Lộc Tồn xung, tại cung Thân thì có Lộc Tồn Hóa Quyền đồng cung, Quốc Ấn Việt Thiên Trù Lưu Hà chiếu, nếu an Tứ Hóa theo Dương Vũ Âm Đồng thì tại cung Dần Thân có thêm tam hóa liên châu

Sao Vũ Tướng ở đầu cung ấy, nghệ bách công ai thấy cũng dùng (6)

Giải: TVT giả rằng Vũ Tướng ở Dần Thân thì có tài về thủ công nghệ, ai cũng muốn mượn nhưng câu phú này không rõ nghĩa cần xét lại

### Vũ Sát Mão Dậu

Vũ Sát (Thất Sát), Phá Liêm cư Mão địa, phòng mộc yểm lời kinh (14, TTL)

Giải: Mệnh tại Mão có Vũ Sát hay Liêm Phá thì cả đời phải đề phòng cây cối ngã đè hoặc sét đánh, hay tai nạn về điện, lửa hay thần kinh

### Vũ Khúc Thìn Tuất

Vũ Khúc miếu viên (miếu địa tại Thìn Tuất Sửu Mùi, ở Thìn Tuất là thượng cách, Sửu Mùi là thứ cách), uy danh bách biến (2, TTL)

Giải: Vũ Khúc tại Thìn Tuất Sửu Mùi thì uy quyền và danh tiếng lừng lẫy. TVT còn cho rằng tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi thì rất hợp

Vũ, Tham Thìn, Tuất, Mậu Canh Dương nữ vô hạnh hữu tài, Kiếp Không hung kiến hữu phùng Hà (Lưu Hà) Nhận (Kình Dương) vận lâm, Mệnh vị nan toàn (10)

Giải: Nữ nhân tuổi Mậu hay Canh có Vũ hoặc Tham Lang tại Thìn, Tuất thì khá giả có tiền bạc nhưng thiếu đức hạnh, hạn gặp Kiếp, Không, Lưu Hà, Kình Dương thì khó thoát chết.

Tuổi Mậu thì Tham Lang tại Thìn có Hóa Lộc Đà La đồng cung, có Hao LNVT tam hợp chiếu, Tham Lang tại Tuất Hóa Lộc, Đường Phù đồng cung, Thiên Trù Hao, Kình Đà hãm chiếu. Vũ Khúc tại Thìn có Đà đồng cung, Hóa Lộc Đường Phù Hao LNVT chiếu và Vũ Khúc tại Tuất có Hóa Lộc, Thiên Trù Kình Đà hãm chiếu.



Tuổi Canh Tham Lang tại Thìn đồng cung với Quốc Ấn Lưu Hà, có Lộc Tồn Hóa Quyền chiếu, Tham tại Tuất có Hóa Quyền Lưu Hà Quốc Ấn Khôi Việt Thiên Phúc Thiên Trù chiếu, Vũ Khúc tại Thìn có Quyền, Quốc Ấn Lưu Hà, Lộc Tồn tam chiếu, Vũ Khúc tại Tuất có Quyền đồng cung, Khôi Việt Thiên Phúc Thiên Trù Quốc Ấn Thiên Trù Lưu Hà chiếu

Cần xét lại câu phú này tại sao lại là người vô hạnh?

### Vũ Phá Ty Hợi

Vũ Khúc nhân cung (ở cung hãm địa là Ty Hợi) đa thủ nghệ (5, TTL)

Giải: Vũ Phá tại Ty Hợi thì có nhiều tài năng về thủ công nghệ

Vũ Phá Ty Hợi, tham lận bất lương (TTL)

Vũ Phá cư Ty Hợi, đăng tử vô lương (17)

Giải: Vũ Phá cư Ty Hợi thì là người du đãng, vô lương tâm. Điều này trên thực tế không đúng hẳn trừ khi gặp nhiều hung tinh và không có cát thiện tinh

Vũ Khúc Phá Quân (tại Ty Hợi) phá tổ, phá gia lao lực (13, TTL)

Giải: Vũ Phá cư Ty Hợi thì phá tan của cải của tổ tiên, cha mẹ. Cuộc đời khổ cực nếu không có cát tinh (như Khôi, Việt, Lộc) hội hợp

Vũ phùng (gặp) Phá diệu (Phá Quân) (ý nói Vũ Phá Ty Hợi) nan bảo di lai sản nghiệp (15, TTL)

Giải Vũ Phá đồng cung tại Ty Hợi thì khó giữ gìn cơ nghiệp của cha mẹ

Vũ Phá (ở Ty Hợi) tương ngộ Xương Khúc, thông minh cơ xảo định vô cùng (18, TTL)

Giải: Vũ Phá cư Ty Hợi nếu gặp Xương hay Khúc đồng cung thì thông minh, khéo tay nên chuyên về kỹ nghệ máy móc. Chú ý rằng Vũ Phá tại Ty sinh giờ Sửu hay Ty và Vũ Phá tại Hợi sinh giờ Mùi hay Hợi thì mới có Xương hay Khúc đồng cung và sẽ có đủ bộ Xương Khúc. Nên nhớ Văn Xương cư Ty Hợi tuy có thêm Thai Phụ xung chiếu nhưng bị giáp Không Kiếp

Vũ Xương Ty Hợi Đinh Lục Giáp (tuổi Đinh của Lục Giáp) sứt biên đình (4)

Giải: tuổi Đinh có Vũ Xương Tỵ Hợi thì là tướng ở biên thùy trấn giữ bờ cõi. Chú ý trong trường hợp này Vũ Phá tại cung Tỵ có Đà La đắc địa đồng cung và có Khôi Việt Khôi Việt Thân Phúc Đường Phù Hao LNVT chiếu trong đó Hao LNVT đồng cung với Tử Tham bị Triệt, còn Vũ Phá tại Hợi có Khôi Thiên Phúc Đường Phù thủ, Đà La đắc địa xung, Hao cùng Tử Tham bị Triệt chiếu. Câu phú này cần kiểm tra trên thực tế

Vũ Khúc cư Càn thượng (ở cung Tuất Hợi) tối phạm Thái Âm (có Thái Âm nhị hợp), phùng Tham Lang (gặp Tham Lang chiếu) (12, TTL)

Giải: TTL cho rằng Vũ Khúc ở cung Hợi có Thái Âm nhị hợp gặp Tham Lang chiếu thì rất mờ ám xấu xa, cuộc đời vất vả lận đận. Nhưng tuổi Giáp Kỷ Nhâm Mệnh tại Hợi có Vũ Phá gặp Hỏa Tinh đồng cung thì lại giàu sang và sống lâu. TVT cho rằng ở Tuất Hợi vì tại Tuất thì cũng có Thái Âm nhị hợp. Tuy nhiên chúng ta biết rằng Vũ Khúc cư Thìn Tuất thì rất tốt, và cũng biết Vũ Phá cư Hợi thì không tốt đẹp. Câu phú này xét ra đúng cho trường hợp tại Hợi hơn. Có điều Càn thì ở tại vị trí Tuất Hợi nên chúng ta cần xét lại câu phú này

Vũ Khúc Kiếp Sát hội Kinh Dương, nhân trì đao (20)

Giải: Vũ Khúc Kiếp Sát đồng cung gặp Kinh Dương thì là người giết người không gớm tay

Vũ Khúc Kiếp Sát hội Kinh Dương, sát nhân bất biến nhãn (TTL)

Giải: Vũ Khúc Kiếp Sát đồng cung gặp Kinh Dương chiếu thì là người giết người mà mặt không thay đổi, mắt không chớp, ý nói giết người không gớm tay. Chú ý vì Kiếp Sát chỉ ở Dần Thân Tỵ Hợi nên câu này ám chỉ Vũ Phá tại Tỵ Hợi. Chú ý tuổi Đinh tại Hợi có Khôi Thiên Phúc thủ, Kinh Đà đắc chiếu, tuổi Kỷ có Hóa Lộc, Quyền Hao Đường Phù Kinh Đà đắc, tuổi Canh Vũ Phá tại Tỵ có Quyền Hao thủ và Kinh hãm tại Dậu tam hợp, tuổi Quý Vũ Phá tại Tỵ có Việt Thiên Phúc Đường Phù Hóa Lộc thủ, Hao Kỵ Kinh chiếu và Kinh tại Sửu bị Triệt. Như vậy xét ra tuổi Canh với Vũ Phá tại Tỵ có thể ứng cho câu này nhưng thiết tưởng cần kiểm tra lại câu phú này với thực tế

Vũ Khúc Dương Đà kiêm Hỏa tú (Hỏa Tinh), táng mệnh nhân tài (21)

Giải: Vũ Khúc gặp Kinh Đà Hỏa Tinh thì chết vì tiền bạc. Vũ can hãm địa mới có khả năng này, nghĩa là Vũ Phá Tỵ Hợi. TVT giải rằng chết vì cướp của không hợp lý

Vũ Khúc Dương Đa kiêm Quả Tú, vị tiền nhi nguy (vì tiền mà nguy khôn đến thân) (TTL)

Giải: Vũ Khúc hãm địa nghĩa là Vũ Phá Ty Hợi gặp Kinh Đà Quả Tú thì chết vì tiền bạc. Hai câu phú này cần xem lại

### VŨ KHÚC VỚI CÁC PHỤ TINH

Vũ, Phá, Trinh ( Liêm Trinh) Tham xung hợp Khúc (Văn Khúc) toàn cơ quý (16)

Giải: Vũ, Phá, Liêm, Tham gặp Văn Khúc thì trở nên tốt đẹp

Vũ Khúc, Tham Lang gia Hóa Kỵ, kỹ nghệ chi nhân (9)

Giải: Vũ Khúc hoặc Tham Lang gặp Hóa Kỵ thì chuyên về kỹ nghệ, là kỹ sư hay thợ khéo

Vũ Khúc, Văn Khúc vi nhân đa học đa năng (22, TTL)

Giải: Vũ Khúc, Văn Khúc đồng cung thì là người học rộng và có nhiều tài năng. TTL cho rằng Vũ Khúc cần miếu, vượng hay đắc và điều này cũng hợp lý, nhưng nếu Vũ hãm địa thì cũng được tốt hơn

Vũ Khúc lâm (gặp) Cô Thân, Hán Quyền tần tần khư quỉ (như Hán Quyền giỏi pháp thuật trừ ma quỷ) (23)

Giải: Vũ Khúc gặp Cô Thân thì giỏi pháp thuật trừ ma quỷ như Hán Quyền

Vũ Khúc Lộc Mã giao trì (Lộc Mã xung chiếu nhau), phát tài viễn bộ (viễn quận) (24, TTL)

Giải: Mệnh Vũ Khúc tọa thủ có Lộc Mã hội hợp thì kiếm tiền dễ dàng ở nơi xa quê hương. TTL cho rằng Vũ cần đắc, vượng, miếu. Lộc ở đây là Lộc Tồn và chỉ có cung Dần Thân mới có cách Lộc Mã đồng cung hay xung chiếu mà thôi nên cách này chỉ có Vũ Tướng Dần Thân, Vũ Khúc Thìn Tuất mới có khả năng gặp

Vũ Khúc Khôi Việt cư miếu vượng, tài chức chi quan (25,TTL)

Giải: Vũ Khúc miếu vượng gặp Khôi Việt thì có quan chức về tài chánh

### VŨ KHÚC TẠI CÁC CUNG

Vũ Khúc Tham Lang Tài Trạch vi hoạnh phát tụ tài (8)

Giải: Vũ Khúc, Tham Lang tại Tài hay Điền thì tiền tài vào như nước. Theo TVT thì Vũ Khúc, Tham Lang đồng cung. Câu này không rõ nghĩa cần xét lại

Vũ Khúc Thiên Di, cự thương cao mãi (26)

Giải: Vũ Khúc tại Thiên Di thì buôn bán mà giàu có lớn. Nên hiểu Vũ khúc cần sáng sủa

Tử Vi hội Vũ Khúc ư Tử Tức, quý vi thực hoè (27, B76)

Giải: Cung Tử Tức có Tử Vi gặp Vũ Khúc chiếu thì có con quý tử. Thiết tưởng cần có các điều kiện khác mới rõ vì Tử Vi luôn luôn tam hợp với Vũ Khúc. NMB giải rằng cung Tử Tức ở bốn vị trí là Thìn Tuất Sửu Mùi có Vũ Khúc thì có con quý tử

Vũ Khúc thủ Tử cung, bất tất cô thân nhi hữu hại (28, B85)

Giải: Cung Tử Tức có Vũ Khúc thì nếu không hiếm con thì cũng khắc con cái. Thiết tưởng Vũ Khúc cần hãm, nghĩa là tại Ty Hợi thì có nghĩa rõ hơn

Phúc (cung Phúc Đức) tại Sửu cung, cư tọa Tham Vũ, diệc cần Tả Hữu Phụng Long (Long Trì) Mộ Tọa (Bát Tọa) nam hiển danh tài, lai (gặp) Tam Hóa (Khoa Quyền Lộc) Hồ (Bạch Hồ) Riêu Nữ tất giang hồ hiển hách danh giá (30)

Giải: cung Phúc Đứctại Sửu có Vũ Tham tọa thủ có Tả Hữu, Long Phụng, Mộ, Bát Tọa thì trong họ con trai làm nên danh giá, gặp Khoa Quyền Lộc, Bạch Hồ, Riêu thì con gái lưu lạc giang hồ mà làm nên danh giá

### VŨ KHÚC TẠI CUNG HẠN

Vũ Cô Lộc Mã Quả (Quả Tú) Loan (Hồng Loan), hôn nhân thuở ấy mới tròn thất gia

Giải: hạn có Vũ Khúc Lộc Mã Hồng Cô Quả thì lập gia đình

### THIÊN ĐỒNG

Nữ Mệnh Thiên Đồng tất thị hiền (1)

Giải: Nữ Mệnh có Thiên Đồng thủ thì hiền lành, hiền hòa

Đồng, Cơ tính tâm từ (hiền từ) (15)

Thiên Đồng nhập Mệnh hoán cải vô thường (2, TTL)

Giải: Mệnh có Thiên Đồng thủ thì tính tình hay thay đổi, không có chủ kiến nhất định, thường hay thay đổi chỗ ở, công ăn việc làm, chí hướng

Thiên Đồng bạch thủ thành gia (tay trắng tạo nên sự nghiệp) (5, B82)

Giải: Thiên Đồng miếu vượng thì người tay trắng mà làm nên giàu có. Cần hiểu Thiên Đồng phải miếu vượng

### THIÊN ĐỒNG TẠI VI TRÍ 12 CUNG

#### Đồng Âm Tí Ngọ

Đồng Âm tại Tí, Nguyệt lãng thiên môn (mặt trăng lơ lửng trên cao) dung nhan mỹ ái (nét mặt xinh đẹp đáng yêu), Hổ Khốc Riêu Tang xâm nhập chung thân đa lệ phối duyên (14, TTL)

Giải: Đồng Âm tại Tí thì nét mặt xinh đẹp đáng yêu, gặp Hổ Khốc Riêu Tang thì cả đời phải sầu muộn về tình duyên dang dở hay ở góa

Phúc diệu (Thiên Đồng) phùng Việt diệu (Thiên Việt) ư Tí cung, định thị hải hà dục tú (17, TTL)

Giải: Đồng Âm tại Tí gặp Thiên Việt thì đáng uy nghi đẹp đẽ. Chú ý chỉ có tuổi Ất Kỷ thì mới có Khôi Việt tại Tí Thân

Thiên Đồng Ngọ vị (ở cung Ngọ) hỷ Dương Nhận (Kình Dương đồng cung) uy trấn biên cương (6)

Giải: Thiên Đồng ở cung Ngọ có Kình Dương đồng cung thì làm tướng trấn nhậm ở biên cương. Chú ý tuổi Bính thì có Đồng Âm tại Ngọ đồng cung với Kình Dương Hóa Lộc, có Quyền Thân Phúc Đường Phù Hao chiếu, còn tuổi Mậu có Kình Thiên Trù Hóa Quyền thủ và Đường Phù Hóa Kỵ Hao chiếu, Hóa Lộc Thiên Việt nhị hợp. Tại sao lại tốt đẹp, cần xét lại trên thực tế

Đồng Nguyệt Dương (Kình Dương) cư Ngọ vị, Bính Mậu trấn ngự biên cương (8, TTL)

Giải: tuổi Bính hay Mậu có Thiên Đồng ở cung Ngọ gặp Kình Dương đồng cung nên là võ tướng trấn tại biên giới

Quan Vũ (Quan Văn Trường) nhất thế uy danh (uy danh lừng lẫy) do ư Đồng Nguyệt Giải (Giải Thần) Kình (7)

Giải: Mệnh cư Ngọ có Đồng Âm cư Ngọ gặp Kình Dương Giải Thần thì uy danh lừng lẫy

Thiên Đồng, Tham, Dương (Kình Dương) cư Ngọ vị, Bính Thìn (tuổi Bính Thìn) trấn ngự biên cương (9)

Giải: tuổi Bính Thìn có Đồng Âm hoặc Tham Lang tại Ngọ đồng cung với Kình thì là võ tướng trấn ngự biên cương. Cần kiểm tra câu phú này trên thực tế

Đồng Âm Ngọ địa (cung Ngọ) Bính Ất tuế (tuổi Bính Ất) cư phúc tăng tài hoạch , gia hãm Long Trì tu phòng mục tật, Mậu Quý nhân chung thân bản quả (11)

Giải: Đồng Âm tại Ngọ tuổi Ất hay Bính thì được hưởng phúc, tiền bạc tăng tiến nhưng nếu gặp Long Trì thì đề phòng bệnh tật về mắt. Người tuổi Mậu Quý cả đời nghèo khó cô đơn. Chú ý tuổi Ất thì đồng cung với Hóa Kỵ Hao LNVT gặp Triệt, có Hóa Lộc, Hóa Quyền, Khôi, Đà đắc địa chiếu. Tuổi Bính thì đà đề cập. Tuổi Mậu thì lại cho là xấu trái ngược với các câu phú trên, còn tuổi Quý thì đồng cung với Hóa Khoa Thiên Phúc, có Thiên Trù Lưu Hà tam chiếu, Lộc Tồn gặp Triệt xung. Như vậy câu phú này đáng nghi ngờ là không chính xác

Đồng Tham miếu vượng ư Ngọ cung, điền trạch thâm bá thiên hạ (12, B72)

Giải: Đồng hay Tham tại cung Ngọ thì miếu vượng, là người có nhiều nhà đất ở khắp nơi. Câu phú này đáng nghi ngờ là không chính xác

Đồng Nguyệt hãm cung (tại cung Ngọ) gia sát (sát tinh) trọng kỹ nghệ doanh thương (10,TTL)

Giải: Đồng Nguyệt tại cung Ngọ gặp sát tinh nên chuyên về kỹ nghệ hay kinh doanh buôn bán thì khá giả

Đồng Cư Sửu MùiĐồng Lương Dần Thân

Dần Thân tối hỉ Đồng Lương hội (20, TTL) (20, TTL)

Giải: Đồng Lương tại Dần Thân rất tốt đẹp, giàu sang phú quý. Theo TVT thì tuổi Giáp hay Canh là thượng cách nhưng điều này chưa đúng hẳn nhất là tuổi Giáp Đồng Lương tại Thân còn bị Triệt.

Đồng Lương viên ngũ Khôi Quyền tăng phùng Linh Kỵ giao lai Song Lộc doanh thương dị phát phú (19, TTL)

Giải: Đồng Lương thủ đồng cung gặp Khôi Quyền Linh Kỵ Song Lộc kinh doanh rất giỏi, làm giàu dễ dàng. Chú ý chỉ có tuổi Đinh Đồng Lương cư Dần mới gặp Song Lộc Quyền Khoa và Khôi nhị hợp trong đó Đồng Lương Thiên Quan Quốc Ấn Hóa Quyền bị Triệt

Thiên Đồng Mão Dậu

Thiên Đồng Thìn Tuất

Thiên Đồng Tuất cung vi phản bối (khắc hãm rất xấu), Đinh nhân hóa cát, chủ đại quý (14, TTL)

Giải: Thiên Đồng Tuất khắc hãm thí rất xấu nhưng tuổi Đinh thì trở nên tốt, chủ quý hiển. Chú ý tuổi Đinh thì Đồng đồng cung với Quyền, có Khoa Lộc Quốc Ấn Thiên Quan đồng cung với Cơ Âm hãm gặp Triệt và Lộc Tồn Thiên Trù tam hợp chiếu, Hóa Kỵ xung chiếu. Vấn đề đặt ra là tại sao không đề cập đến Thiên Đồng tại Thìn có Quyền thủ, Lộc Khoa Lưu Hà tam chiếu, Hóa Kỵ xung đẹp hơn vị trí tại Thìn lại không được đề cập, có lẽ bị bỏ sót?

Thiên Đồng Tuất cung Hóa Kỵ, Đinh nhân Mệnh ngũ phản vi giai (13, TTL)

Giải: TTL giải rằng Thiên Đồng Hóa Kỵ đồng cung tại Tuất thì rất xấu, nhưng tuổi Đinh thì lại rất tốt đẹp, giàu sang vinh hiển. Thực ra thì Hóa Kỵ đồng cung với Thiên Đồng chỉ có tuổi Canh an Tứ Hóa theo Dương Vũ Âm Đồng hoặc tuổi Kỷ có Văn Khúc đồng cung với Thiên Đồng và tuổi Tân có Văn Xương đồng cung với Thiên Đồng. Do đó cần xét lại câu phú này. Nên biết tuổi Ất, Đinh, Mậu, Canh đều bị Hóa Kỵ chiếu và tuổi Quý thì Hóa Kỵ nhị hợp, tuổi Kỷ và Tân thì còn tùy vào Khúc hay Xương



Thiên Đồng Ty Hoi

THIÊN ĐỒNG TẠI CÁC CUNG

Phúc tại Tí Ngọ Đồng Âm Kiếp Tử (sao Tử) dẫn hiềm Triệt Tuần, hữu học vô lương, tiện cách (21)

Giải: Cung Phúc có Đồng Âm tại Tí Ngọ gặp Kiếp, Tử,

Triệt, Tuần thì là người có học nhưng không có lương tâm, bất chính, không nghèo hèn thì chết non

Đồng Lương hội nhập Thê hương, vợ chồng cùng một tổ đường sinh ra (22)

Giải: Thê có Đồng Lương thì vợ chồng có họ hàng với nhau

Phúc diêu (Thiên Đồng) nhi ngô Cự Môn thê nhi lận đận (18)

Giải: TVT giải rằng Mệnh hay Phu Thê hay Tử Túc tại Thìn Tuất Sửu Mùi có Thiên Đồng tọa thủ, Cự Môn xung chiếu hay Đồng Cự đồng cung thì muộn vợ muộn con nhưng an tại cung Mệnh thì ít hơn

THIÊN ĐỒNG VỚI PHỤ TINH

Thiên Đồng hội cát thọ nguyên thời (3, TTL)

Giải: Thiên Đồng gặp cát tinh thì sống lâu

Thiên Đồng ngộ Kiếp Không bắt cát (4)

Giải: Thiên Đồng gặp Kiếp Không thì không tốt

THIÊN ĐỒNG TẠI HAN

LIÊM TRINH

Liêm Trinh (miếu vượng đắc) thanh bạch năng tương thủ (1, TTL)

Giải: Liêm Trinh thủ thì thẳng thắn, trong sạch, thanh cao. Cần phải miếu vượng đắc

Liêm Trinh (hãm địa) chủ hà tiện cơ hàn (3, TTL)

Giải: Liêm Trinh hãm địa thì nghèo hèn, bần khổ. Theo TVT thì Liêm Trinh Ty Hợi gặp nhiều hung tinh thì mới có nghĩa này. Chú ý Liêm Phá Mão Dậu hay Liêm Tham Ty Hợi mới hãm địa

Liêm Trinh ám cư tạo sự lai thâm phán (2)

Giải: Liêm Trinh hãm thì thâm trầm ít nói. Cần coi lại câu phú này

Công danh đợi tuổi tác cao, giáp Liêm giáp Sát (Thất Sát) đoán nào có sai (27)

Giải: cung Sửu Mùi có Thiên Lương hoặc VCD có Nhật Nguyệt đồng cung xung chiếu thì có cách giáp Liêm giáp Sát thì về già mới có công danh

### LIÊM TRINH TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

#### Liêm Tướng Tí Ngọ

#### Liêm Sát Sửu Mùi

Liêm Trinh Thân, Mùi cung vô Sát (Sát tinh), phú quý thanh dương phiêu viễn danh (11, TTL)

Giải: Liêm Trinh Thất Sát tại Mùi và Liêm Trinh tại Thân không gặp sát tinh thì phú quý tột bậc

Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) Liêm Trinh, Thất Sát phú quý thanh dương (14)

Giải: Liêm Sát Sửu Mùi hay Liêm Phủ Thìn Tuất thì giàu sang

#### Liêm Trinh Dần Thân

Liêm tại Cấn Khôn (Dần Thân) Nữ mệnh trích lệ thương phu (số khóc chồng) nhược lai Cô Quả không môn tiềm ẩn, Nam nhân tất đa truân tai ách ư lương thê (12)

Giải: nữ mệnh Liêm tại Dần Thân có số khóc chồng gặp thêm Cô Quả thì phải lánh mình vào cửa chùa, tức đi tu, nam nhân thì lận đận về hôn phối, cô đơn

Liên Trinh Thân, Mùi cung vô Sát (Sát tinh), phú quý thanh dương phiêu viễn danh (11, TTL)

Giải: Liên Trinh Thất Sát tại Mùi và Liên Trinh tại Thân không gặp sát tinh thì phú quý tốt bậc

### Liên Phá Mão Dậu

Liên Trinh Mão Dậu gia sát (sát tinh), công tư vô diện quan nhân (8, TTL)

Giải: Liên Trinh Mão Dậu gặp sát tinh thì không thể mưu cầu công danh, nên chuyên về kinh thương

Liên Trinh Mão Dậu định thị công tế lai phồn (9)

Giải: Liên Trinh Mão Dậu gặp nhiều Cát tinh tất làm nên văn chức

Liên Trinh Mão Dậu mạc ngộ Kiếp Kinh, tu phòng hình ngục (7, TTL)

Giải: Liên Trinh Mão Dậu gặp Kiếp Kinh thì đề phòng tù tội. Chú ý tuổi Giáp Liên Phá tại Mão có Kinh Hóa Lộc, Quyền đồng cung gặp Khoa Quan Phúc Việt Đường Phù Hao chiếu, tại Dậu thì có Quyền Lộc Thiên Phúc Lưu Hà gặp Triệt, có Kinh Đà hãm Khôi Khoa Hao LNVN thành ra không có gì đáng ngại nếu có Không Kiếp. Tuổi Canh Liên Phá tại Dậu thì đồng cung với Kinh hãm với Quyền Đường Phù Hao chiếu nên đây là trường hợp đáng lo ngại khi gặp Không Kiếp, còn Liên Phá tuổi Mão chỉ bị Kinh chiếu đỡ lo ngại hơn. Các tuổi khác không gặp Kinh

Liên Trinh, Phá Quân hiểm phòng vô hạn (3)

Giải: Liên Trinh Phá Quân hãm địa phải luôn luôn đề phòng sự hiểm nguy. Liên Tham Tỵ Hợi, Liên Phá Mão Dậu là trường hợp này

Liên Trinh (hãm địa), Phá Quân (hãm địa) Hỏa Tinh (đồng cung) cư hãm địa, tự ải đầu hà (TTL)

Giải: Liên, Phá cư hãm địa gặp Hỏa Tinh hãm địa đồng cung thì tự tử, thất cô, đâm đầu xuống sông mà chết. Có hai trường hợp là Liên Phá tại Dậu và Liên Tham tại Hợi vì tại hai cung đó Hỏa Tinh hãm

### Liên Phủ Thìn Tuất

Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) Liêm Trinh, Thất Sát phú quý thanh dương (14)

Giải: Liêm Sát Sửu Mùi hay Liêm Phủ Thìn Tuất thì giàu sang

### Liêm Tham Ty Hợi

Liêm Trinh, Phá Quân hiểm phòng vô hạn (3)

Giải: Liêm Trinh Phá Quân hãm địa phải luôn luôn đề phòng sự hiểm nguy. Liêm Tham Ty Hợi, Liêm Phá Mão Dậu là trường hợp này

Liêm Trinh sát tinh cư Ty Hợi, lưu đặng thiên nhai (6, TTL)

Giải: Liêm Tham Ty Hợi gặp sát tinh thì suốt đời lang thang phiêu bạt

Liêm Trinh Ty Hợi chớ bàn, chàng Tiêu thuở trước tân toan ngục trường (5)

Giải: Liêm Trinh Ty Hợi thì dễ bị hình ngục

Liêm Trinh (hãm địa), Phá Quân (hãm địa) Hỏa Tinh (đồng cung) cư hãm địa, tự ải đầu hà (25, TTL)

Giải: Liêm, Phá cư hãm địa gặp Hỏa Tinh hãm địa đồng cung thì tự tử, thất cổ, đâm đầu xuống sông mà chết. Có hai trường hợp là Liêm Phá tại Dậu và Liêm Tham tại Hợi vì tại hai cung đó Hỏa Tinh hãm

Uông Lương ải ngục (Uông Lương tự tử trong tù) Liêm Trinh hãm Địa Kiếp cư Hỏa cung (21)

Giải: Liêm Tham hãm tại Ty gặp Địa Kiếp thì tự tử trong tù. TVT ghi Liêm Tham hãm tại Ty Ngọ không hợp lý vì Liêm Tướng tại Ngọ thì vượng. TVT cho rằng Liêm tọa thủ đồng cung với Kiếp nhưng tại Ngọ thì Không Kiếp đều đắc, thiết tưởng gặp Kiếp hãm mới có nghĩa hơn

### LIÊM TRINH TẠI CÁC CUNG

Liêm Trinh Dương (Kình Dương) sát (sát tinh) cư Quan, già tảo nan đào (khó tránh tù tội) (13)

Giải: Liêm Trinh tại Quan gặp Kình Dương cùng sát tinh thì khó tránh tù tội

Liên Trinh, Tham, Sát (Thất Sát), Phá Quân phùng Vũ Khúc thiên di tắc kỳ hung (16)

Giải: Mệnh Liên Trinh tọa thủ gặp Sát Phá Tham hội hợp tất đánh giặc rất giỏi, nếu gặp nhiều sao xấu thời làm giặc hoặc trộm cướp. Cần coi lại câu phú này

Liên Phá (đồng cung) sát (sát tinh) hội Thiên Di tử u ngoại đạo (26)

Giải: Thiên Di có Liên Phá đồng cung gặp sát tinh thì có số chết đường

### LIÊM TRINH VỚI CÁC TRUNG TINH

Liên Trinh sát (sát tinh) bất gia thanh danh viễn dương (20)

Giải: Liên Trinh không gặp Sát tinh thì công danh hiển đạt

Liên Trinh nhập miếu hội Tướng Quân (Liên Trinh nhập miếu đồng cung với Tướng Quân), Trọng Do uy mãnh (22, TTL)

Giải: Liên Trinh nhập miếu (Liên Phủ Thìn Tuất, và có lẽ nên áp dụng cho Liên Trinh Dần Thân hoặc Liên Tướng Tí Ngọ gặp Tướng Quân thì dừng mãnh. TTL cho rằng Trọng Do có Liêm tại Thân gặp Tướng quân đồng cung. Chú ý Lộc Tồn và Tướng Quân tam hợp chiếu với nhau. Theo TVT thì người tuổi Giáp Mệnh an tại Dần và Thân, tuổi Ất Mệnh an tại Hợi, tuổi Bính Mậu Mệnh an tại Dậu, tuổi Đinh Kỷ Mệnh an tại Dần, tuổi Canh Mệnh an tại Tí, tuổi Tân Mệnh an tại Mão, tuổi quý Mệnh an tại Thân đều được cách trên

Liên Trinh phùng Văn Quế (Văn Khúc) cánh bốn ba (24, TTL)

Giải: Mệnh có Liên Trinh gặp Văn Khúc thì suốt đời bốn ba, này đây mai đó. Không rõ là đắc hay hãm

Liên tọa Thân cung phùng Phụ Bát canh kiêm hóa cát phúc quang vinh (10)

Giải: Mệnh an tại cung Thân có Liên Trinh gặp Tả, Hữu trở thành tốt, được hưởng phúc, làm nên

Liên Trinh Tứ Sát (Kình Đà Hỏa Linh) tạo hình lục (17, TTL)

Giải: Liên Trinh gặp Tứ Sát (Kình Đà Hỏa Linh) thì hay bị bắt bớ giam cầm

Tù (Liên Trinh hãm địa) ngộ Kinh Đà Linh Hỏa hữu già tảo, thất cốc chi ưu (28, TTL)

Giải: Liên Trinh hãm địa (tức là Liên Phá Mão Dậu, Liên Tham Ty Hợi) gặp Kinh Đà Linh Hỏa thì hay mắc tù tội và thường bị đói khát khổ sở

Liên Trinh Bạch Hổ (đồng cung) hình ngục nan đào (23, TTL)

Giải: Liên Trinh Bạch Hổ đồng cung khó thoát cảnh tù tội

### LIÊM TRINH TAI HẠN

Liên ngộ Sát Phá hóa cao, vua Văn thuở ấy phải vào nhà linh (vua Văn vào linh đài để tu niệm) (15)

Liên Sát Sửu Mùi, Ất Kỷ Âm Nam khí hùng trí dũng Tuần Triệt vô xâm kiêm hữu Khoa Sinh (Tràng Sinh) hạn đao (hạn gặp Khoa Sinh) danh tài bộc phát (18)

Liên Trinh Thất Sát phản vi tích phú chi nhân (tu thân tích đức thì mới giàu có lâu dài) (19)

Giải: nam nhân tuổi Ất, Kỷ có Liên Sát Sửu Mùi thì anh hùng mưu trí, dũng lược, không gặp Tuần Triệt, lại có Khoa Sinh tại hạn thì công danh tài lộc thăng tiến nhanh chóng đột ngột

### THIÊN PHỦ

Thiên Phủ ôn lương (1, TTL)

Giải: Thiên Phủ tại Mệnh thì hiền lành, nhân hậu, có lòng từ thiện

Phủ, Tướng, Đồng, Lương tinh tất hảo (tính tốt, hiền lành, phúc hậu), Sát (Thất Sát) Kiếp, Không, Tham tính thất thường (12)

Nam Thiên Phủ giao long vãng uyên (vãng dục) (2, TTL)

Giải: Phủ thủ tại Nam Mệnh thì tính nết cẩn thận chín chắn, biết suy nghĩ xa xa như thường luồng qua vực

Thiên Phủ, Vũ Khúc tích ngọc đôi kim (B63)

Giải: Có Vũ, Phủ thì giàu có, vàng chôn ngọc cất

Phủ Tướng đồng lai hội Mệnh cung, toàn gia thực lộc (TTL)

Giải: Phủ, Tướng triều viên (hội chiếu), chung thân thực lộc (9)

Giải: Có Phủ và Tướng hội chiếu về thì cả đời có lộc ăn (cả đời ầm no). Ngoài cách Tử Phủ Vũ Tướng, ta còn thấy cung Ty Hợi VCD có Liêm Tham xung chiếu thì có Phủ Tướng tam hợp chiếu, VCD tại Mão Dậu có Tử Tham xung chiếu thì có Phủ Tướng tam hợp, VCD tại Sửu Mùi có Vũ Tham xung chiếu thì có Phủ Tướng tam hợp chiếu

Thiên Phủ, Thiên Tướng nãi vi y lộc chi thần, vi sai (nếu là hòa thượng) vi quan (là quan chức), chủ định hanh thông chi triệu (10)

Giải: Thiên Phủ Thiên Tướng là thần chủ về y lộc, tức quần áo và tiền tài, nếu là hòa thượng, là quan chức thì hưởng may mắn hanh thông

### THIÊN PHỦ TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

#### Vũ Phủ Tí Ngọ

Phủ dữ Vũ Khúc đồng độ (Thiên Phủ Vũ Khúc đồng cung) tích ngọc đôi kim (13)

Giải: Thiên Phủ Vũ Khúc đồng cung thì tiền có ngọc có, ý nói giàu có

Phủ Vũ Tí cung, Giáp Đinh nhân tọa, phúc vượng danh ba, hung lai Tuần Triệt danh xú nhân khi ), ư Canh Nhâm tuế, tài phúc trường sinh (14, TTL)

Giải: tuổi Giáp, Đinh có Vũ Phủ ở Tí thì được hưởng phúc và danh tiếng lừng lẫy, gặp Tuần Triệt thì mang tiếng xấu và nhiều người khinh khi nhưng riêng hai tuổi Canh, Nhâm thì vẫn hưởng phúc và có tài lộc lâu dài. Chú ý:

Tuổi Giáp có Khoa đồng cung, Lộc đồng cung với Liêm bị Triệt và Thiên Trù tam hợp chiếu

Tuổi Đinh có Lộc Tồn Thiên Trù xung chiếu

Tuổi Canh có Quyền đồng cung, Lộc Tồn Khôi Thiên Phúc Quốc Ấn Lưu Hà chiếu trong đó Khôi Thiên Phúc đồng cung với Thất Sát bị Triệt

Tuổi Nhâm có Kinh Dương Hóa Kỵ đồng cung , Quyền, Thiên Phúc Hao Đường Phù chiếu



Như vậy không có vấn đề tuổi Canh và Nhâm Vũ Phủ cư Tí gặp Triệt, gặp Tuần thì tuổi Canh Thân và Nhâm Tuất có Tuần tại Tí Sửu. Câu này cần nghiên cứu thêm

Thiên Phủ cư Ngọ Tuất, Thiên Tướng lai triều (có Thiên Tướng hợp chiếu), Giáp nhân nhất phẩm chi quý (tuổi Giáp thì quý hiển, làm quan đến nhất phẩm) (8, TTL)  
Giải: tuổi Giáp có Vũ Phủ tại Ngọ hoặc Liêm Phủ tại Tuất thì quý hiển, làm quan đến nhất phẩm. Chú ý trong trường hợp này thì Liêm Tướng có Song Lộc Khoa Quyền Thiên Trù Quốc Ấn, tuổi Giáp có Song Lộc Khoa Thiên Trù chiếu

### Thiên Phủ Sửu Mùi

#### Tử Phủ Dần Thân

Dần phùng Phủ, Tướng vị đẳng nhất phẩm chi vinh (11)

Giải: cung Dần gặp Tử Phủ hay Vũ Tướng thủ thì làm quan nhất phẩm, ý nói phú quý

Dần Mộc, Phủ Vi (Tử Phủ tại Dần) hữu hội Tam Kỳ (Khoa Quyền Lộc), Kinh Bát cư lai Thân Mệnh xuất võ đồ văn, quyền hành cư phục chúng nhân, mạc phùng Không Kiếp hư vô (chú ý TVT cho rằng cư lai Thiên Mệnh có lẽ ghi sai) (47, TTL)

Giải: Thân, Mệnh có Tử Phủ tại Dần gặp Khoa Quyền Lộc, Kinh Bát thì là người có văn chức nhưng do thời thế kiêm cả võ nghiệp, có quyền hành khiến người nể phục, nhưng nếu gặp Không, Kiếp thì trở thành không, sẽ không kể đến nữa, nghĩa là xấu. TTL còn cho rằng gặp Tuần Triệt cũng vậy. Tuy nhiên trường hợp gặp Kinh thì ta thấy không có tuổi nào có Khoa Quyền hay Lộc cả nên câu phú này cần nghiên cứu lại

### Thiên Phủ Mão Dậu

#### Liêm Phủ Thìn Tuất

Thiên Phủ, Thiên Tướng, Thiên Lương đồng, quân thần khánh hội (TTL)

Giải: Thiên Phủ thủ, Tướng chiếu, nhị hợp có Lương nên rất tốt đẹp, ví như vua tôi hội hợp tại triều đình nên được hưởng giàu sang. Chú ý Phủ và Tướng luôn luôn tam hợp, và chỉ có Liêm Phủ Thìn Tuất thì có Nhật Lương nhị hợp

Thiên Phủ lâm Tuất hữu tinh phù, yếu kim vi tử (có vàng đeo ngọc dát), phú quý song toàn (6, TTL)

Giải: Liêm Phủ tại Tuất có sao sáng sủa hội hợp thì có vàng đeo ngọc dát, phú quý

Thiên Phủ Tuất cung vô sát tấu (không bị sát tinh xâm phạm), Giáp Kỷ nhân hoạch phát danh tài (TTL)

Giải: Liêm Phủ tại Tuất không bị sát tinh xâm phạm, tuổi Giáp Kỷ thì hoạch phát về công danh và tiền bạc, tức phú và quý. Chú ý tuổi Giáp có Song Lộc Khoa Thiên Trù chiếu, tuổi Kỷ có Song Lộc Thiên Phúc, Thiên Phúc Quốc Ân, Lưu Hà, Khoa nhị hợp

Thiên Phủ Tuất cung sát tấu, Giáp Kỷ nhân yếu kim hữu thả phú (7)

Giải: TVT giải rằng Liêm Phủ tại Tuất, tuổi Giáp Kỷ đi buôn thì giàu có, gặp Kinh Đà Không Kiếp thì xấu. Chú ý câu phú này sai vì đề cập Phủ gặp sát tinh

Thiên Phủ cư Ngọ Tuất, Thiên Tướng lai triều (có Thiên Tướng hợp chiếu), Giáp nhân nhất phẩm chi quý (tuổi Giáp thì quý hiển, làm quan đến nhất phẩm) (8, TTL)

Giải: tuổi Giáp có Vũ Phủ tại Ngọ hoặc Liêm Phủ tại Tuất thì quý hiển, làm quan đến nhất phẩm. Chú ý trong trường hợp này thì Liêm Tướng có Song Lộc Khoa Quyền Thiên Trù Quốc Ân, tuổi Giáp có Song Lộc Khoa Thiên Trù chiếu

Phủ cư Địa Vong (cung Tuất) nhược lâm Tuần Không (gặp Tuần) cô Nhâm, Đinh tuế (tuổi Nhâm và Đinh) mãn thế sự bảo hoài (cả đời không đạt ý muốn) nạn phùng vận lo (4)

Giải: tuổi Nhâm và Đinh có Liêm Phủ tại Tuất gặp Tuần thì cả đời không đạt ý muốn, hay gặp nạn và lo lắng. Chú ý chỉ có tuổi Đinh Mão và Nhâm Thân thì mới bị Tuần án ngữ. Tuổi Đinh Mão có Liêm Phủ Long Đức bị Tuần, có Lộc Tồn Thiên Trù, Thiên Quan Quốc Ân Trực Phù Thiên Hỉ tam hợp chiếu, có Thiếu Dương Thiên Không xung chiếu và Vũ Tướng tại Dần bị Triệt. Tuổi Nhâm Thân thì Liêm Phủ Đà Thiên Quan Tang Môn Thiên Khốc bị Tuần, có Quyền, Thiên

Phúc, Hóa Ky, Hao, LNV, Mã Phụng Cát Giải Thần, Thiên Hư, Điều Khách tam hợp, có Thất Sát, Đường Phù, Bạch Hổ, Hoa Cái gặp Triệt

### Thiên Phủ Ty Hợi

Phủ phùng Đà (Đà La) Tuế (Thái Tuế) Ty cung, cuồng ngôn loạn ngữ nói rong tháng ngày (17)

Giải: Phủ tại Ty gặp Đà La, Thái Tuế thì ăn nói ngông cuồng, nói không suy nghĩ

### THIÊN PHỦ TẠI CÁC CUNG

Thiên Phủ Vũ Khúc cư Tài Trạch, cánh khiếm (gặp thêm) Quyền Lộc phú đồ ông (giàu có) (19)

Giải: cung Điền Tài có Thiên Phủ Vũ Khúc gặp thêm Quyền Lộc thì giàu có

Tài (Thiên Phú, Vũ Khúc miếu vượng) cư Tài vị (cung Tài) ngộ giả phú xa (gặp thì rất giàu có) (20)

Giải: Thiên Phú, Vũ Khúc miếu vượng cư tại cung Tài thì rất giàu có

Thiên Phủ cư Tài Bạch diệc thị đa tài, ngộ Thiên Hình tất chi hao tổn

Giải: Thiên Phủ tại cung Tài thì có nhiều tiền, gặp Thiên Hình thì tất nhiên bị hao tài tổn của

Thiên Phủ kị ngộ Không Tinh (Tuần Triệt) lai nhập Tài cung (ở cung Tài) tán hao vô độ (5)

Giải: cung Tài có Thiên Phủ gặp sao Không (Tuần Triệt) thì tiền tài rất hao tán

Phủ phùng Không xứ tài suy, thủy chung nan báo tư cơ lưu truyền (22)

Giải: cung Tài có Phủ gặp Tuần Triệt thì trước sau không giữ được sản nghiệp tổ tiên truyền lại

Thiên Phủ lâm Giải Ách nhi vô bệnh (23, B77)

Giải: Tật Ách có Thiên Phủ thì ít bệnh tật

Phủ, Tướng cư Thê vị, phi gia bất thành (24)

Giải: TVT giải rằng cung Thê có Phủ, Tướng nếu không cưới xin linh đình, môn đăng hộ đối, thì không thành

### **THIÊN PHỦ VỚI TRUNG TINH**

Thiên Phủ tối kỵ Không Tinh (tối kỵ Tuần Triệt) nhi ngộ Thanh Long phản vi cát tường (3)

Giải: Thiên Phủ tối kỵ gặp Không Tinh (Tuần Triệt) nhưng gặp Thanh Long thì lại trở thành tốt

Thiên Phủ Xương Khúc, Lộc Tồn, cự vạn chi tứ (15, TTL)

Giải: Mệnh có Thiên Phủ gặp Xương Khúc Lộc Tồn thì rất giàu có

Thiên Phủ Xương Khúc, Tả Hữu, cao đệ ân vinh (16, TTL)

Giải: Mệnh có Thiên Phủ gặp Xương Khúc Tả Hữu thì được vinh hiển, có danh giá hơn người

### **THIÊN PHỦ TẠI CUNG HẠN**

Hạn phùng Phú Tướng kiêm hữu Việt Linh tu phòng lo khốn (gặp Thiên Việt Linh Tinh đề phòng đi xa có hại, gặp nguy khốn), ứng thí đạt cao (nhưng đi thi thì đỗ cao) (18)

### **THAM LANG**

Nữ Mệnh Tham Lang đa tật đổ (3, TTL)

Giải: Nữ Mệnh có Tham Lang thì hay ghen tương, nếu hãm địa thì có thêm tính hiểm độc, hay cãi nhau

Tham Lang độc cư (đơn thủ) đa hư thiểu thực (1, B62)

Giải: Tham Lang đơn thủ tại Mệnh thì hay dối trá. NMB ghi rằng đơn thủ tại Thân cũng vậy. Tham Lang đơn thủ tại Tí Ngọ Dần Thân

Tham Lang, Liêm Trinh, Phá Quân ác, Thất Sát, Kinh Dương, Đà La hung (6)

Giải: các sao Tham Lang, Liêm Trinh, Phá Quân là ác tinh, các sao Thất Sát, Kinh Dương, Đà La thì rất hung

Tham, Vũ, Phá quân vô cát diệu mê luyện tửu sắc dĩ vong thân (42, TTL)

Giải: TTL giải rằng Tham Vũ đồng cung tại Sửu Mùi có Phá Quân chiếu, không có sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp thì vì tửu sắc mà mang hại đến thân

Tham Lang hãm địa tác trứ nhân (TTL)

Giải: Tham Lang hãm địa thì là người vô dụng, bỏ đi. Chú ý Tham Lang Tí Ngọ, Tử Tham Mão Dậu và Liêm Tham Tỵ Hợi thì Tham hãm địa. Có lẽ câu phú này không đúng với Tử Tham Mão Dậu

Tham Lang hãm địa tác thù nhân (4)

Giải: Tham Lang hãm địa tại Tí Ngọ Mão Dậu thì vô dụng chẳng làm nên việc gì cả

Tham, Vũ Tứ Sinh (Dần Thân Tỵ Hợi) Tứ Mộ cung (Thìn Tuất Sửu Mùi) Phá Quân Kỵ (Hóa Kỵ) Sát bách công thông (40, TTL)

Giải: TTL giải rằng Mệnh an tại Tứ Sinh hay Tứ Mộ có Tham hay Vũ tọa thủ gặp Phá Quân, Hóa Kỵ và sát tinh hội hợp thì khéo tay chuyên về kỹ nghệ hay công nghệ, biết thành thạo nhiều nghề. Chú ý bộ Tham Sát Phá luôn luôn tam hợp với nhau. Có người giải rằng sát ở đây là Thất Sát

### THAM LANG TẠI VI TRÍ 12 CUNG

#### Tham Lang Tí Ngọ

Tham Lang Tí Ngọ Mão Dậu thủ thiết cầu đầu (TTL)

Giải: Tham Lang tại Tí Ngọ và Tử Tham Mão Dậu thì trộm cắp gian xảo. TTL ghi rằng tuổi Thân Tí Thìn Mệnh tại Tí, tuổi Dần Ngọ Tuất Mệnh tại Ngọ, tuổi Hợi Mão Mùi Mệnh tại Mão và tuổi Tỵ Dậu Sửu Mệnh tại Dậu có Tham thủ thì là hạng trộm cắp gian xảo

Tham Lang Tí Ngọ Mão Dậu thủ thiết cầu du chi bối, chung thân bất năng hữu vi (15)

Giải: Theo TVT Tham Lang tại Tí Ngọ và Tử Tham Mão Dậu thì khoác lác nhưng chẳng làm nên tích sự gì. Tuổi Hợi Mão Mùi Mệnh an tại Mão, tuổi Tý Dậu Sửu Mệnh an tại Dậu có Tham Lang tọa thủ là hợp cách, tuy đại ngôn nhưng rất có tài

Tham Lang cư Tí, thử thiết vô nghi ngộ Triệt Tuần phản vi đoan chính (28, TTL)

Giải: Tham Lang tại Tí thì trộm cắp, gian xảo, nói láo, gặp Triệt Tuần thì lương thiện, ngay thẳng, biết giữ lời

Tham sát (sát tinh) Ngọ Dần (cung Ngọ và Dần) kiêm Hồ Tang, lôi thú nan đề (31, TTL)

Giải: Tham tại Ngọ và Dần gặp Hồ Tang và sát tinh thì khó tránh bị sấm sét đánh hay bị thú dữ cắn

Tí Ngọ Tham Đào, Ất Kỷ Âm Nam lập nghiệp do Thê, kiêm năng sát diệu hành sự do Thê (55)

Giải: Âm Nam tuổi Ất, Kỷ Mệnh tại Tí Ngọ có Tham Đào thì nhờ vợ mà thành sự nghiệp, gặp thêm sát tinh thì mọi quyền hành đều do vợ nắm

Tham ngộ Dương Đà cư Hợi Tí, danh vi phiếm thủy đào hoa (20, TTL)

Giải: Tham cư Hợi, Tí gặp Kinh Đà ví như hoa đào trôi nổi trên nước, ý nói chơi bời hoang đàng, cuộc đời chìm nổi. Theo TTL thì ghi gặp Kinh hay Đà đồng cung và ghi như vậy thì phải an Kinh luôn luôn đồng cung với Lục Sĩ, còn nếu theo nguyên tắc tiền Kinh hậu Đà thì phải giải là Tham Lang cư Tí gặp Kinh Dương, Tham Lang cư Hợi gặp Đà La

Tham tọa Thủy cung (Hợi Tí) giáp biên Tứ Sát bản khổ chung thân (32, TTL)

Giải: Tham tại Hợi Tí lại giáp Kinh Đà, Hỏa Linh, Không Kiếp thì suốt đời nghèo khó

Tham Lang Hợi Tí, hạnh phùng Quyền Vượng, biến hư thành thực, ư Giáp Kỷ tuế phú danh viên mãn (25, TTL)

Giải: Tham Lang tại Hợi và Tí gặp Quyền Vượng thì chuyển xấu thành tốt, trở nên thật thà trung hậu giữ lời hứa thay vì là người dối trá, tuổi Giáp Kỷ giàu có và có danh vọng trọn vẹn. Chú ý tuổi Giáp Liêm Tham tại Tỵ có Khoa Quyền Lộc Song Hao Khôi Thiên Phúc Lưu Hà Đà hãm, tại Hợi thì có Khoa Quyền Lộc Song Hao Thiên Quan Thiên Việt Đường Phù, Kinh cư Mão. Tuổi Kỷ Liêm Tham tại Tỵ có Quyền Hóa Lộc Đà đắc, Thiên Quan Hao LNVN và tại Hợi có Quyền Hóa Lộc Đường Phù Hao, Kinh Đà đắc

### Vũ Tham Sửu Mùi

Tham Lang nhập miếu thọ nguyên thời (2, TTL)

Giải: Tham Lang tại Thìn Tuất Sửu Mùi thì sống lâu

Tham, Vũ Mộ trung cư (cư tại Tứ Mộ) tam thập tổng phát phúc (43, TTL)

Giải: Tham, Vũ tại Thìn Tuất Sửu Mùi thì ngoài 30 tuổi mới hưởng phúc, ý nói phát đạt, giàu sang. Chú ý Tham, Vũ cư Tứ Mộ bao gồm: Tham Lang hay Vũ Khúc cư Thìn Tuất, Vũ Tham cư Sửu Mùi

Tham Lang ngộ Hoả, Linh Tứ Mộ cung, hào phú gia tư, hầu bá chi quý (13, TTL)

Giải: Tham Lang Thìn Tuất hoặc Vũ Tham Sửu Mùi có Hoả hay Linh thì giàu có và quyền cao chức trọng, ở Thìn Tuất tốt hơn Sửu Mùi. TTL ghi Hỏa hay Linh đồng cung

Tham Lang Hỏa Tinh cư miếu vượng, danh trấn chư bang (22, TTL)

Giải: Tham Lang Thìn Tuất hoặc Vũ Tham Sửu Mùi có Hoả Tinh thì danh tiếng lừng lẫy, phú quý tột bậc. TTL cho rằng Hỏa Tinh đồng cung. Theo TVT thì Mệnh an tại Thìn Tuất Sửu Mùi là thượng cách, tại Mão là thứ cách, nếu gặp Kinh Đà Không Kiếp thì vô vị

Tham (miếu vượng) Linh (Linh Tinh) tịnh thủ (đồng cung), tướng tướng chi danh (26, TTL)

Giải: Tham Lang Thìn Tuất hoặc Vũ Tham Sửu Mùi có Linh Tinh đồng cung thì hiển đạt về võ nghiệp và hưởng giàu sang. TTL ghi tuổi Mậu Kỷ thì có uy quyền đến tột bậc. Theo TVT thì Tham cư Tí cũng được hưởng. Tuổi Mậu thì Tham cư Thìn có Tham Đà Hóa Lộc đồng cung, Hao, LNVN, Đường Phù chiếu, Tham cư Tuất có Hóa Lộc Đường Phù đồng cung, Kinh Đà hãm, Thiên Trù, Hao chiếu, Vũ



Tham cư Sửu có Khôi Quốc Ấn, Hóa Lộc đồng cung bị Triệt, Lộc Tồn Lưu Hà Việt chiếu và Vũ Tham cư Mùi có Hóa Lộc Thiên Việt đồng cung, Thiên Quan Thiên Phúc tam hợp, xung chiếu có Khôi, Quốc Ấn bị Triệt. Tuổi Kỷ Tham tại Thìn có Quyền thủ, Hóa Lộc Khôi Việt Thiên Trù chiếu với Việt Thiên Trù bị Triệt, Tham tại Tuất có Hóa Quyền thủ, Song Lộc Lưu Hà Thiên Phúc Quốc Ấn chiếu, Vũ Tham tại Sửu có Lộc Quyền đồng cung, Đà Kinh đắc, Thiên Quan Hao LNVT bị Triệt chiếu, Vũ Tham tại Mùi có Quyền Hóa Lộc Kinh đắc đồng cung, Hao Đường Phù tam hợp

Tham Linh thủ Mệnh miếu viên (Tham miếu vượng), tướng tướng chi quý (33)

Giải: Tham Lang Thìn Tuất hoặc Vũ Tham Sửu Mùi có Linh Tinh đồng cung thì hiển đạt về võ nghiệp

Tham Linh thủ Mệnh miếu viên, tướng tướng chi quý (B66)

Giải: Tham Linh miếu vượng thủ Mệnh thì rất quý, văn võ toàn tài, làm đến Tể Tướng. Chú ý Tham Lang Thìn Tuất và Vũ Tham Sửu Mùi thì miếu vượng

Tham Vũ (Sửu Mùi) tiền bản nhi hậu phú (37, TTL)

Giải: Vũ Tham Sửu Mùi thì trước nghèo sau giàu

Tham tú (tinh, sao) tọa (Tham miếu vượng tọa thủ) nhi phùng Hóa Ky đạo ngoại hành thương (29, TTL)

Giải: Tham tọa thủ gặp Hóa Ky thì buôn bán xuôi ngược mà giàu có. TTL cho rằng Tham Lang cần miếu vượng, TVT cho rằng đắc địa cũng được.

Phân tích Tham Lang tại Thìn Tuất thì tuổi Kỷ Tham tại Thìn thì có Quyền Hóa Lộc Khôi Việt Thiên Trù, tại Tuất thì có Song Lộc Quyền Lưu Hà Thiên Phúc Quốc Ấn, nếu có Văn Khúc thì có Hóa Ky, tuổi Tân thì Tham Lang tại Thìn có Kinh Đà đắc, Hao LNVTY chiếu và tại Tuất thì có Kinh đắc thủ, Khôi Việt Thiên Trù Hao Đường Phù chiếu và cả hai trường hợp nếu có Văn Xương thì có Hóa Ky, tuổi Nhâm Tham tại Thìn có Đường Phù thủ, Hóa Ky, Kinh Đà hãm, Thiên Quan, Hao chiếu và tại Tuất thì có Đà hãm, Thiên Quan đồng thủ, Hóa Ky, Thiên Phúc, Hao, LNVT, Đường Phù chiếu. Tuổi Quý thì Hóa Ky luôn luôn đồng cung với Tham Lang, tại Thìn thì có Ky thủ, Lộc Tồn Hóa Lộc đồng cung với Phá Quân gặp Triệt và Thiên Trù Quốc Ấn chiếu, còn tại Tuất thì có Thiên Trù Hóa Ky đồng cung và có Lộc Tồn, Thiên Quan, Lưu Hà tam hợp

Phân tích Tham Vũ Sửu Mùi hay Tham Lang Dần Thân thì tuổi Bính, tuổi Kỷ có Văn Xương, tuổi Tân có Văn Khúc và tuổi Quý thì mới Tham mới gặp Hóa Kỵ và tuổi Canh có Hóa Kỵ nhị hợp

Tham Lang Hóa Lộc cư Tứ Mộ gia cát diệu trung bình chi cách (12)

Giải: Tham Lang Hóa Lộc tại Thìn Tuất Sửu Mùi gặp Cát tinh thì trung phú, trung quý. Tuổi Mậu, Kỷ và tuổi Giáp với Vũ Tham tại Sửu Mùi thì có cách này nhưng cần nghiên cứu cho rõ hơn vì ví dụ tuổi Kỷ Tham Lang tại Tuất có Song Lộc, Quyền, Quốc Ấn, Thiên Phúc Lưu Hà không thể coi là trung bình được. Có lẽ câu phú này cần giải rằng Tham Lang và Hóa Lộc đồng cung tại Tứ Mộ thì hợp lý hơn và như vậy thì chỉ áp dụng cho tuổi Kỷ với Vũ Tham Sửu Mùi có Quyền Lộc đồng cung

Tham, Vũ (tại Tứ Mộ) Thân cung vi hạ cách (38, TTL)

Giải: cung Thân có Tham Vũ tại Thìn Tuất Sửu Mùi thì không thể quý hiển, suốt đời vất vả

Tham Lang Vũ Khúc đồng thủ Thân (đồng cung tại cung Thân, là cung Mệnh Thân), vô cát Mệnh (không có cát tinh tại Mệnh), phản vi bất tường (41, TTL)

Giải: cung Thân có Tham Vũ đồng cung tại Sửu Mùi mà cung Mệnh không có cát tinh thì mờ ám xấu xa, lao khổ trọn đời

Tham Vũ đồng hành, văn cảnh biên di thần phục (18, TTL)

Giải: Tham Vũ đồng cung tại Sửu Mùi về già nhiều uy quyền, nhiều người lui tới thần phục

Đồng hành Tham Vũ, uy áp biên di (44)

Giải: Tham Vũ đồng cung tại Sửu Mùi thì uy quyền lừng lẫy khiến các nước lân bang phải khiếp sợ

Tham Lang đồng Xương Khúc (đồng cung với Xương Khúc) ư Sửu, Mùi địch hữu đầu hà chi hoạn (7)

Giải: Tham Lang đồng cung với Xương Khúc tại Sửu Mùi thì ắt phải chết đuối. Chú ý tại Sửu Mùi thì Xương Khúc đồng cung

**Tham Lang Dần Thân**

Tham sát (sát tinh) Ngọ Dần (cung Ngọ và Dần) kiêm Hồ Tang, lời thú nan đề (31, TTL)

Giải: Tham tại Ngọ và Dần gặp Hồ Tang và sát tinh thì khó tránh bị sấm sét đánh hay bị thú dữ cắn

Tham Lang Đà La tại Dần cung, phong lưu thái trượng) (20)

Giải: Tham Lang Đà La tại Dần cung vì ăn chơi mà bị đánh đập, mang hoạ vào thân

Tham Lang Đà La tại Dần cung, hựu viết phong lưu thái kỷ (21)

Giải: Tham Lang Đà La tại Dần cung nếu đi ca hát thì được phong lưu

Dần Thân nhi hội (gặp) Tham, Liêm ngộ Văn Xương, nhập lao Quán Trọng (9, TTL)

Giải: Tham Lang hay Liêm Trinh tại Dần Thân gặp Văn Xương đồng cung thì bị tù, giam cầm

**Tử Tham Mão Dậu**

Tham Lang Tí Ngọ Mão Dậu thử thiết cầu thâm (TTL)

Giải: Tham Lang tại Tí Ngọ và Tử Tham Mão Dậu thì trộm cắp gian xảo. TTL ghi rằng tuổi Thân Tí Thìn Mệnh tại Tí, tuổi Dần Ngọ Tuất Mệnh tại Ngọ, tuổi Hợi Mão Mùi Mệnh tại Mão và tuổi Tỵ Dậu Sửu Mệnh tại Dậu có Tham thủ thì là hạng trộm cắp gian xảo

Tham Lang Tí Ngọ Mão Dậu thử thiết cầu du chi bối, chung thân bất năng hữu vi (15)

Giải: Theo TVT Tham Lang tại Tí Ngọ và Tử Tham Mão Dậu thì khoắc lác nhưng chẳng làm nên tích sự gì. Tuổi Hợi Mão Mùi Mệnh an tại Mão, tuổi Tỵ Dậu Sửu Mệnh an tại Dậu có Tham Lang tọa thủ là hợp cách, tuy đại ngôn nhưng rất có tài

Tham Lang cư Mão Dậu ngũ Hỏa (Hỏa Tinh) tắc công khanh (11)

Giải: Tham Lang cư Mão Dậu gặp Hỏa Tinh thì làm đến công khanh

Tham cư Đoài Chấn (Tham Mão Dậu) thoát tục chi tăng (tu hành) Kỵ Kiếp lai xâm trần hoàn đa trái (24, TTL)

Giải: Tử Tham Mão Dậu thì có số tu hành, nhưng gặp Kỵ Kiếp thì còn nặng nợ với đời nên phá giới bỏ tu. Theo TVT thì tuổi Tân và Quý hạn gặp các sao trên rất xấu, nếu gặp Hóa Khoa Thiên Lương có thể giải được. Chú ý tuổi Tân và Quý không thể nào có Khoa nên lời giải thích của TVT không hợp lý

### Tham Lang Thìn Tuất

Tham Lang nhập miếu thọ nguyên thời (2, TTL)

Giải: Tham Lang tại Thìn Tuất Sửu Mùi thì sống lâu

Tham, Vũ Mộ trung cư (cư tại Tứ Mộ) tam thập tổng phát phúc (43, TTL)

Giải: Tham, Vũ tại Thìn Tuất Sửu Mùi thì ngoài 30 tuổi mới hưởng phúc, ý nói phát đạt, giàu sang. Chú ý Tham, Vũ cư Tứ Mộ bao gồm: Tham Lang hay Vũ Khúc cư Thìn Tuất, Vũ Tham cư Sửu Mùi

Tham Lang ngũ Hoả, Linh Tứ Mộ cung, hào phú gia tư, hầu bá chi quý (13, TTL)

Giải: Tham Lang Thìn Tuất hoặc Vũ Tham Sửu Mùi có Hoả hay Linh thì giàu có và quyền cao chức trọng, ở Thìn Tuất tốt hơn Sửu Mùi. TTL ghi Hỏa hay Linh đồng cung

Tham Lang Hỏa Tinh cư miếu vượng, danh trần chư bang (22, TTL)

Giải: Tham Lang Thìn Tuất hoặc Vũ Tham Sửu Mùi có Hoả Tinh thì danh tiếng lừng lẫy, phú quý tột bậc. TTL cho rằng Hỏa Tinh đồng cung. Theo TVT thì Mệnh an tại Thìn Tuất Sửu Mùi là thượng cách, tại Mão là thứ cách, nếu gặp Kinh Đà Không Kiếp thì vô vị

Tham (miếu vượng) Linh (Linh Tinh) tịnh thủ (đồng cung), tướng tướng chi danh (26, TTL)

Giải: Tham Lang Thìn Tuất hoặc Vũ Tham Sửu Mùi có Linh Tinh đồng cung thì hiển đạt về võ nghiệp và hưởng giàu sang. TTL ghi tuổi Mậu Kỷ thì có uy quyền

đến tốt bực. Theo TVT thì Tham cư Tí cũng được hưởng. Tuổi Mậu thì Tham cư Thìn có Tham Đà Hóa Lộc đồng cung, Hao, LNVT, Đường Phù chiếu, Tham cư Tuất có Hóa Lộc Đường Phù đồng cung, Kinh Đà hãm, Thiên Trù, Hao chiếu, Vũ Tham cư Sửu có Khôi Quốc Ấn, Hóa Lộc đồng cung bị Triệt, Lộc Tồn Lưu Hà Việt chiếu và Vũ Tham cư Mùi có Hóa Lộc Thiên Việt đồng cung, Thiên Quan Thiên Phúc tam hợp, xung chiếu có Khôi, Quốc Ấn bị Triệt. Tuổi Kỷ Tham tại Thìn có Quyền thủ, Hóa Lộc Khôi Việt Thiên Trù chiếu với Việt Thiên Trù bị Triệt, Tham tại Tuất có Hóa Quyền thủ, Song Lộc Lưu Hà Thiên Phúc Quốc Ấn chiếu, Vũ Tham tại Sửu có Lộc Quyền đồng cung, Đà Kinh đắc, Thiên Quan Hao LNVT bị Triệt chiếu, Vũ Tham tại Mùi có Quyền Hóa Lộc Kinh đắc đồng cung, Hao Đường Phù tam hợp

Tham Linh thủ Mệnh miếu viên (Tham miếu vượng), tướng tướng chi quý (33)

Giải: Tham Lang Thìn Tuất hoặc Vũ Tham Sửu Mùi có Linh Tinh đồng cung thì hiển đạt về võ nghiệp

Tham Linh thủ Mệnh miếu viên, tướng tướng chi quý (B66)

Giải: Tham Linh miếu vượng thủ Mệnh thì rất quý, văn võ toàn tài, làm đến Tể Tướng. Chú ý Tham Lang Thìn Tuất và Vũ Tham Sửu Mùi thì miếu vượng

Tham tú (tinh, sao) tọa (Tham miếu vượng tọa thủ) nhi phùng Hóa Ky đạo ngoại hành thương (29, TTL)

Giải: Tham tọa thủ gặp Hóa Ky thì buôn bán xuôi ngược mà giàu có. TTL cho rằng Tham Lang cần miếu vượng, TVT cho rằng đắc địa cũng được.

Phân tích Tham Lang tại Thìn Tuất thì tuổi Kỷ Tham tại Thìn thì có Quyền Hóa Lộc Khôi Việt Thiên Trù, tại Tuất thì có Song Lộc Quyền Lưu Hà Thiên Phúc Quốc Ấn, nếu có Văn Khúc thì có Hóa Ky, tuổi Tân thì Tham Lang tại Thìn có Kinh Đà đắc, Hao LNVTY chiếu và tại Tuất thì có Kinh đắc thủ, Khôi Việt Thiên Trù Hao Đường Phù chiếu và cả hai trường hợp nếu có Văn Xương thì có Hóa Ky, tuổi Nhâm Tham tại Thìn có Đường Phù thủ, Hóa Ky, Kinh Đà hãm, Thiên Quan, Hao chiếu và tại Tuất thì có Đà hãm, Thiên Quan đồng thủ, Hóa Ky, Thiên Phúc, Hao, LNVT, Đường Phù chiếu. Tuổi Quý thì Hóa Ky luôn luôn đồng cung với Tham Lang, tại Thìn thì có Ky thủ, Lộc Tồn Hóa Lộc đồng cung với Phá Quân gặp Triệt và Thiên Trù Quốc Ấn chiếu, còn tại Tuất thì có Thiên Trù Hóa Ky đồng cung và có Lộc Tồn, Thiên Quan, Lưu Hà tam hợp

Phân tích Tham Vũ Sửu Mùi hay Tham Lang Dần Thân thì tuổi Bính, tuổi Kỷ có Văn Xương, tuổi Tân có Văn Khúc và tuổi Quý thì mới Tham mới gặp Hóa Kỵ và tuổi Canh có Hóa Kỵ nhị hợp

Tham Lang Hóa Lộc cư Tứ Mộ gia cát diệu trung bình chi cách (12)

Giải: Tham Lang Hóa Lộc tại Thìn Tuất Sửu Mùi gặp Cát tinh thì trung phú, trung quý. Tuổi Mậu, Kỷ và tuổi Giáp với Vũ Tham tại Sửu Mùi thì có cách này nhưng cần nghiên cứu cho rõ hơn vì ví dụ tuổi Kỷ Tham Lang tại Tuất có Song Lộc, Quyền, Quốc Ấn, Thiên Phúc Lưu Hà không thể coi là trung bình được. Có lẽ câu phú này cần giải rằng Tham Lang và Hóa Lộc đồng cung tại Tứ Mộ thì hợp lý hơn và như vậy thì chỉ áp dụng cho tuổi Kỷ với Vũ Tham Sửu Mùi có Quyền Lộc đồng cung

Tham, Vũ (tại Tứ Mộ) Thân cung vi hạ cách (38, TTL)

Giải: cung Thân có Tham Vũ tại Thìn Tuất Sửu Mùi thì không thể quý hiển, suốt đời vất vả

Tham Lang Bạch Hổ phòng sinh, Tuất Thìn (cung Thìn Tuất) số ấy lánh mình sơn lâm (35)

Giải: Tham Lang Bạch Hổ tại Thìn Tuất thì cần xa lánh vùng núi rừng đề phòng bị ác thú cắn

### Liên Tham Ty Hợi

Tham Lang Liên Trinh đồng độ nam đa lãng đãng, nữ đa dâm (46, TTL)

Giải: Tham Lang Liên Trinh cư đồng cung tại Ty Hợi, nam thì ăn chơi, nữ thì dâm dật

Tham Lang Ty Hợi, bất vi đồ thị, diệc tào hình (TTL)

Giải: Liên Tham Ty Hợi nếu không phải là người làm nghề đồ tể, bán thịt thì hay bị bắt bớ giam cầm rất khổ sở

Tham Lang Ty Hợi gia sát (Tham Lang Ty Hợi gặp sát tinh) bất vi đồ thị diệc tào hình (17)

Giải: Liêm Tham Ty Hợi gặp sát tinh, nếu không phải là người làm nghề đồ tể, bán thịt thì hay bị bắt bớ giam cầm rất khó sở

Tham Liêm Càn Thượng (cung Hợi, nghĩa là Tham Liêm đồng cung tại Hợi) vân lập vô phong (mây không gặp gió, nghĩa là xấu, không có thời) Tuyệt Linh ưu nhập, vì nhân bản khổ, nãi phùng Dương Nhận (nếu gặp Kinh Dương) Kiếp Không Hư Mã chung thân phi yếu tắc cô bản (47, TTL)

Giải: Tham Liêm đồng cung tại Hợi thì như mây không gặp gió, nghĩa là xấu, không có thời, gặp Tuyệt Linh Tinh hội hợp (theo TTL thì đồng cung) thì là người nghèo khó, và nếu gặp Kinh Dương Không Hư Mã thì cả đời nếu không chết sớm thì cũng cô đơn bản hàn

Tham ngộ Dương Đà cư Hợi Tí, danh vi phiếm thủy đào hoa (20, TTL)

Giải: Tham cư Hợi, Tí gặp Kinh Đà ví như hoa đào trôi nổi trên nước, ý nói chơi bời hoang đãng, cuộc đời chìm nổi. Theo TTL thì ghi gặp Kinh hay Đà đồng cung và ghi như vậy thì phải an Kinh luôn luôn đồng cung với Lực Sĩ. Nếu sử dụng cách an tiền Kinh hậu Đà thì phải giải thích là Tham Lang tại Tí gặp Kinh, Tham Lang tại Hợi gặp Đà

Tham tọa Thủy cung (Hợi Tí) giáp biên Tứ Sát bản khổ chung thân (32, TTL)

Giải: Tham tại Hợi Tí lại giáp Kinh Đà, Hỏa Linh, Không Kiếp thì suốt đời nghèo khó

Tham Lang Hợi Tí, hạnh phùng Quyền Vượng, biến hư thành thực, ư Giáp Kỷ tuế phú danh viên mãn (25, TTL)

Giải: Tham Lang tại Hợi và Tí gặp Quyền Vượng thì chuyển xấu thành tốt, trở nên thật thà trung hậu giữ lời hứa thay vì là người dối trá, tuổi Giáp Kỷ giàu có và có danh vọng trọn vẹn. Chú ý tuổi Giáp Liêm Tham tại Ty có Khoa Quyền Lộc Song Hao Khôi Thiên Phúc Lưu Hà Đà hãm, tại Hợi thì có Khoa Quyền Lộc Song Hao Thiên Quan Thiên Việt Đường Phù, Kinh cư Mão. Tuổi Kỷ Liêm Tham tại Ty có Quyền Hóa Lộc Đà đắc, Thiên Quan Hao LNVN và tại Hợi có Quyền Hóa Lộc Đường Phù Hao, Kinh Đà đắc

### THAM LANG TẠI CÁC CUNG



Tham Vũ đồng hành cư Phúc hạnh phùng Mộ tinh (mừng gặp sao Mộ), tứ đại hiển vinh (45)

Giải: cung Phúc Đức có Tham Vũ đồng cung gặp Mộ thì bốn đời được hiển vinh, bản thân cũng làm nên danh giá. Đây là trường hợp Mệnh Tử Vi Thất Sát tại Ty Hợi

Thân cư Phúc Cư (Thân cư Phúc) mạc kiến (nếu gặp) Tham Xương Tướng Hỏa Khôi Hình lai xâm Đà Sát Kiếp Không yếm thế ưu thời (có tài nhưng không gặp thời), kỳ tử khôn toàn (lúc chết cũng không được yên) hạnh gia Long Phụng Khoa Quyền chung thân bất đắc chí hình mạc vô khiêm đạt khả an ninh (gặp Long Phụng Khoa Quyền thì tuy cả đời bất đắc chí nhưng bằng lòng chịu thiếu thốn thì được yên ổn) (54)

Giải: Thân cư Phúc nếu gặp Tham Xương Tướng Hỏa Khôi Hình Đà Sát Kiếp Không thì có tài nhưng không gặp thời, lúc chết cũng không được yên nhưng nếu gặp Long Phụng Khoa Quyền thì tuy cả đời bất đắc chí nhưng bằng lòng chịu thiếu thốn thì được yên ổn

Tham Riêu hãm địa cùng xâm, gia trung thất vận giáng lâm Trạch Tài (53)

Giải: Điền Tài có Tham Riêu hãm địa thì của cải hay bị thất thoát vì bị trộm cắp

Tham Đà giải ách nhi ngộ Linh Riêu lãnh hoàn chi bệnh (52)

Giải: Tật Ách có Tham Đà Linh, Riêu thì bị bệnh lãnh cảm nên hiếm con

Tham Lang tại Thê cung, giá thú nghi cầu trưởng nữ (49, B61)

Giải: cung Thê có Tham Lang thì lấy vợ là con trưởng

Tham lang ngộ Phu Quân, Mệnh chính tắc định, bất chính tắc thiếp (50) Giải: TVT giải thích rằng cung Phu Quân có Tham Lang, nếu Mệnh có chính diệu thì là vợ cả, Mệnh VCD thì là vợ lẽ hay nàng hầu. Giải thích như vậy thì sai, bởi Tham Lang tại Phu Quân thì Mệnh luôn luôn có ít nhất chính tinh là Thiên Tướng thủ

### THAM LANG VỚI CÁC PHỤ TINH

Tham Lang ngộ sát (sát tinh) vô cát diệu, đồ tể chi nhân (14, TTL)

Giải: Tham Lang gặp thêm nhiều sát tinh (như Kinh Đà Không Kiếp) mà không có nhiều sao sáng sửa tốt đẹp thì là hạng đồ tể, bán thịt. Cần hiểu là Tham hãm địa

Tham Lang (hãm địa) gia sát (sát tinh) đồng cung, nữ thân hương, nam thử thiết (19, TTL)

Giải: Tham Lang gặp sát tinh (như Kinh Đà Không Kiếp) đồng cung, nữ thì buôn son bán phấn, làm điểm còn nam thì trộm cắp gian xảo, bất lương

Tham Xương cư Mệnh, phần cốt túy si (27, TTL)

Giải: Tham Xương tọa thủ đồng cung thì da mặt xấu, loang lổ. Theo TVT thì Mệnh an ở Ty Hợi

Tham Lang ky ngộ sát tinh, ưu xâm Không Kiếp, văn niên phú thọ nan toàn lưỡng (23, TTL)

Giải: Tham Lang ky gặp sát tinh (như Kinh Đà Không Kiếp), cho dù có miếu vượng mà gặp Không hay Kiếp đồng cung thì cũng không được hưởng phúc thọ song toàn, về già nếu giàu có thì chết sớm, nếu nghèo thì sống lâu

Tham Đà tử sắc chơi bời (51)

Giải Tham Lang gặp Đà La thì hay ăn chơi, nhậu nhẹt, rượu chè trai gái

Tham Lang gia cát (cát tinh) tọa Trường Sinh thọ khảo vĩnh như Bành Tổ (16, TTL) (16)

Giải: Tham Lang Trường Sinh gặp cát tinh sống rất lâu. Theo TVT thì tuổi Dần Ngọ Tuất mạng Hỏa, Mệnh an tại Dần thuộc Mộc hoặc an tại Thân thuộc Kim được cách trường thọ, nếu thêm Trường Sinh được phúc thọ

Tham Lang nãi lãg đăg chi tinh , ngộ Khoa Quyền nhi học nghiệp tinh thông (5, B66)

Giải: Mệnh Tham Lang thì tính ham chơi biếng nhác, gặp Khoa Quyền thì học hành rất giỏi

Tham Đào (Đào Hoa) tại nhân cung (hãm địa), Nữ Mệnh độc phụ chi nhân, ngộ Triệt Tuần tâm tình thư thái (30, TTL)

Giải: Nữ Mệnh có Tham Đào Hoa hãm địa thì độc ác, thâm hiểm và rất dâm dăng nhưng gặp Triệt Tuần thì tính tình nhân hậu, đoan chính, cởi mở, không nhỏ mọn đồ kỵ. Điều này cho thấy Triệt Tuần có ảnh hưởng mạnh đối với Tham Lang

Tham Kỵ trùng Riêu (Thiên Riêu) thủy tai nan miễn (34)

Giải: Tham Kỵ gặp Thiên Riêu thì khó tránh chết vì sông nước nếu không có sao giải

### THAM LANG TẠI CUNG HẠN

Mệnh đắc Tham, Liêm, Sát, Phá tu cần Tử Phủ Vũ Tướng lưu niên (48)

Giải: Mệnh có Sát, Phá, Liêm, Tham hạn cần gặp Tử, Phủ, Vũ, Tướng

Tham (hãm địa) phùng nữ (Nữ Mệnh) sợ hoại thai (đề phòng hư thai), lại thêm lo bệnh đến ngoài nửa năm (10)

Giải: Nữ nhân hạn có Tham hãm địa thì đề phòng hư thai, lo lắng về bệnh tật

Dần Thân Tham hội Văn Xương, vận ông Đồng Phú Hán Hoàng đem lưu (8)

Giải: Đồng Phú hạn có Tham Lang tại Dần Thân gặp Văn Xương thì bị lưu đày bởi vua Hán

### CỰ MÔN

Cự Môn định chủ thị phi (chủ bị miệng tiếng thị phi)

Cự, Nhật cùng chiếu, diệc vi kỳ (7, TTL)

Giải: TTL giải rằng Mệnh có Cự và Nhật sáng sửa hợp chiếu thì rất tốt, giàu sang. Chú ý như vậy Mệnh VCD tại Thân có Đồng Lương xung chiếu thì có Cự Nhật sáng sửa tam chiếu Mệnh VCD tại Mùi có Nhật Nguyệt tại Sửu xung chiếu và Cự Cơ tại Mão tam chiếu và Mệnh VCD tại Thân thì có Cự Nhật tại Dần xung chiếu thì rơi vào trường hợp này. Thiết tưởng chỉ cần có Nhật sáng sửa cùng với Cự (có thể đắc hay hãm) chiếu thì đều tốt và như vậy sẽ phù hợp với các câu phú khác nói về Đồng Lương, Nhật Nguyệt chiếu. Đương nhiên là nếu cả hai sáng sửa thì tốt hơn. Theo TVT thì Mệnh an tại Dần có Nhật tọa thủ tại Ngọ, Cự tại Tuất

chiếu là thượng cách, suốt đời được hưởng giàu sang vinh hiển, Mệnh an tại các cung khác thì cùng hưởng phú quý nhưng không bằng Mệnh tại Dần, điều này chưa đúng hẳn

Cự tú (sao Cự Môn) Đồng, Lương xâm tả hợp (11)

Giải: TVT giải rằng Mệnh tại Dần thân VCD có Cự Nhật xung chiếu, Cơ Lương đồng cung tam hợp thì tốt đẹp, gặp thêm Tả Hữu Khoa Quyền Lộc thì vinh hiển

Cự tú, Thiên Cơ vi phá đặng (16, TTL)

Giải: TTL giải rằng Mệnh an tại Mão Dậu có Cự Cơ tọa thủ đồng cung thì ăn tiêu hoang phí. TVT cho rằng Nữ Mệnh nếu gặp Cát tinh hội hợp thì phú quý, gặp Sát tinh xâm phạm thì hoang tàng, dâm tiện. Cần phải coi lại câu phú này

Cự, Đồng nhập miếu mạnh viên mãn tiếp đa năng (31)

Giải: Mệnh có Cự hay Đồng nhập miếu thì ăn nói lưu loát, nhiều tài năng, tháo vát

## CỰ MÔN TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

### Cự Môn Tí Ngọ

Tí Ngọ Cự Môn, thạch trung ẩn ngọc cách (13)

Giải: Cự Môn tại Tí Ngọ như đá có ngọc bên trong nên tốt đẹp nhưng rất cần Tuần Triệt ví như sấm sét làm nứt đá, hoặc Kinh Hình ví như máy móc khai phá, hoặc gặp Song Hao đồng cung ví như nước chảy đá mòn thì mới thật tốt đẹp. Chú ý tuổi Ất Cự tại Ngọ có Song Hao gặp Triệt, Hóa Lộc Khôi Đà đắc chiếu, tuổi Bính có Cự tại Ngọ gặp Kinh đồng cung, Thiên Phúc Hóa Quyền, Đường Phù, Hao chiếu, tuổi Đinh Cự tại Ngọ có Kinh Thiên Trù Hóa đồng cung, Hao Đường Phù chiếu và Hóa Kỵ đồng cung với Thiên Cơ bị Triệt, tuổi Canh Cự tại Ngọ đồng cung với Khôi, Thiên Phúc bị Triệt, có Hóa Lộc Việt Thiên Trù chiếu, tuổi Tân Cự tại Ngọ đồng cung với Hao, Khôi, Thiên Trù, Hóa Lộc, có Việt, Đường Phù, Kinh đắc, Hóa Quyền chiếu và Cự tại Tí đồng cung với Hao, LNV, Hóa Lộc, có Hao Khôi, Thiên Trù, Đà La đắc, Quyền chiếu với Quyền đồng cung với Thái Dương bị Triệt, tuổi Nhâm có Cự tại Tí đồng cung với Kinh, có Hóa Lộc, Thiên Phúc, Đường Phù chiếu, tuổi Quý Cự tại Tí đồng cung với Lộc Tồn Hóa

Quyền bị Triệt, có Thiên Quan Quốc Ấn chiếu. Nhận định tuổi Tân có thể coi là tốt nhất nếu không bị phá cách

Cự Môn Tí Ngọ, Khoa Quyền Lộc, Thạch trung ẩn ngọc, phúc hưng long (12, TTL)

Giải: Cự Môn Tí Ngọ là cách Thạch trung ẩn ngọc, gặp Khoa Quyền Lộc hội hợp thì hưởng phúc lâu bền. Theo TVT thì người tuổi Tân Quý là thượng cách, tuổi Đinh Kỷ thì thứ cách, tuổi Bính Mậu thì bình thường. Chú ý không có tuổi nào gặp đủ tam hóa Khoa Quyền Lộc cả, tuổi Bính chỉ gặp Hóa Quyền, tuổi Đinh gặp Lộc Tồn Khoa Kỵ, tuổi Kỷ gặp Lộc Tồn, tuổi Canh gặp Hóa Lộc, tuổi Tân gặp Lộc Quyền, tuổi Quý gặp Quyền Lộc Tồn. Lời giải thích của TVT không hợp lý khi xét đến trường hợp gặp Tuần Triệt, Song Hào hay Kinh Hình

### Cự Đồng Sửu Mùi

Cự, Cơ Sửu Mùi vi hạ cách (29)

Giải: Cự, Cơ tại Sửu Mùi (Thiên Cơ Sửu Mùi, Cự Đồng Sửu Mùi) thì là hạ cách, không thể hiển đạt

Tân nhân tối ái Cự Môn, nhược lâm Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) hạnh phúc Tả Hữu, cứu mệnh chi niên (19, TTL)

Giải: tuổi Tân mà Mệnh ở Tứ Mộ gặp Cự Môn (Cự Môn Thìn Tuất, Cự Đồng Sửu Mùi) thì tuy Cự hãm địa nhưng cũng vẫn khá giả, gặp thêm Tả Hữu thì giải trừ được nhiều bệnh tật tai họa, không phải lo lắng về tai họa. Chú ý tuổi Tân thì có Hóa Lộc đồng cung với Cự Môn. Tại Thìn Tuất thì Tả Hữu xung chiếu, tại Sửu Mùi thì Tả Hữu đồng cung

### Cự Nhật Dần Thân

Cự Nhật đồng cung, quan phong tam đại (10, TTL)

Giải: Mệnh có Cự Nhật đồng cung thì ba đời đều vinh hiển

Cự Nhật Mệnh cung, Dần vị, thực lộc trì danh (5, TTL)

Giải: Mệnh cư Dần có Cự Nhật thì giàu có và tiếng tăm

Cự Nhật Mệnh lập Thân cung, diệc diêu (thì không đẹp bằng Mệnh an tại Dần) (4, TTL)

Mệnh an tại cung Thân có Cự Nhật thủ thì cũng khá giả, danh tài cũng đầy đủ nhưng không bằng Cự Nhật tại Dần

Cự Nhật Dần cung, Mệnh lập Thân, tiên trì danh nhi thực lộc (3)

Giải: Mệnh VCD tại cung Thân có Cự Nhật tại Dần xung chiếu thì trước thì có tiếng tăm, sau mới giàu có. Chú ý rằng ở đây ta chỉ lấy sao xung chiếu để luận đoán chứ không lấy Nhật Nguyệt chiếu để luận vì bộ Nhật Nguyệt chiếu cung VCD chỉ áp dụng cho cung VCD là cung Thổ

Cự Nhật Thân, Mệnh lập Dần trì danh thực lộc (6, TTL)

Giải: Mệnh VCD tại Dần có Cự Nhật tại Thân thì cũng hưởng giàu sang danh tiếng nhưng không bằng trường hợp Cự Nhật Dần cung, Mệnh lập Thân

Cự Nhật Dần Thân, thiên môn nhật lãng, ky ngô Lộc Tồn, ái giao Quyền Phượng (8, TTL)

Giải: Mệnh có Cự Nhật Dần Thân thì như mặt trời treo lơ lửng trên cao chiếu xuống rất tốt đẹp, nhưng nếu gặp Lộc Tồn đồng cung thì suốt đời chẳng được xứng ý toại lòng. Mệnh có Cự Nhật Dần Thân nếu gặp Quyền Phượng thì hưởng phú phụ song toàn

Chú ý rằng tuổi Giáp thì Cự Nhật tại Dần đồng cung với Lộc Tồn Hóa Kỵ nên không còn tốt đẹp, còn tuổi Canh thì Cự Nhật đồng cung với Lộc Tồn Hóa Lộc, chính Lộc Tồn Hóa Lộc đồng cung đã làm phá cách mặc dù tại đây có tam hóa liên châu

Cự Môn Dần Thân vị (tại Dần Thân), phúc hỉ Giáp Canh sinh (2)

Giải: tuổi Giáp Canh có Cự Nhật tại Dần Thân thì hưởng phúc, ý nói hưởng phú quý. Chú ý rằng tuổi Giáp thì Hóa Kỵ đồng cung với Thái Dương và luôn luôn có Lộc Tồn Hóa Kỵ, tại Thân thì Cự Nhật Hóa Kỵ bị Triệt, tuổi Canh thì gặp Song Lộc đồng cung, Thiên Trù Tam Hóa Liên Châu, Việt và tại Dần còn có Khôi. Như vậy tuổi Canh thì tạm tốt nhưng tuổi Giáp tại sao Nhật đồng cung với Hóa Kỵ lại tốt? Nên kiểm tra lại tuổi Giáp và cả câu phú này

Cự Môn Thìn Tuất

Cự Đồng nhập Mộ (cự ở Thìn Tuất Sửu Mùi) nhi hội (gặp) Ky, Kinh nan phòng thủy nạn (32, TTL)

Giải: TTL giải rằng Cự Đồng tại Sửu Mùi hay Cự, Đồng đơn thủ tại Thìn Tuất thì bị hãm địa, nếu gặp Kinh, Ky hội hợp thì khó tránh chết đuối, những tuổi Tân Bính thì chẳng lo ngại. TVT thêm tuổi Đinh. Thật ra tuổi Bính, Đinh, Tân thì không gặp Kinh và Ky hội hợp. Chỉ có tuổi Ất có Đồng Thìn Tuất thì gặp Lưu Hà, Kinh đắc, Hóa Ky là trường hợp duy nhất có cả hai sao Kinh Ky hội hợp. Chú ý tuổi Đinh bao giờ Cự và Ky luôn luôn đồng cung

Cự Môn Thìn Tuất vi hãm địa, Tân nhân hóa cát lộc tranh vinh (27, TTL)

Giải: Cự Môn Thìn Tuất tuổi Tân thì lại trở nên tốt, giàu sang vinh hiển. Tuổi Tân Mệnh tại Thìn có Hóa Lộc đồng cung gặp Triệt, Hóa Quyền Hao LNVT và Đà đắc chiếu, Mệnh tại Tuất thì có Hóa Lộc Kinh đắc tọa thủ, Quyền Khôi Việt Thiên Trù Đường Phù Hao chiếu

Cự Môn Thìn cung Hóa Ky, Tân nhân Mệnh ngộ phản vi kỳ (23, TTL)

Giải: Cự Ky đồng cung tại Thìn, tuổi Tân là thượng cách, giàu sang vinh hiển

A Man xuất thế (sống ẩn dật, không lao vào thế sự) do hữu Cự Ky Khốc Hình Thìn Tuất (25)

Giải: Cự Ky Khốc Hình Thìn Tuất thì sống ẩn dật, không lao vào thế sự

Tân nhân tối ái Cự Môn, nhược lâm Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) hạnh phùng Tả Hữu, cứu mệnh chi niên (19, TTL)

Giải: tuổi Tân mà Mệnh ở Tứ Mộ gặp Cự Môn (Cự Môn Thìn Tuất, Cự Đồng Sửu Mùi) thì tuy Cự hãm địa nhưng cũng vẫn khá giả, gặp thêm Tả Hữu thì giải trừ được nhiều bệnh tật tai họa, không phải lo lắng về tai họa. Chú ý tuổi Tân thì có Hóa Lộc đồng cung với Cự Môn. Tại Thìn Tuất thì Tả Hữu xung chiếu, tại Sửu Mùi thì Tả Hữu đồng cung

Cự, Đồng nhi phùng La Vọng (Cự hay Đồng ở cung Thìn Tuất) ngộ Khoa Tinh thoại thuyết Lịch Sinh (28, TTL)

Giải: Mệnh tại Thìn Tuất có Đồng tọa thủ hay Cự tọa thủ gặp Hóa Khoa đồng cung (TTL cho rằng xung chiếu cũng được) thì có tài ăn nói thuyết khách như Lịch Sinh. Chú ý tuổi Đinh thì Đồng tại Thìn có Khoa Quyền Lộc Lưu Hà tam



chiếu, với Ky xung chiếu, tại Tuất có Khoa Quyền Song Lộc Quốc Ấn Thiên Quan Thiên Trù tam chiếu với Khoa Lộc Thiên Quan Quốc Ấn bị Triệt, có Hóa Ky xung chiếu. Tuổi Kỷ thì Đồng tại Thìn có Khoa Khôi Việt Thiên Trù tam chiếu và Đồng tại Tuất có Khoa Lộc Tồn Thiên Phúc Quốc Ấn Lưu Hà tam chiếu

Thìn Tuất ứng hiềm hãm Cự Môn (26, TTL)

Giải: Cự Môn tại Thìn Tuất thì xấu xa, riêng tuổi Tân và Quý thì lại tốt đẹp. TVT cho rằng tuổi Đinh thì không việc gì. Tuổi Quý thì có Quyền đồng cung với Cự Môn

### Cự Cơ Mão Dậu

Cự Cơ chính hướng (ở Tứ Chính Tí Ngọ Mão Dậu) hạnh ngộ Song Hao, uy quyền quán thế (22, TTL)

Giải: Cự Cơ ở Tí Ngọ Mão Dậu gặp Song Hao thì có quyền uy rất lớn. TTL giải rằng Cự Cơ tại Mão Dậu gặp Song Hao. Tứ chính bao gồm Tí Ngọ Mão Dậu thành ra hiểu là Cự Cơ Mão Dậu hoặc Cự Môn hay Thiên Cơ cư Tí Ngọ thì hợp lý hơn nhưng cần kiểm tra Thiên Cơ Tí Ngọ gặp Song Hao

Song Hao (hành Thủy) Mão Dậu chúng thủy triều đông (các dòng nước chảy về phương Đông) tối hiềm Hóa Lộc (hành Thổ khắc Thủy), ái ngộ Cự Cơ (mừng gặp Cự Cơ)

Giải: Song Hao tại Mão Dậu thì như các dòng nước chảy về phương Đông, rất sợ gặp Hóa Lộc đồng cung và rất thích gặp Cự Cơ đồng cung. Tuổi Đinh, Kỷ, Quý mới có Song Hao Mão Dậu. Tuổi Đinh thì chỉ có Thái Âm cư Mão Dậu mới có Hao Hóa Lộc đồng cung và đây là trường hợp duy nhất có được

Cự Cơ đồng cung công khanh chi vị (20, TTL)

Giải: Cự Cơ tại Mão Dậu thì làm đến công khanh, nghĩa là có quan chức lớn. Theo TVT thì tuổi Tân Kỷ mệnh an tại Mão gặp Tả Hữu Xương Khúc hội hợp thì là thượng cách, tuổi Bính là thứ cách, tuổi Đinh thì bình thường. Phân tích:

Tuổi Kỷ thì Cự Cơ tại Mão gặp Song Hao nên tốt, tại Dậu thì Cự Cơ tuy gặp Song Hao nhưng lại bị Triệt án thành ra phá cách.

Tuổi Tân Cự tại Mão có Hóa Lộc thủ, Lộc Tồn xung chiếu, tại Dậu thì Lộc Tồn Hóa Lộc đồng cung nên phá cách, tuy có Quan Phúc.

Tuổi Bính thì Cự Cơ tại Mão có Quyền Lộc Khôi Việt, tại Dậu thì có Việt Quyền thủ, tam hợp có Lộc Tồn Hóa Lộc Thiên Quan Thiên Trù đồng cung bị Triệt.

Tuổi Đinh Cự Cơ tại Mão tuy đồng cung với Song Hào gặp Khoa Kỵ nhưng bị Triệt thành phá cách, tại Dậu thì có Song Hào Khoa Kỵ Việt, Quyền Đà đắc chiếu nên cũng khá tốt vì bị gặp Kỵ nên giảm tốt

Cự Cơ cư Mão, Ất Tân Kỵ Bính chí công khanh (11, TTL)

Giải: Cự Cơ tại Mão, tuổi Ất Tân Kỵ Bính thì làm đến công khanh, ý nói quyền cao chức trọng, phú quý. Chú ý TTL ghi rằng Cự Cơ Mão Dậu, Ất Tân Kỵ Bính chí công khanh. Cần ghi nhận thêm là tuổi Ất thì Cự Cơ tại Mão có Lộc Tồn, Hóa Lộc thủ, tam hóa liên châu và tại Dậu thì có Hóa Lộc thủ, tam Hóa Liên châu, Lộc tồn chiếu

Cự Cơ Dậu thượng, hóa cát giả, túng hữu Tài Quan đã bắt trung (15, TTL)

Giải: TTL giải rằng Cự Cơ tại Dậu thì hưởng phú quý nhưng không bền, càng giàu sang càng giảm thọ. Trong trường hợp này thì Cự Cơ cần gặp nhiều sao sáng sửa tốt đẹp hội hợp như Xương Khúc, Khôi Việt, Tả Hữu, Khoa, Quyền, Lộc thì mới được phú quý bền vững và phúc thọ song toàn. Tại Dậu thì Cự Cơ đều bị hành cung là Kim khắc nhập và về sao thì cũng thường là xấu hơn so với tại Mão nhưng chưa thể nói là Cự Cơ tại Dậu xấu hơn tại Mao cho tất cả các tuổi

Cự, Cơ nhi ngộ Lộc tồn, ngũ bất chính ngôn (21, TTL)

Giải: TTL giải rằng Cự Cơ Mão Dậu gặp Lộc Tồn đồng cung thì ăn nói hồ đồ không thận trọng, và Mệnh có Cự Môn gặp Lộc Tồn thì cũng giải như trên

Mão Dậu Cự Cơ Ất Tân Âm nữ ích tử vượng phu, bất kiến Triệt, Tuần đa tài thao lược (19, TTL)

Giải: Nữ Nhân tuổi Tân, Ất Mệnh tại Mão Dậu có Cự Cơ thì làm lợi cho chồng con, nếu không gặp Triệt Tuần thì có nhiều tài năng và đảm đang. Chú ý TTL giải rằng không bị Triệt xung chiếu cũng có lý vì tuổi Ất Tân Cự Cơ không bao giờ bị Triệt án ngữ

### Cự Môn Ty Hợi

Cự Môn Ty Hợi kỵ ngộ Lộc Tồn (đồng cung) nhi phùng Quyền Lộc kiếm sạ đầu ngư (30)

Giải: Cự Môn tại Ty Hợi kỵ gặp Lộc tồn đồng cung, nếu gặp Quyền Lộc thì có chí lớn nhưng không gặp thời, như dùng kiếm ném lên sao Ngưu, nên an phận thủ thường thì hơn. Chú ý câu này thì đúng với trường hợp tuổi Đinh Cự Môn tại Ty đồng cung với Lộc Tồn, Thiên Quan, Thiên Trù gặp Triệt, Hóa Lộc Việt Khôi Quyền Quốc Ấn chiếu, Cự Môn tại Hợi có Khôi thủ, Quyền Lộc Lưu Hà tam chiếu, Lộc Tồn, Thiên Quan, Thiên Trù đồng cung với Nhật gặp Triệt xung chiếu.

Cự Môn Tí Hợi kỵ ngộ Lộc Tồn (đồng cung) nhi phùng Quyền Lộc kiếm sa đầu ngưu có chí lớn nhưng không gặp thời, như dùng kiếm ném lên sao Ngưu, nên an phận thủ thường thì hơn)(TTL)

Giải: câu này của TTL nhưng sai vì đã đổi Ty Hợi thành Tí Hợi

### CỰ MÔN TẠI CÁC CUNG

Cự Cơ Điền Trạch, phú hữu lâu dài (46, B63)

Giải: Điền Trạch có Cự Cơ thì giàu có lâu bền. Đây là trường hợp Cự Cơ Mão Dậu nghĩa là Mệnh Vũ Phủ Tí Ngọ

Giải xứ (Cung Tật Ách) mạc ngộ Cự Đồng kiêm phùng Tang Hổ Đà Riêu hữu sinh nan dưỡng (47)

Giải: Cung Tật Ách có Cự Đồng gặp Tang Hổ Đà Riêu thì sinh con nhiều nhưng nuôi ít

Cự phùng Tồn tú (Cự gặp Lộc Tồn đồng cung) cát xứ toàn hung, ưu nhập Tử cung, vô nhi tòng lão (38)

Giải: Cự gặp Lộc Tồn đồng cung thì rất xấu, nếu ở cung Tử thì không có con nối dõi

Cự Môn Thê Thiếp, dạ bất mãn hoài (43, B60)

Giải: Thê Thiếp có Cự Môn thì vợ chồng cãi vả, lòng hay bất mãn nhau

Cự Môn (tại Phu Thê) bất mãn trong lòng, ba lần kết tóc chưa xong mới rầu (44)

Giải: Phu Thê có Cự Môn thì ba lần kết hôn mà chưa thành gia thất

Tây Nương Tử (Tây Thi) áp đảo Ngô triều (làm vua Ngô mất nước) do hữu Cự Cơ, Song Hao, Quyền Ân, Đào Hồng Phụ cung (17)

Giải: Tây Thi cung Phụ có Cự Cơ, Song Hao, Quyền Ân, Đào Hồng nên khuynh đảo triều đình nhà Ngô

### CỰ MÔN VỚI CÁC PHỤ TINH

Cự Môn Tứ Sát hãm nhi hung (35, TTL)

Giải: Cự Môn gặp Tứ Sát (Kình Đà Hỏa Linh) thì cuộc đời vất vả, dễ mắc ác tật hoặc phải bị tai nạn, theo TVT thì tai nạn về máy móc

Cự Hỏa (Hỏa Tinh) Dương Đà phùng ác diệu, ải tử đầu hà (36, TTL)

Giải: Cự Môn Hỏa Tinh Kình Đà hội hợp gặp thêm ác tinh thì tự tử như gieo mình xuống sông tự tử hoặc thắt cổ

Cự Hỏa Kình Dương, chung thân ải tử (39)

Giải: Cự Hỏa Kình Dương hội hợp thì tự tử như thắt cổ mà chết khi gặp hạn xấu

Cự Môn Dương Đà ư Thân Mệnh loa hoàng khôn nhược, đạo nhi phá đấng (42, TTL)

Giải: Cự hãm địa gặp Kình hay Đà đồng cung thì hay bị bệnh tật, nếu khỏe mạnh thì ăn chơi đàng điếm, hạng bất lương

Cự Môn phùng Đà Kỵ tối hung (33)

Giải: Cự gặp Đà La Hóa Kỵ hội hợp thì rất xấu, đem đến tai nạn

Cự Môn Kỵ tinh (Hóa Kỵ) giai bất cát, Thân, Mệnh, Hạn kỵ tương phùng

Giải: Thân, Mệnh hay Hạn không nên gặp Cự Kỵ rất xấu

Kỵ (Hóa Kỵ) đãi chi ngộ Cự Môn tất hoại tổ ly tông chi nghiệp (34)

Giải: Cự Kỵ hội hợp thì phá hoại tổ nghiệp và ly hương

Cự Môn Đà La tất sinh dị chí (41, TTL)

Giải: Cự Đà đồng cung thì có nốt ruồi kín

### CỰ MÔN TAI HẠN

Cự Nhật Mệnh viên (tại Dần Thân) hạn đáo Sát (hạn gặp Kiếp Sát) Hình Kiếp Ky tu phòng tâm phế (đề phòng bệnh về tim phổi), kiêm Thiên Mã hội hãm tật tứ chi (gặp thêm Thiên Mã thì bị tật về chân tay, què tay cụt chân), duy hạnh Song Hao khả giải (gặp Song Hao thì có thể giải cứu được) (9)

Cự Hỏa, Linh phòng ác hạn tử u ngoại đạo (37, TTL)

Giải: Mệnh có Cự Hỏa, Linh gặp hạn xấu thì chết đường, chết xa quê hương

Cự Môn Ky Tinh (Hóa Ky) giai bất cát, Thân, Mệnh, Hạn ky tương phòng

Giải: Thân, Mệnh hay Hạn không nên gặp Cự Ky

Cự phòng Dương miếu tốt thay, thăng quan tiến chức, vận lành mừng vui (45)

Giải: TVT giải hạn đến cung Dần có Thái Dương gặp Cự Môn hay Cự cư Tí Dương cư Thìn hợp chiếu thì thăng quan tiến chức. Chú ý Cự tại Hợi thì có Nhật miếu tại Tỵ xung chiếu, Cự tại Tí thì có Nhật miếu tam hợp, Cự tại Tuất có Dương miếu tam hợp, và Cự tại Dần thì đồng cung với Thái Dương vượng địa

### THIÊN TƯỚNG

Nữ Tướng tinh (Nữ có Thiên Tướng) hùng hỷ hư trung (1)

Giải: Nữ Mệnh có Thiên Tướng thì hung dữ như con gấu

Nữ Tướng tinh, tương cận như mãnh hùng (TTL)

Giải: Nữ Mệnh có Thiên Tướng thì rất can đảm, dũng mãnh, bạo tợn như con gấu

Thiên Tướng chi tinh Nữ mệnh triều, tât đương tử quý cập phu hiền (8, TTL)

Giải: Nữ Mệnh có Thiên Tướng thì có con quý tử và chồng hiền lương tài giỏi. TTL ghi rằng Tướng miếu vượng đắc tọa thủ. TVT cho rằng Tướng miếu vượng đắc tọa thủ, Mệnh an tại Tí tuổi Giáp, Mệnh an tại Ngọ tuổi Canh, Mệnh an tại Thìn là thượng cách, tốt nhất

THIÊN TƯỚNG TẠI VỊ TRÍ 12 CUNGLiên Tướng Tí Ngọ

Thiên Tướng Liêm Trinh (như vậy thì ở cung Tí Ngọ), Kinh Dương giáp, đa chiêu hình tượng nan đào (7, TTL)

Giải: TTL giải Mệnh có Liêm Tướng thủ tại Tí Ngọ gặp Kinh Dương giáp thì khó tránh được bị đánh đập, tù tội. Chú ý như vậy thì phải có Lộc Tồn đồng cung. Tuổi Đinh thì Liêm Tướng cư Ngọ có Lộc Tồn Thiên Trù thủ, Thiên Quan Quốc Ấn bị Triệt chiếu, tuổi Kỷ thì Liêm Tướng cư Ngọ gặp Lộc Tồn Lưu Hà đồng cung, Hóa Lộc Thiên Phúc Quốc Ấn chiếu, còn tuổi Quý thì Liêm Tướng tại Tí có Lộc Tồn thủ đồng cung bị Triệt, có Hóa Lộc, Thiên Quan Quốc Ấn chiếu nên khả năng chỉ có thể xảy ra cho tuổi Quý mà thôi. Câu phú này cần xem lại

Tí Ngọ Tướng Liêm nhi phùng Phụ Bát Thái Y đắc thế (16)

Giải: Tướng Liêm Tí Ngọ gặp Phụ Bát nên làm nghề thầy thuốc thì rất giỏi, gặp thời. Chú ý tại vị trí Tí Ngọ nếu có Tả Hữu thủ thì chỉ có một sao Tả hay Hữu mà thôi, muốn có cả hai thì phải có sao Tả hay Hữu xung chiếu

Tướng Liêm tại Ngọ, Khoa Hình Quyền củng (hội hợp), Hàn Tín đạt cao vô thượng chí công (18)

Giải: Hàn Tín có Liêm Tướng tại Ngọ gặp Khoa Hình Quyền nên quan chức rất cao, làm tướng sáu nước. Chú ý tuổi Giáp thì Liêm Tướng tại Ngọ có Hóa Lộc Thiên Trù thủ, Khoa Quyền Lộc Tồn Quốc Ấn chiếu và tuổi Nhâm có Tả Phù thì có Khoa đồng cung mới có khả năng có Khoa Quyền nhưng tuổi Giáp thì phù hợp với câu phú này hơn

Song Ngư (cung Tí Hợi) Thiên Tướng, Phá Quân (Tướng thủ, Phá Quân xung chiếu), thanh cao minh mẫn. (3, B67)

Giải: NMB ghi rằng Tướng Phá ở Tí Hợi thì thanh cao thông minh cần mẫn. Chú ý tại Hợi Tướng thủ thì có Vũ Phá xung chiếu, tại Tí thì Liêm Tướng thủ thì có Phá Quân xung chiếu. Tướng và Phá luôn luôn xung chiếu nhau

Thiên Tướng Sửu Mùi

**Vũ Tướng Dần Thân****Thiên Tướng Mão Dậu****Tử Tướng Thìn Tuất**

Thiên Tướng Thìn Tuất khởi thị đạt công danh chí sĩ (15, TTL)

Giải: Tử Tướng thủ tại Thìn Tuất thì công danh hoạnh đạt, quý hiển

**Thiên Tướng Ty Hợi**

Song Ngự (cung Tí Hợi) Thiên Tướng, Phá Quân (Tướng thủ, Phá Quân xung chiếu), thanh cao minh mẫn. (3, B67)

Giải: NMB ghi rằng Tướng Phá ở Tí Hợi thì thanh cao thông minh cần mẫn. Chú ý tại Hợi Tướng thủ thì có Vũ Phá xung chiếu, tại Tí thì Liêm Tướng thủ thì có Phá Quân xung chiếu. Tướng và Phá luôn luôn xung chiếu nhau

Ty Hợi Tướng Binh (Phục Binh) Ấn (Quốc Ấn) nhập ư Bính Nhâm nhân quyền hành chân động, vận hữu (hạn có) Lộc Quyền Hao diệu tài sản vượng tăng (13)

Giải: tuổi Bính hay Nhâm Mệnh tại Ty Hợi có Thiên Tướng Phục Binh Quốc Ấn hội hợp thì có uy quyền rất lớn, hạn có Lộc Quyền Song Hao thì tiền bạc tài sản vào như nước. Câu này không đúng vì tuổi Bính và Nhâm không thể nào gặp Phục Binh được

**THIÊN TƯỚNG TẠI CÁC CUNG**

Thiên Tướng hỷ cư Thê vị (2, B63)

Giải: Thiên Tướng ở cung Thê thì rất đáng mừng vì vợ rất tốt, phúc hậu, đứng đắn

Thiên Tướng Không Kiếp cư Quan, công danh chẳng được, tân toan nhiều bề (5)

Giải: Quan Lộc có Thiên Tướng Không Kiếp thì công danh lận đận lại chịu nhiều lo lắng khổ cực

Phúc cư Đoài (cung Dậu), Lưỡng Tướng (Thiên Tướng, Tướng Quân) Hình (Thiên Hình) Quyền, Hồ Khốc, Sinh (Tràng Sinh) Mã giao lai võ cách phát liên



Hầu Bá ưu kiến (sợ gặp) Kỵ (Hóa Kỵ) Linh (Linh Tính) Khúc, Việt tất hữu tử thương trận địa (thì chết trận) (14)

Giải: Cung Phúc tại Dậu gặp Thiên Tướng, Tướng Quân, Thiên Hình, Quyền, Hồ Khốc, Trùng Sinh, Mã thì theo võ nghiệp làm đến quyền chức cao trọng, làm đến Hầu, Bá nhưng sợ gặp Hóa Kỵ, Linh Tính, Khúc, Việt thì chết trận

### THIÊN TƯỚNG VỚI CÁC TRUNG TINH

Ấn mạng vị liệt công hầu, sao lành Tướng Cáo (Phong Cáo) hội vào Mệnh cung (4)

Giải: cung Mệnh có Tướng gặp Phong Cáo thì là người mang ấn, làm đến Công Hầu, ý nói quyền cao chức trọng, phú quý

Thiên Tướng Hữu Bát phúc lai lâm (hưởng phúc)(10)

Giải: Thiên Tướng gặp Hữu Bát thì hưởng phúc.

Tướng Hồng (Hồng Loan) Nữ Mệnh, quý nhân hảo phối (9, TTL)

Giải: Nữ Mệnh có Thiên Tướng Hồng Loan thì lấy được chồng giàu sang danh giá

Tướng ngọ Cái (Hoa Cái) Đào (Đào Hoa) Khúc (Văn Khúc) Mộc (Mộc Dục) thuần tước dân phong (11, TTL)

Giải: Thiên Tướng gặp Hoa Cái, Đào Hoa, Khúc, Văn Khúc, Mộc Dục hội hợp thì xinh đẹp nhưng dân đảng

Hạn ngọ Cơ (Thiên Cơ ) Riêu (hạn có Thiên Cơ Thiên Riêu) vô phu (không chồng) nan tự khởi cô miên (nếu không chồng thì khó lòng mà không đêm đêm mơ tưởng đến chuyện trai gái) (11)

Giải:

### THIÊN TƯỚNG TẠI CUNG HẠN

Tướng lâm Chấn địa (cung Mão) Sinh Vượng Đào Hồng Tả Hữu Quyền Xương diện hoa vũ bá (mặt xinh đẹp mà võ nghệ rất giỏi) vận phùng (hạn gặp) Phá Đà Kinh Kiếp Lã Bố do dân mẫn kiếp (Lã Bố vì dân ô mà chết) (12)

Mệnh đắc Tướng Liêm Hạng phùng (hạng gặp) La Vọng Đà La Tham Linh, Hàn Tín thọ tử đao hình (chết vì bị chém) (19)

Giải: Hàn Tín có Mệnh Liêm Tướng tại Ngọ, hạng gặp La Vọng Đà La Tham Linh nên chết vì bị xử chém

### THIÊN LƯƠNG

Âm (Thiên Lương) Phúc (Thiên Đồng) tại Mệnh Thân bất phạ tai ương (14, TTL)

Giải: Mệnh hay Thân có Đồng Lương đồng cung hay Đồng, Lương miếu vượng đắc thì suốt đời không sợ tai ương họa hại

Thiên Lương bảo tư tài dĩ dữ nhân (1, B85)

Giải: Mệnh Thiên Lương thủ thì thích lấy tiền của mình ra làm việc phúc

Thiên Lương thủ chiếu, cát tương phùng (gặp cát tinh) bình sinh phúc thọ (2, TTL)

Giải: Mệnh có Thiên Lương thủ hay chiếu gặp cát tinh hội hợp thì hưởng phúc, an nhàn sung sướng, sống lâu. Cần miếu, vượng, đắc

Lương xung tọa chủ (tọa thủ hay xung chiếu) kiêm thọ toàn (4)

Giải: Mệnh có Thiên Lương tọa thủ hay xung chiếu thì sống lâu

Thiên Lương cư miếu vượng do Thái Tuế, Bệnh Phù nhi khả giới (24)

Giải: Cung Mệnh có Lương miếu vượng tọa thủ không nên có Thái Tuế Bệnh Phù hội hợp rất xấu. Cần coi lại câu phú này

### THIÊN LƯƠNG TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

#### Thiên Lương Tí Ngọ

Thiên Lương cư Ngọ vị, quan tư thanh hiển triều đình (Ngọ thượng Thiên Lương) (15, TTL)

Giải: Mệnh an tại Ngọ có Lương tọa thủ, tuổi Đinh Kỷ Quý có cách này thì làm nên vinh hiển, tiếng tăm lừng lẫy, giàu sang tốt bạc. Các tuổi khác cũng có quan chức lớn. Tuổi Đinh thì Lương có Song Lộc Khoa Quyền Quốc Ấn Thiên Quan,

tuổi Kỷ thì có Khoa Lộc Tồn Lưu Hà thủ, Thiên Phúc Quốc Ân Khôi chiếu, tuổi Quý thì có Thiên Quan thủ, Hóa Khoa, Lưu Hà Thiên Trù tam chiếu, Lộc Tồn đồng cung với Thái Dương gặp Triệt chiếu. Các tuổi khác đều có hoặc Lộc Tồn, hoặc sao một sao Khoa, Quyền, Lộc nhưng gặp Kỵ hoặc Kinh, Đà, Hao chiếu

Thiên Lương, Thái Dương, Xương Lộc hội, lô truyền đệ nhất danh (18, TTL)

Giải: TTL giải rằng Mệnh an tại Tí có Lương tọa thủ, Nhật xung chiếu hay tại Ngọ có Nhật tọa thủ Lương xung chiếu gặp Xương Lộc hội hợp thì rất thông minh, đi thi thì tất đỗ cao, lại sớm hiển đạt, được hưởng giàu sang trọn đời và có uy danh lừng lẫy. Thật ra câu phú này không đề cập đến vị trí nhưng ta có thể nói Lương cần sáng sửa nên vị trí Lương Tí Ngọ, Lương Nhật đồng cung tại Mão thì hợp với câu phú này vì có Lương miếu vượng gặp Nhật chiếu. Lương cư Sửu Mùi thì đắc tuy gặp Nhật nhưng thiết tưởng không áp dụng cho câu phú này. Còn các vị trí Đồng Lương Dần Thân, Cơ Lương Thìn Tuất thì không gặp Thái Dương, còn Lương Tỵ Hợi thì gặp Thái Dương chiếu nhưng Lương lại hãm địa nên cũng không áp dụng cho câu phú này

### Thiên Lương Sửu Mùi

### Đồng Lương Dần Thân

Lương Đồng, Cơ Nguyệt Dần Thân vị (tại Dần Thân), nhất sinh lợi nghiệp thông minh (16, TTL)

Giải: Đồng Lương hay Cơ Nguyệt tại Dần Thân thì rất thông minh, lập nên sự nghiệp và được hưởng giàu sang trọn đời

### Dương Lương Mão Dậu

Lương Nhật Mão cung, Nhật xuất phù tang, dung mạo phương viên (11, TTL)

Giải: Mệnh tại Mão có Lương Nhật thủ thì ví như Mặt Trời ra khỏi đám mây hay mặt trời mới mọc ở phương Đông lúc hừng sáng nên rất quý hiển, hưởng phú quý tốt bậc, suốt đời an nhàn sung sướng, có khuôn mặt vuông vắn đầy đặn, đẹp đẽ

Thiên Lương, Thái Dương, Xương Lộc hội, lô truyền đệ nhất danh (18, TTL)

Giải: TTL giải rằng Mệnh an tại Tí có Lương tọa thủ, Nhật xung chiếu hay tại Ngọ có Nhật tọa thủ Lương xung chiếu gặp Xương Lộc hội hợp thì rất thông minh, đi thi thì tất đỗ cao, lại sớm hiển đạt, được hưởng giàu sang trọn đời và có

uy danh lừng lẫy. Thật ra câu phú này không đề cập đến vị trí nhưng ta có thể nói Lương cần sáng sửa nên vị trí Lương Tí Ngọ, Lương Nhật đồng cung tại Mão thì hợp với câu phú này vì có Lương miếu vượng gặp Nhật chiếu. Lương cư Sửu Mùi thì đắc tuy gặp Nhật nhưng thiết tưởng không áp dụng cho câu phú này. Còn các vị trí Đồng Lương Dần Thân, Cơ Lương Thìn Tuất thì không gặp Thái Dương, còn Lương Tỵ Hợi thì gặp Thái Dương chiếu nhưng Lương lại hãm địa nên cũng không áp dụng cho câu phú này

### Cơ Lương Thìn Tuất

Thiên (Thiên Cơ) Âm (Thiên Lương) lâm tả thiện đàm binh, Tuất cung ti nhi văn chương quán thế (B74)

Giải: Cơ Lương đồng cung tại Thìn Tuất thì là mưu sĩ bàn về binh cơ rất giỏi, ở cung Tuất thì lại là văn chương quán thế

### Thiên Lương Tỵ Hợi

Lương tại Tỵ tất tật du (3, B70)

Giải: Thiên Lương thì có tật hay chơi bởi phóng đảng

Lương, Đồng Tỵ Hợi, Nam đa lãng đảng, Nữ đa dâm (17, TTL)

Giải: Mệnh có Đồng hay Lương tại Tỵ Hợi, Nam thì chơi bởi phóng đảng, Nữ thì dâm đảng

Thiên Lương, Thiên Mã vi nhân phiêu đảng vô nghi (8)

Giải: Thiên Lương, Thiên Mã đồng cung hay xung chiếu thì là người phiêu lãng, thích ngao du đó đây, chơi bởi. TTL cho rằng Lương tại Tỵ Hợi và điều này cũng hợp lý

Mệnh ngộ Mã Lương, túng dư vô yếm (B58)

Giải: Lương gặp Mã (đồng cung hay xung chiếu) thì là người chơi bởi vui vẻ. Câu này nên áp dụng cho Thiên Lương Tỵ Hợi

Thiên Lương ngộ Mã Nữ Mệnh tiện nhi thả dâm (9, TTL)

Giải: Nữ Mệnh có Lương gặp Mã (đồng cung hay xung chiếu) thì dâm đảng, hoa nguyệt bừa bãi, nếu không gặp quý tinh thì nghèo hèn ti tiện. Câu này nên áp dụng cho Thiên Lương Tỵ Hợi

Âm tinh (Thiên Lương) phùng Khôi tinh (Thiên Khôi) ư Hợi địa, ứng chi sơn nhạc giáng thân (12)

Giải: cung Hợi có Thiên Lương Thiên Khôi thì dáng điệu oai phong lẫm liệt như thần linh giáng thế. Tuổi Bính Đinh thì Lương tại Hợi có Khôi thủ đồng cung, và tuổi Nhâm Quý thì Lương tại Hợi có Khôi Việt chiếu

Thiên Lương, Thái Âm, khước tác phiêu bồng chi khách (5, TTL)

Giải: Theo TTL thì Mệnh có Lương hãm địa tọa thủ gặp Nguyệt chiếu hay Nguyệt hãm địa tọa thủ, Lương hợp chiếu là người suốt đời giang hồ nay đây mai đó như cánh bèo bồng bênh trên nước. Theo TVT thì cung Mệnh an tại Dậu có Dương Lương gặp Thái Âm hợp chiếu. Chú ý rằng Thiên Lương và Thái Âm luôn luôn tam hợp chiếu. Câu phú này nên áp dụng cho Lương tại Tỵ Hợi

Thiên Lương Nguyệt diệu, Nữ dâm bản (6)

Giải: TVT giải rằng Nữ Mệnh an Tỵ Hợi có Lương tọa thủ hay tại Dần Thân có Thái Âm tọa thủ thì dâm đảng, thêm sát tinh thì đề tiện nghèo hèn. Câu phú này nên áp dụng cho Lương tại Tỵ Hợi vì tại Dần Thân thì Đồng Lương rất tốt đẹp

Lương phùng Hao (Song Hao) sát (sát tinh) tại Tỵ cung, đao nghiệp hình thương (13, TTL)

Giải: Thiên Lương gặp Song Hao và sát tinh tại cung Tỵ thì đề phòng tai nạn về đao thương súng đạn. Theo TVT nếu có Tuần Triệt thì giải được và điều này cung hợp lý. TVT cho là Kiếp Sát có lẽ không đúng. Chú ý tuổi Giáp và Canh mới có Lương tại Tỵ Hợi gặp Song Hao. Tuổi Giáp Lương tại Tỵ gặp Song Hao, có Đà La hãm, Khôi, Hóa Ky, Thiên Phúc Lưu Hà chiếu và tuổi Canh có Khoa Lộc Ky Thiên Quan Kinh hãm chiếu. Sát tinh xấu có thể gặp thêm là Không Kiếp hãm hoặc Hỏa hãm. Tuổi Giáp có thể đúng nhưng tuổi Canh thì cần xét lại. Một vấn đề đặt ra là tại sao chỉ đề cập đến cung Tỵ mà thôi? Phải chăng vì tại cung Tỵ thì Lương Mộc sinh cung Hỏa và sinh cho Hao hành Hỏa trong khi tại Hợi thì cung Thủy sinh cho Lương Mộc?

## Phụ Tinh Phú Giải

### TẢ HỮU

Tả Phù, Hữu Bát chung thân phúc hậu (1, TTL, VTL)

Giải: Tả Phù, Hữu Bát nếu gặp nhiều sao tốt đẹp thì suốt đời hưởng phúc, gặp nhiều may mắn, sống lâu

Tả Hữu đồng cung chung thân phúc hậu (2)

Giải: Tả Hữu đồng cung tại Sửu Mùi thì cả đời hưởng phúc, may mắn, sống lâu

Tả Hữu đồng cung, phi la y tử (3, TTL, VTL)

Giải: Tả Hữu đồng cung tại Sửu Mùi, gặp sao sáng sủa, nhất là Khoa Quyền Lộc thì như người mặc áo gấm màu tía, ám chỉ phú quý

Tả Hữu đồng cung, quan cư hầu bá (30)

Giải: Mệnh hay Quan có Tả Hữu đồng cung tại Sửu Mùi thì làm đến Hầu tước hay Bá tước

Tả Hữu đồng cung, thân vô hoạch lự (B62)

Giải: Tả Hữu đồng cung tại Sửu Mùi thì sung sướng, không phải lo nghĩ

Tả Hữu giáp Mệnh vi quý cách (33, TTL, VTL)

Giải: Tả Hữu giáp Mệnh gặp sao sáng sủa hội hợp thì quý hiển, có danh tiếng và hưởng giàu sang hơn người. Mệnh tại Sửu Mùi mới có khả năng có cách giáp Tả Hữu

Giáp Tả giáp Hữu tạo hài lịch khách (32)

Giải: giáp Tả giáp Hữu thì sớm vui chơi với khách giai nhân

Tả, Hữu đơn thủ chiếu Mệnh ly tông thứ xuất (8, TTL, VTL)

Giải: Tả Hữu tọa thủ, xung chiếu, hội chiếu Mệnh thì ly hương

Hữu Bát đơn thủ ư Mệnh cung ly hương thứ xuất (7, B84)

Giải: Mệnh có một sao Hữu Bát tọa thủ thì ly hương

Tả Phù trùng lai ư Mệnh vị, tiên tổ hữu quang (22, B84)

Giải: Tả Phù tại Mệnh thì cha ông được danh thơm

Tả Hữu Tài, Quan hiệp cùng, y lộc phong doanh (VTL)

Giải: cung Tài hay Quan có Tả và Hữu cùng chiếu vào Mệnh thì đời sống đầy đủ

TẢ HỮU VỚI PHỤ TINH

Tả Phù phùng cát tinh bất vi yếu triết (4, B67)

Giải: Tả Phù gặp cát tinh thì không phải là người chết non

Hữu Bật phùng Quả Tú tất đa trường sinh (5, B67)

Giải: Hữu Bật gặp Quả Tú thì sống rất thọ

Mộ phùng Tả Hữu, tôn cư bát tọa chi quý (19, TTL)

Giải: Tả Hữu tại Tứ Mộ Thìn Tuất Sửu Mùi thì tốt hơn các vị trí khác, nếu gặp nhiều sao sáng sủa thì quý hiển

Mộ phùng Tả Hữu đồng lai, thăng quan tiến chức miếu đài nổi danh (31)

Giải: Tả Hữu tại Thìn Tuất Sửu Mùi, ở Mệnh hay Quan thì quyền cao chức trọng

Tả, Hữu, hội Khôi, Việt ư phúc thọ (15, TTL, VTL)

Giải: Tả, Hữu gặp Khôi, Việt thì hưởng phúc sống lâu

Văn Xương Tả Phù vị chí tam thai (TTL)

Giải: Văn Xương đắc địa tọa thủ đồng cung với Tả Phù thì quý hiển

Tả Phù Văn Xương hội cát tinh tôn cư bát tọa (18)

Giải: Tả Phù Văn Xương gặp cát tinh hội hợp thì là hạng văn quan cao cấp

Tả Hữu Văn Xương vị chí tam thai (12, VTL)

Giải: Tả Hữu Văn Xương đồng cung thì sự nghiệp vinh hiển, hưởng giàu sang phúc thọ

Xương Khúc Tả Hữu hội Kinh Đà đương sinh dị chí (TTL)

Giải: Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh Đà thì có nhiều nốt ruồi kín và có nhiều tướng lạ

Tả Hữu Xương Khúc phùng Dương Đà đương sinh ám trí (14) (14)

Giải: Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh Đà thì loạn trí ngơ ngẩn. Cần xét lại câu phú này



Phụ Bát Thiên Phúc đồng viên (đồng cung), ngôi cao chính viện, danh truyền y quan (9)

Giải: Phụ Bát, Thiên Phúc đồng cung thì có quyền cao tiếng tăm khắp nơi

Sao Tả Hữu đồng cung gặp gỡ, Mệnh Đào Hoa trước dở sau nên (11)

Giải: Mệnh Đào Hoa gặp Tả Hữu đồng cung thì trước xấu sau tốt

Phượng Long Tả Hữu Mệnh viên, chung thân phú quý (4)

Giải: Mệnh có Phượng Long Tả Hữu thì cả đời giàu có

Xương Khúc Tả Hữu hội Kinh Đà dương sinh dị chí (TTL)

Giải: Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh hay Đà thì có nhiều nốt ruồi kín và có nhiều tướng lạ

#### TẢ HỮU VỚI CHÍNH TINH

Phụ Bát (Tả Hữu) ái nhập Mộ cung (Thìn Tuất Sửu Mùi), nhược phùng (khi ở Mộ cung mà gặp) Đế tượng (Tử Vi, theo TVT thì là Tử Phủ), Văn đoàn (Cơ Nguyệt Đồng Lương) Võ cách (Sát Phá Liêm Tham), hoạch phát tài danh (17, TTL)

Giải: Tả Hữu tại Thìn Tuất Sửu Mùi rất tốt đẹp, gặp Tử Vi, Cơ Nguyệt Đồng Lương, Sát Phá Liêm Tham thì công danh tài lộc hoạch phát

Tả, Hữu, Trinh (Liêm Trinh) Dương, tạo hình lục

(13, TTL)

Giải: Tả, Hữu gặp Liêm Trinh Kinh Dương thì hay mắc tù tội. Theo TVT thì là Kinh Dương

Tả Hữu Liêm Trinh tạo hình đạo (VTL) (???)

Giải: Tả, Hữu gặp Liêm Trinh thì là phường trộm cắp dễ tù tội. Cần coi lại câu phú này của VTL

Tả (Tả Phù) Phủ (Thiên Phủ) đồng cung, tôn cư vạn thừa (20, TTL)

Giải: Tả Phù Thiên Phủ đồng cung thì giàu sang, nếu ở Tuất càng quý hiển. Theo TVT thì Mệnh phải ở Thìn Tuất

Hữu Bát Thiên Tướng phúc lai lâm (16, TTL)

Giải: Hữu Bát Thiên Tướng tọa thủ đồng cung thì hưởng phúc sống lâu. TTL ghi rằng tại Tỵ Hợi thì hưởng phú quý nhưng không bền, tại Mão Dậu thì ít khi xúng

ý toại lòng

Phụ Bát phòng Thiên Tướng Địch Thị lương y (6)

Giải: Địch Thị là thầy thuốc rất giỏi vì có Phụ Bát gặp Thiên Tướng

Phụ Bát giáp Đế (Tử Vi) phúc lai lâm (21, TTL)

Giải: Tử Vi Phá Quân tại Sửu Mùi có Tả Hữu giáp thì hưởng phúc, có danh giá uy quyền. Chú ý giáp Tả Hữu chỉ có cung Sửu Mùi mới có được

Phụ Bát ngộ Thái Âm nhân (Thái Âm hãm địa), gái làm bà đỡ cứu phòng hộ sinh (10)

Giải: Tả Hữu gặp Thái Âm hãm địa thì làm bà đỡ đẻ

## TẢ HỮU TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

### TẢ HỮU TẠI CÁC CUNG

Phụ Bát ngộ Tài cung, y bái chu tử (hoặc y chu trước tử) (25, B75)

Giải: cung Tài có Tả Hữu thì như mặc áo gấm thêu hoa, chủ sự phú quý vinh hiển. NMB ghi Tả Hữu đắc địa

Tả Hữu Nhật Nguyệt lâm Tử vị (cung Tử) hách trập trập ư trung tư (29, B87)

Giải: Cung Tử Tức có Tả Hữu Nhật Nguyệt thì tuy có sự vui mừng về con cái liên tiếp nhưng trong lòng vẫn phải lo nghĩ

Hữu Bát hội vị Phu cung vi nhân hữu tiện tình (NMB ghi tiểu tình) chi phận (26, B87)

Giải: Cung Phu có Hữu Bát tọa thủ thì là phận vợ bé, vợ thứ

Tả Hữu Xương Khúc ư Thê cung, diễn chân chân ư lân chi (27, B87)

Giải: cung Thê có Tả Hữu Xương Khúc đàn ông có nhiều vợ đẹp hiền lành và học thức. đàn bà có cách này thì chồng phong lưu danh giá. NMB ghi rằng cung Thê gặp thì có nhiều con đẹp dễ hiền lành

Tả Hữu tại Phu cung, vô môi tự giá (28)

Giải: cung Phu có Tả Hữu thì lấy chồng không cần mối lái

## TẢ HỮU TẠI HẠN

**XƯƠNG KHÚC**

Khúc Xương nhập Mệnh những thanh tú nhã chi lang (1)

Giải: Mệnh có Xương Khúc thì là người thanh nhã

Xương Khúc nhập Mệnh, danh quán đương thời (6)

Giải: Mệnh có Xương Khúc thì có danh tiếng ngay từ đời mình

Xương Khúc nhập Mệnh Thân, tài danh quán thế (5, B62)

Giải: Mệnh Thân có Xương Khúc thì văn tài nổi tiếng. NMB ghi là Mệnh Thân có Xương Khúc tại Sửu Mùi

Xương Khúc đồng độ (đồng cung) lý hầu chi nhân (27)

Giải: Xương Khúc đồng cung nếu Mệnh yếu kém thì cũng là lý trưởng, trưởng ấp

Văn Xương Văn Khúc đồng cung, Phong Đỗ liệt trưởng duy chỉ thị (B83)

Giải: Mệnh có Xương Khúc đồng cung thì như Phong Đỗ văn võ toàn tài, kẻ dưới quyền rất đông

Khúc Xương Nữ Mệnh chẳng lành, vườn xuân ong buom bẻ cành bán rao (28)

Giải: Nữ Mệnh có Khúc Xương hãm địa thì có nhiều người ve vãn và bị mang tiếng xấu

Văn Xương tính thanh khiết, tử ích, phu sùng (2, B80)

Giải: Nữ Mệnh có Văn Xương thì tính tình thanh tao trong sạch, vượng phu, ích tử

Văn Quế (Văn Xương) Văn Hoa (Văn Khúc) cửu trùng quý hiển (12, TTL)

Giải: Mệnh có Khúc Xương rất quý hiển nếu đắc địa và gặp nhiều sao sáng sửa hội hợp. TTVT chỉ nói đến vị trí Sửu Mùi

Văn Xương, Văn Khúc vi nhân đa học đa năng (7, TTL)

Giải: Văn Xương Văn Khúc đắc địa tại Thìn Tuất Sửu Mùi là người học rộng, hiểu biết nhiều, và có nhiều tài năng

Dương Quý Phi hảo sắc thị Khúc Xương (3, TTL)

Giải: Dương Quý Phi có nhan sắc vì có Xương Khúc tọa thủ Mệnh

Nữ nhân Xương Khúc thông minh phú quý chỉ đa dâm (4, TTL)

Giải: Nữ Mệnh có Khúc Xương thì thông minh phú quý nhưng đa dâm

Xương Khúc giáp Mệnh tối vi kỳ (49, TTL)

Giải: Mệnh tại Sửu Mùi mới có cách giáp Xương Khúc. Xương Khúc giáp Mệnh thì thông minh, quý hiển và được nhiều người kính trọng quý mến. Theo TVT thì Mệnh an tại Sửu có Văn Khúc ở Tí, Văn Xương ở Dần thì là đệ nhất cách

Xương Khúc giáp chiếu ngộ cát (cát Tinh) hữu duyên (47)

Giải: có Xương Khúc giáp mệnh hay chiếu Mệnh có cát tinh hội hợp thì là người có duyên

Xương Khúc giáp Mệnh, xuất ngoại đa cận quý nhân (50, TTL)

Giải: Xương Khúc giáp Mệnh thì ra ngoài tiếp xúc gần gũi với nhiều quý nhân, quyền quý

Giáp Xương giáp Khúc chủ quý hê (48)

Giải: Xương Khúc giáp Mệnh thì quý hiển

#### XƯƠNG KHÚC VỚI PHỤ TINH

Văn Tinh (Xương Khúc Khôi Việt) củng chiếu, Giả Nghị niên thiếu đăng khoa (8, 38, TTL)

Giải: Mệnh có Xương Khúc Khôi Việt thủ chiếu thì học rộng, trẻ tuổi, đỗ đạt cao. Theo TVT thì Giả Nghị củng Mệnh an tại Sửu có Xương Khúc tại Mùi xung chiếu, Khôi Việt hội hợp nên tuổi trẻ đã thi đỗ cao và sớm hiển đạt

Xương Khúc Lộc Tồn do vi kỳ thị (32, TTL)

Giải: Xương Khúc đắc địa và gặp Lộc Tồn đồng cung thì có nhiều tài năng xuất chúng

Văn Xương Tả Phụ vị chí tam thai (35, TTL)

Giải: Văn Xương đắc địa tọa thủ đồng cung với Tả Phụ thì quý hiển

Nữ Mệnh phùng Xương Riêu nhất sinh dâm dăng (26)

Giải: nữ Mệnh có Xương Riêu tọa thủ đồng cung thì mới sinh ra đã dâm dăng, ý nói tính dâm dăng là bản chất khó sửa

Xương Khúc Tả Hữu hội Dương (Kình Dương) Đà đương sinh dị chí (34, TTL)

Giải: Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh Đà thì có nhiều nốt ruồi kín và có nhiều tướng lạ, dị tướng

Khôi, Việt, Xương, Khúc, Lộc Tồn Hình sát (sát tinh) vô xung, đại phú quý (TTL)  
Giải: có Khôi Việt Xương Khúc Lộc Tồn hội hợp không gặp sát tinh hay Hóa Kỵ Thiên Hình thì phú quý cực độ

Xương Khúc học lực, phùng Tuế Dương thiên tác tụng sư (17, B67)  
Giải: Mệnh có Xương Khúc tọa thủ gặp Thái Tuế Kinh Dương hội hợp thì có tài lý luận, nguy biến, thường là luật sư

Văn Xương phùng Quả Tú, Trương Đế Sư bộ tầm tiên (19, B79)  
Giải: Văn Xương gặp Quả Tú thì giống như Trương Đế Sư là người cô độc, xa lánh việc trần tục đi tìm cõi tiên

Văn Xương Tả Phù vị chí tam thai (TTL)  
Giải: Văn Xương đắc địa tọa thủ đồng cung với Tả Phù thì quý hiển

Tả Phù Văn Xương hội cát tinh tôn cư bát tọa (18)  
Giải: Tả Phù Văn Xương gặp cát tinh hội hợp thì là hạng văn quan cao cấp

Tả Hữu Văn Xương vị chí tam thai (12, VTL)  
Giải: Tả Hữu Văn Xương đồng cung thì sự nghiệp vinh hiển, hưởng giàu sang phúc thọ

Xương Khúc Tả Hữu hội Kinh Đà đương sinh dị chí (TTL)  
Giải: Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh Đà thì có nhiều nốt ruồi kín và có nhiều tướng lạ

Tả Hữu Xương Khúc phùng Dương Đà đương sinh ám trí (14) (14)  
Giải: Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh Đà thì loạn trí ngơ ngẩn. Cần xét lại câu phú này

Việt Khôi Long Phượng Khúc Xương, ngộ Khoa ắt hẳn bề cảnh quế hoa (13)  
Giải: Việt Khôi Long Phượng Khúc Xương mà gặp Khoa thì thi đỗ cao dễ dàng

Xương Khúc Tả Hữu hội Kinh Đà đương sinh dị chí (TTL)  
Giải: Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh hay Đà thì có nhiều nốt ruồi kín và có nhiều

tướng lạ

### XƯƠNG KHÚC VỚI CHÍNH TINH

Xương, Khúc, Liêm Trinh (đồng cung ) ư Ty Hợi vi nhân bất thiện tạo hình (16, TTL)

Giải: Xương hay Khúc đồng cung tại Ty Hợi với Liêm Tham thì là người không lương thiện, hay mắc tai họa tù tội

Xương Khúc Liêm Trinh ư Ty Hợi phùng Hình (Thiên Hình) Bật (Hữu Bật) thiện thả hư khoa (55)

Giải: Liêm Tham Ty Hợi gặp Xương Khúc Thiên Hình, Hữu Bật thì khó đỗ đạt nhưng nếu gặp nhiều cát tinh cứu giải thì cũng có bằng cấp nhưng đường đời gặp nhiều rắc rối

Văn Xương hội Liêm Trinh, chỉ táng Mệnh thiên niên (10, TTL) (10)

Giải: TTL giải rằng Mệnh tại Sửu Mùi Ty Hợi Mão Dậu có Xương Liêm tọa thủ đồng cung không thể sống lâu. Theo TVT riêng người tuổi Tân Mệnh an tại Ty Hợi có Xương Liêm tọa thủ, nếu Thân được Phủ Tướng hội hợp cũng được sống lâu. Chú ý Liêm Tham Ty Hợi, Liêm Sát Sửu Mùi, Liêm Phá Mão Dậu là các bộ sao đồng cung

Xương Khúc Phá Quân phùng, đa lao toái (39, TTL) (39)

Giải: Xương, Khúc đồng cung Phá Quân thì nhiều khổ tâm và hay bị bắt bớ giam cầm, cho dù Xương Khúc đắc hay hãm. Theo TVT thì Mệnh an tại Thìn Tuất Mão Dậu có Xương Khúc Phá Quân tọa thủ gặp Hình Ky đồng cung hay xung chiếu tất phải lao tâm khổ trí suốt đời không xứng ý toại lòng

Xương Khúc lưỡng Phá lâm Hổ Thố (cư Dần Mão, Phá Quân Phá Toái hội hợp), sát (sát tinh) Dương (Kình Dương) xung phá bốn ba (33)

Giải: Xương Khúc tại Dần Mão có Phá Quân Phá Toái hội hợp gặp sát tinh (như Kình Đà Không Kiếp nhất là Kình xung chiếu) thì phải lìa bỏ gia đình bốn tẩu ở phương xa, hay mắc tai họa và không thể sống lâu

Xương Khúc Phá Quân lâm Hổ Thố (cư Dần Mão, Phá Quân đồng cung), sát (sát tinh) Dương (Kình Dương) xung phá bốn ba (TTL)

Giải: Mệnh an tại Dần Mão có Xương, Khúc tọa thủ đồng cung với Phá Quân gặp sát tinh nhất là Kình xung chiếu thì phải lìa bỏ gia đình bốn tẩu ở phương xa, hay mắc tai họa và không thể sống lâu

Xương Khúc Lương tinh (Thiên Lương), vị chí thai cương (TTL)

Giải: TTL giải rằng Mệnh có Xương, Khúc đắc địa tọa thủ gặp Thiên Lương đồng cung hay xung chiếu thì rất quý hiển, tiếng tăm nếu Xương Khúc đắc gặp Lương đồng cung hay xung chiếu

Văn Khúc ngộ Thiên Lương, vị chí thai cương (37)

Giải: TVT giải Văn Khúc gặp Thiên Lương thì rất quý hiển, tiếng tăm, là người có chí khí hiên ngang, cung Mệnh an tại Ngọ gặp Lương Khúc là thượng cách. Mệnh an tại Tý có Lương Khúc là quý cách

Xương Khúc Cơ (Thiên Cơ) Lộc thanh tú, xảo (41, TTL)

Giải: Mệnh có Xương, Khúc đắc địa gặp Cơ, Lộc hội hợp thì xinh đẹp và khéo léo về tay chân

Xương Khúc thủ Thân phùng Cơ (Thiên Cơ) dâm loạn (25)

Giải: Thân có Xương Khúc gặp Thiên Cơ thì dâm loạn

Cơ Lương sảo biến đa tài, ngộ Xương Khúc nhi đa tài mẫn tiệp (66)

Giải: Cơ Lương miếu vượng thì có nhiều tài năng mưu cơ, gặp Xương Khúc thì có nhiều tài năng và cần mẫn

Văn Xương (đắc địa) Vũ Khúc ư Mệnh Thân, văn võ kiêm bị (43, TTL)

Giải: Cung Mệnh Thân có Văn Xương đắc địa gặp Vũ Khúc đồng cung thì văn võ song toàn, uy danh lừng lẫy, giàu sang

Nhị Khúc vượng cung, uy danh hách dịch (45, TTL)

Giải: Khúc đắc địa tọa thủ gặp Vũ đồng cung có uy quyền danh tiếng. Theo TVT thì Vũ Khúc miếu vượng tọa thủ gặp Văn Khúc đồng cung

Văn Khúc Vũ Khúc đồng Mệnh Lý Linh loại tướng tướng chi vinh (43, B83)

Giải: Mệnh có Văn Khúc Vũ Khúc miếu vượng đồng cung thì Lý Linh làm đến tể tướng

Nhị Khúc triều viên phùng Tả Hữu tướng tướng chi tài (44, TTL)

Giải: Mệnh sáng sủa tốt đẹp có Khúc và Vũ hội chiếu, Tả Hữu hội hợp thì tài kiêm văn võ, hiển đạt về võ nghiệp và được phú quý song toàn



Xương Khúc giáp Trì, qui nhi thả hiển (11, TTL)

Giải: Mệnh an tại Sửu Mùi có Âm Dương tọa thủ đồng cung giáp Xương giáp Khúc nên rất tốt đẹp, tất làm nên vinh hiển và hưởng phú quý song toàn

Văn Xương triều Nhật ư Ngọ vị, phong trần địa bộ thể nan nhân (NMB nan mâu) (21, B82)

Giải: Thái Dương và Văn Xương đồng cung tại Ngọ thì là người lịch duyệt trên đời khó ai bì kịp

Xương Khúc hữu Âm Dương nhi đắc lực (23)

Giải: Nhật Nguyệt đắc địa lại thêm Xương Khúc hội hợp thì thật là đắc lực, rất tốt đẹp

Âm Dương hội Xương Khúc xuất thế vinh hoa (5)

Giải: Nhật Nguyệt đắc địa lại thêm Xương Khúc thì vinh hiển

Khúc Xương Nhật Nguyệt Song Long (Thanh Long, Long Đức) tại chung niên vi hành mê sắc Dương Phi (36)

Giải: Dương Phi tài sắc khuynh thành khiến bao khách si tình mê mết vì có Khúc Xương Nhật Nguyệt Thanh Long, Long Đức hội hợp

Khúc Xương hãm Thiên Thương đồ lãng nhãng, Liêm Trinh phùng Văn Quế cánh bốn ba (40)

Giải: Khúc Xương tại cung Nô Bộc thì công danh lận đận, Liêm Trinh gặp Văn Xương thì bốn ba lao khổ

Văn Xương phùng Quả Tú, Trương Đế Sư bộ tâm tiên (19, B79)

Giải: Văn Xương gặp Quả Tú thì giống như Trương Đế Sư là người cô độc, xa lánh việc trần tục đi tìm cõi tiên

#### XƯƠNG KHÚC TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Tỵ Hợi tọa Quế, Hoa (Xương Khúc Tỵ Hợi) phi vinh tặc phú (15, TTL)

Giải: Xương Khúc Tỵ Hợi gặp nhiều sao sáng sủa thì không quý hiển cũng là triệu phú

Xương Khúc Tỵ Hợi lâm, bất quý tức đại phú (14)

Giải: Mệnh sáng sủa có Xương Khúc Tỵ Hợi thì không quý hiển cũng giàu có hạng phú gia địch quốc

Xương Khúc Sửu Mùi, Giáp nhân Dương nữ kiêm phùng Hồng Lộc hiển phụ chi nhân (13, TTL)

Giải: Nữ nhân tuổi Giáp Mệnh Sửu Mùi có Xương Khúc Hồng Lộc thì là người đức độ hiền lành, đáng bậc hiển phụ và hưởng giàu sang trọn đời, rất vượng phú ích tử. Chú ý Tử Phá, Thiên Phủ và Vũ Tham tại Sửu Mùi thì tuổi Giáp có Hóa Lộc thủ hoặc chiếu

Xương Khúc đồng cung (tại Sửu Mùi) Phong Do liệt trưởng duy chỉ thị (22)

Giải: TVT giải rằng Xương Khúc đồng cung tại Sửu Mùi thì văn võ toàn tài, kẻ dưới trưởng rất đông

Xương Khúc lâm ư Sửu tắc cận thiên nhân (9)

Giải: Xương Khúc đồng cung tại Sửu Mùi thì kẻ cận với nguyên thủ, ý nói phò tá nguyên thủ

Văn Xương cư Ngọ ký viết: khôn, đắc thủy diệu chung thành đại khí (18, B75)

Giải: Mệnh an tại Ngọ có Văn Xương là Dương Kim gặp cung Ngọ là Dương Hỏa bị khắc chế, sách viết rằng nguy, nếu được sao thuộc hành Thủy tọa thủ ắt thành đại khí, tất có sự nghiệp lớn lao danh tiếng

### XƯƠNG KHÚC TẠI CÁC CUNG

Xương Khúc cát tinh cư Phúc Đức vị chi ngọc trụ thiên (53)

Giải: Phúc Đức có Xương Khúc hội cát tinh thì ví như cây cột chống trời cứu giải nhiều tai họa và được hưởng phúc sống lâu. TVT giải rằng Phúc tại Ngọ có Tử Vi tọa thủ Khúc Xương ngoại chiếu ví như cây cột chống trời cứu giải nhiều tai họa và được hưởng phúc sống lâu

Xương Khúc hãm cung, huy Sát Phá hư dự chi long (29)

Giải: TVT giải rằng Phúc Đức có Xương Khúc hãm địa tọa thủ gặp sát tinh (như Kinh Đà Không Kiếp) hay Phá Quân Thiên Lương hội hợp thì phúc bạc, suốt đời không được xứng ý toại lòng, phải ly tổ hôn ba mới đủ ăn

Xương Khúc giáp Quan Lộc định tác cao khoa (51, B69)

Giải: cung Quan tại Sửu Mùi giáp Xương giáp Khúc thì đỗ đạt cao

Quế (Văn Xương) Sứ (Thiên Sứ) Hoa (Văn Khúc) Thương (Thiên Thương) tối hiềm giao ngộ mạc phùng sát diệu (sát tinh) đa khổ tai ương (54)

Giải: Văn Xương đi với Thiên Sứ ở cung Tật Ách tức là Truyền Sứ Thần, Văn Khúc đi với Thiên Thương ở cung Nô Bộc là Hư Hao Thần thường đem đến tai ương họa hại nếu gặp Sát tinh thì gây ra đau khổ, tai ương

Văn Khúc hỷ Nguyệt ư Hợi cung, quốc sắc thiên hương nhân sở úy (20, B82)  
Giải: cung Phu Thê an tại Hợi có Thái Âm tọa thủ, Văn Khúc đồng cung nên lấy công chúa hoặc phò mã, ý nói lấy con nhà trâm anh thế phiệt. NMB ghi thêm tại cung Tí

Văn Quế Văn Hoa đới ư Phu Thê thọ như Bành tổ (52, B84)

Giải: Phu Thê an tại Sửu Mùi có Xương Khúc đồng cung hay xung chiếu thì thọ như Bành Tổ

Tam Không hội Văn Xương ư Thê cung, thiềm cung triết quế (B76)

Giải: cung Thê có Văn Xương gặp Tam Không là lấy con nhà danh giá

#### XƯƠNG KHÚC TẠI HẠN

Văn Khúc kị đồng Hóa Kỵ, hạn nan phòng yếu tử chi ưu (24)

Giải: (Văn Khúc và Hóa Kỵ đồng cung thì rất kị, hạn có cách này thì khó thoát chết. Chú ý tuổi Kỵ thì Văn Khúc và Hóa Kỵ luôn luôn đồng cung

Xương Khúc hãm ư Thiên Thương Nhan Hồi yếu triết (30)

Giải: TVT giải rằng Nhan Hồi Mệnh an tại Dần có Kinh Đà Không Kiếp hội hợp, Mệnh Thân Hạn gặp Xương Khúc Thương Sứ Thất Sát Kinh Đà lưu niên nên phải chết non vì Xương Khúc tối kỵ Kinh Đà Không Kiếp hoặc Thương Sứ có học cũng chẳng thành đạt

Xương Khúc Kỵ Tân Nhâm sinh nhân, hạn phùng La Vọng lữ đầu hà (31)

Giải: tuổi Tân hay Nhâm có Xương Khúc Kỵ hội hợp thì đề phòng tai nạn sông nước hoặc đắm đầu xuống sông tự tử

Nhị Khúc Tham Lang Ngọ Sửu, hạn phòng nịch thủy chi ưu (46)

Giải: Hạn đến cung Ngọ hay cung Sửu gặp Tham Vũ Văn Khúc hội hợp thì phải đề phòng tai nạn sông nước

#### KHÔI VIỆT

Khôi Việt phụ tinh vi phúc thọ (18, TTL)

Giải: Khôi Việt là phụ tinh chủ về phúc thọ

Khôi Việt tại Mệnh Thân, vi trưởng tử (1, TTL)

Giải: Khôi Việt tại Mệnh Thân thì là con trưởng hay đoạt trưởng, nghĩa là phải cán đáng gia đình như con trưởng

Khôi Việt nhập Thân ư gia quốc vi nhân trưởng (2, B59)

Giải: Thân có Khôi Việt tọa thủ thì là người tài giỏi, ở trong gia đình hay ra ngoài xã hội đều nắm vai trò quan trọng, là bậc đàn anh đứng đầu. TVT ghi thêm là ở cung Mệnh cũng vậy

Khôi Việt Mệnh Thân, đa chiết quế (5, TTL)

Giải: Mệnh Thân có Khôi Việt thì bề cảnh quế, ý nói thì đồ cao

Khôi Việt, cái thể văn chương (6, TTL)

Giải: TTL giả rằng Mệnh có Khôi Việt gặp sao sáng sủa nhất là Văn Tinh như Xương Khúc Khoa Tuế Tấu thì văn tài lỗi lạc xuất chúng

Khôi Việt đồng hành vị cư thai phụ (8)

Giải: Khôi Việt đồng hành (có đủ bộ) thì phú quý

Khôi Tinh giáp Mệnh vi kỳ cách (TTL)

Giải: giáp Khôi Việt cách lạ lòng khó gặp, hiển đạt. Mệnh an tại Thìn Tuất mới có cách giáp Khôi Việt và chỉ có các tuổi Bính Đinh Nhâm Quý mới có khả năng có cách giáp này

Khôi Việt giáp Mệnh vi kỳ cách (25, TTL)

Giải: Khôi Việt giáp Mệnh thì thông minh, hiển đạt. Mệnh an tại Thìn Tuất mới có cách giáp Khôi Việt)

Giáp Quý (Khôi, Việt) giáp Lộc thiếu nhân tri (26, TTL)

Giải: ít ai biết cách giáp Khôi Việt, giáp Lộc tốt đẹp này, quý hiển giàu có

Khôi Tinh lâm Mệnh, vị chí tam thai (6, TTL)

Giải: Mệnh có Khôi gặp nhiều sao sáng sủa thì quý hiển. Theo TVT thì Mệnh an tại Ngọ có Khôi Việt Xương Khúc gặp Tử Vi đồng cung, người tuổi Tân là thượng cách

Khôi Việt đối chiếu, Giả Nghị niên thiếu đăng khoa (3, B77)

Giải: Giả Nghị tuổi nhỏ đã thi đỗ cao vì có Khôi Việt một sao thủ, một chiếu

### KHÔI VIỆT VỚI PHỤ TINH

Tọa Quý Hướng Quý chẳng phùng Không xứ, gặp Khoa thời nhất cử thành danh (4)

Giải: Khôi Việt một sao thủ, một chiếu lại gặp Hóa Khoa và không bị Tuần Triệt án ngữ hoặc Thiên Không, Địa Không thì chỉ một lần đi thi đã công thành danh toại

Khôi, Việt, Xương, Khúc, Lộc Tồn phùng, Hình Sát vô xung, đại phú quý ( 9, 16, TTL)

Giải: có Khôi Việt Xương Khúc Lộc Tồn không gặp Sát tinh hay Hóa Kỵ, Thiên Hình thì phú quý cực độ

Việt Khôi Quyền Lộc trong ngoài, trưởng nam trưởng nữ gái trai đồng bàn (là trưởng nam, trưởng nữ) (13)

Giải:

Việt Khôi Long Phượng Khúc Xương, ngộ Khoa ắt hẳn bề càn quế hoa (13)

Giải: Việt Khôi Long Phượng Khúc Xương mà gặp Khoa thì thi đỗ cao dễ dàng

Sao Quan, Phúc cùng Khôi Tinh, lâm chung Thân Mệnh đề danh bảng rồng (10)

Giải: Mệnh Thân có Khôi Việt tọa thủ gặp Thiên Quan, Thiên Phúc thì thi đỗ cao

Khôi Việt khoa mục chẳng sai (có khoa bảng), Khôi huynh Việt đệ có tài trong kinh (14)

Giải: Mệnh có Khôi Việt thì có tài năng, có Khôi thì là trưởng, Việt thì là thứ. TVT giải rằng cung Huynh Đệ có Khôi Việt thì có anh em làm nên danh giá

Khôi Việt trùng phùng sát, cô tật ưu đa (17, TTL)

Giải: Khôi Việt gặp sát tinh thì có nhiều bệnh tật đem đến lo lắng

Khôi Việt văn khoa (là sao Văn Tinh khoa bảng) ngộ Đà Kỵ thiên vi dật sĩ (19, B67)

Giải: Khôi Việt Đà Kỵ thì tài giỏi nhưng không gặp thời, thường là ẩn sĩ

Tả, Hữu, hội Khôi, Việt ư phúc thọ (15, TTL, VTL)

Giải: Tả, Hữu gặp Khôi, Việt thì hưởng phúc sống lâu

Văn Tinh (Xương Khúc Khôi Việt) củng chiếu, Giả Nghị niên thiếu đăng khoa (8, 38, TTL)

Giải: Mệnh có Xương Khúc Khôi Việt thủ chiếu thì học rộng, trẻ tuổi, đỗ đạt cao. Theo TVT thì Giả Nghị củng Mệnh an tại Sửu có Xương Khúc tại Mùi xung chiếu, Khôi Việt hội hợp nên tuổi trẻ đã thi đỗ cao và sớm hiển đạt

Khôi, Việt, Xương, Khúc, Lộc Tồn Hình sát (sát tinh) vô xung, đại phú quý (TTL)  
Giải: có Khôi Việt Xương Khúc Lộc Tồn hội hợp không gặp sát tinh hay Hóa Ky Thiên Hình thì phú quý cực độ

### **KHÔI VIỆT VỚI CHÍNH TINH**

Việt Khôi Lương (Thiên Lương) Tướng (Thiên Tướng) quý trung, ắt là cháu giống con giồng chẳng sai (15)

Giải: Mệnh Thân có Khôi Việt Thiên Lương, Thiên Tướng hội hợp là con nhà danh giá vọng tộc

Nhật Nguyệt phản bói hà vọng thanh quang, tối hỉ ngoại triều Khôi Việt (B66)  
Giải: Nhật Nguyệt hãm địa là phản bói, không được sáng, nếu gặp được Khôi Việt chiếu thì lại là tốt

### **KHÔI VIỆT TẠI VI TRI 12 CUNG**

Ngọc hành hắc chí nhỏ to, Thiên Khôi cư Tí thủ hồ Mệnh viên (11)

Giải: Mệnh tại Tí có Thiên Khôi thì ngọc hành có nốt ruồi. Tuổi Ất, Kỷ có cách này

### **KHÔI VIỆT TẠI CÁC CUNG**

Quý Tinh Quý hương phùng chi quý thịnh (20)

Giải: Quan Lộc có Khôi Việt tọa thủ thì công danh thịnh đạt lâu bền

Khôi Việt lưu Tật Ách Giáng Quân vô văn (21)

Giải: Tật Ách có Khôi Việt thì như Giáng Quân không biết về chữ nghĩa, dốt nát

Khôi ngộ Ky trên đầu có tật, Vượng (Đế Vượng) ngộ Khôi thất lâm nốt ruồi (22)

Giải: Khôi gặp Kỵ thì đầu có tật, Đế Vương gặp Khôi thì có nốt ruồi trên đầu.  
TVT ghi ở tại cung Tật

Cung Tử Tức trong ngoài Khôi Việt, hạn sinh người hào kiệt khoa danh (23)

Giải: Cung Tử Tức có Khôi Việt thủ chiếu thì sinh con có khoa bảng

Lưỡng Quý (Khôi Việt) phùng Tử Vi Đoài Chấn (ở Mão Dậu, ất sinh con cầu tự chẳng sai (24)

Giải: Cung Tử Tức có Khôi Việt ở Mão Dậu thì có con cầu tự

### KHÔI VIỆT TẠI HẠN

#### LONG PHƯỢNG

Nữ Mệnh Long Trì Phượng Cát ôn lương (1)

Giải: Nữ Mệnh có Long Trì, Phượng Cát thì hiền lành, ôn hòa)

Nữ Mệnh Long Trì, Phượng Các thủ, đắc quý nhân chí tôn phối ngẫu (3)

Giải: Nữ Mệnh có Long Trì, Phượng Cát thì lấy được chồng sang và có danh giá

Mệnh Quan nhi giáp Phượng Long thanh danh sung ái (11)

Giải: Mệnh Quan giáp Phượng Long thì có tiếng tăm và được nhiều người mến chuộng. Chỉ có cung Sửu Mùi mới có cách giáp này

#### LONG PHƯỢNG VỚI PHỤ TINH

-----

Phượng Long nhan sắc khuynh thành, gia Hình (Thiên Hình) mặt ấy lại thành rỗ hoa (2)

Giải: Mệnh có Long Trì, Phượng Cát thì có nhan sắc nhưng gặp Thiên Hình thì mặt lại bị rỗ hoa

Phượng Long Tả Hữu Mệnh viên, chung thân phú quý (4)

Giải: Mệnh có Phượng Long Tả Hữu thì cả đời giàu có

Phượng Các quan giai, tu Khốc Hư nhi ba thiên hữu hoạn (B68)

Giải: Phượng Các gặp Khốc Hư thì có nhiều hoạn nạn. Chú ý Phượng Cát và Thiên Khốc luôn luôn tam hợp chiếu. Phượng Các tại Tỵ Hợi, Tí Ngọ, Dần Thân, Thìn Tuất thì gặp Khốc Hư cả bộ. Câu phú này cần xét lại



Việt Khôi Long Phượng Khúc Xương, ngộ Khoa ất hửn bẻ càn quế hoa (13)  
 Giải: Việt Khôi Long Phượng Khúc Xương mà gặp Khoa thì thi đỗ cao dễ dàng

Hỏa Linh Trì (Long Trì) Mộc (Mộc Dục) sáng soi, lánh mình lửa cháy, nước sôi chỗ gần (8)

Giải: Hạn gặp Hỏa Linh, Long Trì, Mộc Dục thì đề phòng lửa và nước sôi

Phượng Các quan giai, tu Khốc Hư nhi ba thiên hữu hoạn (B68)

Giải: Phượng Các gặp Khốc Hư thì có nhiều hoạn nạn. Chú ý Phượng Các và Thiên Khốc luôn luôn tam hợp chiếu. Phượng Các tại Tỵ Hợi, Tí Ngọ, Dần Thân, Thìn Tuất thì gặp Khốc Hư cả bộ. Câu phú này cần xét lại

### LONG PHƯỢNG VỚI CHÍNH TINH

Long Trì khoa đệ, yểm Nhật Nguyệt nhi tử tức (hay tử trệ) kham ưu (5, B68)

Giải: Mệnh có Nhật Nguyệt hãm địa tọa thủ gặp Long Trì thì đường khoa danh khó thành mà chỉ đem lại buồn rầu. TVT ghi ở cung Quan cũng vậy. Cần coi lại câu phú này

### LONG PHƯỢNG TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Phượng Long Mão Dậu đôi miền, vượng thì kim bảng chiếm tên ở đầu (6)

Giải: Mệnh có chính tinh miếu vượng tọa thủ gặp Long Phượng thì đi thi tất đỗ cao. Chú ý tuổi Mão thì Long Phượng đồng cung tại Mùi, và tuổi Dậu thì đồng cung tại Sửu. Tuổi Sửu Mùi thì Phượng Các tại Dậu Mão và tuổi Tỵ Hợi thì có Long Trì tại Dậu Mão. Các vị trí trên đều có Tứ Linh (Long Phượng Hổ Cáo) chủ may mắn về công danh

Phượng Long Mão Dậu số ai, trước sau vinh hiển trong ngoài nổi danh (7)

Giải: tuổi Mão Dậu hoặc Long Phượng tại Mão Dậu thì vinh hiển. Cần Mệnh sáng sủa

### LONG PHƯỢNG TẠI CÁC CUNG

Long Phượng giáp Quan thân cư cầm thiết (8, B59)

Giải: cung Quan giáp Long giáp Phượng, nếu cung Mệnh cung sáng sủa tốt đẹp thì làm quan to. Theo NMB thì người tuổi Thân có cách này thì làm quan lớn

Phượng hàm Thụ (Tấu Thụ) nhi phùng Nhật Nguyệt Tam Kỳ lai nhập Tứ Sinh, Nam tất uy ba quyền danh, Nữ tất danh đăng xướng vũ (10)

Giải: cung Tử Tức có Phượng Các Tấu Thụ Nhật Nguyệt và Khoa Quyền Lộc hội hợp tất sinh con quý tử, con trai có quyền uy hiển hách, con gái thì là ca sĩ nổi danh

Long Trì Phượng Cát gồm hai, Đoài Long Phụ Bất mấy ai một chồng (9)

Giải: Phu Quân an tại Dậu có Long Phượng Tả Hữu thì hai ba đời chồng

### LONG PHƯỢNG TẠI HẠN

#### ĐÀO HỒNG

Đào Hoa thủ Mệnh quả thê (7)

Giải: Mệnh Đào Hoa thì ít khi ở với vợ, để vợ cô đơn chiếc bóng, và thường phải hai đời vợ

Nữ tử Hồng Loan thủ Mệnh chủ nhị phu (8)

Giải: Hồng Loan thủ Nữ Mệnh thì hai đời chồng

#### ĐÀO HỒNG VỚI PHỤ TINH

Mệnh trung Hồng ngộ Kiếp Không, mạc đàm phú quý (3, B69)

Giải: Mệnh Hồng Loan gặp Không Kiếp thì không thể phú quý được

Hồng Loan ngộ Kiếp Không đồng thủ (đồng cung), xá bàn chi bản lữ yếu vong (9)

Giải: Mệnh Hồng Loan gặp Không, Kiếp đồng cung thì không chết non cũng nghèo hèn)

Nhan Hối yếu tử do hữu Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ Mệnh (19)

Giải: Mệnh có Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ chiếu thì chết non

Lãng lý Đào xa gia Địa Kiếp, tam canh giai tượng ư giai nhi (5)

Giải: Mệnh có Đào Hoa tọa thủ thêm Địa Kiếp thì là người chơi bời suốt đêm mơ tưởng đến người đẹp

Đào Hoa ngộ Phi Liêm, Nguyễn Tịch Tấn triều nhi túy khách (6, B86)

Giải: Nguyễn Tịch đời nhà Tấn lúc nào cũng rượi chè say sưa vì Mệnh có Đào Hoa gặp Phi Liêm

Đào Tang (Tang Môn) ở Mệnh cung sau trước, gái lẳng lơ nhờ bước cầu ô (10)  
Giải: Mệnh có Đào Hoa Tang Môn hội hợp thì trước sau là gái lẳng lơ và lận đận về tình duyên. TVT giải mệnh có Đào Hoa Tang Môn hội hợp thì trước sau là gái lẳng lơ kén chồng. Giải thích như vậy thì sai vì Đào Hoa và Tang Môn không bao giờ hội hợp nhau, chỉ có tuổi Tỵ Hợi thì Đào Hoa và Tang Môn nhị hợp và chỉ có tuổi Dần Thân Tỵ Hợi thì có Tang Môn đứng trước Đào Hoa theo chiều thuận. Không có vị trí nào mà Đào Hoa và Tang Môn đứng cách nhau một cung cả. Câu phú này cần xét lại

Đào Riêu số gái ai hay, chồng ra khỏi cửa giắt tay trai vào (11)  
Giải: Đào Riêu đồng cung thì rất lẳng lơ dâm dăng, lẳng lơ, ngoại tình

Đào Hồng Thai Hỉ (Thiên Hỉ) trong soi, ngoài gia Binh Tướng (Tướng Quân) gái trai ngang tàng (17)  
Giải: Đào Hồng Thai Hỉ (Thiên Hỉ) gặp Tướng Quân thì trai gái nguyệt hoa bừa bãi

Thai Tinh (sao Thai) mà gặp Đào Hoa, tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng (28)  
Giải: Phu Thê có Thai Đào tọa thủ thì vợ chồng đi lại ăn ở với nhau rồi mới lấy nhau

Hồng Loan Tấu (Tấu Thư) Hỉ (Thiên Hỉ) Vũ (Vũ Khúc) Đào (Đào Hoa), những phường ca xướng tiến vào cửa quan (12)  
Giải: Hồng Loan, Tấu Thư, Hỉ (Thiên Hỉ), Vũ Khúc, Đào Hoa hội hợp thì là người ca xướng múa hát giỏi

Khéo nghề kim chỉ vá may, Đào Hồng Tấu Vũ ở đầy Mệnh cung (13)  
Giải: Mệnh có Đào Hồng Tấu Vũ thì khéo về kim chỉ vá may

Thiên Nguyệt Đức ngộ Đào Tinh, trai sinh gái đẹp vợ lành chồng sang (15)  
Giải: Thiên Nguyệt Đức gặp Đào Hoa thì là người xinh đẹp, lấy được vợ hiền chồng sang. TVT ghi Đào Hoa hay Tham Lang miếu vượng vì Tham Lang cùng là Đào Hoa tinh. Chú ý không có tuổi nào mà Thiên Đức Nguyệt Đức Đào Hoa đồng cung với nhau, do đó cần một thủ đồng cung, một chiếu. Tuổi Tí Ngọ, Mão Dậu thì có Phúc Đức Thiên Đức đồng cung có Nguyệt Đức chiếu, tuổi Sửu Mùi Thìn Tuất thì Đào đồng cung với Nguyệt Đức và có Phúc Đức Thiên Đức chiếu.

Hồng Loan may vá cửa canh, hiềm phùng Binh Tướng ắt sinh tai nạn (18)

Giải: Mệnh có Hồng Loan thì khéo về nghề thêu may, gặp Phục Binh, Tướng Quân thì dễ bị tai nạn, chủ yếu về trinh tiết

Đào Hồng cung Thiên Hình đồng hội, gái tiết trinh hiềm nội tề gia (20)

Giải: Mệnh Đào hay Hồng mà có Thiên Hình đồng cung thì có tiết hạnh, tề gia nội trợ

Thân hữu Hồng Đào kiêm Thai Tọa nhi công danh khả tất (22, B68)

Giải: Thân có Hồng Đào gặp Thai Tọa thì có công danh, theo TVT nhưng muộn màng mới có

Sao Tả Hữu đồng cung gặp gỡ, Mệnh Đào Hoa trước dở sau nên (11)

Giải: Mệnh Đào Hoa gặp Tả Hữu đồng cung thì trước xấu sau tốt

Nhan Hôi yếu tử (chết yếu) do hữu (do có) Kiếp Không Đào Hồng Đà Linh thủ Mệnh (8, TTL)

Giải: Nhan Hôi chết yếu do Mệnh có Kiếp Không Đào Hồng Đà Linh

Mệnh Kiếp Thân không nhi giao Hồng Nhận (gặp Hồng Loan và Kinh Dương) ư tuế Mệnh lạc chính tinh tiền đồ đa khô (tiền vận vất vả) nhi hữu Âm Dương Đế diệu Mệnh Thân (nhưng nếu được Nhật Nguyệt hay Tử Phủ hội hợp), chung niên phúc hoạnh sinh tài (20)

Giải: Mệnh Kiếp Thân không gặp Hồng Loan và Kinh Dương, nếu Mệnh có chính tinh thì tiền vận vất vả, nhưng nếu được Nhật Nguyệt hay Tử Phủ hội hợp thì suốt đời được hưởng phúc giàu sang hơn người

Lãng lý Đào Hoa gia Địa Kiếp, tam canh khai tượng ư giai nhi (B83)

Giải: Đào Hoa gia Địa Kiếp là người chơi bời suốt đêm tưởng nhớ đến người đẹp

Đào Hồng Thai Hỉ (Thiên Hỉ) trong soi, ngoài gia Binh Tướng (Tướng Quân) gái trai ngang tàng (17)

Giải: Đào Hồng Thai Hỉ (Thiên Hỉ) gặp Tướng Quân thì trai gái nguyệt hoa bừa bãi

Thai Tinh (sao Thai) mà gặp Đào Hoa, tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng (28)

Giải: Phu Thê có Thai Đào tọa thủ thì vợ chồng đi lại ăn ở với nhau rồi mới lấy nhau

Nữ Mệnh Thai Đào phùng Kiếp (Kiếp Sát) gián đoạn tử cung (tại cung Tử Tức thì hiếm con) (4)

Giải: TVT giải rằng nữ Mệnh có Thai Đào gặp Kiếp Sát thì hiếm con

Thai phùng Đào Hỉ vận này, vợ chồng mừng đã đến ngày nở hoa (hạn sanh con) (12)

Giải: hạn có Thai phùng Đào Hỉ thì có con. Theo TVT thì Hỉ là Thiên Hỉ

### **ĐÀO HỒNG VỚI CHÍNH TINH**

Mệnh cư Đào Hỉ (Thiên Hỉ) hướng Tử Dương nhi phú quý kham kỳ (2, B68)

Giải: Mệnh có Đào Hỉ Tử Vi hay Thái Dương hội hợp thì giàu sang. NMB ghi

Mệnh có Đào Hỉ có Tử Dương chiếu thì giàu sang

Đào Hồng ngộ Thiên Cơ, Doãn Vi sảo họa (4, B70)

Giải: Mệnh Đào Hồng gặp Thiên Cơ thì vẽ rất đẹp như Doãn Vi là họa sĩ tài ba

Hồng Khôi Xương Liêm phù trì, sân rồng dâng trước, trong thì danh cao (14)

Giải: Mệnh có Liêm Trinh tọa thủ gặp Hồng Loan, Thiên Khôi, Văn Xương hội hợp thì là mưu sĩ được trọng dụng và rất nổi danh

### **ĐÀO HỒNG TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG**

Hồng Loan cư Tí (như vậy thì là tuổi Mão), thiếu niên định chiếm khôi nguyên (1, B57)

Giải: Mệnh hay Thân an tại Tí có Hồng Loan thì tuổi nhỏ đã đỗ đạt cao

### **ĐÀO HỒNG TẠI CÁC CUNG**

Đào Hoa cư Quan tảo tuế (nhỏ tuổi) đắc quan hành chính (21, B57)

Giải: Đào Hoa cư Quan thì làm quan sớm, hiển đạt sớm, được vua tin dùng

Quan cung hỷ ngộ Hồng Đào, Thiên Di tối kỵ Kiếp Không lâm vào (23)

Giải: Đào Hồng cư Quan gặp may mắn trên quan trường, Thiên Di gặp Kiếp Không thì gặp tai nạn khi ra ngoài

Vợ chồng viễn phối tha hương (ly hương mà lập gia đình) Đào Hồng len lỏi vào làng Thiên Di (29)

Giải: Thiên Di gặp Đào Hồng thì ly hương mà lập gia đình

Hồng Loan cư Thê tiền khắc (21)

Giải: cung Thê có Hồng Loan thì khắc vợ trước

Sở ai giả Hồng Loan tứ vượng liệt phu quân chi vị (25)

Giải: Phu Quân tại Thìn Tuất Sửu Mùi có Hồng Loan thì số khóc chồng

Hồng Loan ngộ Kỵ Phu cung, tở hồng đã đứt, má hồng còn ưa (30)

Giải: Phu có Đào Hoa Hóa Kỵ thì vợ chồng có phen bỏ nhau đi lấy người khác

Đào Hoa phùng Thiên Mã, túng khách vô môi (26)

Giải: Phu Thê có Đào Hoa Thiên Mã thì không cần mối lái cũng lấy được nhau

Hồng Loan phùng Địa Kiếp ư Phu Quân, Mệnh hảo chi bách, bất hảo chi thập (27)

Giải: Phu có Hồng Loan Địa Kiếp, Mệnh tốt thì ăn ở với nhau đến 100 tuổi, Mệnh xấu thì chỉ ăn ở với nhau được 10 năm

#### ĐÀO HỒNG TẠI HẠN

Mệnh Đào Thân lại Hồng Loan, vận phùng Thái Tuế, khả hoàn thấy chi (16)

Giải: Mệnh Đào Thân Hồng hạn có Thái Tuế thì không có ai lai vãng

Hạn phùng Riêu Hỉ Đào Hồng, gái trai tở tượng những lòng dâm phong Giải: Hạn gặp Riêu Hỉ Đào Hồng thì hay nghĩ đến chuyện xác thịt làm tình

#### THAI TỌA

Giáp Bát Tọa giáp Tam Thai, thiếu niên sớm dự các đài nghênh ngang (4)

Giải: Mệnh giáp Tam Thai giáp Bát Tọa thì tuổi trẻ đã thi đỗ cao. TVT giải rằng tuổi trẻ đã có nhà cửa nguy nga. Mệnh phải ở Sửu Mùi mới có cách này

Giáp Thai giáp Tọa danh phận tạo vinh (5, B70)

Giải: Mệnh giáp Tam Thai giáp Bát Tọa thì nhỏ tuổi đã có công danh

#### THAI TỌA VỚI PHỤ TINH

Mộ chung (trung) Thai Tọa, văn mô vũ lược kim ưu (1, B60)

Giải: Mệnh có sao Mộ tọa thủ gặp Thai Tọa đồng cung thì văn võ song toàn. NMB ghi rằng ở Thân cũng vậy. Chú ý Thai Tọa chỉ đồng cung ở Sửu Mùi

Thai Tọa Phong Cáo hiển âm thừa quang (2)

Giải: Thai Tọa Phong Cáo tọa thủ đồng cung thì hưởng phúc đức của tổ phụ

Thân hữu Hồng Đào kiêm Thai Tọa nhi công danh khả tất (22, B68)

Giải: Thân có Hồng Đào gặp Thai Tọa thì có công danh, theo TVT nhưng muộn màng mới có

Thiên Mã ngộ Tam Thai anh hùng vô đối (3, B69)

Giải: Thiên Mã gặp Tam Thai thì là anh hùng không có đối thủ, vô địch

### THAI TỌA VỚI CHÍNH TINH

Bát Tọa hướng Dương thị tưng ư cung cấm (3, B81)

Giải: NMB giải rằng Mệnh có Thái Dương gặp Bát Tọa tọa thủ đồng cung được khen ngợi nơi cung . TVT ghi rằng cấm là người phục dịch nơi cung cấm

### THAI TỌA TẠI 12 CUNG VỊ TRÍ

#### THAI TỌA TẠI CÁC CUNG

Tam Thai hội hợp cùng cát diệu, thời một phen dưỡng dục nên người (6)

Giải: Tử tức có Tam Thai và nhiều cát tinh hội chiếu thì có con tài giỏi, thanh danh

#### THAI TỌA TẠI HẠN

### QUANG QUÍ

#### QUANG QUÍ VỚI PHỤ TINH

Ngộ Hình gặp Quý dâm dậu, cùng là Tử Phủ một màu chính chuyên (4)

Giải: Mệnh có Hình gặp Quý (TVT cho là Thiên Quý )hay có Tử, Phủ đồng cung thì là người chính chuyên đứng đắn

#### QUANG QUÍ VỚI CHÍNH TINH

Ấn Khôi Quý Việt Liêm Hồng, trai cận cử tròng gái tác cung phi (9)

Giải: Mệnh có Ấn Khôi Quý Việt Liêm Hồng thì trai làm đến công khanh, gái là vợ vua chúa



**QUANG QUÍ TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG**

Sửu Mùi Ân Quý tương phùng, tam sinh hữu hạnh (8, B70)

Giải: Mệnh có Ân Quang Thiên Quý đồng cung tại Sửu Mùi thì gặp nhiều may mắn

**QUANG QUÍ TẠI CÁC CUNG**

Quý Ân ngộ Đào Hồng Điền Trạch, cô dì lưu tài bạch ruộng nương (11)

Giải: Điền Trạch có Ân Quang Thiên Quý gặp Đào Hồng thì kế thừa tài sản tiền bạc của cô dì

**QUANG QUÍ TẠI HẠN**

Quý Ân Sửu Mùi hạn lưu, đường mây nhẹ bước danh cao bằng rộng (10)

Giải: Hạn có Ân Quang Thiên Quý đồng cung tại Sửu Mùi thì đỗ cao và ra làm quan dễ dàng

**THAI CÁO**

Phong Cáo Thai Tọa hiển ám thừa quang (B62)

Giải: Mệnh có sao Phong Cáo Thai Tọa thì được hưởng phúc đức của tổ phụ

**THAI CÁO VỚI PHỤ TINH**

Thai Tọa Phong Cáo hiển ám thừa quang (2)

Giải: Thai Tọa Phong Cáo tọa thủ đồng cung thì hưởng phúc đức của tổ phụ

**THAI CÁO VỚI CHÍNH TINH**

Phụ Cáo ái giao Ân Tướng ố kị Cự Đồng nhi ngộ Khôi Xương cử khoa ngao đầu tác chiến (29)

Giải: Thai Phụ, Phong Cáo rất cần gặp Ân Tướng rất kỵ gặp Cự Đồng nếu được Khôi Xương hội hợp đi thi thì đỗ đầu

**THAI CÁO TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG****THAI CÁO TẠI CÁC CUNG****THAI CÁO TẠI HẠN****QUAN PHÚC**

Quý nhân bất nhập Quý hương nan giải hung tinh chi hoạch nhiều (17)

Giải: Mệnh Thân có hung tinh quấy nhiễu nếu không có Thiên Quan, Thiên Phúc quý nhân hội hợp tất không giải trừ được tai ương họa hại

Phụ Bát Thiên Phúc đồng viên (đồng cung), ngôi cao chính viện, danh truyền y quan (9)

Giải: Phụ Bát, Thiên Phúc đồng cung thì có quyền cao tiếng tăm khắp nơi

Sao Quan, Phúc cùng Khôi Tinh, lâm chung Thân Mệnh đề danh bảng rồng (10)

Giải: Mệnh Thân có Khôi Việt tọa thủ gặp Thiên Quan, Thiên Phúc thì thi đỗ cao

Thiên Nguyệt Đức Giải Thần tàng, cùng là Quan Phúc một làng trừ hung (19)

Giải: Thiên Đức, Nguyệt Đức, Giải Thần, Thiên Quan, Thiên Phúc đều là các sao giải họa

## QUAN PHÚC VỚI PHỤ TINH

## QUAN PHÚC VỚI CHÍNH TINH

## QUAN PHÚC TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

## QUAN PHÚC TẠI CÁC CUNG

## QUAN PHÚC TẠI HẠN

## HỎA LINH

Linh Hỏa miếu vi nhân đại đờm (2)

Giải: TVT giải rằng Linh Hỏa miếu thì là người can đảm dũng mãnh có chí khí hiên ngang, tuổi Dần Mão Tí Ngọ có cách này gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp thì làm nên vinh hiển, giàu sang và thường hoạnh phát về võ nghiệp

Hỏa Linh vượng cung diệc vi phúc luận (1)

Giải: TVT giải rằng cung Mệnh có Hỏa, Linh đắc địa thì can đảm, dũng mãnh. Tuổi Dần Mão Tí Ngọ có Hỏa Linh đắc địa tọa thủ đồng cung hoặc một tọa thủ, một chiếu là thượng cách, nếu được nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp thì được hưởng phúc sống lâu, giàu sang trọn đời

Hỏa Linh chuyên tác họa (TTL)

Giải: Hỏa Linh hãm địa thì xấu, gây ra sự chẳng lành, nhưng đắc địa thì không

đáng lo ngại

Hỏa Linh tương ngộ (hội hợp), đa trần chư bang (6, TTL)

Giải: Hỏa Linh cần phải đắc địa thì tài ba xuất chúng, thường hiển đạt về võ nghiệp, có uy quyền danh tiếng)

Hỏa Linh giáp Mệnh vi bại cục (18, TTL)

Giải: Hỏa Linh giáp Mệnh thì xấu, thường phải lang thang bốn tẩu phương xa, cuộc đời không được xứng ý toại lòng

### HỎA LINH VỚI PHỤ TINH

Hỏa Linh Kinh Dương vi hạ cách (TTL)

Giải: Mệnh có Hỏa Linh Kinh hội hợp thì hạ cách, công danh trắc trở, tiền bạc thiếu thốn và hay mắc tai nạn. Cần hãm địa

Linh phùng Mã, nhi ngộ Kinh Đà, hữu tật tứ chi (TTL)

Giải: Mệnh có Linh Mã gặp Kinh hay Đà thì chân tay bị tàn tật. Theo TTL thì Linh Mã cần đồng cung

Hỏa Tinh Linh Tinh chuyên tác họa, ngộ Kiếp Không Thiên Sứ họa trùng phùng (12)

Giải: Hỏa Linh gặp Kiếp Không Thiên Sứ thì họa đến liên miên

Nhan Hôi yếu tử do hữu Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ Mệnh (19)

Giải: Mệnh có Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ chiếu thì chết non

Kinh Đà Hỏa Linh hội hợp phùng cát phát tài, hung tác kỵ (18, TTL)

Giải: Mệnh có Kinh Đà Hỏa Linh hội hợp nếu gặp nhiều sao sáng sủa thì có tài lộc, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa thì cùng khổ, hoặc mắc tai họa mà chết thảm thương

Kinh Dương Hỏa Tinh uy quyền xuất chúng, đồng hành Tham Vũ uy yểm (uy áp) biên di (42, TTL, B75)

Giải: Mệnh an tại Tứ Mộ có Kinh Dương Hỏa Tinh tọa thủ đồng cung thì có uy quyền hiển hách, nếu lại gặp thêm Tham, Vũ đồng cung thì danh tiếng lừng lẫy khiến quân giặc ở biên cương phải khiếp sợ. Theo NMB thì Kinh gặp Hỏa miêu

vượng

Dương (Kình Dương) Hỏa đồng cung, oai quyền áp chúng (16)

Giải: TVT giải rằng Mệnh có Kình Dương Hỏa Tinh tọa thủ đồng cung thì có uy quyền khiến mọi người nể sợ, tuổi Thìn Tuất là thượng cách, tuổi Sửu Mùi là thứ cách

Kình, Đà, Linh, Hỏa thủ Thân Mệnh, yêu đà bối khúc chi nhân (17, TTL)

Giải: Mệnh có Kình, Đà, Linh, Hỏa thì có tật tại lưng hay bị gù lưng, nếu các sao trên lại hãm địa thì suốt đời cùng khổ cô đơn, hoặc bị chết một cách thê thảm

Kình Dương Hỏa Linh vi hạ cách (24)

Giải: Kình Dương Hỏa Linh hãm địa thì rất xấu. TVT giải rằng Mệnh mờ ám xấu xa lại gặp Kình Linh tọa thủ thì cuộc đời khổ sở, nghèo khổ, không thể quý hiển, nhất là nữ giới tối kỵ cách này

Đà La Địa Kiếp (hãm) chiếu phương, Linh Tinh lại gặp bất tường chẳng sai (12)

Giải: có Đà La Địa Kiếp hãm hội hợp mà còn gặp Linh Tinh thì rất xấu

Nhan Hôi yếu tử (chết yếu) do hữu (do có) Kiếp Không Đào Hồng Đà Linh thủ Mệnh (8, TTL)

Giải: Nhan Hôi chết yếu do Mệnh có Kiếp Không Đào Hồng Đà Linh

### HỎA LINH VỚI CHÍNH TINH

Hỏa, Linh khả ty Sửu Mùi, ưu ngô Việt, Tham, Vũ, lai phùng Địa Kiếp, đao binh dị tác tai thương (TTL)

Giải: Mệnh Sửu Mùi có Hỏa Linh thì tuy hãm địa nhưng không đáng lo ngại, gặp Việt Tham Vũ đồng cung thì hiển đạt về võ nghiệp, hưởng phú quý, có uy quyền, nhưng nếu gặp thêm Địa Kiếp thì khó tránh tai họa về đao thương súng đạn

Linh Hỏa khả ty Sửu Mùi Việt Tham ưu ngô lai phùng Kiếp diệu đao binh dị tác thương (5)

Giải: Mệnh an tại Sửu Mùi có Linh, Hỏa tọa thủ gặp Việt Tham hội hợp tất bị thương vì đao kiếm súng ống. Nếu cung Điền Trạch bị cách này thì mất nhà mất cửa, phá sản

Hỏa Tinh phùng Tuyệt tại Hợi cung (Hỏa Tuyệt đồng cung tại Hợi), nhi ngô Tham Hình, uy danh quán thế (TTL)

Giải: Liêm Tham tại Hợi có Hỏa Tuyệt đồng cung Hình hội hợp thì có uy quyền danh tiếng

Hỏa Linh Phá (Phá Quân) đương Thân, bại điền tài ư tổ nghiệp (B803)

Giải: Hỏa Linh Phá Quân ở cung Mệnh hay Thân thì bán sạch của cải do tổ tiên để lại

Hỏa Linh Dương Đà vị chi Tứ Sát, Đào phùng Cơ tú nhi hữu duyên (7)

Giải: Hỏa Linh Dương Đà là bốn sát tinh, Đào Hoa gặp Thiên Cơ là người có duyên

Phá Liêm ngộ Hỏa tử nghiệp vô nghi (B72)

Giải: Phá Liêm ngộ Hỏa thì bị chết không còn gì phải nghi ngờ

## HỎA LINH TẠI 12 CUNG

### HỎA LINH TẠI CÁC CUNG

Hỏa (Hỏa Tinh) lạc Tang Môn gia đình hối lẫn (16)

Giải: Hỏa Linh gặp Tang Môn thì có chuyên xấu xảy đến cho người nhà. TTVT giải rằng Điền Trạch có Hỏa Linh gặp Tang Môn thì bị cháy nhà

Linh Tinh Việt Hỏa đoàn biên (cung Dậu), trạch trung (cung Điền Trạch) hương hỏa thất kiện sinh tai

Giải: Điền tại Dậu có Hỏa Linh Thiên Việt thì không được hưởng hương hỏa để lại mà còn sinh tai họa

Ách cung ác sát (Lục Sát Tinh) trùng phùng, khí âm lạnh lẽo chẳng cùng khí Dương (11)

Giải: Tật Ách có lục sát tinh thì khó sống lâu

Linh phùng Sứ (Thiên Sứ) Mã nhi ngộ Dương Đà hữu tật tứ chi (13)

Giải: Tật Ách có Linh gặp Mã Đà hay Kinh thì có tật chân tay hoặc bị què tay cụt chân. Chú ý Thiên Sứ luôn an tại cung Tật

Hỏa Linh hãm ư Tử Tức, đáo lão vô nhi khốc (14, B64)

Giải: Tử Tức có Hỏa Linh hãm địa thì đến già cũng không có con

Linh Hỏa Hình Tang tối hiểm Tử Tức, hạnh ngộ Nhật Nguyệt tịnh minh nam tử

lão thành tất hữu (15)

Giải: Tử Tức tối kỵ gặp Linh Hỏa Hình Tang, mừng gặp Nhật Nguyệt tinh minh thì về già thì mới sinh được con

### HỎA LINH TẠI HẠN

Hỏa Linh ngộ hãm Thiên Cơ, hạn trong Mệnh ấy có tà chứ không (4)

Giải: hạn có Thiên Cơ hãm gặp Hỏa Linh thì bị ngớ ngẩn như bị ma ám ảnh, tà ma nhập

Hỏa Linh Trì (Long Trì) Mộc (Mộc Dục) sáng soi, lánh mình lửa cháy, nước sôi chỗ gần (8)

Giải: Hạn gặp Hỏa Linh, Long Trì, Mộc Dục thì đề phòng lửa và nước sôi

Hỏa Linh ngộ Mã oan gia, đề phòng hỏa hoạn mới là khỏi tai (9)

Giải: Hạn có Hỏa Linh gặp Mã thì đề phòng hỏa hoạn

Linh Xương La Vọng hạn chí đầu hà (10)

Giải: hạn gặp Linh Xương ở Thìn Tuất thì nên đề phòng tai nạn sông nước. TVT giải rằng hạn gặp Linh Xương ở Thìn Tuất, người tuổi Nhâm, Tân, Ất nên đề phòng tai nạn sông nước

-----  
Dương (Kình Dương) Linh (Linh Tinh) tọa Mệnh, lưu niên Bạch Hổ tai thương (19)

Giải: Mệnh có Kình Linh mà hạn gặp Lưu Bạch Hổ thì tai nạn tang thương rất xấu

Dương Đà lưu niên Linh (Linh Tinh) Phá (Phá Quân) điền tu ban lãg nhật Kình Hỏa vi hạ cách (21)

Giải: TVT giải rằng Mệnh có Kình Hỏa đồng cung hạn gặp Linh Phá Kình lưu niên thì phải sa sút nghèo hèn hoặc bị cách chức hay giáng chức. Cần xét lại câu phú

### KÌNH ĐÀ

Hình xú Dương Đà hưởng phúc ư ngũ tuần chi hậu (10, B80)

Giải: Mệnh có Kình Đà miếu vượng thì ngoài 50 tuổi mới gọi là được hưởng phúc

Giáp Kình giáp Đà vi khát cái (40, TTL)

Giải: Mệnh có Lộc Tồn thủ thì sẽ giáp Kinh giáp Đà, nếu cung Mệnh xấu xa thì là ăn mày, cuộc đời cùng khổ, lang thang phiêu bạt

Kinh Đà tương giáp mệnh phá điền trạch ư phu quân (46, B80)

Giải: Mệnh có Kinh Đà giáp thì số đàn bà phá tán cơ nghiệp nhà chồng. TVT giải rằng cung Phu xấu xa mờ ám lại giáp Kinh Đà thì phá tán cơ nghiệp của chồng

Dương nhận hãm tu bị thiết, miếu vượng cư nhi hào kiệt dương danh (4, B74)

Giải: Kinh hãm địa thì là kẻ trộm cướp, miếu vượng thì là anh hùng danh tiếng

### KINH ĐÀ VỚI PHỤ TINH

Kinh Đà Hỏa Linh hội hợp phùng cát phát tài, hung tặc kỵ (18, TTL)

Giải: Mệnh có Kinh Đà Hỏa Linh hội hợp nếu gặp nhiều sao sáng sủa thì có tài lộc, gặp nhiều sao mờ ám xấu xa thì cùng khổ, hoặc mắc tai họa mà chết thảm thương

Kinh Dương Hỏa Tinh uy quyền xuất chúng, đồng hành Tham Vũ uy yểm (uy áp) biên di (42, TTL, B75)

Giải: Mệnh an tại Tứ Mộ có Kinh Dương Hỏa Tinh tọa thủ đồng cung thì có uy quyền hiển hách, nếu lại gặp thêm Tham, Vũ đồng cung thì danh tiếng lừng lẫy khiến quân giặc ở biên cương phải khiếp sợ. Theo NMB thì Kinh gặp Hỏa miếu vượng

Dương (Kinh Dương) Hỏa đồng cung, oai quyền áp chúng (16)

Giải: TVT giải rằng Mệnh có Kinh Dương Hỏa Tinh tọa thủ đồng cung thì có uy quyền khiến mọi người nể sợ, tuổi Thìn Tuất là thượng cách, tuổi Sửu Mùi là thứ cách

Kinh, Đà, Linh, Hỏa thủ Thân Mệnh, yêu đà bối khúc chi nhân (17, TTL)

Giải: Mệnh có Kinh, Đà, Linh, Hỏa thì có tật tại lưng hay bị gù lưng, nếu các sao trên lại hãm địa thì suốt đời cùng khổ cô đơn, hoặc bị chết một cách thê thảm

Kinh Dương Hỏa Linh vi hạ cách (24)

Giải: Kinh Dương Hỏa Linh hãm địa thì rất xấu. TVT giải rằng Mệnh mờ ám xấu xa lại gặp Kinh Linh tọa thủ thì cuộc đời khổ sở, nghèo khổ, không thể quý hiển, nhất là nữ giới tối kỵ cách này

Mệnh Kinh, Đà gia Kiếp giảm thọ (43, TTL)



Giải: Mệnh có Kinh hay Đà gặp Địa Kiếp thì giảm thọ. TVT cho rằng Kiếp là Địa Kiếp hay Kiếp Sát

Dương Đà giáp Ky vi bại cục (39, TTL)

Giải: Hóa Ky thủ Mệnh lại giáp Kinh Đà, nghĩa là Mệnh có Lộc Tồn Hóa Ky thủ đồng cung thì xấu, nghèo túng, khổ sở và hay mắc tai họa, chỉ sớm xa gia đình thì may ra mới được cơm no áo ấm

Kinh Hư Tuế Khách gia lâm, mãn thế đa phòng tang sự (44, TTL)

Giải: Kinh gặp Thiên Hư, Tuế Phá, Điều Khách thì suốt đời đề phòng có tang, trai sát vợ, gái sát chồng, nếu không cũng phải sớm xa cách cha mẹ anh em. Cần phải Kinh hãm địa

Kinh Dương phùng Lực Sĩ, Lý Quảng nan phong hầu (9, TTL)

Giải: Kinh Dương Lực Sĩ đồng cung thì như Lý Quảng tài giỏi lập nên công trạng nhưng không được phong thưởng xứng đáng

Lý Quảng sức địch vạn chúng thị hữu Kinh Dương Lực Sĩ (8, TTL)

Giải: Kinh Dương Lực Sĩ đồng cung thì như Lý Quảng khỏe mạnh địch được muôn người

Xương Khúc Tả Hữu hội Kinh Đà đương sinh dị chí (TTL)

Giải: Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh hay Đà thì có nhiều nốt ruồi kín và có nhiều tướng lạ

Dương Đà Quan Phù ư hãm địa, loạn thuyết chi nhân (11)

Giải: Kinh hay Đà hãm gặp Quan Phù thì ăn nói hồ đồ, lung tung, không đâu vào đâu

Lỗ tai điếc lác âu sâu, Dương Đà Không Kiếp một miền Mệnh cung (13)

Giải: Mệnh có Dương Đà Không Kiếp hội hợp thì bị điếc tai

Dương Đà phùng Mã trục xung (Mã xung chiếu), Những là đánh Bắc dẹp Đông chẳng rời (14)

Giải: Kinh hay Đà thủ gặp Mã xung chiếu thì là số nhà binh phải đánh Đông dẹp Bắc mãi không thôi

Xương Khúc Tả Hữu hội Kinh Đà đương sinh dị chí (TTL)

Giải: Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh Đà thì có nhiều nốt ruồi kín và có nhiều tướng lạ

Tả Hữu Xương Khúc phùng Dương Đà đương sinh ám trí (14) (14)

Giải: Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh Đà thì loạn trí ngơ ngẩn. Cần xét lại câu phú này

Xương Khúc Tả Hữu hội Dương (Kinh Dương) Đà đương sinh dị chí (34, TTL)

Giải: Xương Khúc Tả Hữu gặp Kinh Đà thì có nhiều nốt ruồi kín và có nhiều tướng lạ, dị tướng

Xương Khúc học lực, phùng Tuế Dương thiên tác tụng sư (17, B67)

Giải: Mệnh có Xương Khúc tọa thủ gặp Thái Tuế Kinh Dương hội hợp thì có tài lý luận, ngụy biện, thường là luật sư

Khôi Việt văn khoa (là sao Văn Tinh khoa bảng) ngộ Đà Kỵ thiên vi dật sĩ (19, B67)

Giải: Khôi Việt Đà Kỵ thì tài giỏi nhưng không gặp thời, thường là ẩn sĩ

Nhan Hôi yếu tử do hữu Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ Mệnh (19)

Giải: Mệnh có Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ chiếu thì chết non

Hỏa Linh Kinh Dương vi hạ cách (TTL)

Giải: Mệnh có Hỏa Linh Kinh hội hợp thì hạ cách, công danh trắc trở, tiền bạc thiếu thốn và hay mắc tai nạn. Cần hãm địa

Linh phùng Mã, nhi ngộ Kinh Đà, hữu tật tứ chi (TTL)

Giải: Mệnh có Linh Mã gặp Kinh hay Đà thì chân tay bị tàn tật. Theo TTL thì Linh Mã cần đồng cung

Kiếp Không Phục Binh phùng Dương Nhận (Kinh Dương) lộ thượng cướp đồ (10)

Giải: Kiếp Không Phục Binh gặp Kinh thì là kẻ côn đồ ăn cướp

Nhan Hôi yếu tử (chết yếu) do hữu (do có) Kiếp Không Đào Hồng Đà Linh thủ Mệnh (8, TTL)

Giải: Nhan Hôi chết yếu do Mệnh có Kiếp Không Đào Hồng Đà Linh

Mệnh Kiếp Thân không nhi giao Hồng Nhậm (gặp Hồng Loan và Kinh Dương) ư tuế Mệnh lạc chính tinh tiền đồ đa khô (tiền vận vất vả) nhi hữu Âm Dương Đế diệu Mệnh Thân (nhưng nếu được Nhật Nguyệt hay Tử Phủ hội hợp), chung niên phúc hoạnh sinh tài (20)

Giải: Mệnh Kiếp Thân không gặp Hồng Loan và Kinh Dương, nếu Mệnh có chính tinh thì tiền vận vất vả, nhưng nếu được Nhật Nguyệt hay Tử Phủ hội hợp thì suốt đời được hưởng phúc giàu sang hơn người

Đà Kiếp trùng lâm hạnh Thiên Giải nhi khả cứu (36)

Giải: TVT giải rằng hạn có Đà La Địa Kiếp mà gặp Thiên Giải thì giải được

Ngán thay Lộc Mã cùng lưu, Dương Đà Kỵ Nhật mắt đau phải phòng (22)

Giải: Lưu Lộc Tôn, Lưu Thiên Mã gặp Kinh Đà Hóa Kỵ Thái Dương thì phải đề phòng bệnh đau mắt

Thái Tuế ngộ Dương Đà đa chiêu khẩu thiệt

Giải: Thái Tuế gặp Dương Đà dễ bị mang tiếng thị phi khẩu thiệt (28)

Miệng ngấp, ngấp miệng không thông thái (nói cà lăm, nói lắp), vì Tuế Đà Riêu Cái (Hoa Cái) Mệnh viên

Thân nội Tuế phùng Đà Kỵ mạc đạo phồn hoa (B69)

Giải: Thân có Thái Tuế gặp Đà Kỵ thì không thể sống nơi phồn hoa náo nhiệt.

NMB giải rằng Thân có Thái Tuế gặp Đà Kỵ thì là kẻ quê mùa ngu độn

Thân (cung Thân) nội (có) Tuế phùng Đà Kỵ mạc đạo phồn hoa (25)

Giải: cung Thân có Thái Tuế Đà Kỵ hội hợp thì khó lòng ở chốn phồn hoa. TVT ghi rằng là người quê mùa ngu độn

Tuế Đà Kỵ Cự vận nghèo, qua sông vượt biển ba đào chẳng yên (34)

Giải: hạn gặp Tuế Đà Kỵ Cự thì nghèo túng, bốn ba kiếm sống cũng chẳng đủ ăn lại phải đề phòng về tai nạn sông nước

Tuế Đà thiết kỵ ư Dần Thân (27)

Giải: Mệnh an tại Dần Thân có Tuế Đà tọa thủ đồng cung thì hay bị tai tiếng và thừa kiện, hình ngục

## KINH ĐÀ VỚI CHÍNH TINH

Kinh Dương Đồng Âm đồng cung nhi phùng Phượng Cát Giải Thần nhất thế uy

danh (6, TTL)

Giải: Kinh cư Ngọ có Đồng Âm đồng cung, Phượng Các Giải Thần hội hợp thì uy quyền lừng lẫy, tiếng tăm, hiển đạt về võ nghiệp như số vua Hán Quang Vũ. TVT ghi rằng Kinh cư Tí cũng tốt nhưng kém cư Ngọ. Chú ý tuổi Bính có Kinh Lộc đồng cung, Quyền Đường Phù Hao chiếu và tuổi Mậu có Kinh Dương Hóa Quyền Thiên Trù thủ, Hóa Kỵ Đường Phù Hao tam hợp. Để có Phượng Các Giải Thần thì phải là tuổi Thân Tí Thìn Tuất. Như vậy các tuổi có cách này phải là Bính hoặc Mậu Thân Tí Thìn Tuất

Kinh Tù (Liêm Trinh) giáp Ân (Thiên Tướng) hình tượng nan đào (41, TTL)

Giải: TTL giải rằng mệnh giáp Kinh, Liêm, Tướng nên khó tránh tù tội. Nếu có quan chức thì sau cũng bị cách chức, suốt đời chẳng mấy khi được xúng ý toại lòng. Chú ý Cự Môn hay Thiên Lương Tí Ngọ thì giáp Liêm giáp Tướng. Cần xét lại câu phú này

Dương Đà Kỵ (Hóa Kỵ) ngộ Âm Dương (Nhật Nguyệt), ắt sinh đời tật hình thương nan phòng (15)

Giải: Nhật Nguyệt gặp Dương Đà Hóa Kỵ thì mang ác tật, khó lòng tránh thoát hình thương

Dương Nhận (Kinh Dương) phùng (gặp) Nhật Nguyệt, bệnh tật triển miên (ở cung Tật cũng vậy) (26, B71)

Giải: Nhật Nguyệt gặp Kinh Dương thì bệnh tật triển miên

Yến Anh phùng (gặp) Ngọc Nữ giai do Cơ (Thiên Cơ) ngộ Kinh Dương (B81)

Giải: Thiên Cơ gặp Kinh Dương thì như Yến Anh gặp Ngọc Nữ

Dương Đà Hỏa Linh vị chi Tứ Sát, đơn phùng Cơ tú (sao Thiên Cơ) nhi hữu duyên (gặp Thiên Cơ đơn thủ thì là người có duyên) (B83)

Giải: Dương Đà Hỏa Linh là bốn sát tinh, gặp Thiên Cơ đơn thủ thì là người có duyên

Sát Phá hỗ trợ Kinh Dương (B72)

Giải: Có Kinh Dương hãm địa lại gặp Sát Phá nữa thì sự hung càng mạnh

**KINH ĐÀ TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG**

Dương Nhận (Kinh Dương) hãm tu bị thiết (là kẻ trộm cắp) miếu vượng nhi hào kiệt dương danh (anh hùng danh tiếng) (4)

Giải: Kinh Dương hãm thì là kẻ trộm cắp, miếu vượng thì là anh hùng danh tiếng

Kinh Dương nhập miếu (tại Tứ Mộ Thìn Tuất Sửu Mùi), phú quý thanh dương (1, TTL)

Giải: Kinh Dương nhập miếu tại Tứ Mộ Thìn Tuất Sửu Mùi thì giàu có, danh tiếng, tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi càng thêm quý hiển

Kinh Dương Tí Ngọ Mão Dậu phi yếu chiết nhi hình thương (2, TTL)

Giải: Kinh Dương hãm địa tại Tí Ngọ Mão Dậu thì chết non, hoặc bị tai nạn tàn tật. Theo TVT Kinh ở Mệnh tại các vị trí trên nếu gặp nhiều sao sáng sửa thì hình thương, nếu gặp nhiều sao xấu thì tác hại khủng khiếp

Dương cư Đoài (Mão) Chấn (Dậu) Lục Mậu Lục Giáp phúc nan toàn (3, B75)

Giải: Kinh Dương tại Mão Dậu, tuổi Mậu và Giáp thì phúc khó toàn vẹn. Chú ý tuổi Giáp Kinh tại Mão và tuổi Mậu Kinh tại Ngọ. Cần coi lại câu phú này

Kinh Dương cư Ngọ, Mã đầu đới kiếm, trấn ngự biên cương (7, TTL)

Giải: TTL giải rằng Kinh Dương tại Ngọ ví như kiếm kề cổ ngựa, rất đáng lo ngại. Cần xa lánh sát tinh hay sát tinh và Thiên Hình và được sao sáng sửa tốt đẹp như Lộc Mã Khoa Quyền Lộc tất phát về võ nghiệp, có uy quyền lớn. Tuổi Bính Tuất có cách này thì thật là tài quan song mỹ. Các tuổi khác có cách này thì cũng quý hiển nhưng sự nghiệp chẳng lâu bền và hay mắc tai họa khủng khiếp. Chú ý tuổi Bính Tuất thì có Tuần tại Ngọ Mùi

Kinh Dương cư Ngọ, Mã đầu đới kiếm, phi yếu chiết nhi hình thương (5, TTL)

Giải: Mệnh tại Ngọ có Kinh thủ ví như kiếm kề cổ ngựa, rất đáng lo ngại. nếu gặp sát tinh hay sát tinh và Thiên Hình hội hợp thì hoặc chết yếu, hoặc bị tai nạn, tàn tật. Theo TVT thì gặp Thất Sát Thiên Hình

Tứ Hung (bốn sao hung tinh là Kinh Đà Không Kiếp) ngộ Quý (Quý Tinh) nơi Thân Dậu, đến phạt đài cầu đảo mới xong (38)

Giải: TVT giả rằng hạn đến cung Thân Dậu có Tử Phủ gặp Tứ Hung thì phải làm nhiều điều phước thiện mới qua khỏi tai ương. Cần xét lại lời giải thích này

Thốn Kim khuyết Kinh Dương phản hiềm tao khốn (27, B79)

Giải: Kinh Dương tại Dậu thì gặp nguy hiểm. TVT giải rằng cung Thiên Di an tại

Dậu có Kinh tọa thủ thì ra ngoài hay gặp nguy khốn

### KINH ĐÀ TẠI CÁC CUNG

Phúc tọa Thiên La (tại Thìn) ưu kiến Sát, Đà, Kinh, Phá, Hỏa, Tang, Tử, Kiếp (Địa Kiếp) thì nhược suy cốt tán tài hao (hài cốt của tổ tiên bị thất lạc, tiền tài hao hụt), xuất ngoại vô âm, tử lộ (ly hương không có tin tức, chết nơi xứ người), hạnh lai (mừng gặp) Nhật Nguyệt Cơ Lương Xương Tuế Hồng Bát danh ba đỉnh tử quý quyền, bất đắc chuyển di (45)

Giải: Phúc tại cung Thìn thì sợ gặp Thất Sát Đà, Kinh, Phá, Hỏa, Tang, Tử, Địa Kiếp thì hài cốt của tổ tiên bị thất lạc, tiền tài hao hụt, ly hương không có tin tức, chết nơi xứ người. Phúc tại Thìn mừng gặp Nhật Nguyệt Cơ Lương Xương Tuế Hồng Bát thì con cái làm nên, phát đạt, vinh hiển đời đời

-----  
Tật Ách kiêm Đà Nhận (Kinh Đà) phản mục tật sâu (28, B60)

Giải: cung Tật Ách có Kinh Đà thì có tật về mắt, mù mắt, thông manh

Dương Đà bệnh ấy phong môn, Tuế Đà vạ miệng, xuất ngôn chiêu nạn (32)

Giải: Tật Ách có Kinh Đà thì bị bệnh gây yếu, có Thái Tuế Đà La thì bị tai họa về miệng tiếng thị phi

Đà Cự Môn Kỵ chẳng lành con mắt (đau mắt), Kỵ phùng Dương (Kinh Dương) mục tật thông manh (33)

Giải: Cự Môn Đà Kỵ hội hợp thì mắt có tật hoặc bị đau. Kinh Kỵ hội hợp thì mắt mờ, mù lòa

Dương Hình Riêu Sát cung Phu, lại gia (lại gặp) Linh Hỏa vợ lo giết chồng (TVT giải thích Sát là Thất Sát, cần phải xét lại) (31)

Giải: cung Phu có Dương Hình Riêu gặp Thất Sát lại có Linh Hỏa hội hợp thì hung dữ, ghen tuông có thể giết chồng. TVT cũng giải thích Sát là Thất Sát

Dương Nhận phùng Tuyệt, Linh chốn hãm, công cù lao bú mớm như không (35)

Giải: Kinh gặp Tuyệt Linh thì khó nuôi con hoặc con chết non

Thiên Hình thủ, hôn lại chi nhân, Kỵ Đà lâm bất nhất khiếm hòa (6)

Giải: mệnh có Thiên Hình thì là người hung bạo, gặp Kỵ Đà thì là người hay gây gổ kiếm chuyện đối với người khác

**KINH DƯƠNG TẠI HẠN**

Dương (Kinh Dương) Linh (Linh Tinh) tọa Mệnh, lưu niên Bạch Hổ tai thương (19)

Giải: Mệnh có Kinh Linh mà hạn gặp Lưu Bạch Hổ thì tai nạn tang thương rất xấu

Kinh Dương đới thủ tại Dậu cung, Tuế Tấu Dương Đà Canh Mệnh hung (21)

Giải: TVT giải rằng Mệnh tại Dậu có Kinh tọa thủ, tuế Canh, Lưu Kinh Dương lại gặp Kinh Đà cố định thì tối hung, rất xấu. Cần coi lại lời giải thích

Dương Đà lưu niên Linh (Linh Tinh) Phá (Phá Quân) điền tu ban lãng nhật Kinh Hỏa vi hạ cách (21)

Giải: TVT giải rằng Mệnh có Kinh Hỏa đồng cung hạn gặp Linh Phá Kinh lưu niên thì phải sa sút nghèo hèn hoặc bị cách chức hay giáng chức. Cần xét lại câu phú

Kinh Dương trùng phùng Lưu Dương (Lưu Kinh) Tây Thi hạn quyền thân (22)

Giải: Hạn có Kinh gặp Lưu Kinh thì phải tự tử mà chết. Cần Kinh hãm địa

Kinh Riêu Hoa Cái Thai Đà, vận phùng năm ấy đậu hoa phải phòng (37)

Giải: hạn gặp Kinh Riêu Hoa Cái Thai Đà thì đề phòng bị bệnh đậu mùa hoặc bị rở mặt

Tang Môn Mã Nhận (Kinh Dương) Hợi cung, Hạn phùng năm ấy bò trâu chẳng lành (7)

Giải: Hạn gặp Tang Môn Mã Kinh Dương tại Hợi thì đề phòng súc vật bị dịch chết

Hổ Đà Kỵ Nhật toan tâm, hùm thiêng chó dữ lánh thân mới toàn (8)

Giải: hạn gặp Hổ Đà Kỵ Nhật thì đề phòng bị cọp hay chó cắn

**ĐÀ LA**

Đà La Địa Kiếp (hãm) chiếu phương, Linh Tinh lại gặp bất tường chẳng sai (12)

Giải: có Đà La Địa Kiếp hãm hội hợp mà còn gặp Linh Tinh thì rất xấu

Đà La Ty Hợi Dân Thân phi yếu triết nhi hình thương (33)

Giải: Đà La tại Ty Hợi Dân Thân thì không chết non thì cũng mang tật hay có



thương tích trong người. Cần xét lại câu phú này vì nếu chấp nhận câu phú này thì Đà La hãm địa tại Ty Hợi Dần Thân

Thân (cung Thân) nội (có) Tuế phùng Đà Kỵ mạc đạo phồn hoa (25)  
Giải: cung Thân có Thái Tuế Đà Kỵ hội hợp thì khó lòng ở chốn phồn hoa. TTV ghi rằng là người quê mùa ngu độn

Thiên Đồng ngộ Kiếp Không bắt cát, Cự Môn phùng Đà Kỵ tối hung (B67)  
Giải: Thiên Đồng gặp Không Kiếp thì xấu, Cự Môn gặp Đà Kỵ thì rất hung

Đà La lâm Phụ vị (cung Phụ Mẫu) bất tu quả tú diệc tăng bi (30, B85)  
Giải: cung Phụ Mẫu có Đà La thì nếu không mồ côi thì cũng có chuyện buồn phiền, TTV ghi rằng buồn phiền về cha mẹ

Đà (Đà La) Không lâm thủ Điền Tài, luận rằng số ấy sinh lai nghèo hèn (35)  
Giải: Điền hay Tài Bạch có Đà Không thì là người nghèo hèn (TTV ghi rằng Không là Thiên Không hay Địa không và còn ghi nhưng gặp Tuần Triệt thì lại giàu sang. Lời giải này không hợp lý

Đà Kiếp trùng lâm hạnh Thiên Giải nhi khả cứu (36)  
Giải: Đà La Địa Kiếp mà gặp Thiên Giải thì giải được. TTV ghi là hạn gặp thì giải được

## SONG HAO VỚI PHỤ TINH

Đại Hao lâm Quan Phủ Lưu Nghi tôn thất (thuộc giòng họ vua) chi du hồ (hu hồ) (3, B86)

Giải: Đại Hao gặp Quan Phủ thì như Lưu Nghi có họ với vua cũng bị hình phạt roi vọt

=====

Lao đao một tối sớm ba, Đại Hao Hóa Kỵ trùng gia Mệnh vì (5)

Giải: Mệnh có Đại Hao gặp Hóa Kỵ đồng cung thì vất vả, khổ cực

Mệnh Không Thân Kiếp lai hội Song Hao ư nhân Mệnh VCD thiếu học đa thành, mạc ngộ Phúc (Thiên Đồng) Ấm (Thiên Lương) Hao Tinh (Phá Quân) Thân Mệnh niên thọ nan cầu vượng hưởng (18)

Giải: Mệnh Không Thân Kiếp nếu VCD gặp Song Hao thì học ít nhưng hiểu nhiều, về sau sẽ hiển đạt, nếu gặp Thiên Đồng, Thiên Lương, Phá Quân thì chết

yếu và không hưởng được sự giàu sang phúc thọ

### SONG HAO VỚI CHÍNH TINH

Hao ngũ Tham Lang, dâm tình thủy đề (TTL)

Giải: TTL giải rằng Mệnh Hao thủ gặp Tham Lang đồng cung hay xung chiếu thì hiếu sắc, dâm dật nhưng kín đáo, ví như chôn dấu dâm tình ở đáy giếng

Hao ngũ Tham Lang tài sinh, dâm tình ư tình đề (2)

Giải: TVT giải rằng Song Hao tọa thủ gặp Tham Lang đồng cung thì tham tiền hiếu sắc, giữ tiền bo bo và dâm dật nhưng che đậy kín đáo

Lưỡng Hao Cự Vũ Hóa Quyền, chiếu sai trần thủ mô, phương bên ngoài (5)

Giải: Mệnh hay Quan gặp Lưỡng Hao Cự, Vũ Hóa Quyền thì trần thủ ở phương xa. Tuổi Giáp Canh Vũ Phá Tý Hợi, tuổi Đinh Cự Cơ Mão Dậu, tuổi Kỷ Vũ Sát Mão Dậu, tuổi Tân Cự Môn Tý Ngọ và tuổi Nhâm Vũ Tướng Dần Thân thì có Song Hao gặp Hóa Quyền

### SONG HAO TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Song Hao Mão Dậu, chúng thủy triều Đông, ái ngũ Cự Cơ, tối hiem Hóa Lộc (VVT)

Giải: Song Hao gặp Cự Cơ Mão Dậu thì giàu có, gặp Hóa Lộc thì tiền tuy có nhưng không bền

Song Hao Tý Hợi nhị ngũ Sát Hình giáp Canh Dương Nữ thứ cách bản yếu (1)

Giải: đàn bà tuổi Giáp và Canh, Mệnh an tại Tý Hợi có Song Hao gặp sát tinh (như Kinh Đà Không Kiếp) và Thiên Hình hội hợp thì nếu không chết sớm thì cuộc đời bản khổ. Luôn luôn gặp hoặc Kinh hoặc Đà chiếu

### SONG HAO TẠI CÁC CUNG

Tài Phúc nhị phùng Hao Kiếp đơn ảnh cô bản (9)

Giải: cung Phúc Đức hay Tài Bạch có Hao gặp Kiếp thì cô độc và nghèo hèn

Lưỡng Hao chiếu thủ Điền Tài, tán nhiều tụ ít mấy ai nên giàu (7)

Giải: Điền Tài có Song Hao thì không giàu được vì vào ít tiêu nhiều

Lưỡng Hao thiết kị ư Tài cung (7, B64)

Giải: Tài Bạch kị gặp Song Hao

Thân cư Tài Bạch lai kiến Song Hao Lộc Quyền Kiếp Hỏa (Hỏa Tinh) tất thành thương nghiệp, kỵ mãi miên đơn ngũ cốc hỏa hoạn tu phòng nhược phùng Bình (Phục Bình) Nhận (Kình Dương) gia lâm (10)

Giải: Thân cư Tài gặp Song Hao Lộc Quyền hội hợp thì buôn bán mà trở nên giàu có nhưng nếu bị Kình Phục xâm phạm thì phải đề phòng hỏa hoạn không nên buôn bán hoa quả hay thóc gạo

### SONG HAO TẠI HẠN

Hao Sát Hồng Đào, Ất Tân hạn đáo, đa phùng phản phúc, Khoa Phủ hạnh cầu (6)

Giải: TVT giải rằng tuổi Ất Tân hạn gặp Hao, Kiếp Sát, Đào Hồng thì phải đề phòng người làm phản, nếu gặp Khoa hay Thiên Phủ thì không sao

### THIÊN HÌNH

#### THIÊN HÌNH VỚI PHỤ TINH

Thiên Hình thủ, hôn lại chi nhân, Kỵ Đà lâm bất nhất khiếm hòa (6)

Giải: mệnh có Thiên Hình thì là người hung bạo, gặp Kỵ Đà thì là người hay gây gỗ kiếm chuyện đối với người khác

Hình Riêu phận gái long đong, ví chẳng hại chồng thì cũng phản phu (3)

Giải: Mệnh có Hình Riêu thì tình duyên lận đận, làm hại đến chồng hoặc phản chồng

Ngộ Hình gặp Quý dâm dậu, cùng là Tử Phủ một màu chính chuyên (4)

Giải: Mệnh có Hình gặp Quý (TVT cho là Thiên Quý) hay có Tử, Phủ đồng cung thì là người chính chuyên đứng đắn

Hình Ấn lai triều Tướng Binh tọa chiếu ái văn xung võ (9)

Giải: Đây là bộ Binh Hình Tướng Ấn. Tướng Quân tọa thủ, Phục Binh xung chiếu, Hình Ấn hội hợp là người văn võ toàn tài thường chuyên về tham mưu hay quốc phòng nhưng nếu Phục Binh tọa thủ, Tướng xung chiếu thì bị cách Nội Binh Ngoại Tướng không được tốt đẹp

Khôi, Việt, Xương, Khúc, Lộc Tồn Hình sát (sát tinh) vô xung, đại phú quý (TTL)

Giải: có Khôi Việt Xương Khúc Lộc Tồn hội hợp không gặp sát tinh hay Hóa Kỵ

Thiên Hình thì phú quý cực độ

Phượng Long nhan sắc khuynh thành, gia Hình (Thiên Hình) mặt ấy lại thành rỡ hoa (2)

Giải: Mệnh có Long Trì, Phượng Cát thì có nhan sắc nhưng gặp Thiên Hình thì mặt lại bị rỡ hoa

Đào Hồng cung Thiên Hình đồng hội, gái tiết trinh hiền nội tề gia (20)

Giải: Mệnh Đào hay Hồng mà có Thiên Hình đồng cung thì có tiết hạnh, tề gia nội trợ

Song Hao Ty Hợi nhi ngộ Sát Hình Giáp Canh Dương Nữ thứ cách bản yếu (1)

Giải: đàn bà tuổi Giáp và Canh, Mệnh an tại Ty Hợi có Song Hao gặp sát tinh (như Kinh Đà Không Kiếp) và Thiên Hình hội hợp thì nếu không chết sớm thì cuộc đời bản khổ. Luôn luôn gặp hoặc Kinh hoặc Đà chiếu

Dậu cung Thái Tuế Thiên Hình, tai bay vạ gió dễ sinh khôn cầm (30)

Giải: cung Dậu có Thái Tuế Thiên Hình thì dễ gặp tai bay họa gió. Chú ý Thiên Hình cư Dậu thì đặc địa

### THIÊN HÌNH VỚI CHÍNH TINH

Thiên Hình Thất Sát (đồng cung) cương nhi táo cô (1, B63)

Giải: Thiên Hình Thất Sát đồng cung thì rất cứng rắn nên ít ai dám đến gần, do đó thường cô đơn ít bạn bè. Theo TVT thì thường sát vợ hay hiểm con

Hình Sát (Thất Sát) hội, long thần định giáng (10)

Giải: Mệnh an tại Dần Thân có Thất Sát tọa thủ, Thiên Hình đồng cung hay xung chiếu là người oai phong凛冽 như vị Thần giáng thế

Hình Riêu Tầu (Tầu Thư) Vũ (Vũ Khúc) một đoàn, làm nghề thợ mộc khôn ngoan ai tày (5)

Giải: Vũ Khúc hội cùng Hình Riêu Tầu thư thì rất có khiếu về nghề thợ mộc

Hình Hổ cư Dần hổ đới kiếm (là hổ mang kiếm) hùng (anh hùng) tương phùng Đế cách ư Giáp Kỷ nhân uy vũ chấn động (7)

Giải: Mệnh an tại Dần có Hình Hổ đồng cung là Hổ mang kiếm, người tuổi Giáp Kỷ là bậc cái thể anh hùng có tài điều khiển ba quân hiển đạt về võ nghiệp và có uy danh lừng lẫy. Chú ý tuổi Ngọ mới có Bạch Hổ cư Dần, sinh tháng 6 mới có

Thiên Hình cư Dần. Tuổi Giáp thì Lộc Tồn tại Dần đồng cung với Hình Hổ. Tuổi Kỷ thì cung Dần có Thiên Phúc đồng cung, Lộc Tồn Lưu Hà tam hợp chiếu và Thiên Việt Thiên Trù gặp Triệt xung chiếu

Mã ngũ Thiên Hình nhi phùng Thiên Khốc, Công Hoan phát võ (10)

Giải: Mã Hình gặp Khốc thì như Công Hoan phát về võ nghiệp

### THIÊN HÌNH TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Triệu Tử phù Hán thị ư Hình Quyền Tướng Ân Sứ Mũi (8)

Giải: Triệu Tử Long cung Mệnh Thân an tại Sứ Mũi có Hình Quyền Tướng Ân nên rất tài giỏi đánh đông dẹp Bắc lập nhiều chiến công cho nhà Hán

Thiên Hình Dần Thân Mão Dậu anh hùng (2, B74)

Giải: Thiên Hình Dần Thân Mão Dậu (là vị trí đặc địa của Thiên Hình) là người anh hùng

Thiên Hình Thiên Riêu Dậu Sửu tối cát (11, B68)

Giải: Thiên Hình Thiên Riêu Dậu Sửu thì rất tốt đẹp, theo TVT thì như thanh kiếm điều khiển ba quân, như sen mọc trong bùn vẫn cao quý. Chú ý Hình Riêu luôn luôn tam hợp chiếu với nhau và có lẽ câu phú trên nên hiểu Hình tại Dậu nên Riêu tại Sửu chứ không nên hiểu hoặc Hình hoặc Riêu tại Sửu

### THIÊN HÌNH TẠI CÁC CUNG

Hình lâm Quan Lộc cư Đông (cư tại Mão), quan binh chức trọng ơn cùng quân vương (15)

Giải: Quan Lộc tại Mão có Thiên Hình thì có binh quyền lớn trong quân đội

Hình Phi tất hiểm chẳng sai, nếu phùng lưỡng Quý lại là phúc thay (16)

Giải: Tử Tức có Thiên Hình hay Phi Liêm thì hiểm con có Khôi Việt thì sinh quý tử

Thiên Hình Hóa Kỵ nhi ngũ Bệnh Phù Hao (Song Hao) sát (sát tinh) tại Giải cung hữu bát phong sang (17)

Giải: Tật Ách có Cự Môn, Thiên Hình Hóa Kỵ, Bệnh Phù Song Hao bị bệnh cùi hoặc mang ác tật

**THIÊN HÌNH TẠI HẠN**

Hình hỏa kỵ phần Thiên Mã (12)

Giải: Hạn có Thiên Mã gặp Hình hỏa rất nguy hiểm

Thiên Hình, Dương Nhận Ngọ vị, lại gia Thất Sát có khi hình tù (13)

Giải: TVT giải rằng hạn đến cung Ngọ có Thiên Hình Kinh Dương lại gặp Thất Sát thì bị tù tội

Phù Hình Không Kiếp khá chề, kẻ thù người oán phải dè mình thay (14)

Giải: TVT giải rằng hạn gặp Quan Phù Thiên Hình thì có nhiều kẻ thù oán cần phải e dè thận trọng)

**RIÊU Y****RIÊU Y VỚI PHỤ TINH**

Riêu Đà Kỵ kế giao, họa vô đơn chí (9, B61)

Giải: Riêu Đà Kỵ ở ba cung liên tiếp mà Thân hay Mệnh an ở đó thì tai họa đến liên miên

Thiên Riêu Thiên Hỷ đa chiêu quái dị chi tai ((14)

Giải: Thiên Riêu Thiên Hỷ đồng cung hay xung chiếu thì bị nhiều tai họa quái ác

Nữ Mệnh phùng Xương Riêu nhất sinh dâm dăng (26)

Giải: nữ Mệnh có Xương Riêu tọa thủ đồng cung thì mới sinh ra đã dâm dăng, ý nói tính dâm dăng là bản chất khó sửa

Đào Riêu số gái ai hay, chồng ra khỏi cửa giắt tay trai vào (11)

Giải: Đào Riêu đồng cung thì rất lăng lơ dâm dăng, lăng lơ, ngoại tình

Kinh Riêu Hoa Cái Thai Đà, vận phùng năm ấy đậu hoa phải phòng (37)

Giải: hạn gặp Kinh Riêu Hoa Cái Thai Đà thì đề phòng bị bệnh đậu mùa hoặc bị rở mặt

Nữ Mệnh Hồ Riêu đa sự quả ưu (TTL)

Giải: Đàn bà Mệnh có Hồ Riêu tọa thủ đồng cung thì hôn phối thường bị trắc trở và hay bị ưu phiền sầu khổ về chồng con

Miệng ngấp, ngấp miệng không thông thái (nói cà lăm, nói lắp), vì Tuế Đà Riêu Cái (Hoa Cái) Mệnh viên

**RIÊU Y VỚI CHÍNH TINH**

Tham Kỵ trùng Riêu thủy tai nan miễn (B72)

Giải: Tham Kỵ gặp Thiên Riêu thì không tránh được việc chết đuối

**RIÊU Y TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG**

Riêu tại Hợi vì minh mẫn (8, B71)

Giải: Thiên Riêu tại Hợi thì thông minh sáng suốt

**RIÊU Y TẠI CÁC CUNG**

Thiên Riêu cư Tài Bạch, họa đồ sinh ương (13, B58)

Giải: cung Tài Bạch có Thiên Riêu thì say mê tử sắc, cờ bạc mà mang họa

**RIÊU Y TẠI HẠN**

Hạn phòng Riêu Hồ khá ngừa, những loài ác thú phải xa chớ gần (10)

Giải: Hạn có Riêu Hồ thì phải phòng ngừa những loài ác thú cắn

Hạn phòng Riêu Hỉ Đào Hồng, gái trai tơ tưởng những lòng dâm phong  
Giải: Hạn gặp Riêu Hỉ Đào Hồng thì hay nghĩ đến chuyện xác thịt làm tình

Riêu Tướng Mộc (Mộc Dục) Kinh Khoa Sát lão hạn dị tặc dâm loạn Võ Hậu (12)

Giải: tuổi già hạn có Riêu Tướng Mộc Dục Kinh Khoa Sát thì gái trai dâm đảng như Võ Hậu. TTV cho rằng Sát là sát tinh và Tướng là Tướng Quân hay Thiên Tướng

**KHÔNG KIẾP**

Địa Kiếp độc thủ, thị kỷ phi nhân (1, TTL, B60)

Giải: Địa Kiếp đơn thủ tại Thân Mệnh, là người ích kỷ chỉ biết mình

Địa Kiếp chi đan tâm phương lăm (B82)



Giải: Địa Kiếp miếu vượng là người giữ được lòng son dạ sắt sau được oai phong lâm liệt. TVT giải rằng Địa Kiếp miếu vượng thì giữ lòng son dạ sắt, gặp nhiều cát tinh hội tụ thì sau được vinh hiển công thành danh toại

Địa Kiếp, Địa Không thân mạo gian phi chi hạnh (12)

Giải: Địa Kiếp, Địa Không hãm địa tọa thủ thì là người có tính trộm cắp, gian phi

Mệnh Thân gặp Kiếp Không lâm thủ, xá bàn chi những lũ yếu vong (13)

Giải: Mệnh Thân gặp Kiếp Không thì không nghèo hèn thì yếu. Cần hãm địa

Mệnh Thân dù có lâm Không Kiếp, gia Triệt Tuần chẳng khiếp tai nguy (14)

Giải: Mệnh Thân có Không Kiếp mà gặp Triệt Tuần thì không sợ tai nguy

Tứ Sát ẩn tàng nơi vượng địa (9)

Giải: Tứ Sát (Kình Đà Hỏa Linh) nếu ở vượng địa thì yên ổn, không phá hoại

Sinh sử Kiếp Không do như bán thiên triết sĩ (5)

Giải: TTL giải rằng Kiếp Không hãm địa tại Tứ Sinh (Dần Thân Tỵ Hợi) thủ Mệnh thì không thể sống lâu được, như chim đang bay bị gãy cánh. TVT cho rằng lên như sấm sét rồi xuống như gãy cánh lưng trời. Cần xét lại lời giải

Không Kiếp giáp Mệnh vi bại cục, chủ bản tiện (5, 27, TTL)

Giải: Mệnh an Tỵ Hợi nếu có cách giáp Không Kiếp thì là người nghèo hèn, thường phải lìa gia đình, lang thang phiêu bạt phương xa

Kiếp Không giáp Mệnh vi bại cục, phi yếu tắc bản (26, 28, B76)

Giải: Mệnh an Tỵ Hợi nếu có cách giáp Không Kiếp thì không chết non thì nghèo hèn. Hạn gặp cũng vậy. TVT ghi thêm nếu lại gặp Hình Kỵ xâm phạm thì tối độc

#### KHÔNG KIẾP VỚI PHỤ TINH

Kiếp Không Phục Binh phùng Dương Nhận (Kình Dương) lộ thượng cướp đồ (10)

Giải: Kiếp Không Phục Binh gặp Kình thì là kẻ côn đồ ăn cướp

Nhan Hôi yếu tử (chết yếu) do hữu (do có) Kiếp Không Đào Hồng Đà Linh thủ Mệnh (8, TTL)

Giải: Nhan Hôi chết yếu do Mệnh có Kiếp Không Đào Hồng Đà Linh

Mệnh Không Thân Kiếp lai hội Song Hao ư nhân Mệnh VCD thiếu học đa thành, mạc ngộ Phúc (Thiên Đông) Âm (Thiên Lương) Hao Tinh (Phá Quân) Thân Mệnh niên thọ nan cầu vượng hưởng (18)

Giải: Mệnh Không Thân Kiếp nếu VCD gặp Song Hao thì học ít nhưng hiểu nhiều, về sau sẽ hiển đạt, nếu gặp Thiên Đông, Thiên Lương, Phá Quân thì chết yếu và không hưởng được sự giàu sang phúc thọ

Mệnh Kiếp Thân không nhi giao Hồng Nhậm (gặp Hồng Loan và Kinh Dương) ư tuế Mệnh lạc chính tinh tiền đồ đa khổ (tiền vận vất vả) nhi hữu Âm Dương Đế diệu Mệnh Thân (nhưng nếu được Nhật Nguyệt hay Tử Phủ hội hợp), chung niên phúc hoạnh sinh tài (20)

Giải: Mệnh Kiếp Thân không gặp Hồng Loan và Kinh Dương, nếu Mệnh có chính tinh thì tiền vận vất vả, nhưng nếu được Nhật Nguyệt hay Tử Phủ hội hợp thì suốt đời được hưởng phúc giàu sang hơn người

Mệnh lý Không vong, Kiếp thủ Thân chung niên tất thị tắc cô bản (20)

Giải: Mệnh Không Thân Kiếp (Mệnh có Địa Không tọa thủ, Thân có Địa Kiếp tọa thủ) có giàu sang thì cũng không được bền vững

Lãng lý Đào Hoa gia Địa Kiếp, tam canh khai tượng ư giai nhi (B83)

Giải: Đào Hoa gia Địa Kiếp là người chơi bời suốt đêm tưởng nhớ đến người đẹp

----

Mệnh trung Hồng ngộ Kiếp Không, mạc đàm phú quý (3, B69)

Giải: Mệnh Hồng Loan gặp Không Kiếp thì không thể phú quý được

Hồng Loan ngộ Kiếp Không đồng thủ (đồng cung), xá bản chi bản lữ yếu vong (9)

Giải: Mệnh Hồng Loan gặp Không, Kiếp đồng cung thì không chết non cũng nghèo hèn)

Nhan Hối yếu tử do hữu Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ Mệnh (19)

Giải: Mệnh có Đào Hồng Không Kiếp Đà Linh thủ chiếu thì chết non

Lãng lý Đào xa gia Địa Kiếp, tam canh giai tượng ư giai nhi (5)

Giải: Mệnh có Đào Hoa tọa thủ thêm Địa Kiếp thì là người chơi bời suốt đêm mơ tưởng đến người đẹp

Hỏa Tinh Linh Tinh chuyên tác họa, ngộ Kiếp Không Thiên Sứ họa trùng phùng (12)

Giải: Hỏa Linh gặp Kiếp Không Thiên Sứ thì họa đến liên miên

Mệnh Kinh, Đà gia Kiếp giảm thọ (43, TTL)

Giải: Mệnh có Kinh hay Đà gặp Địa Kiếp thì giảm thọ. TVT cho rằng Kiếp là Địa Kiếp hay Kiếp Sát

Lỗ tai điếc lác âu sầu, Dương Đà Không Kiếp một miền Mệnh cung (13)

Giải: Mệnh có Dương Đà Không Kiếp hội hợp thì bị điếc tai

Đà La Địa Kiếp (hãm) chiếu phương, Linh Tinh lại gặp bất tường chẳng sai (12)

Giải: có Đà La Địa Kiếp hãm hội hợp mà còn gặp Linh Tinh thì rất xấu

Phù Hình Không Kiếp khá chê, kẻ thù người oán phải dè mình thay (14)

Giải: TVT giải rằng hạn gặp Quan Phù Thiên Hình thì có nhiều kẻ thù oán cần phải dè thận trọng)

Khoa Quyền Lộc Mã tu phòng (đề phòng) Không Kiếp ám xung (5)

Giải: Khoa Quyền Lộc Mã hội hợp bị Không Kiếp xâm phạm thì mất nhiều ảnh hưởng, tốt đẹp sẽ giảm đi nhiều

### KHÔNG KIẾP VỚI CHÍNH TINH

Mệnh trung ngộ Kiếp Tham do như lãng lý hành thuyền (17, TTL)

Giải: Mệnh có Kiếp Tham đồng cung thì cuộc đời như thuyền trôi nổi hàng dặm trên sông, cuộc đời lang thang phiêu bạt đau khổ

Không Kiếp hà hiềm Tỵ Hợi, Tướng Mã đồng cư (đồng cung) nhi hội Khoa Tinh, loạn thế phùng quân chi cách (15, TTL)

Giải: Mệnh ở Tỵ Hợi có Kiếp Không Tướng Mã tọa thủ đồng cung, có Khoa thì trong lúc loạn lạc gặp được đúng vua nên lập được sự nghiệp lớn lao

Kiếp (Địa Kiếp), Phù (Quan Phù) Khốc, Khách, mạc ngộ Cự, Dương chung thân đa lệ (7, TTL)

Giải: Mệnh có Cự, Nhật, Địa Kiếp tọa thủ gặp Quan Phù, Khốc, Khách hội hợp thì suốt đời gặp sự buồn phiền, ngang trái, đời đầy nước mắt. Chú ý như vậy thì Mệnh phải có Điều Khách tọa thủ

Kiếp, Cơ ngộ Hỏa tất hỏa tai (6, 29, TTL)

Giải: Kiếp Cơ tọa thủ gặp Hỏa Tinh đồng cung hay xung chiếu thì bị phỏng lửa, cháy nhà. Ở Tật Ách cũng vậy

Thiên Đồng ngộ Kiếp Không bắt cát, Cự Môn phùng Đà Kỵ tối hung (B67)

Giải: Thiên Đồng gặp Không Kiếp thì xấu, Cự Môn gặp Đà Kỵ thì rất hung

Vương Lương ải ngục, Liêm Trinh hãm Địa Kiếp ư Hỏa cung (B81)

Giải: NMB giải rằng có Liêm Trinh gặp Địa Kiếp tại cung Tỵ Ngọ thì như Vương Lương tự thất cô trong ngục. Cần xét lại cung Ngọ vì tại đó thì đặc địa

### **KHÔNG KIẾP TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG**

Dần Thân Không Kiếp ngộ Quý Tinh, thăng trầm vô độ (2, TTL)

Giải: Không Kiếp tại Dần Thân gặp Quý tinh thì công danh tiền tài lên xuống rất nhiều

Không Kiếp hà hiềm Tỵ Hợi, Tướng Mã đồng cư chi hội Khoa Tinh, loạn thế phùng quân chi cách (TTL)

Giải: Mệnh ở Tỵ Hợi có Kiếp Không Tướng Mã tọa thủ đồng cung, có Khoa thì trong lúc loạn lạc gặp được đúng vua nên lập được sự nghiệp lớn lao

Kiếp Không Tỵ Hợi đồng vị tảo đạt (hay hoạnh phát) công danh (4, B57, TTL)

Giải: Kiếp Không đồng cung tại Tỵ Hợi thì công danh sớm đạt, theo TTL nhưng không bền

Tỵ Hợi Kiếp Không nhi phùng Quyền Lộc hoạnh đạt tung hoành (3)

Giải: Kiếp Không tại Tỵ Hợi gặp Quyền Lộc thì dũng lược và tài giỏi, can đảm, tung hoành ngang dọc, phát đạt nhanh chóng

Địa Không Địa Kiếp Tỵ Hợi lưỡng nghi ( B68)

Giải: NMB giải rằng Kiếp Không tại Tỵ Hợi thì phát mạnh như sấm sét

### **KHÔNG KIẾP TẠI CÁC CUNG**

Sinh lai bần tiện (nghèo hèn), Kiếp Không lâm Tài Phúc chi hương (16, B64)

Giải: Cung Tài hay Phúc có Kiếp Không tọa thủ thì là người nghèo hèn. TVT ghi thêm rằng: tuy nhiên nếu cung Phúc VCD được Kiếp Không hay Kinh Đà hội hợp

thi mộ phần kết phát, trong họ nhiều anh hùng hào kiệt nhưng phát không được bền. Không Kiếp cần hãm địa

Không Kiếp tại Phúc hương, thân tộc xuất ngoại tiêu loại (35)

Giải: cung Phúc có Kiếp Không thì trong họ có người đi xa chết

Phúc cung hãm ngộ Kiếp Không, họ hàng lắm kẻ hùng anh ở ngoài (33)

Giải: cung Phúc có Kiếp Không thì trong họ hàng có kẻ xưng hùng xưng bá ở phương xa. Theo TVT thì Không Kiếp hãm

Địa Kiếp lâm Phúc Đức nhi hữu tai (34, B77)

Giải: cung Phúc có Địa Kiếp thì cuộc đời hay gặp tai ương. TVT ghi trong họ gặp tai ương

Địa Kiếp Địa Không Ty Hợi lưỡng nghi (30)

Giải: TVT ghi rằng Quan Lộc an tại Ty Hợi có Không Kiếp thì phát mạnh như sấm sét

Tử cung Không Kiếp trùng gia, nuôi con không mát đã ba bốn lần (31)

Giải: cung Tử Tức có Không Kiếp thì ba bốn lần sinh con nuôi không được, sau mới nuôi được

Tử cung Không Kiếp trùng gia, bình phùng huyết tán thai bào phù hoa (32)

Giải: cung Tử Tức có Không Kiếp thì dễ con bị băng huyết hay có tràng hoa quần cổ

Kiếp Không ai nấy khá ngửa, lâm vào Huỳnh Đệ đơn sơ một mình (36)

Giải: cung Huỳnh Đệ có Không Kiếp thì không có anh chị em hoặc có cũng như không vì không nhờ cậy được

Phu Thê Không Kiếp trùng xung, trai hai ba độ mới xong cửa nhà (37)

Giải: cung Phu Thê có Không Kiếp thì hai ba đời vợ mới thành ổn định gia thất

#### KHÔNG KIẾP TẠI HẠN

Đà Kiếp trùng lâm hạnh Thiên Giải nhi khả cứu (36)

Giải: TVT giải rằng hạn có Đà La Địa Kiếp mà gặp Thiên Giải thì giải được

Kiếp Không lâm Hạn, Sở Vương táng quốc, Lục Châu vong (21)

Giải: Hạn có Không Kiếp thì như Sở Vương mất nước và tự tử, Lục Châu tự tử

Thạch Sùng cự phú (rất giàu) vận phùng Địa Kiếp dĩ vong gia (22)

Giải: Hạn gặp Địa Kiếp thủ thì giàu có như Thạch Sùng cũng bị tán gia bại sản

Không Kiếp Hình Kỵ Dương Đà, gian nan bệnh tật, mọi đường lo âu (23)

Giải: hạn gặp Không Kiếp Hình Kỵ Dương Đà thì bị bệnh tật hoặc có nhiều lo lắng hoặc gian nan

Kiếp Không tan sạch ra tro, đề phòng kéo phải lộ đồ Nam Kha (24)

Giải: hạn gặp Kiếp Không thì đề phòng chết đường như Hạng Vũ chết ở Ô Giang

Vận phùng Mão Dậu khá phiền, gặp sao Nguyệt Đức nạn liền tai qua (25)

Giải: TVT giải rằng hạn đến cung Mão Dậu có Kiếp Đà tất nhiều ưu phiền lo lắng nhưng nếu gặp sao Nguyệt Đức thì tai qua nạn khỏi

## KHỐC HƯ

Nữ Mệnh Khốc Hư tảo bạo (6)

Giải: Nữ Mệnh Khốc Hư thì gan dạ, tảo bạo

Khốc Hư ngộ hãm mạc đàm, Quý phùng không xứ ai làm cho nên (7)

Giải: Mệnh có Khốc Hư thì xấu không bàn đến, có Khôi Việt mà gặp Tuần Triệt án ngữ thì chẳng làm được việc gì

## KHỐC HƯ VỚI PHỤ TINH

Hư (Thiên Hư) Kinh, Tuế (Tuế Phá) Khách (Điều Khách) gia lâm, mãn thế đa phùng tang sự (3, TTL)

Giải: cung Mệnh có Thiên Hư tọa thủ, có Kinh Dương Tuế Phá Điều Khách hội hợp thì cuộc đời có nhiều tang tóc liên miên

Phượng Các quan giai, tu Khốc Hư nhi ba thiên hữu hoạn (B68)

Giải: Phượng Các gặp Khốc Hư thì có nhiều hoạn nạn. Chú ý Phượng Cát và Thiên Khốc luôn luôn tam hợp chiếu. Phượng Các tại Tỵ Hợi, Tí Ngọ, Dần Thân, Thìn Tuất thì gặp Khốc Hư cả bộ. Câu phú này cần xét lại

Mã ngũ Thiên Hình nhi phùng Thiên Khốc, Công Hoan phát võ (10)

Giải: Mã Hình gặp Khốc thì như Công Hoan phát về võ nghiệp

Khốc Quyền đồng cung, minh danh vu thế (20, TTL)

Giải: Mệnh có Khốc Quyền đồng cung thì uy quyền lừng lẫy, nếu ở Tí Ngọ có Khốc Quyền đồng cung thì càng rực rỡ, giàu sang phú quý

Thiên Khốc Hóa Quyền minh danh vu thế (B63)

Giải: Mệnh có Thiên Khốc Hóa Quyền thì có tiếng tăm lưu lại đời đời

### KHỐC HƯ VỚI CHINH TINH

Khốc, Khách, Kiếp, Phù mặc ngũ Cự, Dương chung thân đa lệ (5, TTL)

Giải: Cự, Nhật gặp Khốc, Khách, Địa Kiếp, Quan Phù hội hợp thì suốt đời gặp sự buồn phiền, đời đầy nước mắt. Theo TVT thì Phù là Bệnh Phù, Dương là Kinh Dương

### KHỐC HƯ TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Khốc Hư Tí Ngọ đồng cung, tiền bản hậu phú (1, TTL, B57)

Giải: Mệnh tại Tí Ngọ gặp Khốc Hư đồng cung thì lúc nhỏ nghèo túng nhưng về già thì giàu có

Tí Ngọ Khốc Hư tịnh thủ, nhất thế sinh anh hùng (2)

Giải: Mệnh tại Tí Ngọ gặp Khốc Hư đồng cung thì là người anh hùng

Chu Mãi Thần tiền bản hậu phú do hữu Khốc Hư chính hướng (4)

Giải: Khốc Hư tại chính hướng Tí Ngọ Mão Dậu thì lúc nhỏ nghèo túng nhưng về già thì giàu có

-----

Tí Ngọ Khốc Hư tịnh thủ, nhất thế xưng hùng (B70)

Giải: tuổi Tí Ngọ có Khốc Hư tại Tí hay Ngọ thì là đệ nhất anh hùng

### KHỐC HƯ TẠI CÁC CUNG

Khốc Hư lại gặp Dương Thần (Cô Thần), sinh nhiều nuôi ít gian truân xiết nào (10)

Giải: Khốc Hư gặp Cô Thần thì sinh nhiều nuôi ít và phải vất vả nuôi nấng con



cái

Khốc Hư Tí Ngọ vị, Quan cung lai nhập tiếng thì gần xa (11)

Giải: Quan Lộc tại Tí Ngọ gặp Khốc Hư tọa thủ thì tiếng tăm lừng lẫy

Khốc Hư phùng Tang Hỏa tại Phối cung, Phu Quân lưỡng mục bất minh (12)

Giải: Khốc Hư gặp Tang Hỏa tại Phu thì chồng có tật ở mắt hoặc bị mù lòa

### KHỐC HƯ TẠI HẠN

Khốc Hư Tang Mã chẳng lành, hại người hại của dễ sinh lo lường (8)

Giải: hạn gặp Khốc Hư Tang Mã thì hung, hại người, tổn của, lo lắng buồn phiền

Khốc Kinh Hình Hổ Tân Quý hạn phùng, tu nghiệp mệnh chung Khoa Lương vi giải (9)

Giải: tuổi Tân và Quý, hạn gặp Khốc Kinh Hình Hổ thì chết nhưng có Khoa Lương thì giải được

### TANG HỔ

Bạch Hổ cung lâm (tọa thủ), Trương Công chi cô hồn thích thích (1, B77)

Giải: Bạch Hổ thủ Mệnh thì rượu chè be bét như Trương Công

Nam nhân Tang Hổ hữu tài uyên bác (3, TTL)

Giải: nam nhân có Tang Hổ đắc địa tại Dần Thân Mão Dậu thì có tài, học rộng biết nhiều, thích hoạt động về chính trị, có tài xét đoán và lý luận sắc bén

Nữ Mệnh Hổ Riêu đa sự quả ưu (TTL)

Giải: Đàn bà Mệnh có Hổ Riêu tọa thủ đồng cung thì hôn phối thường bị trắc trở và hay bị ưu phiền sâu khổ về chồng con

Tang Môn thậm khổ ư Thiên La, thung huyền lãnh đạm, Quan Phù tồn kinh ư Địa Vong trất cốc bi sầu (B78)

Giải: Mệnh gặp Tang Môn ở cung Thìn là người sầu khổ, ở nơi huyền não vui vẻ cũng lãnh đạm. Quan Phù ở Tuất rất sợ, ắt có sự buồn phiền về gông cùm

Hổ Tang Điều (Điều Khách) Bình (Phục Bình) vị chi Tứ hung, hạnh ngộ Đồng tinh (Thiên Đồng) nhi hóa cát (B83)

Giải: Hổ Tang Điều Khách, Phục Bình là bốn hung tinh nhưng gặp Thiên Đồng thì lại trở thành tốt

### TANG HỔ VỚI PHỤ TINH

Nữ Mệnh Hổ Riêu, đa sự quả ưu (4, TTL)

Giải: Nữ Mệnh có Hổ Riêu đồng cung thì nhiều ưu phiền lo lắng như hôn phối trắc trở, hoặc sầu muộn vì chồng con

Bạch Hổ kiếp Tướng Quân, Đào Tiềm kiên ẩn (2, B79)

Giải: Đào Tiềm kiên tâm sống ẩn dật vì Bạch Hổ Tướng Quân đồng cung

Riêu phùng Bạch Hổ ác thú thương tàn (13)

Giải: Riêu gặp Bạch Hổ thì đề phòng ác thú cắn. Ở cung Tật cũng vậy

Đào Tang (Tang Môn) ở Mệnh cung sau trước, gái lăng lờ nhờ bước cầu ô (10)

Giải: Mệnh có Đào Hoa Tang Môn hội hợp thì trước sau là gái lăng lờ và lận đận về tình duyên. TVT giải mệnh có Đào Hoa Tang Môn hội hợp thì trước sau là gái lăng lờ kén chồng. Giải thích như vậy thì sai vì Đào Hoa và Tang Môn không bao giờ hội hợp nhau, chỉ có tuổi Tỵ Hợi thì Đào Hoa và Tang Môn nhị hợp và chỉ có tuổi Dần Thân Tỵ Hợi thì có Tang Môn đứng trước Đào Hoa theo chiều thuận.

Không có vị trí nào mà Đào Hoa và Tang Môn đứng cách nhau một cung cả. Câu phú này cần xét lại

### TANG HỔ VỚI CHÍNH TINH

#### TANG HỔ TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Khả úy (Khải úy) hàm Kim chi Bạch Hổ (12, B85)

Giải: Mệnh tại Dậu có Bạch Hổ tọa thủ là người có oai quyền lớn. TVT ghi ở cung Quan cũng vậy

#### TANG HỔ TẠI CÁC CUNG

Phúc cung ngộ Tang Đào Hồng tú (sao), trong họ hàng ắt có quả phụ (15)

Giải: cung Phúc có Tang Đào Hồng hội hợp thì họ hàng có người góa bụa

Bạch Hổ Tang Môn bất nghi ư Điền Trạch (11, B65)

Giải: Điền có Bạch Hổ Tang Môn thì rất xấu

Nữ Mệnh ác địa hiềm Thai phùng Bạch Hổ (14)

Giải: Tật Ách gặp thì đề phòng bị băng huyết

Tang Hổ Kiếp Kinh cư nhập Tử (cung Tử Tức) Âm Kỵ (Hóa Kỵ) lai xâm hữu tử tật nguyên (16)

Giải: TVT giải rằng cung Tử Tức có Tang Hổ Kiếp Kinh gặp Thái Âm hãm địa, Hóa Kỵ hội chiếu thì có con bị tàn tật

Tử Tức Hổ Tang nhi phùng Sát, Dục (Mộc Dục), hữu tử thốn thừa (17)

Giải: TVT giải rằng cung Tử Tức có Hổ Tang gặp Kiếp Sát, Mộc Dục sinh con thiếu tháng hoặc thừa ngón chân, ngón tay

#### TANG HỔ TẠI HẠN

Tang Môn Mã Nhận (Kinh Dương) Hợi cung, Hạn phùng năm ấy bò trâu chẳng lành (7)

Giải: Hạn gặp Tang Môn Mã Kinh Dương tại Hợi thì đề phòng súc vật bị dịch chết

Hổ Đà Kỵ Nhật toan tâm, hùm thiêng chó dữ lánh thân mới toàn (8)

Giải: hạn gặp Hổ Đà Kỵ Nhật thì đề phòng bị cọp hay chó cắn

Tang Điều (Điều Khách) hữu tương ngộ quan giao, tai bệnh lưỡng lưỡng tương phùng (9)

Giải: hạn gặp Tang Môn Điều Khách thì bị đau ốm hay gặp tang thương

Tang Môn Điều Khách Lục Châu trụ lâu chi ách (10)

Giải: Lục Châu té lâu chết vì hạn gặp Tang Môn Điều Khách

-----

Dương (Kinh Dương) Linh (Linh Tinh) tọa Mệnh, lưu niên Bạch Hổ tai thương (19)

Giải: Mệnh có Kinh Linh mà hạn gặp Lưu Bạch Hổ thì tai nạn tang thương rất xấu

Hạn phòng Riêu Hồ khá ngựa, những loài ác thú phải xa chớ gần (10)

Giải: Hạn có Riêu Hồ thì phải phòng ngựa những loài ác thú cắn

Khốc Hư Tang Mã chẳng lành, hại người hại của dễ sinh lo lường (8)

Giải: hạn gặp Khốc Hư Tang Mã thì hung, hại người, tổn của, lo lắng buồn phiền

Khốc Kinh Hình Hồ Tân Quý hạn phòng, tu nghiệp mệnh chung Khoa Lương vì giải (9)

Giải: tuổi Tân và Quý, hạn gặp Khốc Kinh Hình Hồ thì chết nhưng có Khoa Lương thì giải được

### THIÊN MÃ

Thiên Mã nhập Mệnh, mắn tiếp đa năng (1, B57)

Giải: Thiên Mã tại Mệnh thì nhanh nhẹn, thao vát, có nhiều tài năng

### THIÊN MÃ VỚI PHỤ TÍNH

Thiên Mã ngộ Tam Thai anh hùng vô đối (3, B69)

Giải: Thiên Mã gặp Tam Thai thì là anh hùng không có đối thủ, vô địch

Tính cần Mã Khúc ư tứ thập nhị tiền (4, B80)

Giải: Mệnh Mã Khúc nếu có tính cần kiem thì được hưởng phúc trước 40 tuổi

Mã ngộ (hoặc hỉ) Tràng Sinh, thanh vân đắc lộ (13, B58)

Giải: Thiên Mã gặp Tràng sinh thì công danh hoạnh đạt, hay gặp may mắn

Mã ngộ Trường Sinh nhi hưởng phúc (19)

Giải: Thiên Mã gặp Tràng sinh thì hưởng phúc lâu bền

Thiên Mã thiên trình ngộ Tràng Sinh nhi hưởng phúc (B77)

Giải: Thiên Mã gặp Tràng sinh thì hưởng phúc

Mã bất kiến Không (không gặp Tuần, Triệt, Thiên không, Địa Không) lương gia quân tử (là bậc quân tử con nhà lương thiện gia giáo) (8)

Giải: Thiên Mã không gặp sao Không (Tuần, Triệt, Thiên không, Địa Không) thì là bậc quân tử con nhà lương thiện gia giáo

Mã ngộ không vong chung thân bồn tẩu (5, 11)

Giải: Thiên Mã gặp Tuần hay Triệt án ngữ cả đời long dong nay đây mai đó

Thiên Mã ngộ Tuần không, chung thân bôn tẩu (B68)

Giải: Thiên Mã gặp Tuần án ngữ cả đời long dong nay đây mai đó

Vượng phu ích tử lương do Lộc Mã giao trì (6)

Giải: Lộc Mã thủ Mệnh hay chiếu Mệnh thì vượng phu ích tử

Mã Lộc ấy một phường hội ngộ, cách phi thường phong độ anh tài (7)

Giải: Mã Lộc hội hợp là cách hiếm có, là người tài giỏi, có phong độ

Mã ngộ Thiên Hình nhi phùng Thiên Khốc, Công Hoan phát võ (10)

Giải: Mã Hình gặp Khốc thì như Công Hoan phát về võ nghiệp

Chích Hỏa (Hỏa Tinh) phản Thiên Mã bất nghi xuất hành (hay viễn hành) (15)

Giải: Mệnh hay Thiên Di có Mã gặp Hỏa thì không nên đi xa bất lợi. TTV ghi thêm gặp Linh Tinh thì cũng vậy

Hình Hỏa kị phản Thiên Mã (B71)

Giải: Thiên Mã gặp Hình Hỏa thì nguy hiểm

Mã Lộc ngộ Tướng (Tướng Quân) mấy ai, giàu sang đến trước đàn trai anh hùng (21)

Giải: Mã Lộc gặp Tướng Quân thì là người giàu sang và anh hùng

-----

Hỏa Linh ngộ Mã oan gia, đề phòng hỏa hoạn mới là khỏi tai (9)

Giải: Hạn có Hỏa Linh gặp Mã thì đề phòng hỏa hoạn

Dương Đà phùng Mã trực xung (Mã xung chiếu), Những là đánh Bắc dẹp Đông chẳng rời (14)

Giải: Kinh hay Đà thủ gặp Mã xung chiếu thì là số nhà binh phải đánh Đông dẹp Bắc mãi không thôi

Tràng Sinh tại Hợi, Tuyệt xứ phùng sinh, nhi phùng Thiên Mã lộ đồ bôn tẩu (40)

Giải: Mã Tràng Sinh đồng cung tại Hợi là người phải hay bôn ba lận đận

Mã ngộ Trường Sinh nhi hưởng phúc (19)

Giải: Thiên Mã gặp Tràng sinh thì hưởng phúc lâu bền

Thiên Mã thiên trình ngộ Tràng Sinh nhi hưởng phúc (B77)

Giải: Thiên Mã gặp Tràng sinh thì hưởng phúc

Lã Hậu chuyên quyền, lưỡng trùng Thiên Lộc, Thiên Mã (16)

Giải: Lã Hậu kiêm việc triều chính vì cung Mệnh tại Dần có Lộc Tồn Hóa Lộc gặp Thiên Mã. TVT giải rằng Lộc Tồn gặp Thiên Mã tọa thủ đồng cung nên lời giải không chính xác

Lộc Mã tới hỉ giao trì, chúng nhân sung ái (10, TTL)

Giải: Mệnh có Thiên Mã thủ, Lộc Tồn xung chiếu hoặc có Lộc thủ Thiên Mã xung chiếu thì giàu có, dễ kiếm tiền và được nhiều người thương mến. Thiết tưởng Lộc Mã đồng cung cùng có nghĩa như vậy

Lộc Tồn Thiên Mã đồng gia (đồng cung), có người buôn một bán ba nên giàu (24)

Giải: Mệnh có Lộc Tồn Thiên Mã đồng cung thì buôn bán phát đạt mà trở nên giàu có

Thiên Lộc Thiên Mã kinh nhân giáp đệ (18)

Giải: TVT giải rằng Mệnh có Lộc Tồn Thiên Mã đồng cung thì văn chương lỗi lạc danh thếp. Chú ý câu phú này không đề cập là phải đồng cung

Lộc đảo, Mã đảo, kị Kiếp Không Thái Tuế (10, TTL)

Giải: Mệnh có Lộc Tồn tọa thủ, Mã xung chiếu hay có Mã thủ, Lộc Tồn xung chiếu nếu gặp Kiếp Không Tuế hội hợp thì mờ ám xấu xa, suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, công danh trắc trở, hay phải lo lắng về sinh kế và khó tránh tai họa

Khoa Quyền Lộc Mã tu phòng (đề phòng) Không Kiếp ám xung (5)

Giải: Khoa Quyền Lộc Mã hội hợp bị Không Kiếp xâm phạm thì mất nhiều ảnh hưởng, tốt đẹp sẽ giảm đi nhiều

THIÊN MÃ VỚI CHÍNH TINH

Mệnh ngộ Mã Lương, túng du vô yếm (2)

Giải: Mệnh ngộ Mã Lương thì thích đi đây đi đó, đàn bà thì dâm dật

Mệnh Thân đồng tọa như Hỏa cung hoặc lâm Hợi địa đồng cung VCD khủng kiến

Mã Hình Linh Kiếp thủ chung hoa khai ngộ vũ, mãn thế phi bản tắc yếu (23)

Giải: Mệnh Thân đồng cung an tại Tỵ Ngọ hoặc Hợi VCD rất sợ gặp Mã Hình Linh Kiếp hội hợp ví như hoa nở đã gặp mưa gió vùi dập nên rất xấu xa, nếu giàu sang thì chết sớm, nghèo hèn thì sống thọ

Thiên Mã tại Tỵ thị ư Chiến Mã, hạnh ngộ Lương Khoa loạn thế xuất đầu (11)

Giải: Thiên Mã tại Tỵ là Chiến Mã, gặp Lương Khoa thì rất tốt, là người tài ba lỗi lạc, gặp thời loạn thì hoành đạt

Tề Tử kiến Kim phu giai do Phá Quân phùng Thiên Mã (B81)

Giải: có Phá Quân gặp Thiên Mã như người nước Tề gặp người nước Kim, đồ kị nhau, nghĩa là Phá Quân không nên gặp Thiên Mã

-----

Linh phùng Mã, nhi ngộ Kinh Đà, hữu tật tứ chi (TTL)

Giải: Mệnh có Linh Mã gặp Kinh hay Đà thì chân tay bị tàn tật. Theo TTL thì Linh Mã cần đồng cung

Không Kiếp hà hiềm Tỵ Hợi, Tướng Mã đồng cư chi hội Khoa Tinh, loạn thế phùng quân chi cách (TTL)

Giải: Mệnh ở Tỵ Hợi có Kiếp Không Tướng Mã tọa thủ đồng cung, có Khoa thì trong lúc loạn lạc gặp được đúng vua nên lập được sự nghiệp lớn lao

#### THIÊN MÃ TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

##### THIÊN MÃ TẠI CÁC CUNG

Mã ngộ Khốc nhi phùng Hình Quyền Lộc tại Quan cung võ tất thắng ban đệ nhất, văn hội chuyên đạt Tam Công (9)

Giải: cung Quan có Mã gặp Khốc Hình Quyền Lộc thì phát về võ nghiệp, làm quan văn thì đến nhất phẩm

Thiên Mã yếu thủ ư Điền Tài (18, B63)

Giải: Thiên Mã nên ở Điền Tài thì rất tốt đẹp, lúc phát thì điền tài vào nhanh như ngựa chạy

Lộc Mã Thiên Di sinh tài hữu lực (14, B63)

Giải: Thiên Di có Lộc Mã thì giàu có lớn, ra ngoài buôn bán tiền vào như nước



Long dong Đông tẩu Tây trì, bởi vì Thiên Mã cư Di hãm nhàn (16)

Giải: Thiên Di an tại Hợi có Mã thì long dong vất vả

Trai thì du thủy du sơn, Thiên Di ngộ Mã nơi vườn Đào Hoa (17)

Giải: Thiên Di có Mã Đào Hoa thì hay đi đây đó

Tử cung Thiên Mã phùng không, gặp sao Phụ Bát một vùng sanh đôi (20)

Giải: cung Tử Tức có Thiên Mã gặp Không (Tuần Triệt) thêm Tả Hữu thì có con sanh đôi

Thiên Mã Tứ Sinh Thê cung phú quý hoàng dương phong tặng (22)

Giải: Phu Thê an tại Dần Thân Ty Hợi có Thiên Mã tọa thủ thì đi xa mà nên duyên vợ chồng và thường là người giàu có, phú quý song toàn

#### THIÊN MÃ TẠI HẠN

Ngán thay Lộc Mã cùng lưu, Dương Đà Kỵ Nhật mắt đau phải phòng (22)

Giải: Lưu Lộc Tồn, Lưu Thiên Mã gặp Kinh Đà Hóa Kỵ Thái Dương thì phải đề phòng bệnh đau mắt

----

Hình họa kỵ phân Thiên Mã (12)

Giải: Hạn có Thiên Mã gặp Hình họa rất nguy hiểm

Khốc Hư Tang Mã chẳng lành, hại người hại của dễ sinh lo lường (8)

Giải: hạn gặp Khốc Hư Tang Mã thì hung, hại người, tổn của, lo lắng buồn phiền

Tang Môn Mã Nhận (Kinh Dương) Hợi cung, Hạn phùng năm ấy bò trâu chẳng lành (7)

Giải: Hạn gặp Tang Môn Mã Kinh Dương tại Hợi thì đề phòng súc vật bị dịch chết

#### HOA CÁI

Hoa Cái Thiên Di xuất ngoại cận quý (2)

Giải: Thiên Di có Hoa Cái thì ra ngoài gần người quyền quý

Nam tử Hoa Cái cư Thân, xuất ngoại đa ái (2)

Giải: Nam nhân cung Thân có Hoa Cái thì ra ngoài được nhiều người thương yêu

### HOA CÁI

#### HOA CÁI VỚI PHỤ TINH

Hoa Cái Tấu Thư thanh cao tủng chúng (4)

Giải: Mệnh Hoa Cái Tấu Thư hội hợp thì thanh cao hơn người

Mộc Dục Hoa Cái thủ Mệnh hoang dã (9)

Giải: Mệnh có Hoa Cái Mộc Dục thì rất dâm dật

----

Kình Riêu Hoa Cái Thai Đà, vận phùng năm ấy đậu hoa phải phòng (37)

Giải: hạn gặp Kình Riêu Hoa Cái Thai Đà thì đề phòng bị bệnh đậu mùa hoặc bị rở mặt

Miệng ngấp, ngấp miệng không thông thái (nói cà lăm, nói lắp), vì Tuế Đà Riêu Cái (Hoa Cái) Mệnh viên

#### HOA CÁI VỚI CHÍNH TINH

#### HOA CÁI TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

#### HOA CÁI TẠI CÁC CUNG

Hoa Cái Thiên Di, xuất ngoại cận quý (B58)

Giải: Thiên Di có Hoa Cái thủ thì ra ngoài dễ giao du và gần bậc quý nhân

Hoa Cái Phượng Cát Đào Hồng, trai toan bỏ vợ trong lòng chẳng khuây (cung Thê) (5)

Giải: cung Thê có Hoa Cái Đào Hồng thì tính toán bỏ vợ

#### TỬ ĐỨC

#### THIÊN ĐỨC, NGUYỆT ĐỨC HÀNH HỎA

Thiên Nguyệt Đức Giải Thần tàng, cùng là Quan Phúc một làng trừ hung (19)

Giải: Thiên Đức, Nguyệt Đức, Giải Thần, Thiên Quan, Thiên Phúc đều là các sao giải họa

-----

Thiên Nguyệt Đức ngộ Đào Tinh, trai sinh gái đẹp vợ lành chồng sang (15)

Giải: Thiên Nguyệt Đức gặp Đào Hoa thì là người xinh đẹp, lấy được vợ hiền chồng sang. TVT ghi Đào Hoa hay Tham Lang miêu vượng vì Tham Lang cùng là Đào Hoa tinh. Chú ý không có tuổi nào mà Thiên Đức Nguyệt Đức Đào Hoa đồng cung với nhau, do đó cần một thủ đồng cung, một chiếu. Tuổi Tí Ngọ, Mão Dậu thì có Phúc Đức Thiên Đức đồng cung có Nguyệt Đức chiếu, tuổi Sửu Mùi Thìn Tuất thì Đào đồng cung với Nguyệt Đức và có Phúc Đức Thiên Đức chiếu.

Vận phùng Mão Dậu khá phiền, gặp sao Nguyệt Đức nạn liền tai qua (25)  
Giải: TVT giải rằng hạn đến cung Mão Dậu có Kiếp Đà tất nhiều ưu phiền lo lắng nhưng nếu gặp sao Nguyệt Đức thì tai qua nạn khỏi

### THÁI TUẾ

Thân cư Thái Tuế, dữ nhân quả hợp (24, B58)

Giải: Thân có Thái Tuế thì là người ít có người gần gũi hợp với mình, ít bạn bè. TVT cho rằng ở Mệnh cũng vậy

Dậu cung Thái Tuế Thiên Hình, tai bay vạ gió dễ sinh khôn cầm (30)

Giải: cung Dậu có Thái Tuế Thiên Hình thì dễ gặp tai bay họa gió. Chú ý Thiên Hình cư Dậu thì đặc địa

### THÁI TUẾ VỚI PHỤ TINH

Thái Tuế ngộ Dương Đà đa chiêu khẩu thiệt

Giải: Thái Tuế gặp Dương Đà dễ bị mang tiếng thị phi khẩu thiệt (28)

Miệng ngấp, ngấp miệng không thông thái (nói cà lăm, nói lắp), vì Tuế Đà Riêu Cái (Hoa Cái) Mệnh viên

Thân nội Tuế phùng Đà Kỵ mạc đạo phồn hoa (B69)

Giải: Thân có Thái Tuế gặp Đà Kỵ thì không thể sống nơi phồn hoa náo nhiệt.

NMB giải rằng Thân có Thái Tuế gặp Đà Kỵ thì là kẻ quê mùa ngu độn

Thân (cung Thân) nội (có) Tuế phùng Đà Kỵ mạc đạo phồn hoa (25)

Giải: cung Thân có Thái Tuế Đà Kỵ hội hợp thì khó lòng ở chốn phồn hoa. TVT ghi rằng là người quê mùa ngu độn

Xương Khúc học lực, phùng Tuế Dương thiên tác tụng sư (17, B67)

Giải: Mệnh có Xương Khúc tọa thủ gặp Thái Tuế Kinh Dương hội hợp thì có tài lý luận, nguy biến, thường là luật sư

Mệnh Đào Thân lại Hồng Loan, vận phùng Thái Tuế, khả hoàn thấy chi (16)

Giải: Mệnh Đào Thân Hồng hạn có Thái Tuế thì không có ai lai vãng

Lộc đảo, Mã đảo, kị Kiếp Không Thái Tuế (10, TTL)

Giải: Mệnh có Lộc Tồn tọa thủ, Mã xung chiếu hay có Mã thủ, Lộc Tồn xung chiếu nếu gặp Kiếp Không Tuế hội hợp thì mờ ám xấu xa, suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, công danh trắc trở, hay phải lo lắng về sinh kế và khó tránh tai họa

### THÁI TUẾ VỚI CHÍNH TINH

Thái Tuế phùng Thất Sát u Mệnh viên (tại cung Mệnh) hưng trung gia diệu toán (26)

Giải: Mệnh có Thất Sát gặp Thái Tuế thì có cơ mưu, tính toán giỏi

Thái Tuế phùng Thất Sát trí dũng hữu dư (trí dũng có thừa) (B69)

Giải: Mệnh có Thất Sát gặp Thái Tuế thì mưu trí dũng mãnh có thừa

Tuế (Thái Tuế) Xương Thìn Tuất hỷ phùng Sát (Thất Sát) Phá (Phá Quân) Tả Hữu Mộ Khoa lai củng (hội hợp), võ tất đạt cao, quyền binh quan gia (31)

Giải: Thái Tuế Văn Xương tại cung Thìn Tuất gặp Thất Sát, Phá Quân, Tả Hữu Mộ Khoa hội hợp thì hiển vinh về võ nghiệp, quyền cao chức trọng, giỏi về quân sự, chiến lược, chiến thuật

### THÁI TUẾ TẠI CÁC CUNG

#### THÁI TUẾ TẠI HẠN

Thái Tuế lâm Mệnh cô bản đa hữu thọ, phú quý tác yếu vong giai do hạn ngộ Lộc hãm Triệt Tuần (32)

Giải: Mệnh có Thái Tuế nếu cô đơn bản cùng thì lại sống lâu. Hạn có Lộc hãm bị Triệt Tuần thì nếu phú quý thì bị chết yếu. TVT giải rằng Mệnh có Thái Tuế Thiên Thọ tọa thủ đồng cung, tài quan Di có Lộc tọa thủ gặp Triệt hay Tuần án ngữ nếu hạn đến cung đó mà phát đạt thì không thọ. Lời giải thích này không đúng

Quan Phù, Thái Tuế vận phùng, tháng ngày chức kiến cửa công mỗi mồn (32)

Giải: hạn gặp Thái Tuế Quan Phù thì chỉ đi hầu tòa suốt năm hoặc có chuyện kiện

thừa

Tuế Đà Kỵ Cự vận nghèo, qua sông vượt biển ba đào chẳng yên (34)

Giải: hạn gặp Tuế Đà Kỵ Cự thì nghèo túng, bốn ba kiếm sống cũng chẳng đủ ăn lại phải đề phòng về tai nạn sông nước

Thái Tuế Phục Binh Kỵ (Hóa Kỵ) xung, cùng người tranh cạnh trong lòng chẳng khuây (35)

Giải: hạn gặp Tuế Phục Kỵ thì gặp chuyện bức mình vì cạnh tranh với người

Mấy người Mệnh Tuế một vì, hạn vào năm đó vận thì gian nan (36)

Giải: Mệnh Thái Tuế, gặp hạn có Thái Tuế thì phải gian nan điều đứng

Cánh hiềm Thái Tuế Quan Phù chi quan phi khẩu thiệt quyết bất không (37)

Giải: hạn gặp Thái Tuế Quan Phù hội hợp thì đề phòng miệng tiếng thị phi, kiện tụng

Thái Tuế, Quan Phù công tri hữu thấp chi ưu (38)

Giải: hạn gặp Thái Tuế Quan Phù nên ưu phiền bị miệng tiếng thị phi

### THÁI TUẾ TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Tuế Đà thiết kỵ ư Dần Thân (27)

Giải: Mệnh an tại Dần Thân có Tuế Đà tọa thủ đồng cung thì hay bị tai tiếng và thừa kiện, hình ngục

### QUAN PHÙ

Quan Phù hành Hỏa

Quan Phù tôn kinh ư (rất sợ khi cư ở) Địa Vong trất cốc bi sầu (13)

Giải: Mệnh an tại Tuất có Quan Phù tọa thủ thì có sự buồn rầu về công cù

Quan Phù thủ viên ti thủ phòng nhân chi phản (16)

Giải: Mệnh có Quan Phù tọa thủ thì phải đề phòng người phản mình

----

Dương Đà Quan Phù ư hãm địa, loạn thuyết chi nhân (11)

Giải: Kinh hay Đà hãm gặp Quan Phù thì ăn nói hồ đồ, lung tung, không đâu vào

đâu

Phù Hình Không Kiếp khá chê, kẻ thù người oán phải dè mình thay (14)

Giải: TVT giải rằng hạn gặp Quan Phù Thiên Hình thì có nhiều kẻ thù oán cần phải e dè thận trọng)

Tang Môn thậm khổ ư Thiên La, thung huyền lãnh đạm, Quan Phù tồn kinh ư Địa Vong trất cốc bi sầu (B78)

Giải: Mệnh gặp Tang Môn ở cung Thìn là người sầu khổ, ở nơi huyền não vui vẻ cũng lãnh đạm. Quan Phù ở Tuất rất sợ, ắt có sự buồn phiền về công cùm

### ĐIỀU KHÁCH

Điều Khách hành Hỏa

Điều Khách du phòng tiều cô (14)

Giải: hạn gặp Điều Khách tọa thủ thì nên đề phòng hình phạt nhỏ

-----

Kình Hư Tuế Khách gia lâm, mãn thế đa phòng tang sự (44, TTL)

Giải: Kình gặp Thiên Hư, Tuế Phá, Điều Khách thì suốt đời đề phòng có tang, trai sát vợ, gái sát chồng, nếu không cũng phải sớm xa cách cha mẹ anh em. Cần phải Kình hãm địa

Hư (Thiên Hư) Kình, Tuế (Tuế Phá) Khách (Điều Khách) gia lâm, mãn thế đa phòng tang sự (3, TTL)

Giải: cung Mệnh có Thiên Hư tọa thủ, có Kình Dương Tuế Phá Điều Khách hội hợp thì cuộc đời có nhiều tang tóc liên miên

Hổ Tang Điều (Điều Khách) Binh (Phục Binh) vị chi Tứ hung, hạnh ngộ Đồng tinh (Thiên Đồng) nhi hóa cát (B83)

Giải: Hổ Tang Điều Khách, Phục Binh là bốn hung tinh nhưng gặp Thiên Đồng thì lại trở thành tốt

Tang Điều (Điều Khách) hữu tương ngộ quan giao, tai bệnh lưỡng lưỡng tương phòng (9)

Giải: hạn gặp Tang Môn Điều Khách thì bị đau ốm hay gặp tang thương

Tang Môn Điều Khách Lục Châu trụ lâu chi ách (10)

Giải: Lục Châu té lâu chết vì hạn gặp Tang Môn Điều Khách

**THIÊN KHÔNG**

Thiên Không liệt ư Mệnh viên, chung thân phong hoa ách (1, B64)

Giải: Mệnh có thân Không thủ thì cả đời vương tai ách về chuyện trai gái, tình cảm

**THIÊN KHÔNG VỚI PHỤ TINH**

Thiên Không phùng Hỏa Linh do như bán thiên triết triệu (2)

Giải: Mệnh an tại Tí Ngọ Mão Dậu có Thiên Không gặp Hỏa Linh hội hợp thì là người anh hùng gan góc trầm tĩnh, tuy công danh lên như điều gặp gió nhưng thường bị gãy cánh, đổ vỡ lưng chừng

Kim ly phùng không bắt phiêu lưu tắc đa tật khó (4)

Giải: TVT giải rằng Mệnh VCD gặp Thiên Không tọa thủ hay xung chiếu nếu không có nhiều Quý Tinh hội hợp thì phải này đây mai đó nếu không thì phải mang bệnh tật nghèo khổ

**THIÊN KHÔNG VỚI CHÍNH TINH****THIÊN KHÔNG TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG****THIÊN KHÔNG TẠI CÁC CUNG**

Thiên Không Hóa Kỵ tối kỵ Quan cung, nhi phùng Âm Dương phản bối (hãm địa) công danh văn tuệ tất thành (7)

Giải: Quan Lộc rất kỵ gặp Thiên Không Hóa Kỵ, nếu gặp Nhật Nguyệt hãm địa tọa thủ thì lại thành sáng sủa tốt đẹp nhưng về già mới thành đạt. TVT giải rằng Quan Lộc rất kỵ gặp Thiên Không Hóa Kỵ, nếu an tại Thìn Tuất Sửu Mùi gặp Nhật Nguyệt hãm địa tọa thủ thì lại thành sáng sủa tốt đẹp nhưng về già mới thành đạt

**THIÊN KHÔNG TẠI HẠN**

Mệnh Không hạn Không vô cát tẩu, công danh tăng trùng (3)

Giải: Mệnh Không (Tuần Triệt) gặp hạn Không nếu không có cát tinh thì công danh trắc trở. TVT giải rằng Mệnh Thiên Không hạn Địa Không hoặc Mệnh Địa Không hạn Thiên Không nếu không có cát tinh thì công danh trắc trở



Hạng Võ anh hùng, hạn ngộ Thiên Không nhi táng quốc (5)

Giải: Hạng Võ là bậc anh hùng nhưng gặp hạn có Thiên không thù thì sự nghiệp tan vỡ, bị mất nước

Vận ngộ Thiên Không Địa Kiếp Nguyễn Tịch hữu bản hàn chi khổ (7)

Giải: Nguyễn Tịch lâm vào cảnh nghèo đói do hạn gặp Thiên Không Địa Kiếp

CÔ THẦN, QUẢ TÚ HÀNH THỔ

CÔ THẦN, QUẢ TÚ VỚI PHỤ TINH

Văn Xương phùng Quả Tú, Trương Đế Sư bộ tầm tiên (19, B79)

Giải: Văn Xương gặp Quả Tú thì giống như Trương Đế Sư là người cô độc, xa lánh việc trần tục đi tìm cõi tiên

CÔ THẦN, QUẢ TÚ VỚI CHÍNH TINH

Vũ Khúc lâm Cô Thần, Hán Nguyên tần tần khứ qui (B79)

Giải: Hán Nguyên trừ quỷ ma do Vũ Khúc gặp Cô Thần

CÔ THẦN, QUẢ TÚ TẠI 12 CUNG

CÔ THẦN, QUẢ TÚ TẠI CÁC CUNG

Cô Thần, Quả Tú yếu thủ ư Điền Tài (1, B65)

Giải: Cô Thần, Quả Tú thủ ở Điền Tài rất tốt làm cho của cải không bị hao hụt

CÔ THẦN, QUẢ TÚ TẠI HẠN

-----

Khốc Hư lại gặp Dương Thần (Cô Thần), sinh nhiều nuôi ít gian truân xiết nào (10)

Giải: Khốc Hư gặp Cô Thần thì sinh nhiều nuôi ít và phải vất vả nuôi nấng con cái

VÒNG TRÀNG SINH

TRÀNG SINH

TRÀNG SINH VỚI PHỤ TINH

----

Thiên Mã ngộ Tam Thai anh hùng vô đối (3, B69)

Giải: Thiên Mã gặp Tam Thai thì là anh hùng không có đối thủ, vô địch

Mã ngộ Trường Sinh nhi hưởng phúc (19)

Giải: Thiên Mã gặp Tràng sinh thì hưởng phúc lâu bền

Thiên Mã thiên trình ngộ Tràng Sinh nhi hưởng phúc (B77)

Giải: Thiên Mã gặp Tràng sinh thì hưởng phúc

### TRÀNG SINH VỚI CHÍNH TINH

Tràng Sinh Đế Vượng tại Mệnh viên, kiêm phùng Tử Phủ quảng đại chi nhân (39)

Giải: Mệnh Tử Phủ gặp Tràng Sinh Đế Vượng thì là người quảng đại, không chấp nhất chuyện nhỏ nhen)

### TRÀNG SINH TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Tràng Sinh tại Hợi, Tuyệt xứ phùng sinh, nhi phùng Thiên Mã lộ đồ bồn tẩu (40)

Giải: Mã Tràng Sinh đồng cung tại Hợi là người phải hay bồn ba lận đận

### TRÀNG SINH TẠI CÁC CUNG

Tràng Sinh Đế Vượng tại Tử cung, Lộc Quyền chiếu cung đa sinh quý tử (41)

Giải: cung Tử Tức có Tràng Sinh Đế Vượng gặp Lộc Quyền chiếu thì sinh nhiều con, có tài, làm nên, quý hiển

Tràng Sinh Đế Vượng đa nhân (nhiều con cái), giáp Thai Nhật Nguyệt một lần sinh đôi (42)

Giải: Tử Tức có Tràng Sinh Đế Vượng thì nhiều con cái. Giáp Nhật Nguyệt có Thai thì có lần sinh đôi

### TRÀNG SINH TẠI HẠN

### MỘC DỤC

Mộc Dục liệt thủ chỉ hiệu dã dong (8, B58)

Giải: NMB giải thích Mệnh có Mộc Dục thủ thì có khiếu về nghề thợ rèn

Mộc Dục độc thủ chi hảo dã dong (11)

Giải: TVT giải Mệnh có Mộc Dục thủ thì thích làm dáng chung diện

Hỏa Linh Trì (Long Trì) Mộc (Mộc Dục) sáng soi, lánh mình lửa cháy, nước sôi chỗ gần (8)

Giải: Hạn gặp Hỏa Linh, Long Trì, Mộc Dục thì đề phòng lửa và nước sôi

-----

Riêu Tướng Mộc (Mộc Dục) Kinh Khoa Sát lão hạn dị tắc dâm loạn Võ Hậu (12)

Giải: tuổi già hạn có Riêu Tướng Mộc Dục Kinh Khoa Sát thì gái trai dâm đảng như Võ Hậu. TVT cho rằng Sát là sát tinh và Tướng là Tướng Quân hay Thiên Tướng

Mộc Dục Hoa Cái thủ Mệnh hoang dâm (9)

Giải: Mệnh có Hoa Cái Mộc Dục thì rất dâm dật

#### MỘC DỤC TẠI CÁC CUNG

Làng có giếng không chẳng uống, sao Mộc tinh chiếu xuống tậ cung (10)

Giải: cung Tậ Ách có Mộc Dục tọa thủ thì không nên gần giếng ao sông bị chết đuối

#### ĐẾ VƯỢNG

##### ĐẾ VƯỢNG TẠI CÁC CUNG

Đế Vượng ngộ Thai soi cùng Tướng, có dị bào trong áng đệ huynh (25)

Giải: Cung Huynh Đệ có Đế Vượng gặp Thai và Tướng Quân hội hợp thì có anh em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha

#### TỬ

##### TỬ TẠI CÁC CUNG

Họ hàng có kẻ binh đao, Tướng Binh Tử Tuyệt đóng vào Phúc cung (11)

Giải: cung Phúc Đức có Tướng Binh Tử Tuyệt thì trong họ có người chết trận

#### MỘ

**MỘ TẠI HẠN**

Mộ Tinh ngộ Nhật, thân phụ nan toàn (13)

Giải: hạn gặp sao Mộ tọa thủ đồng cung với Thái Dương thì cha đau nặng hoặc chết

**THAI**

Thai lâm Mệnh vị, đa học thiếu thành (1, B60)

Giải: Mệnh có Thai thủ thì học nhiều nhưng không thành đạt

-----

Kình Riêu Hoa Cái Thai Đà, vận phùng năm ấy đậu hoa phải phòng (37)

Giải: hạn gặp Kình Riêu Hoa Cái Thai Đà thì đề phòng bị bệnh đậu mùa hoặc bị rở mặt

**THAI VỚI PHỤ TINH**

Thai tinh Mộ diệu đa học thiếu thành (2)

Giải: Mệnh có Thai Mộ hội hợp thì tuy có học nhưng không đỗ đạt

Thai phùng Kiếp Sát tu phòng sinh sản (10)

Giải: có Thai gặp Kiếp Sát thì sanh đẻ khó khăn

Thai phùng Sát, Dục (Mộc Dục) tu phòng sản phụ (3)

Giải: TVT giải rằng tại Mệnh, Tật hay Tử Tức có Thai gặp Sát (Kiếp Sát) Mộc Dục thì sanh đẻ khó khăn cần đề phòng

Đào Hồng Thai Hỉ (Thiên Hỉ) trong soi, ngoài gia Binh Tướng (Tướng Quân) gái trai ngang tàng (17)

Giải: Đào Hồng Thai Hỉ (Thiên Hỉ) gặp Tướng Quân thì trai gái nguyệt hoa bừa bãi

Thai Tinh (sao Thai) mà gặp Đào Hoa, tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng (28)

Giải: Phu Thê có Thai Đào tọa thủ thì vợ chồng đi lại ăn ở với nhau rồi mới lấy nhau

**THAI VỚI CHÍNH TINH**

Tướng Phá Phục nội tàng Thai diệu, ngoại Hồng Đào tu chiếu Thiên Di. Nam

nhân dân dục thị phi, nữ nhân tắc kỷ kẻ chê người cười ( (26)

Giải: Mệnh có Phá Quân, Thiên Tướng Thai tọa thủ, cung Thiên Di có Phục Binh và Đào Hồng chiếu thì đàn ông là người dân loạn, đàn bà là gái ăn chơi trác nết bị người chê cười

### THAI TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

#### THAI TẠI CÁC CUNG

Nữ Mệnh Thai Đào phùng Kiếp (Kiếp Sát) gián đoạn tử cung (tại cung Tử Tức thì hiếm con) (4)

Giải: TVT giải rằng nữ Mệnh có Thai Đào gặp Kiếp Sát thì hiếm con

Thai tinh ngộ Thái Âm cung Tử, hắc rằng con cầu tự mới sinh (5)

Giải: cung Tử Tức có Thai gặp Thái Âm thì cần phải cầu tự mới có con

Tử cung Thai Tướng Phục Binh, vợ chồng ắt đã tư sinh thuở nào (6)

Giải: cung Tử có Thai Tướng Phục Binh thì vợ chồng đã ăn ở với nhau rồi mới lấy nhau. TVT giải rằng vợ chồng đã có con riêng rồi mới lấy nhau

Thai phùng Tả Hữu hội cung, Nam nhân ắt có con dòng thiếp thê (8)

Giải: Tử Tức có Thai tọa thủ gặp Tả Hữu thì có con giòng vợ nhỏ

Tử cung Thai ngộ Hỏa Linh, bào thai những giống yêu tinh muợn phiền

Giải: Tử Tức có Thai gặp Hỏa hay Linh thì buồn phiền vì sinh con quái thai (9)

### THAI TẠI HẠN

Thai phùng Đào Hỉ vận này, vợ chồng mừng đã đến ngày nở hoa (hạn sanh con) (12)

Giải: hạn có Thai phùng Đào Hỉ thì có con. Theo TVT thì Hỉ là Thiên Hỉ

### DƯỠNG

#### DƯỠNG VỚI CHÍNH TINH

#### DƯỠNG TẠI CÁC CUNG

Dưỡng hỉ lâm ư Tử Tức tất sanh con quý tử (7)

Giải: Tử Tức có Dưỡng thì có con quý tử

## VÒNG BÁC SĨ

## LỰC SĨ

Kinh Dương phùng Lực Sĩ, Lý Quảng nan phong hầu (9, TTL)

Giải: Kinh Dương Lực Sĩ đồng cung thì như Lý Quảng tài giỏi lập nên công trạng nhưng không được phong thưởng xứng đáng

Lý Quảng sức địch vạn chúng thị hữu Kinh Dương Lực Sĩ (8, TTL)

Giải: Kinh Dương Lực Sĩ đồng cung thì như Lý Quảng khoẻ mạnh địch được muôn người

## THANH LONG

## THANH LONG VỚI PHỤ TINH

Thanh Long vạn phái thừa Mộc Dục dĩ thanh quang (1, B77)

Giải: Mệnh Thanh Long tọa thủ gặp Mộc Dục thì được tiếng tốt

Long (Thanh Long) cốt liên Quan (Quan Đới), hiên ngang lẫm miếu (3, B78)

Giải: NMB giải rằng Mệnh có Thanh Long gặp Quan Đới thì là người hiên ngang ở ngoài đời cũng như trong triều đình

## THANH LONG VỚI CHÍNH TINH

## THANH LONG TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Khảm nghi hí Thủy chi Thanh Long (4, B85)

Giải: Mệnh an tại Hợi Tí có Thanh Long tọa thủ nên rất tốt đẹp như rồng gặp nước. NMB chỉ ghi là tại cung Tí mà thôi

Thanh Long phiếm hải (biển cả), Thái Công chi triều đầu hân hân (B77)

Giải: Thanh Long tại cung Hợi hay Tí thì rất tốt như Thái Công vui mừng gặp Văn Vương, ý nói gặp thời vận tốt đẹp

Thanh Long Thìn Thổ Đinh Kỷ Âm Nam gia hợp Kỵ tinh công danh toại mãn (5)

Giải: Mệnh Tài Quan ở Thìn thuộc Thổ có Thanh Long tọa thủ, đàn ông tuổi Đinh Kỷ là hợp cách, nếu thêm Hóa Kỵ thì công danh như rồng mây gặp hội tất làm nên vinh hiển và được hưởng giàu sang trọn đời. Chú ý tuổi Đinh Mệnh tại Thìn có Thái Dương thủ thì có Hóa Kỵ tam hợp, có Cự Môn thủ thì có Hóa Kỵ đồng cung, có Thiên Đồng thủ thì có Hóa Kỵ tam hợp và VCD có Cơ Lương xung

chiếu thì có Hóa Ky tam hợp. Còn tuổi Kỷ nếu có Văn Khúc thủ chiếu thì có Hóa Ky thủ chiếu

### THANH LONG TẠI CÁC CUNG

Thanh Long cư Phúc Đức nhân đình chúng đa (6, B68)

Giải: Phúc Đức có thanh Long thì con cái rất nhiều

Nhật phùng hãm địa Thanh Long, có người phương ấy vầy vùng khôn lên (7)

Giải: Tật Ách có Thái Dương hãm địa tọa thủ gặp Thanh Long thì đề phòng chết đuối hay té giềng

### THANH LONG TẠI HẠN

Hình Ấn lai triều Tướng Binh tọa chiếu ái văn xung võ (9)

Giải: Đây là bộ Binh Hình Tướng Ấn. Tướng Quân tọa thủ, Phục Binh xung chiếu, Hình Ấn hội hợp là người văn võ toàn tài thường chuyên về tham mưu hay quốc phòng nhưng nếu Phục Binh tọa thủ, Tướng xung chiếu thì bị cách Nội Binh Ngoại Tướng không được tốt đẹp

### TƯỚNG QUÂN

Quan (Thiên Quan) phùng Tướng Tẩu nghề chi, Mệnh hung tà đạo tăng ni kéo nào (24)

Giải: Cung Mệnh có Thiên Tướng tọa thủ gặp Thiên Quan Tẩu Thư hội hợp, nếu Mệnh xấu xa thì là thầy tu hay làm nghề phù thủy

-----  
Hình Ấn lai triều Tướng Binh tọa chiếu ái văn xung võ (9)

Giải: Đây là bộ Binh Hình Tướng Ấn. Tướng Quân tọa thủ, Phục Binh xung chiếu, Hình Ấn hội hợp là người văn võ toàn tài thường chuyên về tham mưu hay quốc phòng nhưng nếu Phục Binh tọa thủ, Tướng xung chiếu thì bị cách Nội Binh Ngoại Tướng không được tốt đẹp

Triệu Tử phù Hán thị ư Hình Quyền Tướng Ấn Sửu Mùi (8)

Giải: Triệu Tử Long cung Mệnh Thân an tại Sửu Mùi có Hình Quyền Tướng Ấn nên rất tài giỏi đánh đông dẹp Bắc lập nhiều chiến công cho nhà Hán



Riêu Tướng Mộc (Mộc Dục) Kinh Khoa Sát lão hạn dị tặc dâm loạn Võ Hậu (12)  
Giải: tuổi già hạn có Riêu Tướng Mộc Dục Kinh Khoa Sát thì gái trai dâm đảng như Võ Hậu. TTVT cho rằng Sát là sát tinh và Tướng là Tướng Quân hay Thiên Tướng

Bạch Hổ kiếp Tướng Quân, Đào Tiềm kiên ản (2, B79)  
Giải: Đào Tiềm kiên tâm sống ản dật vì Bạch Hổ Tướng Quân đồng cung

Mã Lộc ngộ Tướng (Tướng Quân) mấy ai, giàu sang đến trước đàn trai anh hùng (21)  
Giải: Mã Lộc gặp Tướng Quân thì là người giàu sang và anh hùng

### TÁU THƯ

Tấu Thư hành Kim

Tấu Thư thủ Mệnh thì đa khẩu thiệt chi nhân (15)

Giải: Mệnh có Tấu Thư thì bị nhiều khẩu thiệt

Hồng Loan Tấu (Tấu Thư) Hỉ (Thiên Hỉ) Vũ (Vũ Khúc) Đào (Đào Hoa), những phường ca xướng tiến vào cửa quan (12)

Giải: Hồng Loan, Tấu Thư, Hỉ (Thiên Hỉ), Vũ Khúc, Đào Hoa hội hợp thì là người ca xướng múa hát giỏi

Khéo nghề kim chỉ vá may, Đào Hồng Tấu Vũ ở đầy Mệnh cung (13)

Giải: Mệnh có Đào Hồng Tấu Vũ thì khéo về kim chỉ vá may

Hoa Cái Tấu Thư thanh cao từng chúng (4)

Giải: Mệnh Hoa Cái Tấu Thư hội hợp thì thanh cao hơn người

### PHI LIÊM

Đào Hoa ngộ Phi Liêm, Nguyễn Tịch Tấn triều nhi túy khách (6, B86)

Giải: Nguyễn Tịch đời nhà Tần lúc nào cũng rượu chè say sưa vì Mệnh có Đào Hoa gặp Phi Liêm

### BỆNH PHÙ

Bệnh Phù Thái Tuế dở dang, Mệnh an Tứ Mộ Thiên Thương nan lành (23)

Giải: TVt giải rằng Mệnh Thân an tại Thìn Tuất Sửu Mùi có Bệnh Phù Thái Tuế hội hợp thì là người dờ dờ ương ương. Cần xét lại câu phú này

#### PHỤC BÌNH

Hồng Loan may vá cửa canh, hiềm phùng Bình Tướng ắt sinh tai nạn (18)

Giải: Mệnh có Hồng Loan thì khéo về nghề thêu may, gặp Phục Bình, Tướng Quân thì dễ bị tai nạn, chủ yếu về trình tiết

----

Kiếp Không Phục Bình phùng Dương Nhận (Kình Dương) lộ thượng cướp đồ (10)

Giải: Kiếp Không Phục Bình gặp Kình thì là kẻ côn đồ ăn cướp

Hổ Tang Điều (Điều Khách) Bình (Phục Bình) vị chi Tứ hung, hạnh ngộ Đồng tinh (Thiên Đồng) nhi hóa cát (B83)

Giải: Hổ Tang Điều Khách, Phục Bình là bốn hung tinh nhưng gặp Thiên Đồng thì lại trở thành tốt

Hổ Tang Điều (Điều Khách) Bình (Phục Bình) vị chi Tứ hung, hạnh ngộ Đồng tinh (Thiên Đồng) nhi hóa cát (B83)

Giải: Hổ Tang Điều Khách, Phục Bình là bốn hung tinh nhưng gặp Thiên Đồng thì lại trở thành tốt

Thái Tuế Phục Bình Kỵ (Hóa Kỵ) xung, cùng người tranh cạnh trong lòng chẳng khuây (35)

Giải: hạn gặp Tuế Phục Kỵ thì gặp chuyện bức mình vì cạnh tranh với người

Kỵ (Hóa Kỵ) Bình (Phục Bình) Xương Khúc một vì, Nhan Hôi yếu triết còn ghi rõ ràng (chết yếu) (48)

Giải: Nhan hoi chết yếu vì có Hóa Kỵ, Phục Bình, Xương Khúc hội hợp

#### QUAN PHỦ

Đại Hao lâm Quan Phủ Lưu Nghi tôn thất (thuộc giòng họ vua) chi du hồ (hu hồ) (3, B86)

Giải: Đại Hao gặp Quan Phủ thì như Lưu Nghi có họ với vua cũng bị hình phạt roi vọt

#### LỘC TỒN

Lộc Tồn hậu trọng, đa y, thực (1, TTL)

Giải: Mệnh sáng sủa có Lộc Tồn thủ thì hưởng giàu sang, được ăn ngon, mặc đẹp

Lộc Tồn tại viên (tọa thủ), chỉ tứ tổ nghiệp (2, TTL)

Giải: Mệnh sáng sủa có Lộc Tồn thủ thì hưởng của cải do tiền nhân để lại

Lộc Tồn triều viên (chiếu), thân vinh phú quý hiển (3, TTL)

Giải: Mệnh sáng sủa tốt đẹp, có Lộc Tồn chiếu thì quý hiển. Chú ý theo TVT thì Lộc Tồn phải ở các cung Dần Thân Mão Dậu chiếu Mệnh thì mới gọi là triều viên, còn nếu ở Tí Ngọ Ty Hợi thì khi chiếu Mệnh không được gọi là triều viên, tuy nhiên cũng tốt

### LỘC TỒN VỚI CÁC PHỤ TINH

Song Lộc (Lộc Tồn, Hóa Lộc) thủ Mệnh, Lã Hậu chuyên quyền (17, TTL)

Giải: Mệnh có Lộc Tồn, Hóa Lộc đồng cung gặp sao sáng sủa thì có óc độc đoán, chuyên quyền, như Lã Hậu Mệnh an tại Dần có cách này. Tuổi Giáp Mệnh Liêm Trinh tại Dần, tuổi Ất Mệnh Cự Cơ tại Mão, Tuổi Bính Mệnh Thiên Đồng tại Ty bị Triệt, tuổi Đinh Mệnh Đồng âm cư Ngọ, tuổi Mậu Mệnh Liêm Tham tại Ty, tuổi Kỷ Mệnh Vũ Phủ tại Ngọ, tuổi Canh Mệnh Cự Dương tại Thân, tuổi Tân Mệnh Cự Cơ tại Dậu, tuổi Nhâm mệnh Thiên Lương tại Hợi và tuổi Quý Mệnh Phá Quân tại Tí bị Triệt đều có Song Lộc thủ đồng cung

Lã Hậu chuyên quyền, lưỡng trùng Thiên Lộc, Thiên Mã (16)

Giải: Lã Hậu kiêm việc triều chính vì cung Mệnh tại Dần có Lộc Tồn Hóa Lộc gặp Thiên Mã. TVT giải rằng Lộc Tồn gặp Thiên Mã tọa thủ đồng cung nên lời giải không chính xác

Song Lộc trùng phùng (hội hợp), chung thân phú quý (15, TTL)

Giải: Mệnh có Lộc Tồn, Hóa Lộc hội hợp thì cả đời phú quý

Hoạt Lộc trùng phùng Phu Tử văn chương quán thế (B79)

Giải: Mệnh gặp Lộc Tồn và Hóa Lộc thì như Phu Tử có tài về văn chương

Song Lộc lưỡng ngộ, Thái Công chi vũ lược siêu quần (B79)

Giải: Mệnh gặp Song Lộc miêu vượng thì như Thái Công có tài văn võ hơn người

Minh Lộc Âm Lộc (còn gọi là Uyên Ương Lộc hội), vị chí công khanh (Cảm thượng thiên hoa) (4, TTL)

Giải: Mệnh có Lộc Tồn hay Hóa Lộc: một Lộc tọa thủ, một nhị hợp thì hưởng giàu sang và có quyền chức lớn, như gấm được thêm hoa. Chú ý tuổi Giáp Mệnh tại Dần có Đồng Lương và tại Hợi có Liêm Tham, tuổi Ất Mệnh tại Mão có Liêm Phá và tại Tuất có Cơ Lương, tuổi Bính Mệnh tại Tỵ có Liêm Tham bị Triệt và Mệnh tại Thân có Đồng Lương, tuổi Đinh Mệnh tại Ngọ có Vũ Phủ và Mệnh tại Mùi có Nhật Nguyệt, tuổi Mậu Mệnh tại Tỵ có Thiên Đồng và Mệnh tại Thân có Tham Lang, tuổi Kỷ Mệnh tại Ngọ có Đồng Âm và Mệnh tại Mùi có Vũ Tham, tuổi Canh Mệnh tại Tỵ có Thái Dương và Mệnh tại Thân có Tử Phủ, tuổi Tân Mệnh tại Thìn có Cự Môn bị Triệt và Mệnh tại Dậu có Tử Tham, tuổi Nhâm Mệnh tại Dần có Đồng lương bị Triệt và Mệnh tại Hợi có Liêm Tham, tuổi Quý Mệnh tại Tí có Thiên Cơ gặp Triệt và Mệnh tại Sửu có Tử Phá bị Triệt thì có cách Minh Lộc ám Lộc

Hợp Lộc cùng Lộc định vị cư kích chi thân (hay định vị văn võ toàn tài) (12, 13)  
Giải: TVT giải rằng Mệnh có Lộc Tồn hay Hóa Lộc: một Lộc tọa thủ, một xung chiếu thì hoành phát về võ nghiệp, văn võ kiêm toàn, danh tiếng lừng lẫy, vinh hiển. Theo câu phú thì là một tam hợp chiếu, một xung chiếu

Lộc Mã tới hỉ giao trì, chúng nhân sủng ái (10, TTL)

Giải: Mệnh có Thiên Mã thủ, Lộc Tồn xung chiếu hoặc có Lộc thủ Thiên Mã xung chiếu thì giàu có, dễ kiếm tiền và được nhiều người thương mến. Thiết tưởng Lộc Mã đồng cung cùng có nghĩa như vậy

Lộc Tồn Thiên Mã đồng gia (đồng cung), có người buôn một bán ba nên giàu (24)  
Giải: Mệnh có Lộc Tồn Thiên Mã đồng cung thì buôn bán phát đạt mà trở nên giàu có

Thiên Lộc Thiên Mã kinh nhân giáp đệ (18)

Giải: TVT giải rằng Mệnh có Lộc Tồn Thiên Mã đồng cung thì văn chương lỗi lạc danh thép. Chú ý câu phú này không đề cập là phải đồng cung

Khôi, Việt, Xương, Khúc, Lộc Tồn. Hình Sát vô xung, đại phú quý (TTL)

Giải: Mệnh có Khôi Việt Xương Khúc Lộc Tồn không gặp sát tinh hay Hóa Kỵ, Thiên Hình thì phú quý cực độ

Xương Khúc Lộc Tồn do vi kỳ thị (TTL)

Giải: Xương Khúc Lộc Tồn thì có nhiều tài năng xuất chúng

Lộc đảo, Mã đảo, kị Kiếp Không Thái Tuế (10, TTL)

Giải: Mệnh có Lộc Tồn tọa thủ, Mã xung chiếu hay có Mã thủ, Lộc Tồn xung chiếu nếu gặp Kiếp Không Tuế hội hợp thì mờ ám xấu xa, suốt đời chẳng mấy khi được xứng ý toại lòng, công danh trắc trở, hay phải lo lắng về sinh kế và khó tránh tai họa

Tuần Triệt bất khả ngộ Lộc Tồn, tư cơ phá hoại (B71)

Giải: Lộc Tồn gặp Tuần hay Triệt thì trở nên xấu, cơ nghiệp bị tan tành

Xương Khúc Lộc Tồn do vi kỳ thi (32, TTL)

Giải: Xương Khúc đắc địa và gặp Lộc Tồn đồng cung thì có nhiều tài năng xuất chúng

Khôi, Việt, Xương, Khúc, Lộc Tồn Hình sát (sát tinh) vô xung, đại phú quý (TTL)

Giải: có Khôi Việt Xương Khúc Lộc Tồn hội hợp không gặp sát tinh hay Hóa Kỵ Thiên Hình thì phú quý cực độ

### LỘC TỒN VỚI CÁC CHÍNH TINH

Lộc phùng xung Phá, cát dã thành hung (TTL)

Giải: Lộc Tồn tọa thủ gặp Phá Quân xung chiếu nên mờ ám xấu xa. Có cách này thì tiền tài thiếu thốn, suốt đời phải lo lắng về sinh kế và hay mắc tai họa. Chú ý Mệnh có Thiên Tướng thì có Phá Quân xung chiếu. Như vậy thì Thiên tướng đồng cung với Lộc Tồn thì xấu. Câu phú này cần xét lại, có lẽ câu phú này là: Lộc phùng xung phá, cát dã thành hung nghĩa là Lộc Tồn gặp các sao xấu như Không Kiếp phá hoại thì trở thành xấu xa

Mệnh phùng Lộc, cư Không Thân xứ, mẫn kiếp tao phùng thiếu khiếm (21)

Giải: TVT giải rằng Mệnh có Lộc Tồn tọa thủ, cung Thân có Thiên không hoặc Địa Không tọa thủ tất đời chỉ phong lưu hoặc đủ ăn chứ không thể giàu có được. Cần coi lại câu phú này

### LỘC TỒN TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Lộc Tồn Tí Ngọ vị, Mệnh, Thân, Thiên Di phùng (đóng tại Mệnh, Thân, Di), lợi lộc nghi (TTL)

Giải: Mệnh Thân hay Thiên Di có Lộc Tồn tại Tí Ngọ thì rất có lợi, giàu sang, có nhiều của cải tiền bạc. Chú ý Lộc Tồn tại cung Tí luôn luôn bị Triệt

Lộc Tồn Tí Ngọ vị Thiên Di, Thân Mệnh phùng chi lợi lộc nghi (11)

Giải: Thiên Di tại Tí Ngọ có Lộc Tồn đồng cung thì Mệnh có Lộc Tồn chiếu nên rất tốt đẹp, kiếm tiền dễ dàng, hưởng giàu sang, của cải rất nhiều

Lưỡng Lộc Ngọ Dần nhi phùng Tử Vũ Âm Nam phú đa danh thọ (14)

Giải: TVT giải rằng Âm Nam Mệnh Tử Vi hay Vũ Khúc tại cung Ngọ hay Dần có Lộc Tồn và Hóa Lộc tọa thủ đồng cung hay xung chiếu thì giàu có, tiếng tăm và sống lâu, hưởng phúc thọ. Cần coi lại câu phú này vì khi là âm nam thì chỉ có tuổi Đinh Kỷ thì tại vị trí cung Ngọ mới có Lộc Tồn thủ còn Lộc Tồn cư Dần thì là tuổi Giáp nghĩa là tuổi Dương không thể áp dụng. Câu này nên được giải thích như sau: Âm Nam Mệnh Tử Vi tại cung Ngọ có Lộc Tồn thủ tại Ngọ và Hóa Lộc đóng tại Dần thì giàu có, tiếng tăm và sống lâu, hưởng phúc thọ. Chú ý tuổi Đinh Thiên Lương cư Ngọ có Lộc Tồn thủ, có Hóa Lộc đồng cung với Cơ Âm gặp Triệt, tuổi Kỷ Tử Vi cư Ngọ có Lộc Tồn tại Ngọ và Hóa Lộc đồng cung với Vũ Tướng tại Dần. Câu phú trên áp dụng cho tuổi Kỷ Mệnh tại Ngọ có Tử Vi

Lưỡng Lộc Ngọ Dần nhi phùng Tử Vũ, Đinh Kỷ Âm Nam phú đa danh thọ (TTL)

Giải: TTL giải rằng Nam nhân tuổi Đinh Kỷ Mệnh an tại Tí Ngọ có Hóa Lộc hay Lộc Tồn tọa thủ gặp Tử Vũ hội hợp thì hưởng phú quý và sống lâu. Nếu có một Lộc thủ, một chiếu thì thật là toàn mỹ

### LỘC TỒN TẠI CÁC CUNG

Phúc cư Cần địa (tại Hợi) hiềm cư Tồn (Lộc Tồn) Cự (Cự Môn) Tham Liêm Kiếp Mã Hình giao lai Tang Tuế Tả Khoa Ấn Lộc vinh thân, vô tử, nan tác thiện lương, hạnh kiến Tam Không đồng tọa can ư bất kiến chính tinh (không có chính tinh tọa thủ), bại diệu dĩ thân thoát tục thiên nhân hạnh phát hỷ hài vĩnh cửu (23)

Giải: cung Phúc tại Hợi có Lộc Tồn, Cự Môn, Tham Liêm, Kiếp Mã Hình hội hợp với Tang Tuế Tả Khoa Ấn Lộc thì giàu có nhưng không có con nối dõi, lại là người khó lòng làm việc thiện. Nhưng nếu phúc VCD có Tam Không (Tuần Triệt án ngữ hay Thiên Địa Không hội hợp) không gặp bại tinh thì nên đi tu và là người hiền lành thì tốt và suốt đời được xứng ý toại lòng

Lộc Tồn thủ ư Tài (Tài Bạch) Trạch (Điền Trạch), tích ngọc đôi kim (19)

Giải: cung Tài Bạch hay Điền Trạch có Lộc Tồn thủ thì có vàng ngọc, nghĩa là giàu có

Lộc Tồn ngộ Triệt cư Huynh Đệ, nam trưởng bốn ba ngoại xứ (20)

Giải: cung Huynh Đệ có Lộc Tồn thủ gặp Triệt thì trưởng nam ly hương

Thiên Lộc nhi ngô Thái Âm ư nhân cung đệ bào huynh đệ (22)

Giải: cung Huỳnh Đệ có Lộc Tồn và Thái Âm hãm địa cư đồng cung thì có anh em cùng cha khác mẹ hay cùng mẹ khác cha

## LỘC TỒN TẠI HẠN

### KHOA QUYỀN LỘC

#### KHOA QUYỀN LỘC VỚI CÁC PHỤ TINH

Khoa tối vi kỳ vật, hướng Thiên Thương (tại cung Nô Bộc) nhi ám hối (hãm tối) (8, B82)

Giải: Hóa Khoa là đệ nhất giải thần, tọa thủ tại cung nào cũng rất tốt đẹp nhưng chỉ sợ gặp Thiên Thương ở cung Nô thì lại bị hãm tối

Khoa danh hãm ư hung thần, miêu nhi bất tú (14, TTL)

Giải: Khoa tọa thủ bị sát tinh hay các sao xấu xâm phạm như mằm non mới trở đã khô héo nên công danh trắc trở, tiền tài khó kiếm. Theo TVT thì Mệnh tại Tuất có Nhật thủ hoặc tại Mão có Cơ, Nguyệt thủ Hóa Khoa đồng cung lại bị Kinh Đà Không Kiếp xâm phạm thì công danh lận đận và không thể quý hiển được.

Duệ nhi bất tú Khoa danh hãm ư hung thần (15)

Giải: TVT giải rằng Mệnh có Hóa Khoa hay Âm Dương sáng sủa tốt đẹp tọa thủ nếu bị Kiếp Không xâm phạm thì dù có thông minh tài giỏi cũng không đỗ đạt và đường công danh bị trắc trở lận đận ví như mằm non mới trở đã bị khô héo. Giải thích như vậy thì không hợp với câu phú

Hóa Khoa trợ thành văn diệu, nhất giáp đề mai bảng chi vinh (7, B69)

Giải: Có Hóa Khoa lại gặp văn tinh (như Khôi Việt Xương Khúc) thì chỉ một lần thi là đỗ cao vinh hiển

Khoa Mệnh Quyền triều (chiếu), đăng chung giáp đệ (12, TTL)

Giải: Mệnh có Khoa thủ, Quyền chiếu thì thi đỗ cao và có quan chức lớn

Khoa Quyền củng (chiếu) bất như lâm viên (3, B86)

Giải: Khoa Quyền chiếu thì không tốt bằng tọa thủ

Khoa Quyền tất thị hiển danh (4)

Giải: Mệnh có Khoa quyền thì vinh hiển



Khoa Quyền nhập Mệnh tuy nhân lạc diệc hữu hiển danh (6, B59)

Giải: Mệnh có Khoa Quyền nếu ở nhân cung (không đắc địa) thì cũng được danh giá

Khoa Quyền đối cung, trác tâm ư vũ môn (18)

Giải: Mệnh sáng sủa có Khoa và Quyền chiếu về Mệnh thì như cá gặp nước, sẽ làm nên vinh hiển, có quan chức và giàu sang

Khoa Quyền nhân Khôi Việt dị thành công (9)

Giải: Khoa Quyền có thêm Khôi Việt hội hợp thì làm việc gì cũng thành công lớn lao

Khoa Lộc tuần phòng, Chu Bội hân nhiên nhập tướng (19, TTL)

Giải: Mệnh có Khoa Lộc gặp nhiều sao sáng sủa tốt đẹp thì có quan chức lớn

Khoa Minh Lộc Âm, liệt vị tam thai (17, TTL)

Giải: Mệnh có Khoa thủ, Lộc nhị hợp thì quý hiển. Theo TVT thì người tuổi Giáp Mệnh an tại Hợi có Khoa tọa thủ, có Lộc tại Dần là thượng cách. Chú ý tuổi Giáp Mệnh tại Hợi có Khoa đồng cung với Vũ Phá thì có Lộc Tồn nhị hợp, tuổi Ất Mệnh Tử Phá Sửu Mùi thì có Khoa thủ, Hóa Lộc nhị hợp. Tuổi Bính thì Khoa an với Văn Xương, Hóa Lộc an với Thiên Đồng nên Mệnh có Tham Lang (Tham Lang luôn luôn nhị hợp với Thiên Đồng) đồng cung với Văn Xương thì có Khoa thủ, Hóa Lộc nhị hợp hoặc Mệnh cư tại cung Thân có Văn Xương thủ thì có Khoa thủ Lộc Tồn nhị hợp. Tuổi Đinh Thiên Cơ tại Mùi có Khoa thủ, Lộc tồn nhị hợp. Tuổi Mậu thì Khoa an với Hữu Bật, Hóa Lộc an với Tham Lang mà Thiên Đồng luôn luôn nhị hợp với Tham Lang nên Mệnh có Thiên Đồng và Hữu Bật đồng cung thì có Khoa thủ, Hóa Lộc nhị hợp và mệnh cư tại cung Thân có Hữu Bật thủ thì có Khoa thủ, Lộc Tồn nhị hợp. Tuổi Kỷ Lương tại Mùi có Khoa thủ Lộc Tồn nhị hợp. Tuổi Canh an Tứ Hóa theo Dương Vũ Âm Đồng thì Thái Âm tại Tỵ có Khoa thủ, Lộc tồn nhị hợp, an Tứ Hóa theo Dương Vũ Đồng Âm thì Thiên Đồng tại Tỵ có Khoa thủ, Lộc Tồn nhị hợp. Tuổi Tân an Khoa với Văn Khúc và Hóa Lộc với Cự Môn mà Cự Môn thì nhị hợp với các sao khác nhau nên tùy theo sao nhị hợp với Cự Môn có Văn Khúc hay không mà ta có Khoa thủ, Hóa Lộc nhị hợp và Mệnh an tại Thìn mà có Văn khúc đồng cung thì sẽ có Khoa thủ, Lộc tồn nhị hợp. Tuổi Nhâm thì Hóa Lộc an với Thiên Lương và Khoa an với Tả Phù, mà Thiên Lương và Liêm Trinh luôn luôn nhị hợp thành ra Mệnh có Liêm Trinh mà có Tả Phù thủ thì có Khoa thủ, Hóa Lộc nhị hợp và Mệnh tại Dần có Tả Phù thủ

đồng cung thì có Khoa thủ, Lộc Tồn nhị hợp. Tuổi Quý Cơ Âm tại Dần Thân có Khoa thủ, Hóa Lộc nhị hợp và Nhật Nguyệt cư Sửu có Khoa thủ, Lộc Tồn nhị hợp trong đó đều bị Triệt án

Giáp Quý (Khôi, Việt) giáp Lộc thiếu nhân tri (TTL)

Giải: Giáp Khôi Việt, giáp Lộc thì ít ai biết cách giáp tốt đẹp này, quý hiển giàu có

Khoa Quyền Lộc hợp, phú quý song toàn (11, TTL)

Giải: Mệnh có Khoa Quyền Lộc hội hợp thì vinh hiển và phú quý

Khoa Quyền Lộc trùng phùng, phúc tất trùng lai (B61)

Giải: NMB giả rằng Khoa Quyền Lộc ở liên ba cung mà Mệnh hay Thân ở đó thì có phúc đến liên tiếp

Tam Hoa liên châu phúc tất trùng lai (3)

Giải: Khoa Quyền Lộc ở liên tiếp 3 cung mà Mệnh hay Thân ở một trong ba cung đó thì được hưởng phúc liên tiếp

Khoa Quyền Lộc vọng danh dự chiêu trương (16, TTL)

Giải: Khoa Quyền Lộc hội chiếu thì danh tiếng lừng lẫy, phú quý song toàn

Tam Kỳ (Khoa Quyền Lộc) giao hội mạc ngộ Kỵ Kinh giáng lộ thanh vân (52, TTL)

Giải: Khoa Quyền Lộc hội hợp gặp Kỵ Kinh thì bị thăng trầm, công danh tiền tài tụ tán, không bền

Khoa Quyền Lộc giáp vi quý cách (13)

Giải: Mệnh sáng sủa tốt đẹp giáp Khoa Quyền Lộc thì quý hiển giàu sang

Giáp Khoa Lộc vi quý cách (có danh giá) (TTL)

Giải: Mệnh sáng sủa tốt đẹp giáp Khoa Lộc thì quý hiển giàu sang

Khoa Quyền Lộc Mã tu phòng (đề phòng) Không Kiếp ám xung (5)

Giải: Khoa Quyền Lộc Mã hội hợp bị Không Kiếp xâm phạm thì mất nhiều ảnh hưởng, tốt đẹp sẽ giảm đi nhiều

Quyền Lộc đồng cung, định tác cơ thương chi nghiệp (21)

Giải: Hóa Quyền, Hóa Lộc đồng cung thì buôn bán lớn mà làm giàu. Tuổi Giáp

Mệnh Liêm Phá đồng cung tại Mão Dậu (tại Dậu bị Triệt), tuổi Ất Mệnh Cơ Lương tại Thìn Tuất, tuổi Đinh Mệnh Đồng Âm Tí Ngọ, tuổi Kỷ Mệnh Vũ Tham tại Sửu Mùi, tuổi Tân có Cự Dương tại Dần Thân mới có Quyền Lộc đồng cung

Quyền Lộc trùng phùng, tài quan song mỹ (22, TTL)

Giải: Hóa Quyền, Hóa Lộc đồng cung hay một thủ một chiếu thì giàu sang vinh hiển

Quyền Lộc trùng phùng Chu Bội tuế lai nhập tướng (B77)

Giải: Mệnh gặp Quyền Lộc thì như Chu Bội gặp vận được lên làm tướng

Quyền Lộc trùng phùng kiêm hợp cát, uy quyền áp chúng, tướng vương triều (32, TTL)

Giải: Mệnh gặp Quyền Lộc trùng phùng nhưng thêm nhiều sao tốt thì uy quyền hiển hách, mọi người kính nể, thường là bậc danh tướng trong triều đình

Quyền Lộc trùng phùng Sát thấu, hư dụ chi long (23, TTL)

Giải: Mệnh gặp Quyền Lộc trùng phùng nhưng bị Sát tinh xâm phạm, hay nhiều sao mờ ám xấu xa thì chỉ có hư danh bề ngoài

Khốc Quyền đồng cung, minh danh vu thế (20, TTL)

Giải: Mệnh có Khốc Quyền đồng cung thì uy quyền lừng lẫy, nếu ở Tí Ngọ có Khốc Quyền đồng cung thì càng rực rỡ, giàu sang phú quý

Thiên Khốc Hóa Quyền minh danh vu thế (B63)

Giải: Mệnh có Thiên Khốc Hóa Quyền thì có tiếng tăm lưu lại đời đời

Hóa Lộc hoàn vi hảo, hươu hương Mộ trung tàng (35, TTL, B82)

Giải: Hóa Lộc là sao tốt đẹp nhưng cư ở Tứ Mộ Thìn Tuất Sửu Mùi thì bị chôn vùi, làm giảm tính chất tốt đẹp nên không thể giàu có lớn được, nhưng nếu Mệnh cư Tứ Mộ có Vũ, Tham gặp Lộc thì lại tốt, trở nên giàu có, nhưng phải ngoài 30 mới tốt, nếu phát sớm thì không bền. NBB thì giải thích rằng Hóa Lộc ở Mộ địa thì lại là buồn rầu

Hóa Lộc hoàn vi hảo, nhược cư Mộ địa dĩ tăng bi (28)

Giải: Hóa Lộc thì tốt nhưng nếu cư tại Thìn Tuất Sửu Mùi thì lại đáng buồn vì tại vị trí này bị giảm rất nhiều tốt đẹp. TVT giải rằng Hóa Lộc thì tốt nhưng nếu cư ở Tứ Mộ thì là người có nét mặt buồn rầu

Mệnh phùng Hóa Lộc vô hung tinh, tài lộc phong dinh (30)

Giải: Mệnh có Hóa Lộc không có hung tinh (như Không Kiếp) phá hoại thì giàu có

Hóa Lộc đắc địa Dần Mão, cổ thủ tham tài (36, TTL)

Giải: Hóa Lộc tại Dần Mão thì đắc địa thì giàu có và giữ được tiền của

Hợp Lộc củng Lộc, định vi văn võ toàn tài (TTL)

Giải: Hóa Lộc và Lộc Tồn một xung chiếu, một chiếu thì tài kiêm văn võ, giàu sang

Song Lộc lưỡng ngộ (gặp cả hai sao), Thái Công chi vũ lược siêu quần (27)

Giải: Thái Công có Lộc Tồn Hóa Lộc đồng cung nên văn võ kiêm toàn

Mệnh Vô chính diệu, hoan Cự Môn Tam Không (Tuần Triệt án ngữ và Thiên Địa Không hội hợp), hữu Song Lộc, phú quý khả kỳ (56, TTL)

Giải: TTL giải rằng Mệnh Vô chính diệu có Tuần Triệt án ngữ và Thiên Địa Không hội hợp thì thật là rục rờ tốt đẹp, nếu có Lộc Tồn Hóa Lộc hội hợp thì giàu sang nhưng không bền

Tọa Quý Hương Quý chẳng phùng Không xứ, gặp Khoa thời nhất cử thành danh (4)

Giải: Khôi Việt một sao thủ, một chiếu lại gặp Hóa Khoa và không bị Tuần Triệt án ngữ hoặc Thiên Không, Địa Không thì chỉ một lần đi thi đã công thành danh toại

Việt Khôi Long Phượng Khúc Xương, ngộ Khoa ắt hấn bẻ cành quế hoa (13)

Giải: Việt Khôi Long Phượng Khúc Xương mà gặp Khoa thì thi đỗ cao dễ dàng

Song Hao Mão Dậu, chúng thủy triều Đông, ái ngộ Cự Cơ, tối hiềm Hóa Lộc (VVT)

Giải: Song Hao gặp Cự Cơ Mão Dậu thì giàu có, gặp Hóa Lộc thì tiền tuy có nhưng không bền

Hao Sát Hồng Đào, Ất Tân hạn đao, đa phùng phản phúc, Khoa Phủ hạnh cầu (6)

Giải: TVT giải rằng tuổi Ất Tân hạn gặp Hao, Kiếp Sát, Đào Hồng thì phải đề phòng người làm phản, nếu gặp Khoa hay Thiên Phủ thì không sao

Triệu Tử phù Hán thị ư Hình Quyền Tướng Ấn Sửu Mùi (8)

Giải: Triệu Tử Long cung Mệnh Thân an tại Sửu Mùi có Hình Quyền Tướng Ấn nên rất tài giỏi đánh đông dẹp Bắc lập nhiều chiến công cho nhà Hán

Riêu Tướng Mộc (Mộc Dục) Kinh Khoa Sát lão hạn dị tắc dâm loạn Võ Hậu (12)

Giải: tuổi già hạn có Riêu Tướng Mộc Dục Kinh Khoa Sát thì gái trai dâm đảng như Võ Hậu. TTV cho rằng Sát là sát tinh và Tướng là Tướng Quân hay Thiên Tướng

Không Kiếp hà hiềm Ty Hợi, Tướng Mã đồng cư chi hội Khoa Tinh, loạn thế phùng quân chi cách (TTL)

Giải: Mệnh ở Ty Hợi có Kiếp Không Tướng Mã tọa thủ đồng cung, có Khoa thì trong lúc loạn lạc gặp được đúng vua nên lập được sự nghiệp lớn lao

Ty Hợi Kiếp Không nhi phùng Quyền Lộc hoạnh đạt tung hoành (3)

Giải: Kiếp Không tại Ty Hợi gặp Quyền Lộc thì dũng lược và tài giỏi, can đảm, tung hoành ngang dọc, phát đạt nhanh chóng

Vượng phu ích tử lương do Lộc Mã giao trì (6)

Giải: Lộc Mã thủ Mệnh hay chiếu Mệnh thì vượng phu ích tử

Mã Lộc ấy một phường hội ngộ, cách phi thường phong độ anh tài (7)

Giải: Mã Lộc hội hợp là cách hiếm có, là người tài giỏi, có phong độ

Mã Lộc ngộ Tướng (Tướng Quân) mấy ai, giàu sang đến trước đàn trai anh hùng (21)

Giải: Mã Lộc gặp Tướng Quân thì là người giàu sang và anh hùng

Thái Tuế lâm Mệnh cô bản đa hữu thọ, phú quý tắc yếu vong giai do hạn ngộ Lộc hãm Triệt Tuần (32)

Giải: Mệnh có Thái Tuế nếu cô đơn bản cùng thì lại sống lâu. Hạn có Lộc hãm bị Triệt Tuần thì nếu phú quý thì bị chết yếu. TTV giải rằng Mệnh có Thái Tuế Thiên Thọ tọa thủ đồng cung, tài quan Di có Lộc tọa thủ gặp Triệt hay Tuần án ngữ nếu hạn đến cung đó mà phát đạt thì không thọ. Lời giải thích này không đúng

Song Lộc (Lộc Tồn, Hóa Lộc) thủ Mệnh, Lã Hậu chuyên quyền (17, TTL)

Giải: Mệnh có Lộc Tồn, Hóa Lộc đồng cung gặp sao sáng sửa thì có óc độc đoán,

chuyên quyền, như Lã Hậu Mệnh an tại Dần có cách này. Tuổi Giáp Mệnh Liêm Trinh tại Dần, tuổi Ất Mệnh Cự Cơ tại Mão, Tuổi Bính Mệnh Thiên Đồng tại Tỵ bị Triệt, tuổi Đinh Mệnh Đồng âm cư Ngọ, tuổi Mậu Mệnh Liêm Tham tại Tỵ, tuổi Kỷ Mệnh Vũ Phủ tại Ngọ, tuổi Canh Mệnh Cự Dương tại Thân, tuổi Tân Mệnh Cự Cơ tại Dậu, tuổi Nhâm mệnh Thiên Lương tại Hợi và tuổi Quý Mệnh Phá Quân tại Tí bị Triệt đều có Song Lộc thủ đồng cung

Lã Hậu chuyên quyền, lưỡng trùng Thiên Lộc, Thiên Mã (16)

Giải: Lã Hậu kiêm việc triều chính vì cung Mệnh tại Dần có Lộc Tồn Hóa Lộc gặp Thiên Mã. TVT giải rằng Lộc Tồn gặp Thiên Mã tọa thủ đồng cung nên lời giải không chính xác

Song Lộc trùng phùng (hội hợp), chung thân phú quý (15, TTL)

Giải: Mệnh có Lộc Tồn, Hóa Lộc hội hợp thì cả đời phú quý

Hoạt Lộc trùng phùng Phu Tử văn chương quán thế (B79)

Giải: Mệnh gặp Lộc Tồn và Hóa Lộc thì như Phu Tử có tài về văn chương

Song Lộc lưỡng ngộ, Thái Công chi vũ lược siêu quần (B79)

Giải: Mệnh gặp Song Lộc miêu vượng thì như Thái Công có tài văn võ hơn người

Minh Lộc Âm Lộc (còn gọi là Uyên Ương Lộc hội), vị chí công khanh (Cẩm thượng thêm hoa) (4, TTL)

Giải: Mệnh có Lộc Tồn hay Hóa Lộc: một Lộc tọa thủ, một nhị hợp thì hưởng giàu sang và có quyền chức lớn, như gấm được thêm hoa. Chú ý tuổi Giáp Mệnh tại Dần có Đồng Lương và tại Hợi có Liêm Tham, tuổi Ất Mệnh tại Mão có Liêm Phá và tại Tuất có Cơ Lương, tuổi Bính Mệnh tại Tỵ có Liêm Tham bị Triệt và Mệnh tại Thân có Đồng Lương, tuổi Đinh Mệnh tại Ngọ có Vũ Phủ và Mệnh tại Mùi có Nhật Nguyệt, tuổi Mậu Mệnh tại Tỵ có Thiên Đồng và Mệnh tại Thân có Tham Lang, tuổi Kỷ Mệnh tại Ngọ có Đồng Âm và Mệnh tại Mùi có Vũ Tham, tuổi Canh Mệnh tại Tỵ có Thái Dương và Mệnh tại Thân có Tử Phủ, tuổi Tân Mệnh tại Thìn có Cự Môn bị Triệt và Mệnh tại Dậu có Tử Tham, tuổi Nhâm Mệnh tại Dần có Đồng lương bị Triệt và Mệnh tại Hợi có Liêm Tham, tuổi Quý Mệnh tại Tí có Thiên Cơ gặp Triệt và Mệnh tại Sửu có Tử Phá bị Triệt thì có cách Minh Lộc âm Lộc

Hợp Lộc cùng Lộc định vị cư kích chi thần (hay định vị văn võ toàn tài) (12, 13)

Giải: TVT giải rằng Mệnh có Lộc Tồn hay Hóa Lộc: một Lộc tọa thủ, một xung



chiếu thì hoạnh phát về võ nghiệp, văn võ kiêm toàn, danh tiếng lừng lẫy, vinh hiển. Theo câu phú thì là một tam hợp chiếu, một xung chiếu

### KHOA QUYỀN LỘC VỚI CÁC CHÍNH TINH

Lộc phùng Lương miếu (Miếu địa), bảo tư tài ích dữ tha nhân (54, TTL)

Giải: Mệnh có Lương miếu địa (Đồng Lương Dân Thân và Cơ Lương Thìn Tuất) gặp Hóa Lộc thì giàu có nhưng có lòng từ thiện, hay đem của cải của mình giúp đỡ kẻ khác

Song Lộc nhi ngộ Cơ Lương, phú gia địch quốc (55, TTL)

Giải: Mệnh có Lộc Tồn hay Hóa Lộc tọa thủ gặp Cơ, Lương hội hợp thì rất giàu có. Nếu Mệnh an tại Dân Thân có một Lộc thủ, một chiếu thì càng rực rỡ. Theo TVT thì nếu Mệnh an tại Thìn Tuất có Cơ Lương đồng cung hoặc an tại Dân Thân mà có cách này thì càng tốt đẹp

Xương Khúc Cơ Lộc thanh tú, xảo (TTL)

Giải: Xương Khúc Cơ Lộc hội hợp thì xinh đẹp và khéo léo

Việt Khôi Quyền Lộc trong ngoài, trưởng nam trưởng nữ gái trai đồng bàn (là trưởng nam, trưởng nữ) (13)

Giải: Mệnh có Việt Khôi Quyền Lộc thì là trưởng nam, trưởng nữ

Việt Khôi Long Phượng Khúc Xương, ngộ Khoa ắt hảnh bẻ cành quế hoa (13)

Giải: Việt Khôi Long Phượng Khúc Xương mà gặp Khoa thì thi đỗ cao dễ dàng

### KHOA QUYỀN LỘC TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Hóa Lộc Tí Ngọ, Phu Tu văn chương quán thế (TTL)

Giải: TTL giải rằng Khổng Tử có Mệnh tại Tí có Lương tọa thủ, Hóa Lộc Lộc Tồn hội hợp nên không những có tài kinh bang tế thế mà còn có biệt tài về văn chương. Chú ý Lương tại Tí tuổi Đinh thì có Song Lộc Khoa Quyền hội chiếu, tuổi Canh thì có Song Lộc Khoa Kỵ Khôi Thiên Phúc Quốc Ấn Lưu Hà chiếu trong đó Khôi Hóa Lộc Thiên Phúc đồng cung với Thái Dương bị Triệt và vị trí tuổi Đinh đẹp hơn tuổi Canh

Hoạt Lộc Tí Ngọ vị Thiên Di, Phu Tử văn chương quán thế (33)

Giải: TVT giải rằng Khổng Tử cung Mệnh an tại Tí, cung Thiên Di an tại Ngọ có Hóa Lộc, cung Tài Bạch tại Thân có Lộc Tồn hội chiếu Mệnh nên văn chương lỗi lạc, có tài kinh bang tế thế. Giải như vậy thì Khổng Tử tuổi Canh



Ngọ thượng Khoa Quyền tương khôn biên cương trấn nhậm (1, B59)

Giải: cung Ngọ có Khoa Quyền hội hợp thì là võ tướng trấn giữ biên giới. TVT ghi Khoa Quyền tọa thủ đồng cung)

Phát bất chư tài lộc chủ triển ư nịch địa (34)

Giải: TVT giải rằng Mệnh Tài Quan an tại Tí Ngọ Thân Dậu có Hóa Lộc tọa thủ, gặp Không Kiếp hội hợp tất được hưởng giàu sang nhưng không bền

### KHOA QUYỀN LỘC TẠI CÁC CUNG

Quyền Lộc thủ Tài, Phúc chi vị, sử thể vinh hoa (24)

Giải: Tài Bạch hay Phúc Đức có Quyền Lộc thì giàu sang vinh hiển, biết cách đối xử

Xuất thể vinh hoa, Quyền Lộc thủ tài quan chi vị (26)

Giải: Tài Bạch hay Quan Lộc có Quyền Lộc thì ra đời được giàu sang và quyền cao chức trọng

Quyền Lộc cát tinh Nô Bộc vị, tể nhiên quan quý dã bồn ba (25)

Giải: TVT giải rằng Nô Bộc có Quyền Hóa Lộc thì nhờ bạn bè và người dưới quyền giúp đỡ nên hưởng giàu sang nhưng phải khó nhọc mới thành công và thường bị người dưới quyền lấn át

Lộc (Hóa Lộc) cư Nô Bộc, tể hữu quan dã bồn trì (29, B84)

Giải: NMB giải rằng Nô Bộc có Hóa Lộc thì tuy làm quan nhưng nay đây mai đó

Lộc Quyền tọa thủ Thê cung, trai thời nhờ vợ mà nên sang giàu (31)

Giải: cung Thê có Hóa Lộc Hóa Quyền thì nhờ vợ mà giàu có

### KHOA QUYỀN LỘC TẠI CUNG HẠN

Khoa Quyền Lộc Mã vận này, mừng rằng số ấy đến ngày hiển vinh (10)

Giải: hạn gặp Khoa Quyền Lộc Mã thì như rồng gặp mây, may mắn về tiền tài công danh

### HÓA KỶ

Hóa Kỵ văn nhân bất nại (37, 38, TTL)

Giải: Mệnh có Hóa Kỵ thì gặp trắc trở về đường công danh, không thể hiển đạt

được. Theo TTL và TVT thì Mệnh có Hóa Kỵ tọa thủ gặp Xương Khúc Khôi Việt thì là người có học nhưng không hiển đạt, công danh lận đận

### HÓA KỶ VỚI PHỤ TINH

Kỵ ngộ Khoa tinh cư Hợi Tí, ngôn lành, danh thuận (TTL)

Giải: Hóa Kỵ thủ tại Hợi Tí gặp Khoa hội hợp thì là người ngôn ngữ đúng mực nên được người khác tôn trọng, có danh. TTL ghi là gặp Khoa đồng cung hay xung chiếu

Kỵ (Hóa Kỵ) Bình (Phục Bình) Xương Khúc một vì, Nhan Hôi yếu triết còn ghi rõ ràng (chết yếu) (48)

Giải: Nhan hôi chết yếu vì có Hóa Kỵ, Phục Bình, Xương Khúc hội hợp

Vân đầu khởi chương gia Thiên không, so tuế hu tu hiền phu (39)

Giải: TVT giải rằng Mệnh có Thiên Không Hóa Kỵ là người hay nghi ngờ vợ hiền

Kỵ gia lánh cửa mạn đào, làm nghề thuật sĩ đạo lưu nuôi mình (44)

Giải: TVT giải rằng Mệnh có Hóa Kỵ tọa thủ nên tránh việc trai gái, nếu không sẽ mang họa vào thân, nhưng nếu làm nghề phù thủy hay đạo sĩ thì tốt

Khôi, Việt, Xương, Khúc, Lộc Tồn Hình sát (sát tinh) vô xung, đại phú quý (TTL)

Giải: có Khôi Việt Xương Khúc Lộc Tồn hội hợp không gặp sát tinh hay Hóa Kỵ Thiên Hình thì phú quý cực độ

Văn Khúc kị đồng Hóa Kỵ, hạn nan phòng yếu tử chi ưu (24)

Giải: (Văn Khúc và Hóa Kỵ đồng cung thì rất kị, hạn có cách này thì khó thoát chết. Chú ý tuổi Kỵ thì Văn Khúc và Hóa Kỵ luôn luôn đồng cung

Khôi Việt văn khoa (là sao Văn Tinh khoa bảng) ngộ Đà Kỵ thiên vi dật sĩ (19, B67)

Giải: Khôi Việt Đà Kỵ thì tài giỏi nhưng không gặp thời, thường là ẩn sĩ

Dương Đà giáp Kỵ vi bại cực (39, TTL)

Giải: Hóa Kỵ thủ Mệnh lại giáp Kinh Đà, nghĩa là Mệnh có Lộc Tồn Hóa Kỵ thủ đồng cung thì xấu, nghèo túng, khổ sở và hay mắc tai họa, chỉ sớm xa gia đình thì may ra mới được cơm no áo ấm

Thân (cung Thân) nội (có) Tuế phùng Đà Ky mạc đạo phồn hoa (25)  
Giải: cung Thân có Thái Tuế Đà Ky hội hợp thì khó lòng ở chốn phồn hoa. TTV ghi rằng là người quê mùa ngu độn

Lao đao một tối sớm ba, Đại Hao Hóa Ky trùng gia Mệnh vì (5)  
Giải: Mệnh có Đại Hao gặp Hóa Ky đồng cung thì vất vả, khổ cực

Thiên Hình thủ, hôn lại chi nhân, Ky Đà lâm bất nhất khiếm hòa (6)  
Giải: mệnh có Thiên Hình thì là người hung bạo, gặp Ky Đà thì là người hay gây gổ kiếm chuyện đối với người khác

Riêu Đà Ky kế giao, họa vô đơn chí (9, B61)  
Giải: Riêu Đà Ky ở ba cung liên tiếp mà Thân hay Mệnh an ở đó thì tai họa đến liên miên

Hổ Đà Ky Nhật toan tâm, hùm thiêng chó dữ lánh thân mới toàn (8)  
Giải: hạn gặp Hổ Đà Ky Nhật thì đề phòng bị cọp hay chó cắn

Ngán thay Lộc Mã cùng lưu, Dương Đà Ky Nhật mắt đau phải phòng (22)  
Giải: Lưu Lộc Tồn, Lưu Thiên Mã gặp Kinh Đà Hóa Ky Thái Dương thì phải đề phòng bệnh đau mắt

Thân nội Tuế phùng Đà Ky mạc đạo phồn hoa (B69)  
Giải: Thân có Thái Tuế gặp Đà Ky thì không thể sống nơi phồn hoa náo nhiệt.  
NMB giải rằng Thân có Thái Tuế gặp Đà Ky thì là kẻ quê mùa ngu độn  
Thân (cung Thân) nội (có) Tuế phùng Đà Ky mạc đạo phồn hoa (25)  
Giải: cung Thân có Thái Tuế Đà Ky hội hợp thì khó lòng ở chốn phồn hoa. TTV ghi rằng là người quê mùa ngu độn

Tuế Đà Ky Cự vận nghèo, qua sông vượt biển ba đào chẳng yên (34)  
Giải: hạn gặp Tuế Đà Ky Cự thì nghèo túng, bốn ba kiếm sống cũng chẳng đủ ăn lại phải đề phòng về tai nạn sông nước

Thái Tuế Phục Binh Ky (Hóa Ky) xung, cùng người tranh cạnh trong lòng chẳng khuây (35)  
Giải: hạn gặp Tuế Phục Ky thì gặp chuyện bức mình vì cạnh tranh với người

Thiên Không Hóa Kỵ tối kỵ Quan cung, nhi phùng Âm Dương phản bối (hãm địa) công danh văn tuệ tất thành (7)

Giải: Quan Lộc rất kỵ gặp Thiên Không Hóa Kỵ, nếu gặp Nhật Nguyệt hãm địa tọa thủ thì lại thành sáng sủa tốt đẹp nhưng về già mới thành đạt. TVT giải rằng Quan Lộc rất kỵ gặp Thiên Không Hóa Kỵ, nếu an tại Thìn Tuất Sửu Mùi gặp Nhật Nguyệt hãm địa tọa thủ thì lại thành sáng sủa tốt đẹp nhưng về già mới thành đạt

### HÓA KỶ VỚI CÁC CHÍNH TINH

Hóa Kỵ Tí cung Khoa Lương phụ chiếu, đắc quân dân sủng ái (52, TTL)

Giải: Mệnh tại Tí có Hóa Kỵ thủ, Khoa Lương hội chiếu nên được chính quyền và nhân dân quý mến, ngưỡng mộ vì có đức độ

### HÓA KỶ TẠI VÍ TRÍ 12 CUNG

Kỵ ngộ Khoa tinh cư Hợi Tí, ngôn lành, danh thuận (TTL)

Giải: Hóa Kỵ thủ tại Hợi Tí gặp Khoa hội hợp thì là người ngôn ngữ đúng mực, cẩn thận về lời ăn tiếng nói nên được người khác tôn trọng, có danh. TTL ghi là gặp Khoa đồng cung hay xung chiếu

Kỵ Cự (Cự Môn) Mộ cung (Thìn Tuất Sửu Mùi) nhi giao (gặp) Đà (Đà La) Hồ (Bạch Hổ) Mã hạ hành (19)

Giải: Kỵ Cự Môn tại Thìn Tuất Sửu Mùi gặp Đà La Bạch Hổ thì đi đứng dễ phòng tai nạn xe cộ hay bị ác thú cắn

### HÓA KỶ TẠI CÁC CUNG

Hóa Kỵ Điền Tài, phản vi giai luận (38, TTL, B60)

Giải: Hóa Kỵ thường xấu, nếu cư Điền Tài thì phải luận đoán ngược lại nghĩa là Kỵ ở Điền Tài thì tốt, giữ được của)

Mệnh Hóa Kỵ tật (cung tật Ách) Mộc thân (Mộc Dục), âm nang xà thấp một phân chẳng nhâm (45)

Giải: TVT giải rằng Mệnh có Hóa Kỵ, tật có Mộc Dục thì đàn bà bị sa tử cung

Số muộn màng gái trai ôm ấp, vì Kỵ Đà len lõi Tử cung (43)

Giải: Tử Tức có Kỵ Đà thì muộn con

Hóa Kỵ Tật Ách tùy gia, âm hư chứng ấy thật là hiếm con (46)

Giải: Tật Ách có Hóa Kỵ thì khí huyết kém nên hiếm con

Hóa Kỵ ngộ Phục Binh ư Thê Thiếp, hốt oán hốt thân (40)

Giải: Thê Thiếp có Hóa Kỵ gặp Phục Binh thì vợ chồng hay giận hờn, lúc thân lúc oán

Vợ chồng nay hợp mai tan, Kỵ Phục tọa thủ một làng Thê cung (47)

Giải: Thê Thiếp có Hóa Kỵ gặp Phục Binh thì vợ chồng không hòa thuận, lúc đi lúc ở

Vân đầu (ý nói Hóa Kỵ) khởi chương gia Thiên không, sổ tuế hư tư hiền phụ (B83)

Giải: NMB giải rằng có Hóa Kỵ gặp Thiên Không thì nghi ngờ vợ hiền trong nhiều năm

### HÓA KỶ TẠI HẠN

Hạn lành Cự Kỵ hung thần, phải phòng những chốn giang tân mới lành (41)

Giải: Hạn gặp Cự Kỵ thì phải cẩn thận chỗ gần chỗ sông nước e bị chết đuối

Kỵ Đà Thái Tuế Thân cung, khởi nạn nào được thung dung mấy người (43)

Giải: Hạn đến cung Thân gặp Kỵ Đà Thái Tuế thì tai nạn khó tránh khỏi

### ĐẦU QUÂN

#### ĐẦU QUÂN TẠI CÁC CUNG

Đầu (Đầu Quân) cư Thê cung tuy hữu phú nhi cương ngạnh (6, B84)

Giải: cung Thê có Đầu Quân thì lấy vợ hay chồng giàu có nhưng là người cương ngạnh

Đầu Tinh (Đầu Quân) lâm Phu vị, vi nhân tắc cù mộc chi cô (B87)

Giải: cung Phu có Đầu Quân thì là vợ cả nhưng bị cô đơn

Đầu Quân ngộ Tử Tức cung, Địa Không Tật Ách bệnh phùng huyết hư (7)

Giải: Tử Tức có Đầu Quân thì hiếm con. Tật Ách có Địa Không thì có bệnh huyết hư

### QUỐC ÁN

Hình Án lai triều Tướng Binh tọa chiếu ái văn xung võ (9)

Giải: Đây là bộ Binh Hình Tướng Án. Tướng Quân tọa thủ, Phục Binh xung chiếu, Hình Án hội hợp là người văn võ toàn tài thường chuyên về tham mưu hay

quốc phòng nhưng nếu Phục Binh tọa thủ, Tướng xung chiếu thì bị cách Nội Binh Ngoại Tướng không được tốt đẹp

Triệu Tử phù Hán thị ư Hình Quyền Tướng Ân Sửu Mùi (8)

Giải: Triệu Tử Long cung Mệnh Thân an tại Sửu Mùi có Hình Quyền Tướng Ân nên rất tài giỏi đánh đông dẹp Bắc lập nhiều chiến công cho nhà Hán

Hình Ân lai triều Tướng Binh tọa chiếu ái văn xung võ (9)

Giải: Đây là bộ Binh Hình Tướng Ân. Tướng Quân tọa thủ, Phục Binh xung chiếu, Hình Ân hội hợp là người văn võ toàn tài thường chuyên về tham mưu hay quốc phòng nhưng nếu Phục Binh tọa thủ, Tướng xung chiếu thì bị cách Nội Binh Ngoại Tướng không được tốt đẹp

## ĐƯỜNG PHÙ

THIÊN GIẢI, ĐỊA GIẢI, GIẢI THẦN

Đà Kiếp trùng lâm hạnh Thiên Giải nhi khả cứu (36)

Giải: TVT giải rằng hạn có Đà La Địa Kiếp mà gặp Thiên Giải thì giải được

Thiên Nguyệt Đức Giải Thần tàng, cùng là Quan Phúc một làng trừ hung (19)

Giải: Thiên Đức, Nguyệt Đức, Giải Thần, Thiên Quan, Thiên Phúc đều là các sao giải họa

## THƯƠNG SỨ

Thiên Thương hành Thổ

Thiên Sứ hành Thủy

Phu Tử tuyệt lương hạn đáo Thiên Thương chi nội (18)

Giải: Khổng Tử hạn đến cung Nô Bộc gặp Thiên Thương và Đại Tiểu Hao hội hợp nên phải bị đói ở đất Trần Sai

Xương Khúc hãm ư Thiên Thương Nhan Hồi yếu triết (30)

Giải: TVT giải rằng Nhan Hồi Mệnh an tại Dần có Kinh Đà Không Kiếp hội hợp, Mệnh Thân Hạn gặp Xương Khúc Thương Sứ Thất Sát Kinh Đà lưu niên nên phải chết non vì Xương Khúc tối kỵ Kinh Đà Không Kiếp hoặc Thương Sứ có học cũng chẳng thành đạt

Hỏa Tinh Linh Tinh chuyên tác họa, ngộ Kiếp Không Thiên Sứ họa trùng phùng (12)

Giải: Hỏa Linh gặp Kiếp Không Thiên Sứ thì họa đến liên miên

Khoa tối vi kỳ vật, hướng Thiên Thương (tại cung Nô Bộc) nhi ám hối (hãm tối) (8, B82)

Giải: Hóa Khoa là đệ nhất giải thân, tọa thủ tại cung nào cũng rất tốt đẹp nhưng chỉ sợ gặp Thiên Thương ở cung Nô thì lại bị hãm tối

Bệnh Phù Thái Tuế dờ dang, Mệnh an Tứ Mộ Thiên Thương nan lành (23)

Giải: TVt giải rằng Mệnh Thân an tại Thìn Tuất Sửu Mùi có Bệnh Phù Thái Tuế hội hợp thì là người dờ dờ ương ương. Cần xét lại câu phú này

### KIỆP SÁT

Thai phùng Kiếp Sát tu phòng sinh sản (10)

Giải: có Thai gặp Kiếp Sát thì sanh đẻ khó khăn

Thai phùng Sát, Dục (Mộc Dục) tu phòng sản phụ (3)

Giải: TVT giải rằng tại Mệnh, Tật hay Tử Tức có Thai gặp Sát (Kiếp Sát) Mộc Dục thì sanh đẻ khó khăn cần đề phòng

Nữ Mệnh Thai Đào phùng Kiếp (Kiếp Sát) gián đoạn tử cung (tại cung Tử Tức thì hiếm con) (4)

Giải: TVT giải rằng nữ Mệnh có Thai Đào gặp Kiếp Sát thì hiếm con

### THIÊN LA ĐỊA VÕNG

Hạn chí Thiên La Địa Vọng Khuất Nguyên nịch Thủy chi vong (12)

Giải: TVT giải rằng hạn đến cung Thìn Tuất gặp Vũ Khúc Tham Lang hoặc Thái Tuế Tang Hổ Không Kiếp thì sẽ như Khuất Nguyên gieo mình xuống nước mà chết

Xương Khúc Kỵ Tân Nhâm sinh nhân, hạn phùng La Vọng lữ đầu hà (31)

Giải: tuổi Tân hay Nhâm có Xương Khúc Kỵ hội hợp thì đề phòng tai nạn sông nước hoặc đắm đầu xuống sông tự tử

Linh Xương La Vọng hạn chí đầu hà (10)

Giải: hạn gặp Linh Xương ở Thìn Tuất thì nên đề phòng tai nạn sông nước. TVT giải rằng hạn gặp Linh Xương ở Thìn Tuất, người tuổi Nhâm, Tân, Ất nên đề



phòng tai nạn sông nước

Tang Môn thậm khổ ư Thiên La, thung huyền lãnh đạm, Quan Phù tồn kinh ư Địa Võng trất cốc bi sầu (B78)

Giải: Mệnh gặp Tang Môn ở cung Thìn là người sầu khổ, ở nơi huyền não vui vẻ cũng lãnh đạm. Quan Phù ở Tuất rất sợ, ắt có sự buồn phiền về gông cùm

Quan Phù hành Hỏa

Quan Phù tồn kinh ư (rất sợ khi cư ở) Địa Võng trất cốc bi sầu (13)

Giải: Mệnh an tại Tuất có Quan Phù tọa thủ thì có sự buồn rầu về gông cùm

### TUẦN TRIỆT

Tuần Triệt đương đầu, thiếu niên gian khổ (hay tân khổ) (1, B60, B88)

Giải: Mệnh có Tuần Triệt án ngữ thì thuở nhỏ vất vả, lận đận, khổ cực

Tam phương xung sát hạnh Triệt khả bằng, Tứ Chính giao phùng kị Tuần không trực đối (25)

Giải: TVT giải rằng hạn gặp nhiều sao xấu xa từ bên ngoài chiếu vào nhưng tại bản cung có Triệt án ngữ thì sẽ vô hại, nếu bản cung gặp nhiều sao tốt hội chiếu thì rất kị có Tuần án ngữ tại bản cung sẽ cản hết sự tốt đẹp

### TUẦN TRIỆT VỚI PHỤ TINH

Tuần Triệt ngộ Thiên Hình tha hương cách lý (8)

Giải: Thiên Hình bị Triệt Tuần án ngữ thì ly hương

Tuần Triệt bất khả ngộ Lộc Tồn, tư cơ phá hoại (10)

Giải: (Mệnh hay Điền Tài có Lộc Tồn tọa thủ gặp Tuần Triệt thì cơ nghiệp bị tan vỡ)

Tọa Quý Hương Quý chẳng phùng Không xứ, gặp Khoa thời nhất cử thành danh (4)

Giải: Khôi Việt một sao thủ, một chiếu lại gặp Hóa Khoa và không bị Tuần Triệt án ngữ hoặc Thiên Không, Địa Không thì chỉ một lần đi thi đã công thành danh toại

Mệnh Thân dù có lâm Không Kiếp, gia Triệt Tuần chẳng khiếp tai nguy (14)

Giải: Mệnh Thân có Không Kiếp mà gặp Triệt Tuần thì không sợ tai nguy

Khốc Hư ngộ hãm mạc đàm, Quý phùng không xứ ai làm cho nên (7)

Giải: Mệnh có Khốc Hư thì xấu không bàn đến, có Khôi Việt mà gặp Tuần Triệt án ngữ thì chẳng làm được việc gì

Mã bất kiến Không (không gặp Tuần, Triệt, Thiên không, Địa Không) lương gia quân tử (là bậc quân tử con nhà lương thiện gia giáo) (8)

Giải: Thiên Mã không gặp sao Không (Tuần, Triệt, Thiên không, Địa Không) thì là bậc quân tử con nhà lương thiện gia giáo

Mã ngộ không vong chung thân bôn tẩu (5, 11)

Giải: Thiên Mã gặp Tuần hay Triệt án ngữ cả đời long dong nay đây mai đó

Thiên Mã ngộ Tuần không, chung thân bôn tẩu (B68)

Giải: Thiên Mã gặp Tuần án ngữ cả đời long dong nay đây mai đó

Thái Tuế lâm Mệnh cô bản đa hữu thọ, phú quý tắc yếu vong giai do hạn ngộ Lộc hãm Triệt Tuần (32)

Giải: Mệnh có Thái Tuế nếu cô đơn bản cùng thì lại sống lâu. Hạn có Lộc hãm bị Triệt Tuần thì nếu phú quý thì bị chết yếu. TVT giải rằng Mệnh có Thái Tuế Thiên Thọ tọa thủ đồng cung, tài quan Di có Lộc tọa thủ gặp Triệt hay Tuần án ngữ nếu hạn đến cung đó mà phát đạt thì không thọ. Lời giải thích này không đúng

Tuần Triệt bất khả ngộ Lộc Tồn, tư cơ phá hoại (B71)

Giải: Lộc Tồn gặp Tuần hay Triệt thì trở nên xấu, cơ nghiệp bị tan tành

## TUẦN TRIỆT TẠI VỊ TRÍ 12 CUNG

Triệt đáo Kim cung (tại Thân Dậu) Tuần lâm Hỏa địa bất kị sát tinh bại diệu tai ương sở tác (25)

Giải: Triệt tại cung Kim (Thân Dậu), Tuần tại cung Hỏa (tại Thìn Tỵ hay Ngọ Mùi) gặp sát tinh (như Kinh Đà Không Kiếp Hỏa Linh) hay bại tinh (như Song Hao Tang Hồ Khốc Hư) thì không phải lo sợ tai ương họa hại do các sao do gây ra

## TUẦN TRIỆT TẠI CÁC CUNG

Tuần Triệt cư Phụ Mẫu xuất ngoại phương khả thành danh (9, B62)

Giải: Tuần Triệt tại Phụ Mẫu thì sớm xa gia đình xuất ngoại thì sẽ có công danh

Phúc VCD tu cần Không tú, kị ngộ Triệt tinh, nhi phùng Sinh Việt Kỵ Hình vi nhân tiêu trường Hỏa (Hỏa Tinh) Khốc (Thiên Khốc) nhập xâm đồng thiết dị thành chân nghiệp (19)

Giải: TVT giải rằng cung Phúc Vô chính diệu thì rất cần sao Không (Tuần Không) nhưng kỵ gặp sao Triệt, gặp Sinh Việt Kỵ Hình thì là người đồn củi hay buôn bán gỗ, gặp Hỏa Tinh, Thiên Khốc thì làm thợ đúc đồng hoặc buôn bán kim khí rất phát đạt, lập nên cơ nghiệp

Phúc hữu chính tinh kị ngộ Triệt Tuần hoặc gia sát diệu (sát tinh) lai ngộ Lưu (Lưu Hà) Kiếp (Kiếp Sát) Cự Đồng thủy nịch tu oan (chết đuối), Phượng (Phượng Cát) Lương (Thiên Lương) hoan ngộ chung thân du tu hư vô (20)

Giải: cung Phúc có chính tinh thì kỵ gặp Triệt Tuần hoặc sát tinh, gặp Lưu Hà Kiếp Sát Cự Đồng thì chết đuối, gặp Phượng Cát, Thiên Lương hãm địa thì cả đời lang thang nay đây mai đó, làm điều tốt cho người nhưng mình thì vẫn chịu nghèo khổ

Phúc tại Khảm cung (cung Tí) Triệt Tuần Tử Kiếp Đồng (Thiên Đồng) Âm (Thái Âm) xâm nhập hữu học vô lương yếu bản chi cách (21)

Giải: TVT giải rằng cung Phúc tại Tí gặp Triệt Tuần Tử Kiếp Thiên Đồng Thái Âm thì có học nhưng không có lương tâm, nghèo hèn và chết sớm

Phúc tọa Dậu cung Tam Không Đà Triệt Kiếp Kinh Lưu (Lưu Hà) Đào (Đào Hoa) tọa củng (thủ chiếu), tán gia bại sản vong hương hựu phùng Tồn Cự Hình Linh vi nhân khát cái bồn hành (22)

Giải: cung Phúc tại Dậu gặp Tam Không Đà Triệt Kiếp Kinh Lưu Hà, Đào Hoa thủ chiếu thì gia tài của cải bán sạch, ly hương và chết ở xứ ngoài, nếu gặp Cự Hình Linh thì nghèo khổ phải đi ăn xin

Phúc cư Tồn (tại Ty) nhược kiến Triệt cư (tại) Tham Liêm Âm Cự Nam bất thiện nhân, gia hội Đào Hồng Cơ Kỵ Kiếp Riêu độc phụ chi nhân, hạnh phùng Đế diệu (Tử Vi) Dương Cơ Tướng Mã Vũ Quyền Khoa Tuyệt nữ tất vinh phú lợi tử, nam tài văn võ xuất sử danh ba (24)

Giải: cung Phúc tại Ty gặp Triệt Tham Liêm đồng cung hoặc Thái Âm tọa thủ, Cự chiếu thì trong họ đàn ông gian ác bất nhân, nếu gặp Đào Hồng Cơ Kỵ Kiếp Riêu thì đàn bà nham hiểm thâm độc, nếu gặp Tử Vi, Dương Cơ Tướng Mã Vũ Quyền Khoa Tuyệt thì nữ làm lợi cho chồng con, đàn ông thì văn võ song toàn tiếng tăm lừng lẫy

Mệnh Triệt Thân Tuần tu cần vô hữu chính tinh văn niên vạn sự hoan thành khả đãi (3)

Giải: Mệnh Triệt Thân Tuần thì cần phải không có chính tinh (vô chính diệu) thì về già mới được xứng ý toại lòng)

Mệnh Tuần Thân Triệt hoan đắc văn đoàn hữu thủ phú quý danh tài cánh phát chung niên (4)

Giải: Mệnh Tuần Thân Triệt thì cần được các Văn tinh (như Cơ Nguyệt Đồng Lương, Khôi Việt, Xương Khúc hội hợp) thì trung niên trở lên sẽ giàu sang vinh hiển

Tuần Triệt án ngữ Mệnh Điền, tư cơ cha mẹ không truyền đến cho (11)

Giải: Tuần Triệt tại Mệnh hay Điền thì không hưởng di sản của cha mẹ để lại

Cung Huynh Đệ Triệt Tuần xung củng (án ngữ), chim đầu đàn bay bổng xa khơi (12)

Giải: Cung Huynh Đệ có Triệt Tuần thì anh chị trưởng chết non

Tam Không chiếu nội tào cát diệu, lai Dưỡng tinh (sao Dưỡng) có đạo con nuôi (13)

Giải: cung Tử Tức VCD đắc Tam Không thêm cát tinh gặp Dưỡng thì có con nuôi

Tam Không hội Văn Xương ư Thê cung, thiềm cung triết quý (14)

Giải: Phu Thê VCD có Văn Xương tọa thủ, gặp Tam Không hội hợp thì lấy vợ hay chồng là con nhà danh giá

Không phùng Phá (Phá Quân) Tử Phối hao, vợ chồng trắc trở ba tao mới thành (15)

Giải: cung Phu có Phá Quân gặp Không thì phải lấy chồng ba lần mới thành

Triệt Tuần ngộ Mã hành Thê vị, vợ bỏ chồng đào tỵ tha hương (16)

Giải: cung Thê có Thiên Mã gặp Tuần Triệt thì vợ chồng bỏ nhau hoặc phải có lúc xa cách nhau

Triệt Tuần xung khắc chẳng sai, Thiên Hư bất chính cả hai vợ chồng (ở cung Phu Thê) (17)

Giải: Phu Thê có Triệt Tuần thì vợ chồng xung khắc, có Thiên Hư thì vợ chồng

bất chính

#### TUẦN TRIỆT TẠI HẠN

Sát tinh bại diệu Tuần Triệt cư lai bất cập a hành nan phùng tai ách vận lai (26)

Giải: Hạn có Tuần Triệt án ngữ gặp sát tinh (như Kinh Đà Không Kiếp Hỏa Linh) hay bại tinh (như Song Hao Tang Hổ Khốc Hư) thì không phải lo sợ tai ương họa hại do các sao trên mang đến

Mão Thìn ngộ Triệt tảo đường, Ty Ngọ phùng Tuyệt cũng thường ôn bình (18)

Giải: hạn gặp Triệt án ngữ tại Mão Thìn thì có sự lồi thối về bếp núc. Cung Ty Ngọ gặp Tuyệt thì bị ôn bình quấy phá

#### MỆNH VÔ CHÍNH DIỆU VÀ TAM KHÔNG

Mệnh VCD hoan ngộ Tam Không hữu Song Lộc, phú quý khả kỳ (2)

Giải: Mệnh VCD thì cần có Tam Không, nếu có Song Lộc thì hưởng phú quý nhưng không bền

Mệnh VCD đắc Tam Không phú quý khả kỳ (7)

Giải: TVT giải rằng Mệnh không có chính tinh tọa thủ được Địa Không, Tuần Không, Thiên Không thủ chiếu thì được hưởng phú quý

Tam Không độc thủ, phú quý nan toàn (5, B60)

Giải: TVT giải rằng Mệnh VCD có Tam Không thủ chiếu không gặp Tam Hóa hội hợp thì phú quý khó toàn vẹn. NMB không đề cập rằng phải là Mệnh VCD, chỉ ghi rằng Tam Không chiếu thủ thân Mệnh không có Tam Hóa thì phú quý khó toàn

Tam Không độc thủ, Tam Kỳ gia hội, phú quý song toàn (7)

Giải: Mệnh VCD đắc Tam Không gặp Khoa Quyền Lộc hội hợp thì được hưởng phú quý

Tam Không bất kỳ chủ sự vô hữu chính tinh tu hướng, giao phù cát diệu tu phòng Tuần Triệt (7)

Giải: Cung nào VCD tức mờ ám xấu xa nhưng được Tam Không hội hợp thì tốt đẹp, ngược lại nếu cung tam hợp xung chiếu và nhị hợp có nhiều sao sáng sửa tốt đẹp nhưng bản cung bị Tuần Triệt án ngữ thì xấu

Mệnh VCD nhị duyên sinh (19)

Giải: TVT giải rằng Mệnh VCD nhưng được nhiều cát tinh hội hợp thì vẫn được hưởng giàu sang phúc thọ

### THÂN

Thân cư Phúc Đức vô hữu chính tinh tối kỵ Kiếp Kinh Triệt Sát cư xâm, hoan ngộ Đà Không thì vi cứu cánh chi tinh (31)

Giải: Thân cư Phúc Đức VCD tối kỵ Kiếp Kinh Triệt Sát (TVT ghi là Kiếp Sát) (vì Triệt cắt đứt gián đoạn cả trong lẫn ngoài nên bản cung có sao tốt cũng bị Triệt làm giảm tác dụng), nếu gặp Đà La độc thủ hoặc gặp Tuần án ngữ thì lại trở thành hay vì Tuần bao vây ngăn chặn các sao xấu ở ngoài chiếu vào

Thân cư Quan Lộc nhược kiến Triệt Tuần Kiếp Kỵ Nam nhân phong vân vi te, hựu phùng cát diệu vũ lộ thừa an khả đãi trung tuần di hậu (29)

Giải: Thân cư Quan Lộc gặp Triệt Tuần Kiếp Kỵ thì đàn ông suốt đời lận đận không gặp thời, nếu được nhiều cát tinh hội hợp thì ngoài 40 tuổi mới gặp may, hưởng ơn mưa móc

Thân tại Quan cung gia sát diệu Triệt Tuần Nữ Mệnh nan bảo thân danh, gia kiến Bạch Tang cô thân trích ảnh nghi gia văn tuế tất thành (30)

Giải: Thân cư Quan gặp sát tinh, Triệt Tuần thì đàn bà thì tuổi trẻ phải lận đận nghèo túng và không giữ được toan danh tiết, gặp Bạch Hổ, Tang Môn thì phải góa hoặc cô đơn nhưng về già thì được may mắn yên ổn

Thân tại Di cung, Triệt Tuần xâm nhập văn tuế hồi hương phương túc cát, kiêm kiến sát tinh ư nghiệp viên thành ư ngoại xứ (27)

Giải: Thân cư Thiên Di gặp Tuần Triệt án ngữ khi già nên về quê hương bản quán sẽ gặp nhiều may mắn, nếu có nhiều sát tinh hội hợp thì ngược lại sẽ lập sự nghiệp nơi xứ người

Thân cư Thê vị Triệt Tuần lai xâm thiêu niên ái lệ nãi thất tình, gia lâm cát tú lương duyên mãn kiếp dữ phụ nhân (28)

Giải: Thân cư Thê gặp Tuần Triệt thì tuổi trẻ phải đau đớn vì tình cảm nhưng nếu gặp nhiều cát tinh thì về già nên tìm người cung hoàn cảnh ngang trái như mình để kết hôn thì hợp sống lâu bền

### HẠN

Mệnh hảo bất như vận hảo, Thân hung bất nhược hạn hung (B65)

Giải: Mệnh tốt không bằng hạn tốt, Thân hung không bằng hạn hung

Hạn ngộ Đại Tiểu trùng phùng, Cát thì thịnh vượng, Hung thì truân chuyên (20)  
Giải: Đại Tiểu hạn trùng phùng, nếu tốt thì tăng tốt, xấu thì càng xấu thêm

Hạn phùng hung diệu liễu lục đào hồng nhi dị tạ (2)  
Giải: Cung Mệnh tuy xấu nhưng được hạn tốt vẫn phát đạt nhưng nếu hạn lại xấu ví như cây liễu đào bị thổi gốc tối hung

Mệnh hảo, Thân hảo, Hạn hảo đáo lão vinh xương. Mệnh suy, Thân suy, Hạn suy chung thân khát cái (11)

Vận suy hạn nhược nộn thảo tao sương (14)  
Giải: Đại hạn 10 năm xấu mà Tiểu hạn cũng xấu thì như cỏ non gặp sương muối nên rất mờ ám xấu xa nếu không được sao giải thì sẽ chết

Mệnh thực vận kiên cao điền đắc vũ (15)  
Giải: Mệnh tốt vận tốt ví như ruộng lúa gặp mưa thuận gió hòa

Phàm toán lai Mệnh thế tu soát thọ bản chi cách. Phàm chiếu vận hạn tu phòng Lục sát lai xâm (16)  
Giải: Khi xem lá số thì cần xem xét sự giàu nghèo thọ yếu trước. Khi xem vận hạn thì phải coi có bị Lục sát (Kình Đà Không Kiếp Hỏa Linh) xâm nhập hay không

## MỆNH THÂN

Mệnh lâm nhược địa hữu phùng Kỵ Không Kiếp Kình Đà gia Hỏa Linh nhược phi yếu tắc bản tiện lục súc chi nhân bất khả bằng (27)  
Giải: Mệnh có Suy, Bệnh, Tử hay Tuyệt hoặc an tại cung khắc Mệnh lại gặp Hóa Kỵ và Lục Sát tinh nếu không chết non thì là người bản tiện hoặc hạng lục súc đê hèn

Thân Mệnh câu cát, phú quý song toàn (3)  
Giải: Mệnh tốt Thân tốt thì suốt đời an nhàn sung sướng và được hưởng giàu sang vinh hiển

Thân cát Mệnh hung diệc vi mỹ luận (4)  
Giải: Mệnh xấu nhưng Thân tốt thì cũng luận đoán là tốt, cũng chẳng đáng lo ngại vì Thân tốt thì hậu vận về sau tốt đẹp, về già sung sướng



Mệnh nhược Thân cường tài nguyên bất tụ (5)

Giải: Mệnh có nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hội hợp, nhưng Thân lại có nhiều sao sáng sủa tốt đẹp hơn hội hợp thì suốt đời được sung túc nhưng không thể giàu có lớn được vì hay tán tài

Tâm hảo Mệnh hảo diệc chủ thọ, tâm độc Mệnh bạch diệc yếu vong (6)

Giải: người có tâm địa tốt cung Mệnh cung tốt thì hưởng phúc sống lâu. Người có tâm địa độc ác, cung Mệnh lại xấu thì sẽ yếu tử, nhưng nếu biết tu nhân tích đức thì cũng chẳng lo gì

Tam giáp Mệnh hung, lục giáp cát

Giải: giáp Kinh Đà, Không Kiếp, Hỏa Linh thì hung, giáp Tử Phủ, Tả Hữu, Xương Khúc, Khôi Việt, Khoa Quyền, Khoa Lộc, Quyền Lộc thì tốt

Mệnh Không Thân Kiếp lai hội Song Hao ư nhân Mệnh VCD thiếu học đa thành, mạc ngộ Phúc (Thiên Đồng) Âm (Thiên Lương) Hao Tinh (Phá Quân) Thân Mệnh niên thọ nan cầu vượng hưởng (18)

Giải: Mệnh Không Thân Kiếp nếu VCD gặp Song Hao thì học ít nhưng hiểu nhiều, về sau sẽ hiển đạt, nếu gặp Thiên Đồng, Thiên Lương, Phá Quân thì chết yếu và không hưởng được sự giàu sang phúc thọ

Mệnh Kiếp Thân không nhi giao Hồng Nhậm (gặp Hồng Loan và Kinh Dương) ư tuế Mệnh lạc chính tinh tiền đồ đa khổ (tiền vận vất vả) nhi hữu Âm Dương Đế diệu Mệnh Thân (nhưng nếu được Nhật Nguyệt hay Tử Phủ hội hợp), chung niên phúc hoạnh sinh tài (20)

Giải: Mệnh Kiếp Thân không gặp Hồng Loan và Kinh Dương, nếu Mệnh có chính tinh thì tiền vận vất vả, nhưng nếu được Nhật Nguyệt hay Tử Phủ hội hợp thì suốt đời được hưởng phúc giàu sang hơn người

## LINH TINH

Cát tinh đắc địa phát dĩ tầm thường, lai nhập Văn Tinh liền chiếm khôi khoa (28)

Giải: Mệnh có cát tinh thì phát từ từ, gặp nhiều Văn Tinh đắc cách thì thi đỗ đạt liên tiếp. TVT ghi rằng Mệnh có Cơ Nguyệt Đồng Lương đắc địa hội hợp thì phát chậm, nhưng gặp nhiều Văn Tinh đắc cách thì thi đỗ đạt liên tiếp

Hung Tinh đắc địa phát dã như lôi. Cát tinh miếu vượng tầm thường sự nghiệp

(B65)

Giải: Hung Tinh đắc địa thì phát mạnh như sấm sét. Cát tinh miếu vượng thì phát thường thường, từ từ mà lên

Phu Quân ký liệt nhân cung Thân Mệnh hạn ngôn hảo địa (9)

Giải: TVT ghi rằng cung Phu Quân xấu xa mờ ám mà cung Mệnh Thân tốt đẹp cũng không bàn tới vì nữ số cần nhất là cung Phu

Âm Dương đôi ngã cho minh, Âm cư Âm vị, Dương hành Dương cung (10)

Giải: tuổi Dương Mệnh an tại cung Dương, tuổi Âm Mệnh an tại cung Âm thì tốt, thuận lý, độ số gia tăng

Thân Mệnh định yếu tinh cầu khủng tu phần số (12)

Giải: Cần xem cung có hợp với Thân và Mệnh không, có gặp Sinh vượng hay gặp Tử Tuyệt

Âm gốc duyên niên tăng bạch Phúc chi ư hãm địa bất tao thương (13)

Giải: nếu hạn ở Phúc Đức thì tuy gặp hạn xấu cũng bớt xấu đi một phần

Phú thọ quý vinh yếu bản ai khô do ư Phúc Trạch cát hung (18)

Giải: Giàu nghèo thọ yếu sang hèn vinh nhục là do cung Phúc Đức và Điền Trạch xấu hay tốt

Nạp âm mộ khô khán hà cung (20)

Giải: xét tương quan sinh khắc giữa cung an Mệnh với Bản Mệnh

Sinh phùng bại địa phát dã hư hoa (21)

Giải: Mệnh an tại bại địa ví như cánh hoa sớm nở tối tàn, có phát thì cũng không bền

Tuyệt xứ phùng sinh hoa nhi bất bại ((22)

Giải: Mệnh an tại Tuyệt Địa ví như cánh hoa mong manh, nhưng nếu được chính diệu tọa thủ sinh được cho bản Mệnh thì cũng không phải lo ngại, ví như hoa tuy mong manh nhưng không tàn tạ

Quý ngộ Quý hương phùng chi quý thịnh (B78)

Giải: quý tinh như Khôi Việt cư Quan Lộc là quý, rất thịnh bền

Tài cư Tài vị, ngộ giả phú xa (B76)

Giải: tài tinh cư cung tài thì rất giàu có (ví dụ như Phủ Vũ miếu vượng cư Tài  
Điền thì rất giàu có)

Tứ Sát ẩn tàng ư vượng địa (B64)

Giải: Tứ Sát (theo NMB thì là Không Kiếp Kinh Đà) khi ở nơi vượng địa thì yên  
ổn, không phá